HUYNH NHU PHƯƠNG

Cầm Lấy và Đọc



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Ký họa: HOÀNG TƯỜNG

HUỲNH NHƯ PHƯƠNG

Sinh năm 1955 tại Mộ Đức, Quảng Ngãi. Hiện sống và dạy học tại TP. Hồ Chí Minh.

Sách đã xuất bản:

- Dẫn vào tác phẩm văn chương (1986)
- Những trang viết, những nhịp cầu (đồng tác giả với Nguyễn Hương Tâm, 1986)
- Những tín hiệu mới (1994)
- Mỹ học đại cương (đồng tác giả với Lê Ngọc Trà và Lâm Vinh, 1994)
- Lý luận văn học – vấn đề và suy nghĩ (đồng tác giả với Nguyễn Văn Hạnh, 1995)
- Danh lam nước Việt (đồng tác giả với Võ Văn Tường, 1995)
- Ngôi nhà và con người (2006)
- Trường phái Hình thức Nga (2007)
- Những nguồn cảm hứng trong văn học (2008)
- Lý luận văn học - nhập môn (2010)
- Bây giờ mà có về quê… (2011)
- Les Espaces verts de Saigon (Traduit du vietnamien par Nicole Louis-Hénard et Phan Thanh-Thủy, 2016)

Hãy cầm lấy *và* đọc

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN
ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Hãy cầm lấy và đọc / Huỳnh Như Phương. - T.P. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp T.P. Hồ Chí Minh, 2016

344 tr. ; 21 cm

ISBN 978-604-58-4965-1

1. Đọc. 2. Sách và đọc sách. I. Ts. II. Ts: Hãy cầm lấy & đọc.

1. Reading. 2. Books and reading

028.9 -- ddc 23

H987-P58

HUỲNH NHƯ PHƯƠNG

Hãy cầm lấy và đọc



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mục lục

Sách và người

Lời nói đầu

Những bài viết tập hợp trong cuốn sách này, trực tiếp hay gián tiếp, đều có liên quan đến vấn đề văn hóa đọc và đã được công bố trên các báo *Nhân Dân, Sài Gòn Giải Phóng, Sài Gòn Giải Phóng Thứ Bảy, Tuổi Trẻ, Tuổi Trẻ Cuối Tuần, Thanh Niên, Người Lao Động, Phụ Nữ, Pháp Luật, Nhà Văn, Quán Văn, Văn Nghệ, Văn Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Lý luận - phê bình văn học nghệ thuật, Sài Gòn Tiếp Thị, Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần*... Khi đưa vào sách, chúng tôi có lược bỏ một số đoạn trùng lặp và một vài số liệu đã mất thời gian tính.

Cuốn sách gồm hai phần. Phần đầu dành cho những bài viết bàn về việc đọc sách cùng một số hiện tượng của xuất bản và tiếp nhận văn học. Phần sau là những bài viết về một số tác giả, tác

phẩm văn học hiện đại mà người viết có cơ may tiếp xúc. Nhằm phục vụ kịp thời cho báo chí, những bài viết trong tập này thường có tính chất giới thiệu, điểm sách nên không tránh khỏi hạn chế, mong bạn đọc lượng thứ. Chúng tôi chỉ hy vọng cuốn sách ghi nhận và làm chứng cho một vài phương diện của đời sống văn hóa, văn học những năm gần đây.

Nhân dịp cuốn sách được xuất bản, cho phép tôi gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban biên tập các báo nói trên. Xin đặc biệt cảm ơn nhà báo Trần Trọng Thức đã tạo điều kiện cho tôi cộng tác với trang *Văn hóa đọc* của Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần* trong gần hai năm ròng. Xin cảm ơn Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức ấn hành cuốn sách này để kịp ra mắt vào dịp Hội Sách lần thứ chín năm nay.

Thành phố Hồ Chí Minh,
tháng Giêng 2016

HUỲNH NHƯ PHƯƠNG

Hãy cầm lấy và đọc



Hãy cầm lấy và đọc

Tương truyền rằng hồi còn trẻ, một lần Saint Augustine ngồi cô đơn và tĩnh lặng trong vườn, vẳng nghe bên tai giọng nói thầm thì của một em bé: "Hãy cầm lấy và đọc!" (Tolle et lege!). Câu nói ấy lặp đi lặp lại như một điệp khúc. Từ hôm đó, được thúc đẩy bởi một sứ mệnh có tính chất mặc khải, ông đi sâu nghiên cứu Kinh thánh, triết học, thần học và trở thành nhà tư tưởng hàng đầu của thời Trung đại.

Vượt qua tính chất huyền bí của câu chuyện ấy, *Tolle et lege* trở thành lời mời gọi trân trọng người ta đọc một cuốn sách. "Hãy cầm lấy và đọc" có thể xem là một thông điệp: hãy tiếp xúc trực tiếp với một cuốn sách, hãy tự trải nghiệm mà không bước qua một trung gian nào. Cùng với thức ăn để duy

trì sự sống của cơ thể, con người còn cần thức ăn nuôi dưỡng cho tinh thần. Đọc là một cách nạp năng lượng cho sự sống tinh thần. Người tuyệt thực, không ăn uống, có thể chết. Người không đọc, không xem, không nghe cũng có thể "chết", cái chết dần dần, êm ái, không dễ nhận ra.

"Em hãy cầm lấy và đọc", đó là lời nói tin cậy của thầy giáo khi trao cho học trò một cuốn sách quý. "Con hãy cầm lấy và đọc", đó là câu nói thân thương của người cha, người mẹ khi đưa cho con món quà ý nghĩa nhất. "Bạn hãy cầm lấy và đọc", đó là lời sẻ chia của một người bạn muốn giới thiệu cho ta một cuốn sách hay.

Không phủ nhận vai trò ngày càng tăng của các phương tiện nghe nhìn trong thế giới hiện đại, chúng ta vẫn thấy rằng đọc là một nhu cầu không thể thiếu của con người. Con chữ trên trang sách hàm chứa văn hóa của một dân tộc, mang hồn thiêng của đất nước. Chữ kích thích trí tưởng tượng của người đọc, không bị cố định hóa trong một khuôn khổ, hình thể nào. Chữ gợi lên những tư duy hồi đáp, hô ứng hay phản biện. Chữ là cầu nối những thế hệ cách xa nhau trong lịch sử, những không gian văn hóa khác nhau, những tấm lòng chưa thông hiểu nhau, thậm chí còn nghi kỵ nhau.

Trang giấy và chữ in có sức hấp dẫn và sự kỳ diệu của nó. Chỉ là giấy và mực mà nó chứa đựng cả thế giới, phơi bày những bí ẩn của thiên nhiên, vũ trụ, xã hội và con người. Đọc sách là đọc thế giới và đọc cả tâm hồn con người. Đọc sách là đọc tha nhân và đọc chính bản thân ta. Nhờ đọc sách mà ta hiểu đời, hiểu người và hiểu chính mình.

Có những cuốn sách khiến ta thất vọng, hụt hẫng. Nhưng không ít cuốn sách làm ta hạnh phúc, hồi hộp và mê đắm. Đọc một quyển sách hay như bị cuốn vào một nỗi say mê, một niềm khoái cảm. Hành động đọc là cả một cuộc khám phá và chinh phục. Một nền giáo dục mà không khuyến khích và kích thích công chúng đọc sách là một nền giáo dục phiến diện, có thể sản sinh ra những con người nông cạn về tinh thần, "những con người một chiều kích" như Herbert Marcuse đã nói.

Thời nay, với sự xuất hiện của internet và sách điện tử, cách đọc cũng đa dạng: đọc không chỉ là nhìn vào trang giấy và chữ in mà còn là nhìn vào màn hình chiếu sáng. Đó là thành tựu của văn minh nhân loại. Câu nói "hãy cầm lấy và đọc" có thể chỉ còn ý nghĩa tượng trưng, thay vào đó là "hãy nhìn vào mà đọc"... Dẫu bằng cách nào, điều quan trọng là trí tuệ và tâm tư ta gắn liền với ngôn ngữ, nhờ tiếng nói và chữ viết (cả sách nói và sách chữ nổi dành cho người khiếm thị) mà đánh thức những giá trị tinh thần.

Lâu nay chúng ta thường được nghe báo động về sự sa sút của văn hóa đọc. Giải quyết tình trạng này, cần phải tính đến cả hai phương diện: chủ thể đọc và đối tượng đọc, nghĩa là phải có người ham đọc và có sách hay để đọc, hai điều này tác động qua lại với nhau. Nếu chỉ có những cuốn sách dở thì hiển nhiên người đọc sẽ hờ hững. Ngược lại, nếu người đọc không được chuẩn bị nền tảng văn hóa cần thiết thì dù sách hay bao nhiêu vẫn là vô ích.

Xưa Mạnh Tử nói: "Tận tín ư Thư bất như vô Thư" (Tin hoàn toàn vào Kinh Thư thì thà đừng có Kinh Thư còn hơn). Đọc sách có thể đứng trước cơ hội hoặc nguy cơ, bởi vì đọc là một thử thách của trí tuệ. Để không bị mù quáng vì sách, chỉ có cách đọc trong sự chọn lựa, cân nhắc và phê phán. Đọc nhiều xu hướng, nhiều quan niệm khác nhau, để so sánh, đối chứng và phá vỡ sự cực đoan. Đọc để tiêu hóa kiến thức, sáng tạo và đưa Chân lý, điều Thiện, cái Đẹp đi vào cuộc đời.

Sách sinh ra không phải để được trưng bày, khoe của hay làm dáng. Sách cũng không nên trở thành một cổ vật rêu phong. Sách là để "lần giở trước đèn".

Tolle et lege. Xin hãy cầm lấy và đọc.

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần*,
ngày 12-8-2011

Có chăng nghệ thuật đọc sách?

Giữa thời buổi sa sút của văn hóa đọc mà nói chuyện nghệ thuật đọc sách, có lãng mạn và phù phiếm quá không?

Dù sao, có nghệ thuật giải phẫu, nghệ thuật hùng biện, nghệ thuật cắm hoa... thì cũng có nghệ thuật đọc sách, hiểu như cách thức để tiếp cận và thu hoạch hiệu quả nhất những gì là tinh hoa mà cuốn sách đem lại cho ta. Mortimer J. Adler đã viết cả một công trình nói về đọc sách như một nghệ thuật (*How to read a book*). Trong phê bình văn học cũng có một phương pháp quan trọng gọi là "đọc kỹ" (Close Reading), hướng dẫn người đọc tập trung vào một văn bản, với những bước đi cụ thể, để tìm ra mối quan hệ giữa cấu trúc ngôn ngữ và cấu trúc ý nghĩa.

Với những nho sĩ thời xưa, đọc sách, bình văn nhiều khi là chuyện thiêng liêng, người ta chuẩn bị không gian và tâm thế thanh tịnh để thưởng ngoạn một cuốn sách: một căn phòng thanh vắng, một lư trầm, y phục tề chỉnh.

Trong thời đại công nghiệp và hậu công nghiệp ngày nay, sách cũng như một món hàng, thậm chí là thức ăn nhanh, người ta tranh thủ những phút rảnh rỗi hiếm hoi trên tàu xe, trong phòng đợi nhà ga, đọc để giải khuây, để giết thì giờ. Những người làm sách đã tìm các hình thức thuận lợi cho công chúng: sách khổ bỏ túi, sách truyện tranh có nhịp độ nhanh, sách ghi âm để mở nghe như nghe nhạc trên đường lái xe hơi đến sở làm.

Việc đọc sách là thói quen của từng người, không ai giống ai. Có những người kỹ tính giữ gìn cẩn trọng từng cuốn sách, không làm nhàu nát, không dám viết hay ghi "nốt" gì trong sách, đánh dấu trang sách đọc dở bằng tấm thẻ nhỏ chứ không dám gập nếp góc trang giấy làm đau sách. Lại có những người cho rằng giá trị của sách là ở tinh thần của nó chứ không phải dáng vẻ bề ngoài, nên mình là chủ thì có toàn quyền sử dụng: thoải mái gạch dưới những câu văn cần chú ý, ghi bên lề những dấu hỏi, dấu than, những lời nhận xét, bình phẩm... Chúng ta có thể học hỏi được rất

nhiều từ những "ghi chú bên lề" đó trong tủ sách mà các danh nhân để lại.

Cả cuộc đời không thể nhớ mình đã đọc bao nhiêu cuốn sách, đã gặp bao nhiêu ý tưởng độc đáo, bao nhiêu bài học sâu sắc mà rồi thời gian đã đưa vào quên lãng. Ý thức điều đó, nhiều người, dù không phải là nhà nghiên cứu, luôn chuẩn bị sẵn một cuốn sổ tay ghi lại những đoạn văn hay, được sắp xếp theo chủ đề, kèm theo xuất xứ. Năm mười năm sau, giở ra đọc lại, thấy càng thú vị, hay trái lại, ngạc nhiên sao hồi trước mình lại khoái cái ý tưởng vớ vẩn này...

Cách ngồi đọc sách cũng tùy vào loại sách và mục đích của việc đọc. Đọc sách khoa học kỹ thuật, triết học... với mục đích nghiên cứu thì phải ngồi vào bàn nghiêm túc, tập trung tư tưởng, đôi khi phải đứng dậy đi đi lại lại ngẫm nghĩ để tiêu hóa một ý tưởng, một luận điểm. Tương truyền rằng tấm thảm trong phòng làm việc của Karl Marx in hằn dấu chân ông. Còn đọc thơ, đọc truyện để giải trí thì tha hồ thoải mái: đọc khi nằm đợi giấc ngủ, lúc đi du lịch, trong buổi họp nhàm chán, khi chờ khám bệnh hay xin giấy tờ...

Nghệ thuật đọc sách chung quy là nghệ thuật sử dụng thời gian, thời gian học tập hay thời gian giải trí. Đọc là cách nối dài sự hiện hữu của mình.

Sách cũng như bạn, có bạn nghề nghiệp, có bạn tâm giao, có bạn để tán dóc... Mình chọn bạn mà chơi và tùy theo bạn mà biết cách chơi. Không nên ép đọc sách theo một kiểu nào, một khuôn khổ nào. Lâm Ngữ Đường khuyên ta: Lúc nào thấy thích đọc thì mở sách ra mà đọc. Nói theo một truyện ngắn trào phúng của Aziz Nesin, nếu cứ chờ đến khi không có ruồi bay, thì sẽ chẳng bao giờ làm được việc gì cả.

Quan niệm và thị hiếu của người đọc dẫn đến cách chọn sách và đọc sách. Không phải ngẫu nhiên mà khi được hỏi tại sao ông không thèm ghé mắt đến cuốn sách mọi người đang đổ xô tìm đọc, một nhà văn trả lời: Tôi không đọc nó vì tôi biết cuộc đời ngắn lắm! Nói cho cùng, nghệ thuật đọc sách cũng thể hiện nghệ thuật sống. Sống cho ra sống và sống một cách thoải mái, tự do, không gò bó, không chạy theo những gì giả tạo ở ngoài bản thân mình.

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần*,
ngày 9-9-2011

Một tượng đài của văn hóa đọc

Năm 1980, khi nhà văn Nguyễn Hiến Lê quyết định chuyển về ẩn dật ở Long Xuyên, có lẽ ông chưa thể hình dung rằng không đầy mười năm sau, sách của ông sẽ được in lại trang trọng và xuất hiện trên các quầy sách trong một thị trường văn học rất kén chọn độc giả. Lúc đó, nhìn dáng ông thong dong và lặng lẽ lui vào ngõ vắng, hẳn không ít người nghĩ rằng, cùng với sự rút lui của tác giả, những cuốn sách của ông cũng đã qua cái thời của nó.

Còn nhớ, số báo cuối cùng của tạp chí *Bách Khoa* ra ngày 19-4-1975 đã đăng những bài kỷ niệm cuốn sách thứ 100 của Nguyễn Hiến Lê, đánh dấu kỳ tích của một người lao động sáng tạo và học thuật. Vốn là một kỹ sư công chánh từ miền

Bắc vào lập nghiệp ở miền Nam, từ năm 1952 ông mới định cư hẳn ở Sài Gòn và tập trung cho nghề văn. Nếu tính từ khi cuốn sách đầu tiên được in vào năm 1949, trong vòng ba mươi năm, ông đã miệt mài và nghiêm cẩn sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn, dịch thuật, trước tác để cống hiến cho đời những cuốn sách thuộc nhiều thể loại khác nhau: sách học làm người, gương danh nhân, giáo dục, chính trị, ngữ pháp, ký sự, tiểu thuyết, kinh nghiệm viết văn..., đặc biệt là những công trình biên khảo công phu và đồ sộ về triết học.

Hồi ký của Nguyễn Hiến Lê ghi lại tinh thần làm việc say mê và tính kỷ luật của ông: mỗi ngày, ông dành thời gian để sắp xếp tài liệu, ghi chép, suy nghĩ trước khi ngồi vào bàn viết. Ông có thói quen viết vào buổi sáng và buổi chiều, còn buổi tối dành để đọc sách báo. Trung bình mỗi năm ông in ba cuốn sách, tổng cộng khoảng 900 trang. Có người kêu: thời gian ở đâu mà ông viết được nhiều vậy? Ông bảo: có gì đâu mà nhiều, tình bình quân mỗi ngày chỉ viết có ba trang chứ mấy! Viết văn, nhiều người cứ ngồi chờ cảm hứng đến. Với những người như ông thì muốn có cảm hứng, phải ngồi vào bàn và cầm bút viết ra giấy. Kiên trì, nhẫn nại, toàn tâm toàn ý, Nguyễn Hiến Lê xây dựng sự nghiệp mình như vậy. Thật là đáng trọng một nghị lực, một tính cách, một nhân cách: hơn hai

mươi năm ở Sài Gòn ông chỉ đi ăn đám cưới bốn, năm lần; ông từ chối lời mời dạy học ở Trường Đại học Văn khoa Sài Gòn vì sợ thì giờ bị phân tán; hai lần ông lịch sự mà kiên quyết không nhận giải thưởng văn học nghệ thuật để giữ trọn sĩ khí của một nhà văn hóa độc lập với chính quyền.

Những người viết sách ngày nay học được rất nhiều ở Nguyễn Hiến Lê về đạo đức nghề nghiệp và lương tri của người trí thức. Sách của ông không tránh khỏi những thiếu sót nhất định do hạn chế lịch sử, nhưng ông không bao giờ viết điều gì trái với lương tâm, để mười năm, hai mươi năm sau phải hổ thẹn khi đọc lại. Ông luôn luôn đúng hẹn với các nhà xuất bản, cố gắng giao nộp bản thảo trong dạng thức hoàn chỉnh với tất cả khả năng của mình, không để sót những lỗi kỹ thuật vì vô ý. Mỗi lần sách được tái bản, ông đều xem lại, sửa chữa và bổ sung. Ông cẩn trọng đến mức, hồi dịch *Chiến tranh và hòa bình,* do tình hình chiến sự, ông đã chép tay trên giấy than thành ba bản: một đưa cho nhà xuất bản Lá Bối, một cất ở nhà và một gửi về quê, phòng bị thất lạc. Một trong những cuốn sách cuối cùng của ông lấy nhan đề là *Để tôi đọc lại*: đó là những bài viết đã công bố trên báo nhưng ông chưa muốn đưa vào sách mà cẩn trọng để có thêm thời gian đọc lại và suy nghĩ.

Những doanh nhân làm sách ngày nay còn có thể học ở Nguyễn Hiến Lê một tấm gương về tinh thần tự lực tự cường. Để không bị các nhà phát hành bóc lột, để góp phần làm giảm giá thành của sách, ông đã lập nhà xuất bản mang tên mình, tìm cách phân phối sách cho các đại lý và hàng tháng đi xe ôm thu hồi tiền bán sách. Sách của nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê, tuy hoạt động dưới thời "thực dân mới", nhưng cuốn nào cũng mang đậm tinh thần dân tộc, không hề có những nhan đề giật gân, câu khách và những hình bìa diêm dúa như một số cuốn sách bây giờ.

Một điều nữa góp phần khẳng định Nguyễn Hiến Lê như một tượng đài của văn hóa đọc, đó là ông đã thể hiện tấm gương tự học để trở thành nhà văn hóa ở đỉnh cao. Ở Sài Gòn thời đó, ông thường xuyên nhận được những cuốn sách mới nhập về từ Âu Mỹ, ông nắm bắt thông tin về khoa học, tư tưởng trên thế giới một cách nhạy bén, kịp thời; nhưng ông không vồ vập mà cân nhắc, chọn lọc để giới thiệu cái gì có ích cho dân tộc mình. Chưa thấy ai chê ông là người nệ cổ; cũng chưa thấy ai trách ông là người sùng ngoại, xu thời.

Nguyễn Hiến Lê từng nói, để viết ra được một cuốn sách, cần phải đọc thật nhiều sách; viết là một cách học tập, học tập để mà viết. Muốn có gì để nói với mọi người, thì trước hết mình phải nạp

năng lượng tri thức và tiêu hóa năng lượng. Nhờ thế, những hạt giống được gieo trong sách mới nẩy mầm và đơm hoa kết trái.

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần,*
ngày 23-9-2011

Khi nhà giáo viết sách

Nhà giáo có thể viết nhiều loại sách: sáng tác, sưu tầm, biên khảo, dịch thuật...; ở đây chỉ xin nói về các loại sách sử dụng trong nhà trường: sách giáo khoa, giáo trình, chuyên luận, tài liệu tham khảo...

Trước hết, nói về các nhà giáo ở trung học. Sách giáo khoa hiện nay thường được xem là "pháp lệnh", mặc dù báo chí đã chỉ ra không biết bao nhiêu lỗi. Là "pháp lệnh", nên không phải ai cũng có thể tham gia biên soạn. Nhiều nước trên thế giới áp dụng một chương trình giáo dục thống nhất, còn sách giáo khoa thì có thể có nhiều bộ khác nhau, phát huy năng lực sáng tạo của nhiều soạn giả hay tập thể soạn giả, để cho các trường, các thầy cô giáo có khả năng chọn lựa bộ sách

hay nhất mà dạy cho học sinh. Ngay ở miền Nam trước đây, cả khoa học xã hội và khoa học tự nhiên đều có nhiều bộ sách giáo khoa, và dư luận đều biết bộ nào thực sự có uy tín. Sau 1975, một thời ở nước ta có hai bộ sách giáo khoa dùng cho hai miền, sau hợp nhất thành một bộ, còn bây giờ thì trở lại hai bộ: một dành cho chuyên ban, một dành cho ban cơ bản; nhưng tuyệt đại đa số học sinh học ban cơ bản, vì vậy mà bộ sách thứ hai này giữ vai trò áp đảo.

Biên soạn sách giáo khoa là một vinh dự và trách nhiệm lớn lao như vậy nên chỉ những nhà giáo tiếng tăm, có trình độ cao mới được chọn lựa. Đã từng có chuyện eo sèo về việc tranh giành để có chỗ đứng trong ban biên soạn hay tìm cách hạ uy tín đồng nghiệp là tác giả bộ sách đối trọng với mình. Điều đáng phiền nhất là vì cần những người thông thái và nổi tiếng nên hầu hết soạn giả sách giáo khoa trung học lại là những giáo sư và giảng viên đại học, thậm chí trong đó có nhiều vị chưa dạy trung học ngày nào. Hậu quả là kiến thức trong sách thì rất cao sâu nhưng lại không hợp với tâm lý tiếp nhận của học sinh, dẫn đến tình trạng quá tải trong dạy và học - như xã hội báo động mấy năm gần đây.

Trước tình hình đó, đóng góp của các thầy giáo có kinh nghiệm trực tiếp dạy học về mặt này

chỉ có thể là trên lĩnh vực viết sách tham khảo, hướng dẫn luyện thi tú tài và đại học. Không thể phủ nhận rằng có những bộ sách tham khảo, bồi dưỡng văn hóa... có ích cho học sinh; nhưng nhìn chung đây là thị trường sách hỗn loạn nhất hiện nay. Dường như là một quy luật có tính bù trừ: khi có sự siết lại trong xuất bản sách giáo khoa chính phẩm thì đồng thời lại có sự bung ra thoải mái cho các sách phụ trợ, thứ phẩm.

So với các nhà giáo trung học, việc viết sách của các nhà giáo đại học vốn gắn với chuyên môn hẹp nên sự cạnh tranh không khốc liệt bằng. Số lượng in và nhuận bút đều thấp, trong khi tài liệu tham khảo nước ngoài phải mua giá cao là những lý do không khuyến khích nhà giáo đại học viết sách. Một thực trạng dễ cắt nghĩa là hiện nay đại đa số giảng viên đại học sẵn sàng nhận nhiều giờ dạy cho các trường khác nhau để tăng thu nhập mà không mấy hăng hái nhận các đề tài nghiên cứu, biên soạn. Đó là chưa kể một thực trạng khác: có những đề tài hay chương trình nghiên cứu được cấp kinh phí khá lớn, nhưng sau khi nghiệm thu thì đưa vào cất kỹ trong ngăn kéo mà không hề được công bố thành sách.

Việc biên soạn sách ở đại học còn gặp một vấn nạn nan giải, đó là tình trạng vi phạm bản quyền. Thỉnh thoảng báo chí đưa tin nơi này nơi khác

có hiện tượng "luộc" giáo trình, nhưng đây chỉ là một khía cạnh của vấn đề. Việc đáng kêu cứu hơn nữa là nạn photocopy thả dàn các giáo trình, chuyên khảo, tài liệu tham khảo trong sinh viên. Chỉ cần dạo qua những con phố hoạt động chính của các cửa hiệu photocopy gần các trường đại học, thì có thể thấy hàng ngàn cuốn sách được "nhân bản" sẵn sàng cung cấp cho người có nhu cầu. Trong việc này, cả người bán lẫn người mua đều xem là chuyện bình thường trong việc "ăn cướp cơm chim", bóc lột sức lao động, tâm huyết và mồ hôi nước mắt của một trong những lớp người khó khăn nhất hiện nay là nhà giáo. Ngay giáo án, giáo trình điện tử là một sáng kiến nhằm cải tiến chất lượng đào tạo hiện nay cũng có thể có tác dụng ngược đến động cơ sáng tạo của nhà giáo: một giáo án hay giáo trình vừa được trường đại học này đưa lên mạng để sinh viên tham khảo, thì tháng sau đã thấy bị "xào nấu" và "tái chế" thành công trình đứng tên một tác giả của trường đại học khác dưới hình thức "lưu hành nội bộ". Tình hình đó thúc đẩy sáng kiến về việc thành lập một tổ chức để bảo vệ tác quyền của loại sách này, tuy công chúng vẫn tỏ ra hoài nghi về hiệu quả của các biện pháp, khi mà guồng máy xã hội vẫn tỏ ra dửng dưng và bất lực với tệ nạn sao chép và vi phạm bản quyền tràn lan.

Nghĩ đi nghĩ lại thì thấy nhà giáo chân chính quả là chịu thiệt thòi đủ kiểu, đủ đường.

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần*,
ngày 18-11-2011

Những lời đề tặng

Một số nhà văn, soạn giả, sau khi viết xong một cuốn sách, thường ghi lên trang đầu lời đề tặng một người thân thiết nào đó. Có thể là *"Tưởng niệm song thân"*, *"Kính dâng hương hồn Mẹ"*, *"Kính tặng Thầy"*, *"Thương yêu dành cho vợ và các con"*... Những dòng chữ đó nói lên tình nghĩa của người viết sách, sau khi công trình hoàn thành, bày tỏ lòng biết ơn với những người đã khích lệ, giúp đỡ mình trong những ngày hoài thai và sinh nở ra tác phẩm.

Trong giới văn chương, các nhà thơ thường ghi lời đề tặng bạn văn cùng chí hướng dưới nhan đề bài thơ ưng ý và phù hợp với sở thích của người được tặng. Chẳng hạn, đọc những tập thơ lãng mạn trước 1945, ta thấy Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận đều có thơ tặng Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Tú Mỡ, Đoàn Phú Tứ, Nguyễn

Gia Trí, Nguyễn Đỗ Cung, Nguyễn Lương Ngọc... Lịch sử có chuyện oái oăm là nhiều khi người được ghi tặng hay chính tác giả vướng vào một vấn đề chính trị hay văn chương nào đó, thì cũng gây phiền hà cho người liên hệ. Vậy nên có tác giả không ngần ngại, khi tái bản, xóa bỏ lời đề tặng đó, dẫu biết như thế là một cách ứng xử chẳng đẹp đẽ tí nào. Một số sách báo, kể cả sách giáo khoa, sau này in lại những bài thơ đó mà tự tiện bỏ đi lời đề tặng cũng là không đúng.

Đó là những lời đề tặng được lưu bằng mực in hẳn hoi. Còn những lời đề tặng ghi bằng bút mực cũng có nhiều điều tế nhị. Tiếng Việt mình có những cách diễn tả tình cảm khác nhau nên sách in ra rồi, giờ chỉ việc ký tặng mà cũng phải đắn đo. Bình thường thì ghi *"Thân tặng..."*, *"Kính tặng..."* hay chỉ *"Tặng..."* không thôi, tức là ở mức độ trung tính. Tình cảm sâu xa hơn thì *"Kính mến tặng..."*, *"Thân ái tặng..."*, *"Thân quý tặng..."*, *"Quý mến tặng..."*. Nhưng sự phân biệt này cũng dễ gây ra phiền phức, nếu do một tình cờ nào đó mà người trong cuộc có thể so bì: người kia thì "thân quý" còn ta thì chỉ được tặng không thôi, chẳng phải quý thân gì! Thành ra những người có kinh nghiệm cứ ghi chung nhất: *"Bản (dành) tặng..."* để khỏi phải nghĩ ngợi nhiều mà vẫn là trân trọng. Đối với những quan hệ đặc biệt thì còn

thòng thêm *"để kỷ niệm những ngày..."*, *"với lòng biết ơn chân thành"*, *"với lời chúc tốt đẹp nhất"*...

Chưa hết. Trong thời buổi sính bằng cấp, chức quyền, cái danh xưng khi đề tặng cũng là điều phải cân nhắc. Tôi biết có những vị thích ghi tên mình kèm với đầy đủ chức danh, học vị. Lại có người tặng sách quá mức cẩn thận đến nổi ghi thêm vào sau tên người được tặng nào là chức danh giám đốc, hiệu trưởng, trưởng khoa, thậm chí là nguyên giám đốc, nguyên viện trưởng...

Ngay việc ký tặng chỗ nào cũng thành chuyện. Thường thì các tác giả có thói quen ghi tặng ngay ở trang giấy trắng đầu tiên, tức là trang 1, trong khi một số người khác ghi ở trên trang bìa lót, tức là trang 3, tuy có hơi chật chội. Tại sao? Có người trả lời, nếu không ký tặng trên trang bìa lót mà trên trang giấy trắng thì dễ có trường hợp người được tặng vô ơn sẽ xé trang đó mà cuốn sách như vẫn còn nguyên, để "chuyển quyền sử dụng" cho một người thứ ba hay bán lại cho cửa hàng sách cũ lấy mấy đồng uống cà-phê. Bản thân tôi thuộc nhóm người thứ nhất, chẳng bao giờ lo xa đến vậy, vì nghĩ rằng sách mình đã cho rồi thì thuộc quyền của người được tặng, thích thì họ giữ, không thích thì họ cho hay bán lại để người cần sử dụng. Thà là vậy mà cuốn sách vẫn còn có ích

với đời hơn là bị xé trụi lủi bán ký cho bà mua ve chai, chỉ tổ tủi thân.

Nói đâu xa, trong tủ sách nhà tôi vẫn có nhiều cuốn sách quý mua được ở hiệu sách cũ còn nguyên lời đề tặng của các văn sĩ, nhạc sĩ... mà người bán đã không kịp xé đi. Do hoàn cảnh nào đó, cuốn sách đã lưu lạc giang hồ qua tay người khác cũng là chuyện bình thường. Giả sử tác giả có gặp lại cũng đừng lấy đó làm điều buồn phiền. Biết đâu vì sách hay quá mà có người "cầm nhầm". Cũng có thể trong những tháng năm đói kém, loạn lạc, chính chủ nhân phải hy sinh tủ sách để có tiền mua sữa cho con. Nghĩ vậy, chỉ càng thấy thương mà không thể phiền trách.

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần,*
ngày 13-1-2012

Phê bình sách và sách phê bình

Trong nền kinh tế thị trường, sách cũng là một loại hàng hóa - người kỹ tính có thể nói thêm, là "hàng hóa đặc biệt" để nhấn mạnh giá trị tinh thần, chức năng giáo dục của nó. Dẫu sao, cũng đã qua cái thời sách xuất bản mà không cần tính đến nhu cầu và sức mua của độc giả, có thể in ra hàng vạn cuốn phân phối về các thư viện để rồi nằm im trên các giá sách.

Là hàng hóa thì việc sản xuất và lưu thông phải theo quy luật cung cầu và phải bảo đảm chất lượng. Hàng hóa kém chất lượng, nhưng quảng cáo "nổ" hay tiếp thị khéo léo cũng có thể đánh lừa người tiêu dùng một thời gian nhất định. Một xã hội có tổ chức cần có cơ chế để bảo vệ người tiêu dùng thông qua cơ quan kiểm tra chất lượng

sản phẩm, dù đó là thực phẩm, dược phẩm, hàng công nghệ, sản phẩm du lịch hay giải trí. Đối với sách, phê bình là một phương diện của hoạt động kiểm định chất lượng, tuy không dễ dàng như kiểm định những loại hàng hóa khác.

Khó khăn của phê bình sách trước hết là về tiêu chí. Ngạn ngữ phương Tây có câu: "Không ai tranh cãi về thị hiếu", vì thị hiếu là sở thích của cá nhân. Thật khó mà ép những thị hiếu khác nhau cùng thừa nhận những tiêu chí chung về sách hay, nhất là sáng tác nghệ thuật. Người viết sách thuyết phục bạn đọc về nội dung mà mình trình bày; người phê bình sách cũng thuyết phục bạn đọc về lý lẽ mà mình đưa ra để khen ngợi hay chỉ trích một cuốn sách. Tiến trình phát triển của văn hóa đọc sẽ góp phần thiết lập một hệ quy chiếu về giá trị, từ đó hình thành nên "chân trời chờ đợi" của công chúng đối với những sản phẩm tinh thần. Và khi môi trường xã hội, văn hóa, thẩm mỹ thay đổi, "chân trời" đó cũng sẽ thay đổi theo.

Khó khăn tiếp theo của phê bình sách là sự đa dạng của các đề tài, kiến thức, thể loại... đòi hỏi người phê bình phải am hiểu chuyên môn, chứ không thể nhận xét, bình phẩm chỉ theo cảm tính. Người làm "nghề đọc sách" chuyên nghiệp không thể nào bao quát hết mọi lĩnh vực. "Phê bình quần chúng" được ghi nhận thông qua những ý kiến

kịp thời là cần thiết, nhưng để đánh giá toàn diện một cuốn sách nhất thiết phải có sự đầu tư nghiên cứu, suy ngẫm, so sánh và định vị cuốn sách trong bối cảnh lịch sử của nó. Những phát biểu chủ quan, thiên kiến dẫn đến quy kết vội vàng một cuốn sách là mối nguy của đời sống văn hóa.

"Nghệ thuật thì khó, phê bình thì dễ", câu nói đó chỉ đúng với loại phê bình tùy tiện, nông cạn và thô lậu. Viết phê bình cũng là một lao động gian khổ chẳng kém gì sáng tác, nó đòi hỏi những phương pháp, kỹ năng và thao tác có hiệu quả. Sách phê bình còn lại với thời gian cũng hiếm như sách sáng tác. Bởi phê bình là khoa học và nghệ thuật phán đoán về những tính chất, giá trị, ưu điểm và nhược điểm của những tác phẩm, công trình. Nếu tác giả đem hết tài năng, tâm huyết của mình để khám phá Chân lý, ngợi ca điều Thiện và cái Đẹp; thì nhà phê bình cũng đem hết kiến văn, bản lĩnh của mình để khẳng định những giá trị khoa học và thẩm mỹ.

Sự phát triển của văn hóa, giáo dục, khoa học và nghệ thuật đặt ra yêu cầu cấp bách về việc phân tích, nhận định và đánh giá những thành tựu mới trên các lĩnh vực ấy. Ở nước ta, công việc này hiện nay còn để nhiều khoảng trống. Những người viết phê bình sách ngày càng thưa thớt

và nhiều năm gần đây hầu như không có những cuốn sách phê bình gây tiếng vang.

Số phận của phê bình có quan hệ với số phận của những quyển sách được phê bình. Khẳng định những tác phẩm dở, những công trình kém chất lượng sẽ dẫn đến việc hoài nghi chính sứ mạng và sự trung thực của phê bình. Ngược lại, sự dè bỉu, thậm chí vùi dập những tác phẩm hay, những công trình giá trị cũng vi phạm đến lương tri và đạo đức của người phê bình. Phê bình cần phải tỉnh táo và giữ một thế đứng độc lập nhất định với đối tượng để vững vàng trong sự xác tín của mình. Phê bình là nhịp cầu nối liền tác giả với bạn đọc, nhưng không phải là công việc khua chuông đánh trống để tiếp thị sách mới.

Để góp phần nâng cao chất lượng xuất bản sách, các tờ báo hiện nay đều có trang "Văn hóa - nghệ thuật", "Thế giới sách", "Văn nghệ cuối tuần"... Đất cho phê bình không quá thiếu; nhưng nếu để ý sẽ thấy các báo, trong từng thời điểm, thường dồn sự quan tâm cho một hiện tượng "ăn khách" nào đó theo kiểu hiệu ứng dây chuyền. Những người làm văn nghệ âm thầm lâu năm, ít có quan hệ rộng rãi, thường nằm ngoài sự chú ý của các báo. Đặc biệt, những người hoạt động văn nghệ trẻ vẫn còn chịu sự lạnh nhạt của các

phương tiện truyền thông đại chúng, nhất là khi họ không có những chuyên viên PR đỡ đầu.

Có lẽ những người có trách nhiệm với ngành xuất bản hiện nay nên nghĩ đến đề án thành lập một tờ *Tin Sách* ra hàng tháng. Công chúng cần được thông tin kịp thời và chính xác về những sản phẩm văn hóa vừa được phát hành. Chưa nói đến những bình luận, đánh giá sâu sắc, chỉ riêng việc thông tin đầy đủ và khách quan cũng góp phần vào việc định hướng dư luận, giúp cho bạn đọc chọn được những món ăn tinh thần bổ ích. Những tiếng nói trên tờ báo đó sẽ là ý kiến ban đầu bình phẩm về những cuốn sách mới, như nhận xét của người nếm trước các món ăn vừa bày ra trên bữa tiệc. Ngoài ra, tờ *Tin Sách* có thể tăng nguồn thu bằng cách nhận quảng cáo cho các xuất bản phẩm. Trước 1975, ở Sài Gòn dân số không bằng một phần ba bây giờ nhưng đã từng ra đời một tờ *Tin Sách*. Cách đây khoảng 20 năm, một tờ *Thế Giới Sách* in đẹp, dày dặn, đã xuất bản nhưng không tồn tại được lâu. Liệu bây giờ Hội Xuất bản hay Tổng Công ty Phát hành sách có thể xin phép ra một tờ nguyệt san in giấy thường, giản dị, không cần quá mỹ thuật, nhưng có nhiều thông tin như vậy, hay không?

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần*,
ngày 21-10-2011

sách cho thiếu nhi

Có lẽ một trong những nỗi lo lớn nhất về đời sống tinh thần hiện nay là sự nghèo nàn trong hưởng thụ văn hóa của lứa tuổi thiếu niên và nhi đồng. Một mặt, chương trình học tập ở nhà trường quá nặng nề, lấy mất hết thì giờ giải trí, thư giãn của các em, kể cả trong mùa hè. Mặt khác, ngay cả khi tìm được thời gian để hưởng thụ văn hóa, thì các em cũng không có nhiều phương tiện để chọn lựa: sân khấu, rạp chiếu phim cho các em quá ít, hồ bơi quá tải, sân vận động không đủ chỗ phải đá bóng ngoài đường, công viên để sinh hoạt tập thể ngày càng thu hẹp...

Trong hoàn cảnh như vậy, đối với nhiều phụ huynh, đọc sách là giải pháp hợp lý nhất để giúp các em sử dụng thời gian nhàn rỗi. Cuối tuần cha mẹ thường dẫn con đến hiệu sách tìm tác phẩm hay. Dịp nghỉ Tết hay nghỉ hè, phần

thưởng quen thuộc nhất của nhà trường, gia đình cho các em là những cuốn sách mới. Cứ nhìn vào sức hút của bộ truyện tranh *Doraemon*, bộ truyện *Harry Potter* trước đây hay những tác phẩm mới của Nguyễn Nhật Ánh gần đây thì đủ biết sự khao khát sách nơi thiếu nhi - mặc dù có bị lấn át bởi phim vidéo và các trò chơi điện tử, vẫn còn lớn biết nhường nào!

Trước tình hình đó, phải nói là người lớn sẽ không chu toàn trách nhiệm nếu không chăm lo bồi dưỡng văn hóa đọc cho thế hệ thiếu nhi. Đội ngũ nhà văn viết cho thiếu nhi ngày càng thưa vắng, không biết bao giờ mới xuất hiện những cây bút thay chỗ cho những tài năng đã ra đi: Đoàn Giỏi, Xuân Sách, Xuân Quỳnh, Trần Thanh Địch, Trần Hoài Dương, Minh Quân... Số lượng bản in sách dành cho thiếu nhi ở nước ta có lẽ thuộc loại thấp so với các nước châu Á. Điều đó cũng dễ giải thích, vì với dân số phát triển như hiện nay, số nhà xuất bản chuyên làm sách cho thiếu nhi quả là quá ít: trên thực tế chỉ có hai đơn vị là Nhà xuất bản Kim Đồng và Nhà xuất bản Trẻ. Riêng Nhà xuất bản Trẻ thì việc làm sách thiếu nhi chỉ là một phần chức năng vốn tiếp quản từ Nhà xuất bản Măng Non trước đây.

Ý thức được nhu cầu ngày càng lớn về sách thiếu nhi, một số đơn vị đang tìm cách bổ sung

nguồn sách này cho xã hội. Các nhà xuất bản ở trung ương và địa phương, khi có những bản thảo giá trị, vào hàng "kinh điển" của văn học thiếu nhi (như của Hans Christian Andersen, Selma Lagerlöf, Anatole France, Alphonse Daudet, Saint-Exupéry, Samuil Marshak, Tô Hoài...) vẫn sẵn sàng đầu tư để phục vụ bạn đọc. Gần đây một số tác phẩm trong tủ sách *Tuổi Hoa* trước 1975, được sự hỗ trợ của Nhà xuất bản Phương Đông, đã được tái bản. Dù sao, đây cũng chỉ là hoạt động có quy mô nhỏ và không thường xuyên nên chưa có tác dụng mạnh mẽ đến thị trường sách thiếu nhi.

Những nỗ lực gần đây của Nhà xuất bản Trẻ, chi nhánh Nhà xuất bản Kim Đồng, Công ty Phan Thị... trong việc tổ chức các tủ sách cho thiếu nhi là điều rất đáng hoan nghênh và cần được nhân rộng. Tuy nhiên, ở một thành phố chín triệu dân như Thành phố Hồ Chí Minh mà không có một nhà xuất bản riêng cho thiếu nhi là một thiệt thòi. Thể hiện sự quan tâm đến thiếu niên nhi đồng, xin đề nghị Nhà xuất bản Trẻ tiếp tục chức năng làm sách cho đối tượng thiếu nhi, đồng thời tái lập Nhà xuất bản Măng Non hay thành lập thêm một nhà xuất bản chuyên phục vụ đối tượng này.

Luật xuất bản của ta hiện nay chưa cho phép thành lập nhà xuất bản tư nhân. Điều đó có cái lợi

là Nhà nước dễ quản lý nhưng cũng hạn chế sự cạnh tranh trong việc tạo ra những sản phẩm văn hóa phục vụ cho công chúng. Thiết nghĩ, chăm lo đến giáo dục thiếu nhi, cần phải tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sự hình thành một thị trường sách thiếu nhi đa dạng, lành mạnh và có giá thành hợp lý. Vì vậy, chúng tôi mạnh dạn đề nghị Quốc hội và Chính phủ cho phép thành lập nhà xuất bản tư nhân về sách thiếu nhi. Những nhà xuất bản này sẽ lo tổ chức bản thảo, biên tập, đăng ký, xét duyệt và xuất bản sách dành riêng cho bạn đọc thiếu nhi gồm các thể loại khác nhau: sách giáo dục lẽ sống và kỹ năng sống, sách phổ biến tri thức khoa học, sáng tác văn học nghệ thuật... So với sách dành cho người lớn, sách thiếu nhi ít có nội dung chính trị trực tiếp và những vấn đề "nhạy cảm" nên việc biên tập chắc cũng không phức tạp lắm. Bộ Thông tin và Truyền thông, thông qua Cục Xuất bản, giữ vai trò chỉ đạo, quản lý và định hướng trong việc cấp phép thành lập cho những người có uy tín và trách nhiệm giữ cương vị giám đốc hay tổng biên tập, xét duyệt những đầu sách có giá trị và kiểm tra sản phẩm sau khi nộp lưu chiểu. Luật pháp sẽ áp dụng biện pháp chế tài đối với những trường hợp vi phạm.

Chúng tôi hiểu việc cho phép thành lập nhà xuất bản tư nhân phục vụ thiếu nhi, hiện chịu

sự điều chỉnh của luật xuất bản, là việc chưa có tiền lệ. Nhưng trước yêu cầu của cuộc sống, vì tương lai của thế hệ trẻ, Nhà nước có thể áp dụng thí điểm để rút kinh nghiệm. Chúng tôi tin chắc rằng, nếu được cho phép, nhiều nhà văn hóa có kinh nghiệm, nhiều doanh nhân có tâm huyết sẵn sàng tham gia vào lĩnh vực này để tiếp sức với những nhà xuất bản đang có, làm phong phú món ăn tinh thần của độc giả thiếu nhi.

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần,*
ngày 4-11-2011

Tuyển tập và toàn tập

Khi đến một độ tuổi nào đó với những tác phẩm, công trình vào độ chín, một số nhà văn, học giả bắt đầu nghĩ đến việc làm tuyển tập cho mình. *Tuyển tập* (Oeuvres choisies/Selected works) là công trình tuyển chọn những tác phẩm tiêu biểu nhất của một tác giả, cho thấy những thành tựu và đóng góp nổi bật của người đó trong đời sống văn chương, văn hóa, khoa học... Tuyển tập có thể do tác giả tự chọn hay do một chuyên gia am hiểu về tác giả chọn lựa, nhưng thường được sự đồng ý của tác giả nếu người này còn sống.

Như vậy tuyển tập là phần tinh hoa và điển hình nhất trong sáng tác hay trước tác của người viết, nó cho thấy con đường văn chương hay khoa học mà người ấy đã trải qua, tuy rằng có thể còn

một số phương diện nào đó của phong cách hay cá tính sáng tạo chưa được bộc lộ hết. Ngoài ra, còn có những tuyển tập chọn theo đề tài (thơ tình, truyện ngắn viết về thiếu nhi...), theo đội ngũ nhà văn (tác phẩm các nhà văn trẻ, các nhà văn nữ...), theo trào lưu văn học (văn xuôi lãng mạn, văn xuôi hậu hiện đại...). Tỉ lệ chọn lọc càng chặt chẽ thì chất lượng tuyển tập càng cao.

Tuy nhiên, cũng có một số trường hợp tác giả "chín ép", làm tuyển tập vội vàng, sự chọn lựa chiếm đến 80 - 90 phần trăm tác phẩm của người ấy khiến cho công trình đó chẳng ra tuyển tập mà cũng chẳng ra toàn tập. Thực tế là tác giả cố tình giấu đi một số tác phẩm kém chất lượng của mình, còn thì theo thói quen thường tình - xem văn mình là hay nhất, nên đã giữ lại hầu hết những gì đã viết, đã soạn để cho "tuyển tập" có vẻ dày dặn.

Có quy mô lớn hơn tuyển tập là *toàn tập* (Oeuvres complètes/Complete works), hiểu như tập hợp toàn bộ tác phẩm hay công trình của một tác gia, được sưu tầm và biên soạn đầy đủ, cho phép hình dung trọn vẹn sự nghiệp và chân dung tinh thần của tác gia đó. Những tác giả "bậc trung" mà làm tuyển tập thì có lẽ công chúng cũng chấp nhận; nhưng đã làm toàn tập thì phải là những tác gia lớn, có vị trí đặc biệt. Khác với tuyển tập,

toàn tập bao giờ cũng được thực hiện khi tác giả đã qua đời để có thể "cái quan định luận". Ở đây, công trình đòi hỏi sự chính xác và nghiêm cẩn khi sưu tầm, tập hợp, ghi chú về niên biểu, xuất xứ, dị bản...

Trong hoàn cảnh liên tiếp xảy ra chiến tranh, thiên tai và những biến cố chính trị khắc nghiệt như ở nước ta, việc làm toàn tập - và cả tuyển tập - gặp rất nhiều khó khăn. Làm thế nào để tái hiện và phục hiện đầy đủ, xác thực những gì mà các nhà văn, các nhân vật lịch sử đã viết ra trong những tình thế giới hạn của họ, khi mà thời gian đã vùi lấp những tư liệu gốc, khi mà bản thân tác giả, để tự bảo toàn, phải ẩn mình sau những "mặt nạ" là các bút danh khác nhau? Đó là chưa kể những áp lực của hiện tại nhiều khi bắt buộc người làm toàn tập phải che giấu bớt "mặt trái của tấm huân chương", nhân danh những lý do rất phải đạo.

Không khó tìm ra dẫn chứng về những thiếu sót về mặt khoa học khi làm toàn tập. Chẳng hạn, sau khi *Toàn tập Vũ Trọng Phụng* được xuất bản một thời gian không lâu, một nhà nghiên cứu người Mỹ là Peter Zinoman đã tìm được thêm khá nhiều truyện ngắn và bài báo của nhà văn bị bỏ sót. Điều xót xa là ngoài những tác phẩm tìm được trong thư viện và kho lưu trữ ở nước ngoài

mà các nhà nghiên cứu Việt Nam khó có điều kiện để tiếp cận, còn có những tư liệu ngủ quên nhiều năm trong Thư viện Quốc gia ngay giữa lòng Hà Nội mà học giới trong nước không hề đụng tới. Kết quả là có hai cuốn sách của Vũ Trọng Phụng ra đời sau khi *Toàn tập* xuất hiện: *Vẽ nhọ bôi hề* và *Chống nạng lên đường*.

Chính vì vậy, những người đứng ra làm tuyển tập hay toàn tập cho một tác gia phải có trình độ chuyên môn cao, có sự nhạy bén, tinh thần trách nhiệm và lao động nghiêm túc. Ở Nga trước đây, tham gia làm toàn tập cho những tác gia cổ điển như Alexander Pushkin, Lev Tolstoi, Mikhail Lermontov, Anton Tshekhov... là những nhà nghiên cứu bậc thầy như V. Shklovski, B. Eikhenbaum, B. Tomashevski... Ở nước ta, những nhà chuyên môn giàu tâm huyết làm việc nhẫn nại như thế ngày càng hiếm hoi. Không phải ngẫu nhiên mà Giải thưởng Phan Châu Trinh năm 2011 đã vinh danh nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân về những công trình văn bản học có giá trị của ông liên quan đến tác phẩm của Phan Khôi, Lưu Trọng Lư, Vũ Trọng Phụng...

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần*,
ngày 10-2-2012

sách và giáo dục

Sách có quan hệ mật thiết như thế nào với nền giáo dục của nước nhà, điều đó có lẽ không cần phải chứng minh nhiều. Ở phương Đông, *Tứ thư, Ngũ kinh* là nền tảng tư tưởng của giáo dục các nước Đông Á trong một thời kỳ dài. Ở phương Tây, sách của các nhà Khai sáng Voltaire, Diderot, J.-J. Rousseau, Montesquieu... đã chuẩn bị tinh thần cho Cách mạng Pháp 1789. Ở Việt Nam, tân thư của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu được Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Lương Văn Can, Nguyễn Thượng Hiền... quảng bá và trở thành nguồn động lực cho công cuộc hiện đại hóa văn học, giáo dục đầu thế kỷ 20.

Trong những giai đoạn khủng hoảng của xã hội hay những bước ngoặt lịch sử, những cuốn sách giá trị xuất hiện đúng lúc có thể làm thay đổi vận mệnh đất nước, trở thành kim chỉ nam cho

hành động của một dân tộc. Trong đêm đen của chủ nghĩa ngu dân, thay vì ngồi trong bóng tối để nguyền rủa bóng tối, người ta cố gắng thắp lên một ngọn đèn, một ngọn nến, thậm chí một que diêm từ những trang sách để đưa ánh sáng vào mắt nhân dân. Không hiếm thí dụ cho thấy một cuốn sách tốt có thể là cái phao cứu sinh cho con người trong vực thẳm của tuyệt vọng.

Trước tình trạng sa sút của đạo đức, phong hóa, các bậc thức giả tâm huyết đều gửi gắm trong những cuốn sách nỗi ưu tư về sứ mệnh của giáo dục. Thời chiến tranh ở miền Nam, ranh giới mỏng manh giữa sống và chết không làm người ta quên đi ranh giới giữa học làm người với học làm quan và học làm giàu. Kim Định bàn về hiến chương giáo dục, muốn lấy triết lý Việt Nho làm định hướng cho nhà trường. Nguyễn Văn Trung phê phán gay gắt nền giáo dục đại học ngay từ trong lòng nó. Lý Chánh Trung thao thức về văn hóa dân tộc, trăn trở về sự phân hóa giai cấp thông qua việc thụ hưởng giáo dục. Vương Pển Liêm bàn về giáo dục cộng đồng và vấn đề đào tạo giáo chức nông thôn. Lê Thanh Hoàng Dân giới thiệu lý thuyết mới về tâm lý giáo dục. Nhất Hạnh, Mai Tâm tâm tình với tuổi trẻ về lý tưởng và tương lai của đất nước, con người. Từ *Câu chuyện thầy trò*, Huỳnh Phan phác họa chân dung nhà giáo và

suy nghĩ về con đường của giáo dục hậu chiến... Trong sách của các vị đó chắc có những điều đã bị vượt qua nhưng đồng thời cũng chứa đựng nhiều bài học bổ ích cho giáo dục ngày nay.

Sau chiến tranh, lẽ ra đất nước phải dồn tâm huyết và tinh lực cho việc chuyển đổi mô hình giáo dục thời chiến sang mô hình giáo dục thời bình, nhưng việc này đã tiến hành quá chậm trễ. Nhiều vấn nạn giáo dục không được giải quyết kịp thời cho thấy một sự lúng túng trong điều hành và quản lý. Những lý thuyết gia giáo dục không tìm được tiếng nói chung với nhau cũng như tiếng nói chung với người quản trị; nhiều người trong số họ không có điều kiện thực tế để triển khai những ý tưởng mà họ nung nấu. Cuối cùng cái mà họ để lại không phải là những mô hình giáo dục được thực tiễn kiểm nghiệm mà là những cuốn sách gợi mở cho những suy nghĩ. Là những người tâm huyết, Hoàng Tụy, Hồ Ngọc Đại, Phạm Phụ... có những cách nhìn và cách kiến giải về giáo dục khác nhau, nhưng điểm chung nhất là những kiến nghị của họ đều không hòa nhập được với sự vận hành của giáo dục đang đi theo những quy luật nghiệt ngã và khó hiểu của nó.

Hình như có một tác dụng hai chiều đối với những công trình bàn về giáo dục: một mặt, cuộc sống thì thúc bách người trí thức suy nghĩ và bàn

luận về chấn hưng giáo dục; mặt khác, những suy nghĩ và bàn luận đó được những người có trách nhiệm đón nhận khá hờ hững nên cuối cùng chỉ nằm im trên giấy. Không phải ngẫu nhiên mà ở cuộc hội thảo về "Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học" do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức ngày 13-4-2012, giáo sư Nguyễn Ngọc Giao, Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, đã giới thiệu hai cuốn sách của tập thể tác giả bàn về giáo dục do Nhà xuất bản Tri Thức ấn hành: *Những vấn đề giáo dục hiện nay - quan điểm và giải pháp* (2007); *Kỷ yếu Đại học Humboldt 200 năm (1810 - 2010): Kinh nghiệm thế giới và Việt Nam* (2011). Theo ông, những người quan tâm đến vận mệnh giáo dục, nhất là những người đang lãnh đạo và quản trị giáo dục, nên tìm đọc những cuốn sách này để xem các giải pháp được đề xuất trong đó có thể vận dụng vào việc đổi mới giáo dục hay không.

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần*,
ngày 18-5-2012

Khám phá người đọc

Từ khi sáng tác văn học được lưu giữ bằng chữ viết, người đọc đã xuất hiện. Vậy mà khoa lý luận, phê bình văn học hiện đại lại cho rằng vào nửa cuối thế kỷ 20 người đọc mới thực sự được khám phá. Sở dĩ nói như vậy là vì trước đây người đọc vẫn hiện hữu, nhưng chỉ được nhìn nhận một cách thụ động như là đối tượng để văn học chỉ giáo, chẳng khác nào trang giấy trắng chờ được viết lên những bài học.

Như một sự bừng tỉnh, dưới ánh sáng của lý thuyết tiếp nhận, khoa nghiên cứu văn học phát hiện rằng người đọc không đơn thuần là người cảm thụ, thưởng thức mà còn là nhân tố tích cực làm chuyển biến đời sống văn học. Người đọc là chủ thể phát huy vai trò năng động không chỉ trong quá trình tiếp nhận tác phẩm mà cả trong quá trình sáng tác. Hiện diện thầm lặng mà liên tục, người đọc chi phối cả công việc của nhà văn,

người biên tập, nhà phê bình, cơ quan quản lý, xuất bản và phát hành sách.

Đọc văn là một cách thế để con người mở rộng chiều kích tồn tại của mình, sống thêm nhiều cuộc đời khác, thông qua những mối tương giao tinh thần với nhân loại. Đọc tác phẩm là mở tâm hồn mình ra, là nỗ lực khắc phục nỗi cô đơn, là bộc lộ nhu cầu được giao tiếp, trao đổi, giãi bày và thông cảm với tha nhân. Văn học là nhịp cầu cho sự giao lưu đó, là cánh cửa của đối thoại. Vì vậy, về bản chất, văn học đích thực mâu thuẫn với sự phong bế, đóng kín và những rào cản.

Đồng thời, đọc tác phẩm cũng là công việc mang tính sáng tạo và điều này phụ thuộc vào môi trường lịch sử, xã hội cũng như tâm thế của người đọc khi tiếp xúc với tác phẩm. Ngay ở một con người, sự tiếp nhận một tác phẩm cũng thay đổi từ tuổi thơ, tuổi trẻ đến tuổi già, tùy vào tình cảm, kinh nghiệm sống, sự lịch lãm... Đọc là góp phần sản sinh ra ý nghĩa của tác phẩm. Và mỗi lần đọc là một lần khám phá ra thế giới nghệ thuật ở chiều sâu như nguồn nước không ngưng tuôn trào của nó. Đó thực chất là một cuộc đối thoại giữa lịch sử và hiện đại, giữa thế hệ hôm qua và hôm nay, giữa một nền văn hóa này với một nền văn hóa khác.

Người đọc có vai trò quan trọng đối với đời sống tinh thần của xã hội, nên xét trên phạm vi cả nền văn học, vừa có thể nói "văn học nào, người đọc ấy"; lại vừa có thể nói "người đọc nào, văn học ấy". Vì người đọc có thị hiếu tầm thường nên có văn học tầm thường. Vì người đọc khắt khe, nghiệt ngã, nên có văn chương quanh co, nói bóng nói gió. Và dĩ nhiên, khi người đọc bao dung, cởi mở, đồng cảm thì sẽ có văn học phóng khoáng, tự do...

Lịch sử văn học từng chứng kiến những trường hợp tác phẩm bị lãng quên trong quá khứ, nằm im dưới lớp bụi thời gian, một ngày nào đó bỗng có cơ duyên được người đọc của một thời đại sau phát hiện, đánh thức dậy, lau lại lớp bụi mờ và làm rực sáng lên ý nghĩa của nó. Tác phẩm như một người đẹp ngủ trong rừng được hoàng tử cứu ra khỏi cơn mê dài để trở về với đời sống. Tìm hiểu và cắt nghĩa những nguyên nhân xã hội và tâm lý dẫn đến sự phục sinh này là điều hết sức thú vị.

Có thể nói số phận lịch sử của tác phẩm văn học phụ thuộc rất lớn vào sự tiếp nhận của người đọc. Qua sự tiếp nhận đó, các thế hệ người đọc đã thổi sức sống của thời đại mình vào tác phẩm, làm cho nó không bao giờ già cũ mà luôn luôn mới mẻ. Đọc tác phẩm là mở rộng chân trời của

văn bản và đưa nó vào những mối quan hệ mới với bối cảnh và tâm lý của người tiếp nhận. Cả tác phẩm và người đọc đều được hưởng lợi từ mối quan hệ đó. Như vậy, đọc là khám phá, sáng tạo lại tác phẩm và cũng đồng thời là khám phá, sáng tạo chính bản thân mình.

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần,*
ngày 15-6-2012

Tủ sách Gia đình và ngày hội sách

Được tổ chức hai năm một lần, Hội sách Thành phố Hồ Chí Minh đã trở thành một "đặc sản" văn hóa thu hút đông đảo công chúng. Ở đây người ta chờ đợi hội sách như một thứ lễ hội chẳng khác nào ở những nơi khác chờ đợi lễ hội hoa, lễ hội trái cây, lễ hội pháo hoa...

Trong khuôn khổ những ngày hội sách, từ năm 2006, cuộc thi *Tủ sách Gia đình* được khởi xướng theo sáng kiến của Nhà xuất bản Văn Nghệ - nay là Nhà xuất bản Văn hóa - Văn nghệ - và được sự hợp tác tổ chức của Tổng Công ty Văn hóa Sài Gòn, Fahasa, Nhà xuất bản Trẻ, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Văn hóa Phương Nam cũng như sự hưởng ứng và tài trợ của nhiều đơn vị xuất bản và phát hành

như Kim Đồng, Thành Nghĩa, Trí Việt, Trường Phát, Hương Trang, Thời Đại, Nhã Nam, Cửu Đức... Ở lần đầu tiên (2006) cuộc thi chỉ giới hạn trong phạm vi Thành phố Hồ Chí Minh, lần thứ hai (2008) bao gồm địa bàn từ Huế đến Cà Mau, lần thứ ba (2010) và thứ tư (2012) thì mở rộng trên cả nước.

Mục đích cuộc thi đặt ra là "nhằm cổ vũ, tôn vinh và nhân rộng điển hình về nếp sống văn hóa, đặc biệt là văn hóa đọc, trong mỗi gia đình; phát hiện và giới thiệu những tủ sách gia đình kiểu mẫu; giúp cho những người yêu sách có cơ hội giao lưu, trao đổi, học hỏi để xây dựng cho gia đình mình một tủ sách đẹp, phong phú, thiết thực". Về tiêu chí, cuộc thi yêu cầu mỗi tủ sách dự thi phải có ít nhất 1.000 đầu sách với các thể loại đa dạng, đạt tiêu chuẩn cao về giá trị nội dung, trong đó có những đầu sách quý hiếm, được trình bày khoa học và mỹ thuật, có phương pháp bảo quản tốt. Đặc biệt, cuộc thi ưu tiên cho những tủ sách mang tính truyền thống, được nhiều thế hệ trong gia đình xây dựng, sử dụng; những tủ sách tạo được dấu ấn đối với những người đã thành danh và trong việc phục vụ cộng đồng...

Thật đáng mừng là qua bốn lần tổ chức, cuộc thi đã thu hút ngày càng đông người tham gia, từ Nam ra Bắc. Ban tổ chức hết sức công phu và chu

đáo trong việc tổ chức đăng ký, cử người đến tận các địa phương xa xôi như Yên Bái, Kiên Giang, Cà Mau... trực tiếp khảo sát, thẩm định các tủ sách gia đình để nắm các dữ liệu và thông tin cụ thể. Những chủ nhân có tủ sách dự thi đã gửi hồ sơ chi tiết và chính xác (bản thuyết minh, hình ảnh, danh mục phân loại...) để giúp Ban tổ chức thực hiện việc sơ tuyển được nhanh chóng. Ban giám khảo đã công tâm và khách quan khi chọn trao giải cho những tủ sách xứng đáng, trong đó có những chủ nhân là nhà văn, nhà hoạt động văn hóa: Phạm Đức Dương, Nguyễn Huy Tưởng - Nguyễn Huy Thắng (Hà Nội), Nguyễn Hữu Châu Phan, Nguyễn Đắc Xuân (Huế), Trần Đình Sơn, Thạch Phương, Trần Thanh Phương, Lê Thành Chơn, Lê Minh Quốc, Trầm Hương (Thành phố Hồ Chí Minh), Inrasara Phú Trạm (Ninh Thuận), Anh Động (Kiên Giang), Nguyễn Ngọc Tư (Cà Mau)... Đặc biệt, năm 2010, cuộc thi đã quyết định trao giải nhất cho tủ sách của nhà giáo hưu trí Phạm Chí Thiện ở xã Tráng Liệt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, người đã bỏ ra năm mươi năm sưu tầm, tích lũy để có một tủ sách quý giá không chỉ làm tài sản tinh thần của gia đình mà còn phục vụ cho việc học tập, mở mang kiến thức của học sinh và đồng bào ở địa phương.

Là người liên tục tham gia công việc của cuộc thi từ lần thứ hai đến nay, chúng tôi rất cảm kích trước nỗ lực bền bỉ trong việc xây dựng tủ sách của các gia đình. Việc các gia đình tham gia cuộc thi càng có ý nghĩa vì đó là một trong những cách tốt nhất để quảng bá tác dụng của văn hóa đọc, để động viên các thế hệ kế tiếp bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc, kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Sau Hội sách, một số đơn vị đã góp phần giúp đỡ nâng cao chất lượng những tủ sách gia đình đang phục vụ công chúng bằng cách tặng máy vi tính, hướng dẫn làm thư mục, kết nối internet...

Kết quả cuộc thi *Tủ sách Gia đình* nói với chúng ta rằng: Mặc dù các phương tiện nghe nhìn ngày càng phát triển, internet và sách điện tử trở thành công cụ văn hóa không thể xem nhẹ, nhưng tình yêu dành cho sách in và ý thức về vai trò của nó không hề suy giảm. Từ việc xây dựng tủ sách gia đình, người đọc đã có sáng kiến xây dựng những tủ sách dòng họ, tủ sách họ đạo, tủ sách làng xã... Phải chăng đây chính là bước phát triển của việc xã hội dân sự tham gia chăm lo cho văn hóa, khi mà hệ thống thư viện của Nhà nước tỏ ra còn có nhiều hạn chế? Không quá lời khi nói rằng chính cuộc thi *Tủ sách Gia đình* góp phần thổi một làn gió mát cho đời sống văn hóa đọc, gieo trong lòng

người niềm tin vào những giá trị tinh thần đang nâng đỡ và bảo vệ xã hội nhiều biến đổi hiện nay.

Trong buổi lễ phát giải thưởng cuộc thi *Tủ sách Gia đình* lần thứ tư (2012) ở Công viên Lê Văn Tám, những người tham dự đã thoáng chút ngậm ngùi khi nghe tin, vì khó khăn về kinh phí, có thể đấy sẽ là lần tổ chức cuối cùng. Chúng tôi tin rằng hiện vẫn còn nhiều tủ sách gia đình có giá trị chưa được giới thiệu với cộng đồng. Thiết nghĩ, những người có trách nhiệm lãnh đạo văn hóa ở Thành phố và ở các bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông nên xem cuộc thi này như một thành tích chung của ngành và của địa phương mà hỗ trợ cả về tinh thần lẫn vật chất để nó có thể được duy trì và phát triển như một hoạt động làm phong phú đời sống văn hóa của đất nước.

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần*,
ngày 9-3-2012

Qua hai mùa *Giải thưởng sách hay*

Giải thưởng Sách hay chính thức triển khai từ năm 2011 sau gần bốn năm chuẩn bị. Khởi nguồn của nó là *Dự án Sách hay* do một nhóm học giả phối hợp với Trường Doanh nhân PACE sáng lập và tổ chức từ năm 2007. Được điều hành bởi Viện Nghiên cứu Phát triển giáo dục (IRED), Giải thưởng Sách hay có mục đích chọn lọc, khám phá và khẳng định những tác phẩm, công trình giá trị để quảng bá trong đời sống nhằm góp phần khai sáng tâm hồn và trí tuệ.

Hằng năm ở nước ta có nhiều giải thưởng về sách, đặc biệt là sách văn học. *Giải thưởng Sách hay* có một hướng đi riêng: tuyển chọn từ số sách xuất bản và tái bản trong nước từ năm 1975 đến nay trong các lĩnh vực giáo dục, nghiên cứu, tra

cứu, kinh tế, quản trị, văn học, thiếu nhi để trao giải nhằm khẳng định những cuốn sách giá trị đã qua thử thách của thời gian. Riêng trong lĩnh vực văn học, *Giải thưởng* chỉ trao cho thể loại tiểu thuyết mỗi năm hai cuốn: một cuốn do nhà văn Việt Nam sáng tác và một cuốn là tiểu thuyết dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt.

Với cuộc trao giải sáng ngày 20-9-2012, *Giải thưởng Sách hay* đã qua hai mùa tuyển chọn và vinh danh.

Lan tỏa tri thức

"Gạn đục khơi trong" là chủ đề *Giải thưởng Sách hay* lần thứ nhất (2011), bao gồm bảy hạng mục: Giáo dục, Nghiên cứu, Kinh tế, Quản trị, Lẽ sống, Văn học (Tiểu thuyết), Thiếu nhi. Ngay từ đầu, quy chế của *Giải thưởng* xác định đây là giải thưởng do độc giả và các chuyên gia phối hợp bình chọn: trên cơ sở đề nghị của bạn đọc, một danh sách của từng hạng mục sẽ được chuyển đến các hội đồng xét tuyển của từng lãnh vực. Mỗi lĩnh vực sẽ chọn ra một cuốn sách viết của tác giả Việt Nam và một cuốn sách dịch để trao giải.

Tiêu chí đặt ra đây phải là những cuốn sách hay, nghĩa là sách có giá trị về nội dung lẫn hình thức, mang khuynh hướng tiến bộ, được xuất bản hay tái bản hợp pháp trên lãnh thổ nước Việt Nam

từ năm 1975 đến nay và không có tranh chấp về bản quyền. Mỗi cuốn sách đoạt giải phải được sự đồng ý của tất cả thành viên trong hội đồng xét tuyển và sự chuẩn thuận của Hội đồng trao giải gồm các vị: nhà văn Nguyên Ngọc, nhà nghiên cứu triết học Bùi Văn Nam Sơn, giáo sư Chu Hảo, tiến sĩ Quách Thu Nguyệt, nhà hoạt động giáo dục Giản Tư Trung.

Do yêu cầu cao như vậy mà năm ngoái một số hạng mục phải bỏ trống vì không đạt phiếu thuận tuyệt đối. Chẳng hạn, ở mảng sách Lẽ sống và Nghiên cứu đã không có sách viết được trao giải. Bù lại, những cuốn sách được vinh danh hầu hết đều thuyết phục bạn đọc về tính khoa học hay tính nghệ thuật của nó. Bên cạnh những giá trị đã được khẳng định và thử thách, cũng có những cuốn sách được xem là phát hiện của *Giải thưởng*, chẳng hạn *Tư duy kinh tế Việt Nam 1975 - 1989* (2008) của Đặng Phong, *Công ty: vốn, quản lý và tranh chấp* của Nguyễn Ngọc Bích và Nguyễn Đình Cung (2009). Có những cuốn sách nổi tiếng trên thế giới nhưng bản dịch chỉ mới công bố trong vòng năm năm gần đây, thì sự khẳng định cũng là hợp lẽ: *Nền dân trị Mỹ* của Alexis de Tocqueville (Bản dịch của Phạm Toàn, 2007), *Dân chủ và giáo dục* của John Dewey (Bản dịch của Phạm Anh Tuấn, 2008).

Lắng nghe hiệu ứng của *Giải thưởng* lần thứ nhất, có thể thấy rằng nhìn chung dư luận đồng tình và ủng hộ *Giải thưởng* và sự vinh danh này đã được cộng hưởng tích cực với đời sống tinh thần của xã hội. Bằng chứng rõ nhất là những cuốn sách ấy được tái bản ngay sau đó và được tìm đọc trên thị trường sách khá xô bồ hiện nay. Điều đó phần nào thể hiện được chủ trương của những người sáng lập là *"góp phần lan tỏa tri thức từ những cuốn sách hay, sách quý; đồng thời gợi mở những xu hướng đọc sách, viết sách, dịch sách và làm sách tiến bộ trong xã hội, nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển của mỗi cá nhân, cũng như sự phát triển chung của nền tri thức và văn hóa nước nhà"*.

Khai sáng tinh thần

Bên cạnh những hưởng ứng tích cực, cũng có một số góp ý có tính phản biện mà những người tổ chức nên lắng nghe. Băn khoăn lớn nhất có lẽ là việc *Giải thưởng* thiên về khẳng định những giá trị đã định hình, nói cách khác là ưu tiên cho những cuốn sách cũ đã ra đời hàng chục năm qua. Điều đó có thể giảm đi sức phát hiện của *Giải thưởng*, khiến nó phần nào trở nên bàng quan với đời sống văn hóa đương đại.

Thật ra, có những cuốn sách tuy đã nhận được một giải thưởng khác, nhưng tái khẳng định nó

không phải là việc làm đơn giản, nhất là khi nó từng trải qua sóng gió của những luồng dư luận trái chiều. Vả chăng trong lĩnh vực văn hóa, có những giá trị ngày càng sáng lên qua sự thử thách của thời gian và vẫn phát huy tác dụng trong đời sống hiện nay.

Tuy nhiên, trân trọng những tiếng nói xây dựng, năm nay *Giải thưởng* đã có một số điều chỉnh thích hợp. Trước hết là có sự tăng cường nhân sự cho Hội đồng trao giải (giáo sư Võ Tòng Xuân) và các hội đồng xét tuyển ở từng hạng mục. Việc đánh giá không còn đòi hỏi số phiếu thuận tuyệt đối mà căn cứ trên phiếu chấm điểm theo thang điểm 10 của từng thành viên. Đặc biệt, so với năm ngoái, năm nay không còn hạng mục sách Lẽ sống, nhưng lại tăng thêm hạng mục sách Tra cứu và nhất là giải thưởng "Dấu ấn mới" trao cho một cuốn sách có tìm tòi, đột phá và cách tiếp cận mới về một đề tài gây tranh cãi.

Việc thay đổi cách tuyển chọn với số sách nhận giải tăng lên (14 cuốn so với 11 cuốn của năm ngoái) không làm giảm đi chất lượng Giải thưởng. Với chủ đề "Sách và khai minh", giải thưởng năm nay chú ý những cuốn sách vừa có giá trị lâu dài, vừa có ý nghĩa thời sự, góp phần khai sáng tinh thần của xã hội: *Bàn về tự do* của John Stuart Mill (Bản dịch của Nguyễn Văn

Trọng, 2008), *Đại học Humboldt 200 năm (1810 - 2010): Kinh nghiệm thế giới và Việt Nam* (2011), *Những đỉnh cao chỉ huy* của Daniel Yergin và Joseph Stanislaw (Bản dịch của nhóm Phạm Quang Diệu, 2007), *Kiểm soát quản trị* của Bob Tricker (Bản dịch của Nguyễn Dương Hiếu và Nguyễn Thị Thu Hương, 2011). Bạn đọc quan tâm sẽ chia sẻ tinh thần vô tư và khách quan của các hội đồng xét tuyển khi họ khẳng định vị trí của những cuốn sách xứng đáng như *Việt Nam Phật giáo sử luận* của Nguyễn Lang (3 tập, 1994), *Sông Côn mùa lũ* của Nguyễn Mộng Giác (1998), *Biến động kinh tế Đông Á và con đường công nghiệp hóa Việt Nam* của Trần Văn Thọ (2005). Trong âm thầm, những cuốn sách đó góp phần tích cực cho sự phục hưng tinh thần dân tộc giữa thế giới đang chuyển biến hiện nay.

Vinh danh cái đẹp

Năm nay trên cơ sở đồng thuận cao của Hội đồng xét tuyển, từ danh sách do bạn đọc đề cử gồm 216 tác phẩm, hai cuốn tiểu thuyết đã được quyết định trao giải trong buổi lễ tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh sáng 20-9-2012.

Về tiểu thuyết nước ngoài, *Giải thưởng Sách hay* trao cho bản dịch tiểu thuyết *Trăm năm cô đơn* của văn hào Gabriel Garcia Márquez do ba

dịch giả thực hiện: Nguyễn Trung Đức, Phạm Đình Lợi và Nguyễn Quốc Dũng (Nhà xuất bản Văn học xuất bản lần đầu năm 1986). *Trăm năm cô đơn* là kiệt tác đã đem giải thưởng Nobel Văn chương năm 1982 về cho đất nước Colombia. Từ câu chuyện ở một làng quê được đặt tên Macondo, kết hợp chất liệu hiện thực và yếu tố huyền thoại, cuốn tiểu thuyết nói lên bi kịch cô đơn của một dòng họ, vì phạm tội loạn luân mà trở nên bất lực trước tình yêu và bị tuyệt diệt. Bản dịch tiếng Việt *Trăm năm cô đơn* ra đời ngay năm đầu tiên thời kỳ Đổi mới (1986), với số lượng một vạn bản in, đã thu hút đông đảo độc giả Việt Nam vốn chưa tiếp xúc nhiều với văn học Mỹ Latinh. Từ đó đến nay cuốn sách đã được tái bản nhiều lần. Trao giải cho bản dịch này cũng là khẳng định đóng góp của ba dịch giả nói trên, đặc biệt là dịch giả quá cố Nguyễn Trung Đức, người có nhiều công lao trong việc giới thiệu nền văn học tiếng Tây Ban Nha cho độc giả nước ta. Một trùng hợp thú vị là năm nay cũng vừa đúng bốn mươi lăm năm *Trăm năm cô đơn* ra đời và tròn ba mươi năm G. G. Márquez nhận giải thưởng Nobel[1].

---

(1) Nhiều bạn đọc yêu mến G. G. Márquez còn nhớ là tháng 7 năm 1979, ba năm trước khi nhận giải thưởng Nobel, nhà văn đã cùng gia đình sang thăm Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và lên tận tỉnh Lạng Sơn tận mắt chứng kiến những dấu tích tội ác của quân Trung Quốc còn để lại sau khi Việt Nam đẩy lùi đội quân xâm lược này trong chiến tranh biên giới phía Bắc. Dịp này Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã tiếp kiến G. G. Márquez.

Về tiểu thuyết Việt Nam, *Giải thưởng Sách hay* trao cho tiểu thuyết trường thiên *Sông Côn mùa lũ* của nhà văn Nguyễn Mộng Giác. (Nhà xuất bản Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học xuất bản năm 1998). Đây là cuốn tiểu thuyết về một giai đoạn lịch sử tao loạn đầy bi tráng của nước ta vào nửa cuối thế kỷ 18. Thông qua số phận gia đình một nho sĩ thất thế phải trốn khỏi Phú Xuân về ẩn cư ở đất võ Bình Định, câu chuyện dẫn đến cuộc gặp gỡ của một người con gái nết na, thuần hậu với người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ mà tính cách nghĩa hiệp đầy cao vọng đã hình thành ngay từ thời niên thiếu, cắt nghĩa cho vai trò của Người qua những cuộc chinh phạt và chiến công vĩ đại mùa xuân năm Kỷ Dậu 1789 đánh tan đội quân xâm lược của nhà Thanh. Trao giải cho *Sông Côn mùa lũ*, Hội đồng tuyển chọn muốn khẳng định tài năng và tâm huyết của tác giả Nguyễn Mộng Giác, người đã viết tác phẩm này trong những năm tháng khó khăn thời hậu chiến. Ra mắt lần đầu tiên ở Mỹ, sau đó được in lại trong nước, *Sông Côn mùa lũ* đã kết nối bạn đọc Việt Nam trong những hoàn cảnh xa cách nhau, cùng chung một tình tự dân tộc và một niềm tin về sức mạnh tinh thần của đất nước, điều mà tác phẩm đã gợi ra một cách nghệ thuật.

Dù khác nhau về tầm vóc, *Trăm năm cô đơn* và *Sông Côn mùa lũ* cùng thể hiện những chủ đề lớn về dân tộc và thời đại trong ngôn ngữ sống động của tiểu thuyết. *Trăm năm cô đơn* trở thành mẫu mực của chủ nghĩa hiện thực huyền ảo, một trào lưu văn học đặc sắc nửa cuối thế kỷ 20. *Sông Côn mùa lũ* là một đóng góp mới cho thể loại tiểu thuyết trường thiên ở Việt Nam, sau *Dòng sông Thanh Thủy* của Nhất Linh, *Cửa biển* của Nguyên Hồng và *Vỡ bờ* của Nguyễn Đình Thi... Hai tác phẩm được *Giải thưởng Sách hay* năm nay chắc chắn sẽ còn tiếp tục chinh phục nhiều thế hệ độc giả nước ta trong tương lai.

Tất nhiên, mọi giải thưởng, dù cẩn trọng đến đâu, cũng không thể làm vừa lòng tất cả mọi người. Huống chi giải thưởng này chỉ mới tiến hành có hai năm. Giải thưởng Sách hay chắc chắn phải qua những thử thách và kinh nghiệm để thực sự hoàn thiện. Với tư cách là hoạt động dân lập, giải thưởng này cần được hỗ trợ cả về tinh thần lẫn vật chất để tiếp tục duy trì và phát triển, đáp ứng ước mong về một nền văn hóa đọc tiếp thu được tinh hoa của dân tộc và nhân loại.

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần*,
ngày 5-10-2012 và báo *Phụ Nữ*,
ngày 21-9-2012

sách - nhịp cầu giao lưu văn hóa

Nhân kỷ niệm hai mươi năm ký kết quan hệ ngoại giao chính thức giữa Việt Nam và Hàn Quốc (22-12-1992 – 22-12-2012), điểm lại những thành tựu hợp tác giữa hai nước, có thể nhận thấy sự mất cân đối trên một số lĩnh vực. Trước hết, sự hợp tác trên lĩnh vực kinh tế đem lại nhiều kết quả hơn lĩnh vực văn hóa. Còn trên lĩnh vực giao lưu văn hóa thì điện ảnh, âm nhạc lại phát triển hơn là văn học. Mà riêng về điện ảnh và âm nhạc thì sự giao lưu cũng chưa có tác động cân xứng giữa hai chiều.

Thời gian qua, sách văn học Việt Nam và Hàn Quốc được dịch sang ngôn ngữ phía đối tác gồm một số truyện cổ tích, tác phẩm văn học cổ điển và tiểu thuyết hiện đại về đề tài chiến tranh. Việc

chọn lựa, giới thiệu văn học cho độc giả hai nước chủ yếu là nhờ cơ duyên và sáng kiến cá nhân từ một số dịch giả, nhà nghiên cứu, giáo sư ở các trường đại học. Thực sự chưa có một chiến lược dịch thuật, quảng bá văn học từ phía những cơ quan chức năng khả dĩ mở rộng việc phổ biến tinh hoa văn học Việt - Hàn một cách hệ thống.

Tình hình tương tự cũng diễn ra trong quá trình giao lưu văn hóa giữa Việt Nam với nhiều quốc gia khác. Đối với những nền văn học lớn có truyền thống lâu đời như Trung Quốc, Pháp, Nga, Nhật Bản, sự tiếp nhận của độc giả Việt Nam có thể nói là khá sâu sắc và toàn diện. Nhưng với một số nền văn học khác, đặc biệt của những nước trong khối ASEAN gần gũi với chúng ta, như Thái Lan, Lào, Campuchia, Indonesia, Malaysia, Philippines, Myanmar... sự hiểu biết của chúng ta còn rất hạn chế.

Trong khi đó, nhiều phương diện của văn học Việt Nam cũng còn xa lạ với độc giả nước ngoài. Những trung tâm Việt Nam học trên thế giới tuy có nhiều cố gắng, nhưng cũng chỉ dành một phần công sức cho việc nghiên cứu và dịch thuật văn học, vì còn bận tâm với những vấn đề lịch sử, chính trị, ngoại giao có sức thu hút hơn. Việc xuất bản ở nước ngoài một số tác phẩm nổi tiếng như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, Thơ Hồ Xuân

Hương, *Nhật ký trong tù* của Hồ Chí Minh, *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng, *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh, *Nhật ký Đặng Thùy Trâm*... là những đóng góp quan trọng vào quá trình giao lưu văn hóa. Nhưng công việc cần làm thì còn rất nhiều, như hội nghị quảng bá văn học Việt Nam tổ chức vào năm ngoái đã chỉ ra.

Còn nhớ, khi Việt Nam và Hoa Kỳ chưa thiết lập quan hệ ngoại giao, chính những nhà văn hai nước, qua con đường văn học, đã là những sứ giả xây những nhịp cầu giao lưu văn hóa cho hai nước. Nhiều nhà văn Mỹ và những cuốn sách của họ đã có mặt ở Việt Nam để băng bó những vết thương còn rỉ máu, nói lên tiếng nói của lương tâm sám hối. Một số nhà văn Việt Nam cũng đưa tiếng nói nghệ thuật của mình đến đất Mỹ để bày tỏ tâm tình của một dân tộc yêu hòa bình, phải đổ bao xương máu để giành lại độc lập, tự do. Nhờ văn học, rõ ràng là hai dân tộc có điều kiện hiểu biết nhau hơn.

Có thể nói, sách văn học chính là cánh cửa của đối thoại, là nhịp cầu của sự giao lưu văn hóa. Đọc văn học là hướng tâm hồn mình về những nền văn hóa khác, là đánh thức khát vọng đồng cảm với nỗi thống khổ và niềm hạnh phúc của nhân loại. Sách văn học mở rộng sự giao tiếp không chỉ về mặt thời gian - giữa các thế hệ, các thời đại

khác nhau, mà còn về mặt không gian - giữa các dân tộc và các nền văn hóa xa cách nhau. Thành công của những hội chợ sách quốc tế chứng tỏ điều đó.

Thông qua sự giao tiếp bằng con đường của tâm hồn và trí tuệ, sách văn học giúp cho nhân loại xích lại gần nhau, sống trong niềm cảm thông và tình hữu nghị. Theo ý nghĩa đó, nhà văn là người mang sứ mệnh truyền bá những giá trị tinh thần của dân tộc mình, làm phong phú kho tàng văn hóa nhân loại. Tiếp nhận văn học trên tinh thần đối thoại chính là tiền đề đưa văn học dân tộc hội nhập với văn học thế giới, và ngược lại, thu hút tinh hoa văn học thế giới làm giàu cho văn hóa dân tộc.

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần*,
ngày 14-12-2012

Một sáng kiến cho văn hóa đọc

Báo *Tuổi Trẻ Cuối Tuần* ngày 4-11-2012 có đăng một thông tin có liên quan đến văn hóa đọc ở Nga: Thực hiện ý kiến của tổng thống Vladimir Putin, Bộ Giáo dục Nga đã đặt hàng cho một nhóm chuyên gia ở Trường Đại học Tổng hợp Saint-Petersburg tổ chức cuộc bỏ phiếu trên internet để đề cử danh mục "100 quyển sách lịch sử, văn học và văn hóa các dân tộc Nga được đề nghị tự đọc" nhằm khuyến cáo học sinh tìm đọc ngoài chương trình giảng dạy của nhà trường.

Thật ra, đây không phải lần đầu xuất hiện một đề nghị như thế này. Trên thế giới một số học giả đã từng đưa ra danh mục những kiệt tác văn học nhằm giới thiệu cho độc giả cùng đọc. Ở nước ta,

trong nhà trường, một số đơn vị đào tạo cũng nêu tên những tác phẩm văn học Việt Nam và nước ngoài mà sinh viên cần phải đọc.

Tuy nhiên, sáng kiến xuất phát từ Nga lần này có những điểm mới. Một, đây không chỉ là sáng tác văn học mà còn có cả sách khảo cứu về văn hóa, lịch sử, chủ yếu nhằm nâng cao nhận thức về đất nước và con người Nga. Hai, đây không phải là danh mục sách tham khảo phục vụ chương trình đào tạo mà là sách đọc ngoài chương trình dành riêng cho học sinh phổ thông. Ba, đây là đề nghị từ người đứng đầu Nhà nước nên gây ra hiệu ứng và được hồi đáp nhanh chóng để biến thành dự án.

Nga là đất nước có nền văn học vĩ đại và văn hóa đọc phát triển rất sâu rộng. Ai từng đến thăm và tìm hiểu nước Nga thì đều biết rằng trước đây, mức tiêu thụ ấn bản sách của người Nga rất cao; trong tàu điện ngầm hầu hết hành khách đều cầm trên tay cuốn sách. Tình hình ngày nay không còn được như trước: do những biến động về xã hội, những khó khăn về kinh tế và tác động của các phương tiện nghe nhìn, số lượng người mua sách và đọc sách văn học, nhất là trong giới trẻ, ngày càng sút giảm. Sáng kiến trên đây có lẽ xuất phát từ việc nhận thức thực tế đáng buồn ấy.

Thực trạng văn hóa đọc ở nước ta, như nhiều người báo động, có lẽ cũng không khác gì nước Nga. Tuổi trẻ học đường hầu như chỉ đọc những gì phục vụ trực tiếp cho việc thi cử. Ngay những người trẻ có ý hướng tìm tòi cũng không được những người có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể việc đọc sách. Vì vậy, sáng kiến trên đây là một gợi ý quý báu để chúng ta áp dụng cho đất nước mình.

Thiết nghĩ, những cơ quan của Chính phủ như Bộ Giáo dục và Đào tạo hay Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thể dùng kinh phí "đặt hàng" cho Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, thậm chí cho một nhóm chuyên gia có uy tín, thực hiện cuộc thăm dò ý kiến của công chúng, tập trung ở giới nhà giáo, nhà văn, học giả, các bậc phụ huynh, sau đó tổng hợp lại và trao đổi, thảo luận để thống nhất một danh mục sách được xã hội đồng thuận. Tính riêng sách văn học, lịch sử, văn hóa do người Việt và người nước ngoài viết về Việt Nam, con số 100 cũng là phù hợp.

Khi đã chọn ra được danh mục sách rồi, Nhà nước cần có chính sách để tác động đến việc đọc sách của học sinh. Chẳng hạn, chính phủ tài trợ việc tái bản các đầu sách được đề nghị, nhằm giảm giá thành để vừa túi tiền của học sinh. Các thư

viện địa phương và các trường học ưu tiên dùng kinh phí mua những đầu sách này với số lượng lớn để có thể cho được nhiều học sinh mượn đọc miễn phí. Các trường học, hội phụ huynh học sinh ưu tiên mua những sách đó làm phần thưởng cho học sinh giỏi cuối năm. Các nhà văn hóa, câu lạc bộ tổ chức nói chuyện, thuyết trình về những cuốn sách đó nhằm phổ biến sâu rộng hơn giá trị tư tưởng và nghệ thuật của nó.

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần*,
ngày 16-11-2012

Mùa xuân, sinh thái và văn chương

Một ngày mùa xuân, ông Diểu mang súng vào rừng đi săn. Ông chê những con chim xanh, những con gà rừng, chỉ mong bắn được sơn dương hay con khỉ đầu đàn. Cuối cùng thì ông đành bằng lòng với chiến lợi phẩm là một con khỉ đực. Nhưng không may cho ông: khỉ cái cứu khỉ đực, khỉ con thì kéo khẩu súng của ông cùng rơi xuống vực thẳm. Đúng lúc ông cởi trần leo lên mỏm đá bắt khỉ đực thì núi lở, áo quần ông bị vùi lấp trong đống mối. "Trên răng dưới dái", ông Diểu ôm con khỉ bị thương trở về, nhưng giữa đường đành bỏ lại vì đuối sức. Mình ông trần truồng, hai tay không, đi giữa màn mưa bụi, bên những khóm hoa tử huyền nở trắng như muối của rừng...

Đó là tóm tắt truyện ngắn *Muối của rừng* mà Nguyễn Huy Thiệp viết cách nay đã hơn hai mươi lăm năm. Dẫu biết thiên truyện nói những điều sâu rộng hơn rất nhiều, không hiểu sao tôi lại nhớ đến nó khi nghe chuyện những người đã nhẫn tâm giết hai con voọc chà vá chân xám ở Tây Nguyên hồi tháng Bảy vừa qua. Cái ác của con người có điểm dừng hay không và thiên nhiên bao dung có ngăn được cái ác hay không?

Từ câu chuyện hai con voọc bị giết đến dự án thủy điện Đồng Nai 6 và 6A mà báo chí kiên quyết lên tiếng, những vấn đề về môi trường sinh thái trên đất nước ta chưa bao giờ khẩn thiết và gây bức xúc như bây giờ. Trong cuộc đấu tranh vì một môi trường sống hòa hợp với con người, văn học đã làm được gì? Phải chăng văn học vẫn còn bàng quan với chuyện sống còn này? Hình như văn học cho đây là một đề tài tầm thường hay ít ra, chưa phải là ưu tiên số một so với những vấn đề cao siêu đáng để tâm hơn nhiều?

Thật ra văn học Việt Nam từng có những tác phẩm rất hay viết về con người giữa thiên nhiên và thiên nhiên bao bọc con người. *Đất rừng phương Nam* và *Tiếng gọi ngàn* của Đoàn Giỏi tha thiết một tấm lòng với đất trời sông nước quê hương. Nguyễn Minh Châu từng viết *Sống mãi với cây xanh*, nói lên tâm sự của một người ba đời

làm nghề trồng cây cho thủ đô Hà Nội, đau đớn trước cái chết của cây sấu già khi đường phố mở rộng. Với *Rừng hồi*, *Hoa trái quanh tôi*, *Ai đã đặt tên cho dòng sông*... thiên nhiên là nhân vật trung tâm mang tâm hồn mẹ trong bút ký Hoàng Phủ Ngọc Tường.

Dù sao, đó mới là những nỗ lực lẻ loi. Một số nhà văn hiện nay hờn tủi với cuộc sống đô thị, nhưng vẫn không dứt khỏi cơn say của xã hội tiêu thụ, dè bỉu văn hóa cổ truyền nhưng chưa nhận chân rõ những thảm họa sinh thái xuất phát từ sự quay lưng với truyền thống. Vấn đề không phải là hoài cổ, vì có muốn hoài cổ cũng không được. Vấn đề là thiết lập sự cân bằng sinh thái cần thiết cho cuộc sống của chính con người hiện tại, và mọi ý đồ - dù mới manh nha - về việc phá vỡ sự cân bằng này phải bị lên án.

Trong một bài nói chuyện ở Viện Văn học gần đây, nhà nghiên cứu người Mỹ Karen Thornber cho biết trường phái phê bình sinh thái, như một khoa học liên ngành, đã xuất hiện ở phương Tây từ những năm 70 thế kỷ trước. Đó là trường phái xem sinh thái như một giá trị nhân văn và văn học vì con người phải có tiếng nói về chủ đề này. Nếu thời Cổ đại, nhiên giới là trung tâm; thời Trung đại, thần giới là trung tâm; đến thời Phục hưng và cận đại nhân giới là trung tâm; thì thời

nay sinh thái là trung tâm. Trong viễn tượng của một "quyết định luận sinh thái", đối lập văn hóa với tự nhiên là một quan niệm đã lỗi thời.

Đến năm 1992, Hiệp hội Nghiên cứu Văn chương và Môi trường được thành lập. Văn học tham gia vào việc bảo vệ sức khỏe môi trường cũng là bảo vệ chính con người và những giá trị thuộc về con người. Chủ nghĩa nhân văn mới không còn xem con người là "thước đo của mọi vật", hay là "chúa tể của muôn loài" nữa, mà chỉ là một thành phần cộng sinh của thiên nhiên, nên phải biết coi trọng từng đơn vị sinh thái: một cây thủy tùng, một giống loài sinh vật biển, một cánh rừng nguyên sinh... Sự suy thoái hệ sinh thái của một quốc gia không chỉ quy trách nhiệm cho những người quản lý đất nước mà cả cho sự thờ ơ của từng công dân, trong đó có những nhà văn.

Vấn đề môi trường gắn liền với số phận nhân loại có thể nhận thấy qua tình trạng bất công về sinh thái: tại sao một vùng cư dân này phải chịu đựng nguồn nước bị ô nhiễm do nước bẩn thải ra từ các nhà máy phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa của quốc gia? Tại sao một tộc người thiểu số này lại phải hy sinh đất đai, xa lìa quê cha đất tổ để nhường chỗ làm thủy điện hay nhà máy điện hạt nhân vì quyền lợi của một cộng đồng lớn hơn? Tại sao những nước chậm phát triển

phải chịu đựng tình trạng hiệu ứng nhà kính và ô nhiễm môi trường do những nước công nghiệp phát triển thải ra? Nếu văn chương là tiếng nói của số phận con người thì những hiện tượng như vậy đều không xa lạ với văn chương. Đó vừa là vấn đề đạo đức, vừa là vấn đề thẩm mỹ.

Sự tương tác giữa con người và thiên nhiên cũng như giữa những yếu tố của môi trường với nhau dẫn đến khái niệm "chỉnh thể sinh thái": sinh thái là một "dây chuyền sống", phá vỡ một mắt xích là phá hủy cả chỉnh thể đó. Nhà nghiên cứu người Pháp Jacques Vernier cho biết số lượng cá voi xanh trên thế giới trước đây là 250.000 con, nay chỉ còn khoảng dưới 500 con! Trước kia số bồ câu di trú ở Bắc Mỹ có đến hàng tỉ, thế mà con chim cuối cùng loại này đã chết ở vườn thú Cincinnati năm 1914! Vào thế kỷ 16, ước tính cứ một trăm năm thì có một loài động vật biến mất; đầu thế kỷ 20 mỗi năm mất đi một loài; còn ngày nay thì mỗi ngày mất đi một loài! Chưa bao giờ nhân loại chứng kiến sự đa dạng sinh học bị xâm hại khủng khiếp như hiện nay. Đây thực sự là một nguy cơ có quy mô toàn thế giới.

Bây giờ vẫn còn nhiều những ông Diểu mùa xuân mang súng vào rừng, thậm chí vào ngay dưới những vòm cây bên rìa thành phố để mà tận diệt chim muông, cầm thú. Những ông Diểu hãnh

tiến và thành đạt bây giờ chắc sẽ chẳng ai đi về hai tay không như ông Diểu trong *Muối của rừng*. Và cũng sẽ chẳng có khóm hoa tử huyền nào chờ đợi họ. Mưa xuân cũng không còn rắc trên đầu họ. Chỉ có một bầu trời mù xám màu chì dành cho họ mà thôi.

Báo *Người Lao Động*,
Xuân Quý Tỵ 2013

Người sài Gòn và tình yêu sách

Vào Sài Gòn lần đầu tiên năm 1969, những địa điểm thu hút khách phương xa lúc đó như Thảo cầm viên, bến Bạch Đằng... tôi chỉ một lần đến chơi, còn cả mùa hè dành để la cà các hiệu sách. Thành phố thời chiến tranh không thiếu hàng hóa, nhưng lạ nhất là sách báo cũng tràn đầy các cửa hiệu, ngoài vỉa hè. Khai Trí, Vĩnh Bảo, Xuân Thu, Liên Châu, Đoàn Văn... - tên những hiệu sách hồi đó không nhiều như bây giờ, nhưng là những cái tên để lại ấn tượng và kỷ niệm. Nhiều cuốn sách tôi chỉ nghe nói khi ở quê thì có thể tìm thấy dễ dàng ở đây. Khác với các hiệu sách ở tỉnh lỵ, sách thường bọc giấy kiếng chưng trên quầy hay trên kệ, khách vừa bước vào đã nghe người bán hỏi mua gì; những hiệu sách ở Sài Gòn để cho khách thoải mái chọn sách, đọc

sách hàng giờ, dù không mua cuốn nào mà vẫn không cảm thấy áy náy.

Những hiệu sách lưu dấu một thời

Có hai hiệu sách mà những năm sau này, khi trở lại Sài Gòn học tập, tôi thường đến là thư quán của Viện Đại học Vạn Hạnh dưới dốc cầu Trương Minh Giảng và nhà sách Đức Mẹ trong nhà thờ Dòng Chúa Cứu Thế ở đường Kỳ Đồng. Nơi đầu tôi có thể tìm mua những cuốn sách tham khảo cho chương trình của Đại học Văn khoa; còn nơi sau giúp tôi sưu tầm trọn bộ tạp chí *Đối Diện* và tủ sách *Tuổi Hoa*. Điều tôi thích nhất ở hai nơi này là không gian tĩnh lặng, thoáng đãng, chỉ có tiếng trang giấy lật sột soạt, tiếng người bán người mua trao đổi khe khẽ với nhau. Nay thư quán Vạn Hạnh không còn; nhưng nhà sách Đức Mẹ vẫn hoạt động, góp phần tái bản một số đầu sách *Tuổi Hoa* thời gian gần đây.

Hồi đó, nhờ đọc một bài báo của Nguyễn Ngọc Lan, tôi mới biết rằng giá sách rẻ nhất không phải ở các hiệu sách lớn mà là những *kiosques* dọc đường Lê Lợi, đặc biệt là quán sách bà Lưu trước cửa hiệu thuốc tây Diệu Tâm gần ngã tư Lê Lợi - Công Lý. Tôi để ý trên trang cuối những cuốn sách của một nhà xuất bản tôi yêu thích có ghi

địa chỉ phát hành là quán sách bà Lưu. Ở đây có lẽ nhờ ít chi phí thuê địa điểm, thuế má và trả lương nhân viên nên sách có thể giảm giá đến 20% so với giá bìa. Từ đó, tôi có kinh nghiệm mỗi khi cần cuốn sách gì thì đến đây trước khi vào các hiệu sách lớn.

Vào hiệu sách, điều thú vị nhất hẳn nhiên là tìm được một cuốn sách quý, nhưng cũng thú vị không kém là lặng lẽ quan sát những người Sài Gòn mua sách. Đó là những cụ già khoan thai xem sách và đắn đo khi chọn mua một cuốn. Đó là những chàng sinh viên đeo kiếng trắng chỉ biết rủ người yêu đi hiệu sách thay vì vào rạp xi-nê hay vũ trường như nhân vật trong một vở kịch của Kim Cương. Đó là những cô bé, cậu bé chuyên "coi cọp" trong hiệu sách và có lúc cầm lòng không đặng đã "cầm nhầm" một cuốn sách rồi bị phát hiện, may nhờ có ông chủ tiệm sách bao dung tha thứ, như trong một cuốn truyện cảm động của Lê Văn Nghĩa. Những độc giả đó nghĩ gì, nhớ gì, quên gì khi đứng trước quầy sách? Quên chiến tranh, nghèo đói, hận thù; nhớ tiền nhân, lịch sử; nghĩ về tri thức và tương lai đất nước? Họ có bao giờ mong được diện kiến tác giả cuốn sách, hay là gặp gỡ chuyện trò với một độc giả khác cũng cùng sở thích và niềm tâm đắc với mình khi đọc một cuốn sách?...

Tình yêu không suy suyển

Sau 1975, đã có lúc người Sài Gòn phải tìm cách cất giấu, phân tán những cuốn sách từng lưu giữ kỷ niệm của gia đình, là sợi dây truyền thông kết nối các thế hệ, để không bị tịch thu. Điều kiện kinh tế khó khăn, hoàn cảnh buộc phải xa xứ, không ít người phải đứt ruột bán đổ bán tháo những cuốn sách được bảo quản hàng chục năm trong tủ sách gia đình. Chợ sách cũ đường Đặng Thị Nhu tồn tại nhiều năm giữa lòng Sài Gòn là chứng tích cho thời kỳ ấy. Không hiếm trường hợp những người săn lùng sách cũ mua được những cuốn sách ở trang đầu có chữ ký của những nhà văn, nhà nghiên cứu nổi tiếng. Mấy năm tham gia chấm thi *Tủ sách Gia đình* vào mùa hội sách, tôi hiểu vì sao, sau những biến động của thời cuộc, ở Sài Gòn số gia đình có lượng sách lớn và sách quý không còn nhiều như đã từng tồn tại.

Sài Gòn từng là một thành phố bước đầu tiêu thụ nghệ thuật, cũng đồng thời là một thành phố ham đọc. Riêng trong lĩnh vực văn hóa, tạo điều kiện để tiếp âm và khuếch đại những tiếng nói mới, những xu hướng mới là một nét son của thành phố này. Sài Gòn đã thu hút những đầu óc kinh doanh năng động nhất của cả nước. Điều đó dễ hiểu: chính nơi đây đã hình thành một thị trường

văn học với những giao thương về sản phẩm văn hóa từ nhiều thập niên trước. Kết quả nghiên cứu về tình hình xuất bản sách ở Sài Gòn những năm 20 thế kỷ trước cho biết có những cuốn tiểu thuyết in lần đầu đến cả ngàn bản (chẳng hạn tác phẩm của Hồ Biểu Chánh, Nguyễn Chánh Sắt, Lê Hoằng Mưu...) trong khi dân số cả nước lúc đó chỉ bằng một phần tư bây giờ mà tỉ lệ người mù chữ lại cao hơn. Chỉ riêng việc ấn hành tác phẩm dịch của Trung Hoa và phương Tây ở Sài Gòn thời trước cũng chiếm tỉ lệ lớn trong thị phần xuất bản của cả nước. Thị trường ấy đã thỏa mãn nhiều loại công chúng khác nhau với những sản phẩm đa dạng: từ văn học tiêu khiển đến văn học tinh hoa.

Dù chiến tranh khốc liệt, sách chỉ lưu hành chủ yếu ở những thành phố lớn, nhưng tác dụng của nó cũng lan tỏa đến các tỉnh xa. Nhiều cuốn sách trở thành "hiện tượng" do sức hấp dẫn tự thân, hoặc do sự *lăng-xê* của báo chí. Hồi những năm 1960, ở quê tôi, có những độc giả nữ mê như điếu đổ cuốn tiểu thuyết *Bên dòng sông Trẹm* của Dương Hà. Còn tiểu thuyết dịch thì thượng vàng hạ cám đều được bày bán hay cho thuê ở các thị xã. Trong số đó, nhiều danh tác Đông Tây kim cổ được dịch thuật, cho thấy Sài Gòn đã sớm nhạy cảm với mở cửa và hội nhập văn hóa. Mấy năm nay, việc tái bản những công trình khảo cứu,

dịch thuật ở miền Nam cho thấy những đóng góp không nhỏ của trí thức và doanh nhân ở đây.

Tuy vậy, ở Sài Gòn trước 1975, sự giao lưu giữa các tác giả, nhà làm sách và bạn đọc chưa được mở rộng như hiện nay. Hệ thống thư viện - trừ các trường đại học - còn nhiều hạn chế về cung cách quản lý cũng như sức thu hút đối với bạn đọc, so với những thành phố lớn trên thế giới. Nghề viết sách, làm sách chân chính, lúc đó cũng như bây giờ, đứng trước nhiều thử thách và đòi hỏi những hy sinh. Dù sao, đó là một truyền thống đã tích lũy cả trăm năm, làm bệ phóng văn hóa cho đất và người nơi đây.

Tình yêu sách của người Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh, trải bao vật đổi sao dời, hầu như vẫn không suy suyển. Thông tin mới nhất cho biết trong năm 2015, cư dân Thành phố Hồ Chí Minh đã chi 131 tỉ đồng cho việc mua sách, tăng 17% so với năm trước. Người ta đã nói nhiều về sự cạnh tranh của các phương tiện truyền thông đại chúng với văn hóa đọc; nhưng vấn đề đâu phải là hạn chế sự cạnh tranh đó, mà chính là giới làm sách, cả sách in và sách điện tử, phải nỗ lực hơn nữa để đáp ứng nhu cầu đa dạng của độc giả. Những giải thưởng về sách hiện nay cho thấy xã hội quý trọng và trông chờ biết bao ở giới làm sách.

Thật là một tin vui, khi biết Thành phố Hồ Chí Minh tích cực xây dựng và khánh thành Đường Sách ở cạnh Bưu điện trung tâm và nhà thờ Đức Bà. Cùng với Hội sách tổ chức hai năm một lần, Đường Sách Nguyễn Văn Bình này sẽ là một địa chỉ văn hóa, nơi gặp gỡ của những người yêu sách. Kinh nghiệm của Đường Sách cạnh Đường Hoa Nguyễn Huệ và Hàm Nghi những Tết vừa qua chắc sẽ góp phần làm cho Đường Sách mới hiệu quả và có sức thu hút hơn. Tình yêu sách của cư dân Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh mãi là một thước đo thẩm định phẩm chất văn hóa và khát vọng đổi mới của thành phố này.

Báo *Pháp Luật Thành phố Hồ Chí Minh*,
Xuân Bính Thân 2016

Đưa sách về vùng xa

Thị trấn Đồng Cát quê ngoại của tôi thời thơ ấu là hai dãy phố nghèo hiu quạnh, gồm những cửa hiệu tạp hóa và vài quán ăn nhỏ nối liền nhau bên cổng chợ. Một buổi chiều muộn, khi đạp xe ra phố mua dầu lửa thắp đèn, một cậu học trò tiểu học bỗng thấy vài cuốn truyện cũ mỏng tang nằm lẫn trong những quyển vở và giấy tập bán trong cửa hàng. Cậu cầm lên: một cuốn truyện dịch có tên *Cánh buồm trên biển cả* và một truyện ngắn của Nam Cao có nhan đề *Nụ cười* in trong tủ sách *Hoa Mai* của Nhà xuất bản Cộng Lực.

Đó là hai tác phẩm văn học đầu tiên mà tuổi thơ tôi được đọc. Cuốn đầu mở ra giấc mơ phiêu lãng của một chàng trai, theo vệt sóng những con tàu mà đặt chân đến những cửa biển và chân trời

xa lạ. Cuốn thứ hai gợi lên cách sống điềm tĩnh, lạc quan, dũng cảm chấp nhận nghịch cảnh của một cậu bé mồ côi cả cha lẫn mẹ. *Cánh buồm trên biển cả* sau rồi được góp cho tủ sách Trường Tiểu học Đức Vinh theo lời kêu gọi của thầy giáo, nên tôi không còn nhớ tên tác giả và dịch giả. Riêng *Nụ cười* thì được giữ mãi đến khi tôi vào đại học và gửi cho thầy Hà Minh Đức để bổ sung vào tập truyện ngắn Nam Cao.

Những năm chiến tranh, thị trấn quận lỵ của chúng tôi không hề có hiệu sách. Thèm sách đọc, tôi phải đi xe lam ra thị xã Quảng Ngãi cách nhà hơn hai mươi cây số. Hai hiệu sách quen thuộc là Thanh Tịnh và Đồi Non - Hoa Sen, dù đường sá cách trở và không an toàn, vẫn nhập về từ Sài Gòn nhiều sách hay, cả những kiệt tác văn học thế giới được dịch ra tiếng Việt. Thời trung học, tôi được đọc Lev Tolstoi, Ivo Andritch, Oe Kenzaburo, Chinua Achebe, Alan Paton... là nhờ mua ở những hiệu sách đó.

Lớn lên, tôi đi xa nhiều năm trở về, thị trấn quê nhà đã có tiệm sách nhưng hầu như chỉ bán sách giáo khoa và văn phòng phẩm. Những học trò mê sách văn học như chúng tôi thời xưa muốn có sách đọc vẫn phải đi ra thị xã, nay đã được nâng cấp lên thành phố. Hai thương hiệu Đồi Non - Hoa Sen và Thanh Tịnh còn đó sau nửa thế kỷ

nhưng mặt bằng thu hẹp lại, sách báo bán cùng với những mặt hàng tạp hóa. Cửa hiệu nhiều sách nhất giờ nằm trong thương xá lớn của thành phố.

Con đường đưa sách đến các làng quê xa xôi vẫn còn rất nhiêu khê. Mỗi lần về quê, tôi lại thấy ánh mắt các cháu tôi sáng rực lên khi nhận những cuốn sách mua từ thành phố. Thư viện các trường học nghèo lắm, ngoài sách giáo khoa, chỉ có sách tham khảo để luyện thi, những tác phẩm văn học dạy trong nhà trường và một ít truyện tranh. Miếng ăn còn chưa ngon, tiền học còn thiếu, nói chi đến văn chương xa vời.

Thỉnh thoảng đọc báo thấy tin những doanh nhân, nhà văn, nhà hoạt động xã hội thực hiện các dự án đưa sách về vùng xa. Có những tủ sách gia đình ở nông thôn mở cửa cho học trò và bà con nông dân đến đọc sách sau giờ học, sau buổi làm đồng. Gần đây một thư viện công có sáng kiến lập tủ sách lưu động, chở sách về vùng quê, vùng núi phục vụ người đọc. Quả là những việc làm tuyệt vời.

Nhưng có lẽ các cơ quan xuất bản và phát hành sách vẫn là nơi được trông mong nhất trong việc khắc phục cơn khát sách ở vùng xa. Nếu nghĩ đến người đọc mà không quá đặt nặng lợi nhuận vì phải tốn chi phí vận chuyển, thì sẽ có cách làm

cho đường đi và sức lan tỏa của sách rộng dài hơn chứ không chỉ loanh quanh ở các thành phố lớn, nơi sách có thể tiêu thụ và thu hồi vốn tương đối dễ dàng. Đêm cuối cùng ở Hội sách Thành phố Hồ Chí Minh, dạo qua các quầy sách đang tung ra giảm giá đến 50% những cuốn truyện thật hay, tôi bỗng ước ao lúc này được nắm tay mấy đứa cháu của mình đưa đến nơi đây. Những em bé ở vùng quê xa ngày hôm nay chắc cũng không dễ gì có được niềm vui bất ngờ như tôi ngày xưa khi gặp *Nụ cười* và *Cánh buồm trên biển cả*!

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần*,
ngày 6-4-2012

sức hấp dẫn của văn xuôi phi hư cấu

Trong thời đại thông tin và toàn cầu hóa, văn xuôi phi hư cấu (non-fiction) ngày càng có vai trò to lớn và có tác động mạnh mẽ tới độc giả không chỉ trong lĩnh vực báo chí mà cả trong lĩnh vực văn học. Có thể nói lịch sử văn học giao thoa với lịch sử báo chí là ở thể loại này. Không phải ngẫu nhiên mà hàng loạt tác phẩm hồi ký của các tướng lĩnh như Võ Nguyên Giáp, Trần Văn Trà; hồi ký của các nhà hoạt động chính trị như Bill Clinton, Barack Obama; nhật ký của Đặng Thùy Trâm, Nguyễn Văn Thạc được xuất bản với số lượng lớn.

Trong văn bản phi hư cấu, người trần thuật luôn là người chứng kiến câu chuyện được kể lại. Đó không phải là câu chuyện được tưởng tượng mà là những sự kiện, biến cố có thật, có thể được

kiểm chứng một cách khách quan. Những sự việc và con người ở đây đều phải được xác định rõ ràng về địa chỉ. Sức hấp dẫn mà văn xuôi phi hư cấu đem lại chính là sức hấp dẫn của sự thật. Vì vậy mà người viết văn phi hư cấu thường có tư chất của người nghiên cứu đi tìm sự thật.

Điều chính yếu làm nên giá trị, phẩm chất và ưu thế của văn xuôi phi hư cấu là tính chính xác và trung thực của nó. Sự kiện đã xảy ra khi nào? Ở nơi chốn nào? Ai đã tham gia vào sự kiện đó? Trong tất cả những trường hợp này, người đọc đòi hỏi câu trả lời cặn kẽ và rõ nghĩa, dù đó là con số, ngày tháng, lời khẳng định hay phủ định.

Văn bản phi hư cấu giống như những mảnh tranh ghép, được xây dựng từ những bức chân dung nhân vật, những bức tranh miêu tả cảnh quan đời người và sân khấu chính trị - xã hội, những suy niệm và trầm tư thế sự... Mở một văn bản phi hư cấu ra, độc giả có niềm tin rằng đây là cuộc đời tự nó lên tiếng và người trần thuật không can thiệp làm méo mó bản chất của sự kiện. Nhưng đồng thời, độc giả cũng chờ đợi cuộc gặp gỡ với một người trần thuật sâu sắc và tinh tường, có năng lực phán xét thông minh và nhạy bén. Nếu không, bức tranh sự kiện có thể trở nên xanh xao, thiếu máu và tác giả có thể bị trách cứ là ngây thơ, ngờ nghệch, thụ động trước đời sống.

Những thể loại phi hư cấu được phổ biến rộng rãi trên báo chí trước khi in thành sách là ký sự, phóng sự, hồi ký, bút ký, nhật ký, tạp bút... Nhiệm vụ của *ký sự* là trình bày và giải thích những sự kiện mới và đặc biệt quan trọng nhưng lúc đầu chưa được công chúng chú ý thích đáng. Ký sự luôn ở vùng giáp ranh giữa báo chí và văn học, cho phép văn học nhanh chóng hưởng ứng những đề tài và vấn đề thời sự của xã hội và con người. Ký sự đa dạng về nội dung, nó liên quan đến những vấn đề chính trị, kinh tế, khoa học và văn hóa, miêu tả những hiện tượng trong đời sống xã hội, thiên nhiên và môi trường, những câu chuyện ở chiến trường và pháp đình, những điển hình tiêu biểu cho các nhóm lợi ích và nghề nghiệp khác nhau...

Phóng sự có đặc điểm là tính kịp thời, sự dồn nén thông tin và văn phong năng động. Là một thể loại phi hư cấu, phóng sự còn mang yếu tố chính luận: câu chuyện kể về các sự kiện được xen kẽ với những suy nghĩ và bình luận ngoại đề của tác giả. Đối tượng của phóng sự thường là những tình huống cực đoan: tai nạn, thảm họa, những sự kiện ở các điểm nóng, chẳng hạn ở vùng chiến sự, thiên tai...

Hồi ký là một dạng văn phi hư cấu, một dạng văn học tư liệu, đồng thời cũng là hình thức văn xuôi tự thuật. Đó là sự trần thuật về những sự

kiện và hiện tượng trong đời sống xã hội, chính trị, văn hóa, nghệ thuật mà tác giả là người chứng kiến hay tác nhân của lịch sử, với những nhân vật mà người ấy tiếp xúc.

Ở Việt Nam, hồi ký của các nhà văn được chú ý: *Cát bụi chân ai* và *Chiều chiều* của Tô Hoài, *Ta đã làm chi đời ta* của Vũ Hoàng Chương, *Những nhân vật ấy đã sống với tôi* của Nguyên Hồng, *Từ bến sông Thương* của Anh Thơ, *Hồi ký* của Nguyễn Hiến Lê, *Hồi ký song đôi* của Huy Cận... Ngoài ra còn có hồi ký của một số nhà hoạt động nghệ thuật như Phạm Duy, Trần Văn Khê...

Trong văn học Việt Nam cũng như thế giới đã từng xuất hiện không ít trường hợp những tác phẩm phi hư cấu là đề tài tranh luận của giới sáng tác và phê bình, khi nó viết về những con người và sự kiện có thật nhưng đưa ra những nhận xét chủ quan và tùy tiện làm tổn thương không chỉ nhân vật mà cả niềm tin của độc giả. Điều này đặt ra một trong những vấn đề cốt lõi của thể loại phi hư cấu, đó là sự ràng buộc đạo đức của người viết và giới hạn can thiệp của người này vào cuộc đời riêng tư của người khác.

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần*,
ngày 7-6-2013

Trang giấy mở lòng ra

Khi các nhật ký của Nguyễn Văn Thạc và Đặng Thùy Trâm được công bố trong năm 2005, hiệu ứng xã hội của thể văn này trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Từ hiệu ứng đó, báo chí phát hiện thêm nhiều cuốn nhật ký cảm động của các liệt sĩ Hoàng Kim Giao, Hoàng Thượng Lân, Vũ Xuân...

Vì đây không phải là những nhà văn chuyên nghiệp và họ cũng không có ý định viết tác phẩm để đời cho lịch sử nên giá trị văn học của các nhật ký ấy không đồng đều. Tuy nhiên, có thể nói đóng góp của những cuốn sách ấy cho đời sống là không gì thay thế được.

Nhật ký là một thể loại văn học có tính chất tự thuật, trong đó chủ thể kể chuyện ghi lại một cách

đều đặn từ ngày này sang ngày khác những sự kiện và hiện tượng xảy ra trong đời mình. Sự xuất hiện của thể loại này liên quan đến những thời kỳ mà cá nhân có ý thức về số phận của mình. Trong nhật ký, sự trần thuật diễn ra hầu như đồng thời với các sự kiện, khác với hồi ký (như *Cát bụi chân ai* của Tô Hoài, *Một thời để mất* của Bùi Ngọc Tấn) và tự truyện (như *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng, *Thượng đế thì cười* của Nguyễn Khải) vốn được viết ra về sau và thường có một đề cương tổng quát. Nhật ký đáp ứng nhu cầu tự vấn lương tâm của con người, nó lưu lại dấu vết của đời sống và tâm trạng để tất cả không bị trôi đi theo dòng chảy của thời gian và sự quên lãng.

Trong văn học từng có hiện tượng một số văn bản vốn không ưu tiên chức năng thẩm mỹ, như một bài kệ, một lá thư, một cuốn nhật ký... nhờ giá trị nội tại của thông điệp và hiệu ứng xã hội của sự tiếp nhận, đã đi vào lịch sử như những tác phẩm văn học đúng nghĩa. Không thiếu những thí dụ về hiện tượng này: những bức thư của bà De Sévigné gửi con gái trong văn học Pháp thế kỷ 17 là trường hợp tiêu biểu. Văn học thế giới cũng đã chứng kiến nhiều nhật ký trở thành tác phẩm có giá trị của các nhân vật tên tuổi như H. Delacroix, W. Goethe, Lev Tolstoi... đặc biệt là các cây bút nữ đặc sắc như George Sand, Virginia Woolf, Anne

Frank... Kinh nghiệm cho thấy, để bảo đảm tính chân thực lịch sử và không vi phạm quan hệ tin cậy của người đọc nhật ký, việc biên tập và công bố phải hết sức nghiêm túc, cẩn trọng.

Đọc nhật ký Nguyễn Văn Thạc, Đặng Thùy Trâm và các tác giả khác vừa được công bố, ta có thể thấy được ánh phản chiếu của bộ mặt xã hội và hiện thực đất nước trong chiến tranh. Dưới ngòi bút của Nguyễn Văn Thạc, hiện lên rõ nét cuộc sống và con người trên hậu phương miền Bắc; còn qua sự miêu tả của Đặng Thùy Trâm lại nổi bật tính chất kiên cường và khốc liệt của cuộc chiến đấu trên mảnh đất miền Trung Trung Bộ. Nhật ký Nguyễn Văn Thạc thiên về tâm tình hơn là sự kiện, nhật ký Đặng Thùy Trâm thì ngược lại. Điều đáng quý hơn cả là những cuốn nhật ký đó đã biểu hiện trung thực tâm hồn, khát vọng, lý tưởng sống của một tuổi trẻ hiến dâng, chấp nhận mọi hy sinh, đứng lên "đáp lời sông núi" trong một giai đoạn sôi bỏng của lịch sử. Từ ý hướng cầm bút, đó chưa phải là những tác phẩm nghệ thuật, nhưng do sức thuyết phục của sự thật - sự thật đời sống và sự thật tâm hồn - chúng đã góp phần khẳng định nhật ký như một thể loại văn xuôi phi hư cấu (non-fiction) có khả năng làm phong phú và đa dạng đời sống văn học. Ngôn

ngữ chân thật, giản dị mà sâu đậm cũng là một yếu tố quan trọng để làm nên điều đó.

Theo trí nhớ của chúng tôi, trong nhiều năm qua, sau hiện tượng các tiểu thuyết *Đứng trước biển* và *Cù lao Tràm* của Nguyễn Mạnh Tuấn, chưa có cuốn sách nào được in với số lượng và doanh thu lớn, đồng thời gây ra những tác động sâu rộng như thế trong xã hội. Hai cuốn nhật ký vừa kể là chất men xúc tác cho hàng loạt bài báo và ấn phẩm có liên quan, là nguồn cảm hứng cho thơ ca, âm nhạc, hội họa... Đến với độc giả đa dạng bao gồm nhiều thành phần với những hoàn cảnh khác nhau: già - trẻ, nông thôn - thành thị, người trong nước - người ở nước ngoài, người từng ở bên này hay bên kia chiến tuyến... các cuốn nhật ký trở thành nhịp cầu góp phần nối liền những tâm hồn một thời xa cách nhau. Có thể nói những trang sách đã đóng vai trò là sợi dây liên lạc và truyền thông giữa các thế hệ. Ở một tầm vóc khác, qua hành trình đi tìm gốc tích tác giả của Frederic Whitehurst, nghĩa cử của Trung tâm Việt Nam học - Trường Đại học Texas Tech và sự khoan hòa trong ứng xử của gia đình Đặng Thùy Trâm, có thể nói đến một cơ may cho sự hòa giải giữa hai đất nước Việt - Mỹ.

Các nhà nghiên cứu có thể rút ra nhiều bài học từ việc công bố các nhật ký chiến tranh. Những

cuốn nhật ký đó giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn bài học lịch sử và ý nghĩa của cuộc kháng chiến cùng cái giá xương máu mà dân tộc ta phải trả cho chiến thắng. Nguyễn Thi, Chu Cẩm Phong, Dương Thị Xuân Quý, Nguyễn Văn Thạc, Đặng Thùy Trâm và đồng đội luôn nhắc nhở chúng ta: Đừng quên, xin đừng vội quên! Văn học biết ơn những cuốn nhật ký ấy không chỉ vì nó góp phần lưu giữ ký ức chiến tranh, cung cấp những tư liệu cho nhà văn xây dựng những bộ tiểu thuyết dài hơi; mà còn vì nó nói được những điều văn-xuôi-hư-cấu chưa nói được, nó đánh thức cảm hứng viết về chiến tranh đang dần nguội lạnh ở một số cây bút và lên tiếng đòi hỏi những tác phẩm lớn hơn nữa xứng đáng với chiến công và sự hy sinh.

Những trang giấy ố vàng, một ngày nọ, không chấp nhận cái thế giới im lặng tưởng như vĩnh cửu, đã mở lòng ra với cuộc đời rộng lớn chung quanh. Và những trang sách của những tâm sự riêng tư đã vượt khỏi câu chuyện của một người để trở thành câu chuyện của muôn người.

Báo *Người Lao Động*,
Xuân Bính Tuất 2006

Truyện ngắn lên hương[1]

Hình thành từ khi Chúa Nguyễn Phúc Chu cử Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh làm kinh lược sứ lập dinh Trấn Biên và Phiên Trấn cách nay hơn ba trăm năm, Thành phố Hồ Chí Minh - tên gọi được chính thức xác định khi nước Việt Nam thống nhất năm 1975, bao gồm địa bàn Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định trước đây - có một lịch sử đặc biệt và một số phận khác thường.

Trong ba thế kỷ xây dựng và phát triển, Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh đã trải qua nhiều chế độ khác nhau: phong kiến, thuộc địa, tư bản - thực dân cũ và thực dân mới - và nay là xã hội chủ nghĩa. Thành phố này đã chứng kiến và chịu

(1) Lê Văn Thảo và Huỳnh Như Phương là đồng tác giả bài viết này.

ảnh hưởng của nhiều sự kiện lịch sử lớn lao làm biến đổi xã hội và con người: cuộc xâm lược của những đoàn quân viễn chinh; những cuộc nổi dậy và kháng chiến giành độc lập; sự tiếp xúc với nền văn minh phương Tây; những cuộc di dân từ miền Bắc, miền Trung, từ nông thôn miền Đông và miền Tây Nam Bộ; những cuộc chính biến và đổi ngôi của các thế lực cầm quyền...

Tất cả những điều đó đã làm cho thành phố này mang một cấu trúc đa dạng và đa sắc trong tiến trình lịch sử về mọi lãnh vực: kinh tế, chính trị, xã hội, cơ cấu dân cư, văn hóa, tư tưởng và cả văn học nghệ thuật. Trong những giai đoạn chuyển tiếp của lịch sử, thành phố này từng là hợp thể của những đối cực về văn hóa mà những giá trị thực sự muốn giành vị trí để được thừa nhận rộng rãi nhiều khi phải trải qua nhiều thời gian tranh cãi, thuyết phục. Cho đến nay một công trình tổng kết đầy đủ hành trình văn hóa, văn học của ba trăm năm lịch sử thành phố vẫn là dự án còn ở phía trước.

Chỉ tính riêng ba mươi tám năm từ ngày đất nước thống nhất, việc tổng kết những thành tựu trên lĩnh vực văn học cũng chỉ là công việc bước đầu. Những cuốn sách tập hợp và tuyển chọn tác phẩm văn học của người thành phố hay viết về thành phố, bao gồm cả một số tác giả định cư ở nước ngoài, hiện chỉ có thể đếm trên đầu ngón tay.

Khó khăn đặt ra ở đây không chỉ về tư liệu mà còn về một quan niệm, một cách nhìn thỏa đáng, có khả năng được sự đồng thuận trong văn giới, đối với những giá trị cần được khẳng định và lưu giữ.

Người viết truyện ngắn ở thành phố hiện nay có đến cả trăm, với những phong cách khác nhau, chọn những tác giả nào đại diện cho một nền văn xuôi là chuyện không dễ. Mỗi tác giả lại không phải chỉ có một tác phẩm hay, chọn truyện ngắn nào tiêu biểu cho một phong cách cũng là chuyện phải cân nhắc. Truyện ngắn hay với người này chưa chắc đã hay với người khác, tác phẩm được bạn đọc trong nước hoan nghênh có thể chịu sự thờ ơ của bạn đọc nước ngoài.

Những nhà văn cao niên viết truyện ngắn ở Thành phố Hồ Chí Minh hầu hết là những người đã tham gia hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ: Sơn Nam, Trang Thế Hy, Trần Kim Trắc, Đoàn Giỏi, Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng, Hoàng Lại Giang, Trần Thanh Giao, Đoàn Minh Tuấn, Đinh Phong... Sau năm 1954, nhiều người thuộc thế hệ của họ tập kết ra miền Bắc theo quy định của Hiệp định Genève, và chấp nhận tình cảnh bị cắt đứt với cái nôi của phong tục và ngôn ngữ miền Nam. Chính vì vậy mà ở trên miền Bắc, họ hầu như chỉ viết về thiên nhiên và con người nơi quê hương xa cách với những hồi ức và kỷ

niệm. Điều đó lại tiếp tục khi họ trở về quê hương, ngay khi cuộc chiến tranh chống Mỹ đang hồi ác liệt hay khi đất nước đã thanh bình, đoàn tụ. Trần Kim Trắc, vốn được biết đến nhờ một vài truyện ngắn được phổ biến thời chống Pháp ở Nam Bộ, ra đến miền Bắc, vì một lý do riêng, đã ngưng sáng tác cho đến ngày trở về miền Nam sau 1975 mới cầm bút trở lại và khai thác những câu chuyện ngày cũ bị bỏ dở. Đoàn Giỏi nổi tiếng ở miền Bắc với tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam*, kết hợp đặc sắc chất phương xa và nghệ thuật miêu tả phong tục, khi trở lại cố hương tiếp tục phát huy thế mạnh của mình qua câu chuyện *Tiếng gọi ngàn*.

Cùng thế hệ đó, trên miền Bắc, Bùi Đức Ái, Nguyễn Quang Sáng kịp xuất bản một vài cuốn sách với tên thật thuở mới vào nghề, trước khi đổi bút danh thành Anh Đức và Nguyễn Sáng để trở về miền Nam tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ, cùng với Nguyễn Thi, Trần Hiếu Minh, Đinh Quang Nhã, Võ Trần Nhã... Trong khi đó, Viễn Phương, Trang Thế Hy ở lại Sài Gòn, chịu cảnh tù đày rồi thoát ra chiến khu, nơi "tập kết" mới không chỉ của những người đi từ Bắc vô Nam dọc con đường Hồ Chí Minh trên dãy Trường Sơn, mà cả những người trẻ hơn, từ bỏ cuộc sống thị thành, chấp nhận cầm bút viết văn trong hoàn cảnh đối diện với cái chết, như Lê Văn Thảo, Nguyễn Hồ,

Lê Văn Duy... Có thể nói họ là những nhà văn am hiểu sâu sắc cuộc sống và con người Nam Bộ trong cuộc kháng chiến lần thứ hai.

Những người ra đi từ miền đất này, mãi hơn hai mươi năm sau, mới gặp lại nhau trên thành phố Sài Gòn, nay đã đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh: người theo chân chiến dịch Hồ Chí Minh về sớm, người giã từ Hà Nội hồi hương muộn hơn đôi chút. Họ cũng gặp gỡ những nhà văn từng sống và cầm bút trong nội thành (Sơn Nam, Vũ Hạnh, Nguyễn Nguyên, Lưu Nghi, Thế Nguyên, Trần Hữu Lục, Mường Mán, Hoàng Ngọc Tuấn, Đoàn Thạch Biền...), những nhà văn quê gốc miền Bắc định cư ở thành phố (Nguyễn Khải, Nguyễn Mạnh Tuấn, Nhật Tuấn, Trần Văn Tuấn, Văn Lê, Triệu Xuân, Lê Điệp, Dương Trọng Dật, Hoàng Đình Quang, Nguyễn Quốc Trung...) cùng với những cây bút thuộc thế hệ mới, trẻ hơn, những người chung một niềm khát khao xây dựng nền văn học trên đất nước nay đã hòa bình độc lập, trong một hoàn cảnh không phải đã hết những ngộ nhận và mặc cảm về nhau, những ngộ nhận và mặc cảm mà tất cả đều biết rằng sự giải tỏa bằng ứng xử nghề nghiệp và bằng chính ngòi bút không phải là chuyện một sớm một chiều.

Không phải ngẫu nhiên mà *Bàn thờ tổ của một cô đào* (Nguyễn Quang Sáng), *Tiếng khóc và tiếng*

hát (Trang Thế Hy) cùng đặt vấn đề về lý tưởng nghề nghiệp, quan niệm nghệ thuật và sứ mệnh của người nghệ sĩ. Người viết văn cũng như đào cải lương Thanh Sa, vừa phải diễn cho hay đồng thời vừa phải để công chúng tôn trọng về nhân cách. Dù là đối thoại bằng ngôn ngữ dân dã hay hơi văn hoa, trí thức, những nhân vật ấy ý thức rằng nghệ thuật luôn đặt trên một niềm tin về lý tưởng. Có tra vấn về lý tưởng, nhưng họ không quá dằn vặt, không đến mức phải cố gắng để mà sống, lại càng không rơi vào tình trạng khủng hoảng lòng tin.

Trong những nhà văn cao niên, Mạc Can là một trường hợp đặc biệt: là một nghệ sĩ ảo thuật, ông bước vào nghề văn khá muộn, hoàn toàn như một người "tự đào tạo". *Khẩu thuật* là truyện ngắn tiêu biểu gắn liền với vốn sống do nghề nghiệp đem lại cho ông. Nó cũng thể hiện cách viết sở trường của Mạc Can: "người nói giọng bụng" là tiếng nói thứ hai từ trong tiềm thức của ông, nó là tiếng nói của tấm lòng, của sự chân thành trước khi là tiếng nói của tài năng.

Như một quy luật, nếu biểu đồ sáng tác của những nhà văn cao niên ngày càng thưa thớt, thì ấn phẩm của thế hệ trẻ ngày càng dày lên trên các kệ sách. Ở tuổi đôi mươi khi miền Nam đổi thay chế độ, Nguyễn Thị Minh Ngọc là Nguyễn

Thị Ngọc Minh, Ngô Thị Kim Cúc là Vô Ưu mà truyện ngắn được chú ý trên báo định kỳ của Sài Gòn thời cũ, hơn ba thập kỷ qua đã cùng Lý Lan, Nguyễn Đông Thức, Lưu Thị Lương... làm chứng cho những đổi thay trong bước chuyển xã hội nhiều khi làm quặn thắt lòng người.

Không có gì khó hiểu khi tác phẩm của thế hệ chuyển tiếp này mang dấu ấn bi kịch của xã hội. Truyện ngắn của Nguyễn Thị Minh Ngọc, Lý Lan mang không khí bước chuyển của thời đại, đồng thời với dấu hiệu của tuổi trẻ hoang mang và khủng hoảng. Nhân vật không những tra vấn về lý tưởng mà còn tự tra vấn về chính sự hiện hữu của mình. Sống, bây giờ, đối với họ là một cố gắng. Đi tìm căn cước của chính mình giữa một thế giới chuyển động ở ngoài ý muốn, nhân vật trong *Cô con gái* của Lý Lan đối mặt với sự giả dối, khi mà "nói dối trở thành một nghệ thuật sống". Ý tưởng này còn bắt gặp trong ẩn dụ về *Rượu* của Nguyễn Đông Thức: nhà văn mượn chuyện lẫn lộn rượu thật, rượu giả để nói về chuyện thật giả ở đời vốn khó lường.

Ở những nhà văn trẻ hơn, hầu hết lớn lên sau ngày hòa bình, nhận thức về đời sống gắn liền với ý thức về số phận tuổi trẻ trong bối cảnh mới của xã hội. Trên một phối cảnh rộng, những truyện ngắn về chủ đề "vào đời" của Phan Triều Hải,

Tiến Đạt... phơi bày một đời sống đa diện. Trên một trắc diện hẹp, truyện ngắn *Có con* của Phan Thị Vàng Anh bộc lộ nỗi hoang mang trong tình cảm lẫn lộn mơ hồ của một cô gái với cái bào thai dường như đang tượng hình trong bụng: một mặt, nó như cái neo của tình yêu; mặt khác, nó đe dọa tự do sống và tự do chết của chính mình.

Trong kháng chiến, các nhà văn ít viết chuyện gia đình, nếu có thì cũng là nhân đó nói chuyện chiến đấu, chuyện xã hội. Khi hòa bình trở lại, những biến chuyển xã hội dội vào bên trong gia đình, cá nhân đối mặt với khủng hoảng và bi kịch ngay trong tổ ấm của mình. Những gì mà lịch sử tưởng rằng đã giải quyết trên bình diện xã hội, thì lại ngấm ngầm gây ra những vết thương ở đằng sau những cánh cửa. *Chị em,* một truyện ngắn cảm động của Nguyễn Thị Châu Giang, cho thấy thiện ý của con người nhắm đến sự hòa giải trong một gia đình sau chiến tranh.

Có thể thấy cái nhìn ưu tư và dằn vặt về đời sống trong nhiều truyện ngắn của Trần Nhã Thụy, Vũ Đình Giang, Nguyễn Vĩnh Nguyên, nhưng cách ứng xử để giải quyết thì mỗi người mỗi vẻ. Đối mặt với vấn đề thế sự qua những cảnh đời oan khổ, truyện ngắn *Đất* của Nguyễn Danh Lam có dáng dấp một truyện vừa thu gọn, kế thừa truyền thống hiện thực của văn xuôi viết

về người nông dân bị cách ly khỏi mảnh đất chôn nhau cắt rốn của mình. Nhưng nếu các tác phẩm trước đây của Võ Hồng, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam gắn với nông thôn thời chiến qua số phận của những người nông dân chân lấm tay bùn, thì truyện ngắn của Nguyễn Danh Lam nói đến cuộc đổi dời gây chấn thương trong tâm hồn những người trẻ vừa rời ghế nhà trường. Không có những tìm tòi nghệ thuật, *Đất* của Nguyễn Danh Lam khiến người ta chú ý vì nó cho thấy những nhà văn trẻ vẫn không quay mặt với đám đông khốn khổ và vẫn muốn xem văn học như những lời cảnh báo.

Nhiều cây bút trẻ hiện nay chủ yếu sống ở miền Nam, nhưng họ không ngại viết về những con người của Hà Nội và nông thôn miền Bắc. Dễ hiểu thôi, đất nước bây giờ đã thống nhất, người vùng này đi lại, giao tiếp nhiều ở vùng kia, ngôn ngữ địa phương từng bước hòa trộn vào ngôn ngữ dân tộc. Những nhà văn trẻ bây giờ không còn sự dè dặt của những nhà văn đàn anh sống trên đất Bắc để chỉ viết về quê hương bản quán. Sự hội nhập về văn hóa sẽ dẫn đến sự hội nhập về ngôn ngữ và việc đi tìm ngôn ngữ Nam bộ thuần khiết chắc sẽ khó khăn, cũng như không còn cần thiết, trong một thành phố đa dạng về dân cư như Thành phố Hồ Chí Minh.

Sức sống của truyện ngắn ở Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện rõ nhất trong sinh hoạt báo chí. Như thông lệ, vào độ cuối năm, các tòa soạn báo tập trung làm báo Tết. Mỗi tờ báo Tết đều phải chuẩn bị vài ba truyện ngắn của những tác giả được ưa thích. Có tác giả ăn khách một cái Tết đăng được ba, bốn truyện ngắn, nhận tiền nhuận bút gần bằng nửa năm lương công chức. Muốn vậy, người viết phải chuẩn bị từ mấy tháng trước, suy nghĩ đề tài nào phù hợp với mùa xuân, cốt truyện hấp dẫn nhưng đừng buồn quá. Viết xong rồi, nếu không phải chính tòa soạn đặt bài, thì còn cân nhắc nên gửi cho báo nào để chắc chắn được sử dụng.

Khoảng hai mươi lăm năm nay, từ khi hệ thống báo chí nước ta phát triển đa dạng, truyện ngắn là thể loại văn học được hưởng lợi nhất. Hàng tuần báo nào cũng giới thiệu truyện ngắn, có truyện ngắn với tư cách "đoản thiên tiểu thuyết", truyện ngắn 1.200 chữ, truyện ngắn trong lòng bàn tay, truyện ngắn "vi hình", truyện cực ngắn và tuyệt ngắn. Nhiều tập truyện ngắn là kết quả một thời gian tác giả "cày bừa" trên mặt báo, sau đó tập hợp lại thành sách. Cứ trung bình một truyện ngắn đăng báo được trả hai triệu đồng, viết 12 truyện sẽ được khoảng 24 triệu; nhưng nếu những truyện đó in thành sách, với *tirage* 1.000 bản thì nhuận bút cũng chỉ bằng một phần ba số đó.

Như vậy, hiện nay cả về khả năng phổ biến lẫn sự đãi ngộ, báo chí trở thành "bà đỡ" cho truyện ngắn. Mặt báo là nơi tập dượt và thi thố của các tài năng văn xuôi. Hầu như không một người viết truyện ngắn đích thực nào thành danh mà không đi vào thế giới văn chương qua cửa ngõ của báo chí. Tình hình này khác với báo chí miền Bắc trong chiến tranh, lúc truyện ngắn chỉ xuất hiện trên một số tờ báo định kỳ và hầu như vắng mặt trên nhật báo. Còn ở miền Nam thời ấy, nhật báo lại ưu tiên cho tiểu thuyết *feuilleton*, có tờ mỗi ngày đăng cùng lúc sáu tiểu thuyết; trong khi các tạp chí văn nghệ mới là đất dụng võ của truyện ngắn.

Thật thú vị khi chứng kiến hiện tượng không hề ngẫu nhiên này: trước đây ở Sài Gòn các nữ sĩ nổi tiếng đều viết tiểu thuyết. Đó là Bà Tùng Long, Túy Hồng, Nhã Ca, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Lệ Hằng... Còn hiện nay thế mạnh của những cây bút nữ ở Thành phố Hồ Chí Minh chủ yếu là truyện ngắn: Lý Lan, Ngô Thị Kim Cúc, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Dạ Ngân, Bích Ngân, Hồng Duệ, Phan Thị Vàng Anh, Trầm Hương, Hiền Phương, Phạm Thị Ngọc Liên, Lưu Thị Lương, Nguyễn Thị Châu Giang, Phan Hồn Nhiên, Trầm Hương, Nguyễn Thu Phương, Kim Quyên, Thu Trân, Nguyễn Thúy Ái, Dương Thụy, Liêm Trinh... Nói như vậy không phải là phủ nhận

những cuốn tiểu thuyết hay của các nhà văn nữ; nhưng rõ ràng là họ chiếm lĩnh thị trường chữ nghĩa chủ yếu ở lĩnh vực truyện ngắn. Thật sự chưa lúc nào trên địa bàn này có nhiều nhà văn nữ viết truyện ngắn như hiện nay.

Một cái lợi nữa của người viết truyện ngắn hiện nay là những thiên truyện thành công thường được in lại nhiều lần trong các tuyển tập. Dạo một vòng qua các hiệu sách, ta sẽ thấy một loạt sách *Truyện ngắn hay*, *Truyện ngắn nữ*, *Truyện ngắn trẻ*... Trên cái nền chung đó, chọn lựa một tập truyện ngắn của những tác giả thời danh để dịch sang tiếng Anh nhằm quảng bá cho văn học Việt Nam là việc khả thi.

Có thể nói truyện ngắn vẫn đang được những cây bút thủy chung bền bỉ khơi dậy sức sống tiềm tàng của nó. Đối với những nhà văn cao niên đã từng thao dượt và thu hoạch thành quả trên nhiều thể loại, nếu độc giả không còn trông đợi ở họ những bộ tiểu thuyết dài hơi, thì vẫn có hy vọng gặp lại cái duyên của ngòi bút họ qua những thiên truyện ngắn. Đọc những tập truyện của những phong cách đã định hình, bạn đọc phát hiện những ý tưởng thâm trầm ẩn chứa trong những cốt truyện và tính cách được sáng tạo từ những trải nghiệm lịch lãm. Còn với những nhà văn trẻ

thì sức khai phá của thể loại truyện ngắn chứa đựng nhiều hứa hẹn chưa thể nào tiên đoán hết.

Tất nhiên, cũng như các thể loại khác, trong cái biển truyện ngắn hiện nay, bên cạnh những tác phẩm đặc sắc, những tác phẩm trung bình và tẻ nhạt nhiều không kể xiết. Điều này khiến cho một số người lo âu rằng sự phát triển về số lượng sẽ mâu thuẫn với chất lượng. Nhưng thử hỏi, ngay trong thời bao cấp, việc công bố tác phẩm hết sức khó khăn, bản thảo phải sắp hàng chờ đợi lâu, mà chất lượng cũng có phải tương xứng đâu! Thành ra, trong cuộc sống căng thẳng và bận rộn này, độc giả đừng sốt ruột thêm với văn chương, cứ thong thả mà đọc, trong năm bảy tập truyện gặp một cuốn hay, trong một cuốn gặp vài truyện hay, hẳn đó là niềm vui không dễ dãi mà cũng không uổng phí.

Thành phố Hồ Chí Minh là một thành phố ở bến sông, gần cửa biển, đã chứng kiến những cuộc giao lưu và tiếp biến văn hóa. Văn học ở nơi đây vẫn không thôi nuôi khát vọng mở cửa ra với thế giới. Qua tấm gương của truyện ngắn, bạn đọc có điều kiện cảm nhận được những nét chính trong sự phát triển của văn xuôi nghệ thuật ở thành phố này.

Trong bối cảnh đó, sưu tầm, tuyển chọn và dịch thuật một tập truyện ngắn của những nhà

văn ở Thành phố Hồ Chí Minh để giới thiệu với công chúng đọc tiếng Anh là một nỗ lực khiêm tốn của những người thực hiện, có lẽ chỉ mới đáp ứng phần nào đòi hỏi của bạn đọc. Vì vậy, phải chăng chỉ nên xem tập truyện ngắn Thành phố Hồ Chí Minh được dịch ra Anh ngữ này như một thử nghiệm bước đầu giới thiệu một góc thành tựu của văn học địa phương, nhằm góp phần quảng bá văn học Việt Nam ra thế giới.

Rồi sẽ có những tập sách tiếp theo được chuyển ngữ từ truyện ngắn của nhiều nhà văn tài năng khác của Thành phố Hồ Chí Minh. Trong dự án dịch thuật của Khoa Ngữ văn Anh Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, điều đó chắc sẽ thành hiện thực. Lúc ấy, bạn đọc sẽ có điều kiện cảm nhận được toàn cảnh sự phát triển của thể loại truyện ngắn ở thành phố này. Trong khi chờ đợi một công trình dày dặn và bề thế hơn, chúng ta ghi nhận và chào mừng sự ra đời của tập sách gồm 15 truyện ngắn được dịch ra tiếng Anh do chính các tác giả và dịch giả chọn lựa.

Lời giới thiệu sách *Contemporary Short Fiction from Southern Vietnam*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2013
Bài đã đăng *Tạp chí Lý luận - phê bình văn học nghệ thuật*, số 8, tháng 4-2013 với nhan đề *Truyện ngắn Thành phố Hồ Chí Minh - Một vài ghi nhận*

Trả lại vị trí xứng đáng cho những tác phẩm giá trị

Tính từ khi tiểu luận *Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ* và bài thơ *Tình già* của Phan Khôi được công bố trên *Tập văn mùa xuân*, phụ san của Báo *Đông Tây* Xuân Nhâm Thâm 1932, và trên báo *Phụ Nữ Tân Văn* ngày 10-3-1932, phong trào Thơ Mới ra đời đến nay đã tròn tám mươi năm. Tính từ khi Nhất Linh Nguyễn Tường Tam làm giám đốc tuần báo *Phong Hóa* vào ngày 22-9-1932, chuẩn bị cho sự ra đời của Tự Lực văn đoàn sau đó[1], tám mươi năm cũng đã trôi qua. Nhân

(1) Nguyễn Tường Tam chính thức được ghi tên Directeur (Giám đốc) trên trang bìa báo *Phong Hóa* số 14, ra ngày 22-9-1932. Đến số 87, ra ngày 2-3-1934, *Phong Hóa* mới công bố Tôn chi của Tự Lực văn đoàn.

dịp này, một số cơ quan nghiên cứu và giảng dạy văn học trân trọng kỷ niệm hai sự kiện văn học lớn, có ảnh hưởng quan trọng đến tiến trình hiện đại hóa văn học nước ta.

Là sản phẩm của lịch sử và văn hóa Việt Nam, chịu ảnh hưởng bởi những biến động chính trị, xã hội, kinh tế trong tám thập niên vừa qua, hai hiện tượng văn học nói trên đã trải qua những chặng đường gập ghềnh trong sự tiếp nhận, thưởng thức và đánh giá. Trong những hoàn cảnh cực đoan, có lúc Thơ Mới và Tự Lực văn đoàn đã bị xem là những hiện tượng văn học suy đồi, tiêu cực, thậm chí có hại cho việc giáo dục đạo đức và thẩm mỹ.

Đường lối Đổi mới xã hội và văn hóa, văn học khởi xướng từ năm 1986 đã góp phần cứu vớt số phận của hai trào lưu văn học này, "chiêu tuyết" cho nó và từng bước đưa nó trở lại với đời sống. Những thi phẩm công bố trước 1945 của Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Huy Thông, Chế Lan Viên, Anh Thơ, Vũ Hoàng Chương, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Tế Hanh, Bích Khê, Hồ Dzếnh, Đoàn Phú Tứ, Nam Trân, Phạm Hầu, Xuân Tâm, Đinh Hùng... lần lượt được in lại với số lượng lớn. Truyện ngắn, tiểu thuyết của Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Trần Tiêu... cũng được tái bản và phát hành rộng rãi, chứ không phải là tài liệu hạn chế trong thư viện chỉ dành

cho một số ít nhà nghiên cứu tiếp xúc mà thôi. Một số bài thơ hay của văn học lãng mạn được đưa vào các tuyển tập, được bình giảng trong sách giáo khoa trung học, được chọn làm đề thi tú tài và đại học. Hầu hết các nhà thơ, nhà văn nói trên cùng tác phẩm của họ được khảo sát trong các tiểu luận, luận văn, luận án ở nhà trường đại học.

Có thể nói một trong những thành tựu lớn nhất của khoa nghiên cứu, phê bình văn học thời kỳ Đổi mới là việc phân tích, nhận thức lại những hiện tượng văn học quá khứ đã từng bị đánh giá bất công, từ đó đi đến nhận định khách quan và xác lập cho nó vị trí xứng đáng trong văn học sử. Những nhận xét thỏa đáng về các hiện tượng văn học ấy của Hoài Thanh, Vũ Ngọc Phan trước 1945 và của những nhà nghiên cứu ở miền Nam trước 1975 như Phạm Thế Ngũ, Thanh Lãng, Đặng Tiến, Lê Huy Oanh, Bùi Đức Tịnh... được thừa nhận. Một số nhà nghiên cứu từng nặng lời với Thơ Mới và Tự Lực văn đoàn trước đây cũng thay đổi cách nhìn. Đặc biệt, từ cuối những năm 80 thế kỷ trước đến nay, nhiều công trình cá nhân và tập thể được biên soạn trong tinh thần khoa học, giúp người đọc cảm và hiểu sâu hơn những tác gia, tác phẩm của một giai đoạn văn học phát triển mạnh mẽ vào những năm 1932 - 1945. Có thể kể ở đây một số cuốn sách tiêu biểu: *Thơ Mới - những bước*

thăng trầm của Lê Đình Kỵ, *Mắt thơ* của Đỗ Lai Thúy, *Nhà văn tiền chiến và quá trình hiện đại hóa...* của Vương Trí Nhàn, *Về Tự Lực văn đoàn* của Nguyễn Trác và Đái Xuân Ninh, *Tự Lực văn đoàn - con người và văn chương* của Phan Cự Đệ, *Tự Lực văn đoàn - trào lưu và tác giả* của Hà Minh Đức, *Ba đỉnh cao Thơ Mới* của Chu Văn Sơn, *Giọng điệu thơ trữ tình* của Nguyễn Đăng Điệp, *Nhìn lại một cuộc cách mạng trong thi ca* do Huy Cận và Hà Minh Đức chủ biên...

Trong các nhà nghiên cứu về Thơ Mới và Tự Lực văn đoàn, chúng tôi muốn nhắc đến hai tác giả với sự trân trọng về lao động công phu, kiên trì và hiệu quả. Đó là Hà Minh Đức, giáo sư đầu ngành văn học, với một loạt công trình biên khảo, sưu tầm, ghi chép về các nhà thơ Huy Cận, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Tế Hanh, Anh Thơ trong bộ sách được lần lượt xuất bản khoảng năm năm gần đây. Thuộc thế hệ trẻ hơn, Vu Gia chuyên tâm nghiên cứu về những tác gia thành viên của Tự Lực văn đoàn: Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Hoàng Đạo, Tú Mỡ, Thế Lữ. Bộ sách của ông cuốn nào cũng dày từ ba trăm trang đến gần một ngàn trang, đầy ắp tư liệu mới làm cơ sở cho những nhận định bổ sung vào những khoảng trống văn học sử.

Những công trình nghiên cứu đa dạng và đa diện về phong trào Thơ Mới và Tự Lực văn đoàn

cho thấy đây là những hiện tượng "một đi không trở lại" trong lịch sử văn học dân tộc, có giá trị đích thực và sức sống dài lâu, còn có thể được tiếp tục khám phá. Bằng chứng là dưới ánh sáng của thi pháp học, phong cách học, lý thuyết tiếp nhận, văn bản Thơ Mới và văn xuôi Tự Lực văn đoàn bộc lộ vẻ đẹp và sự phong phú của nó, đồng thời cho thấy tiếng vang của nó còn ngân xa trong lòng các thế hệ văn thi sĩ và độc giả đến sau.

Tất nhiên, mọi hiện tượng văn học đều có những giới hạn lịch sử của nó. Thơ Mới và Tự Lực văn đoàn cũng không là ngoại lệ. Kỷ niệm hai sự kiện văn học này không phải là dịp để chúng ta tôn vinh những khuôn mẫu không hề bị vượt qua mà quan trọng hơn là rút ra những bài học cho những cách tân hôm nay. Thời đại mới, con người mới luôn luôn cần những tiếng nói nghệ thuật mới. Trân quý những tiếng nói nghệ thuật cũ không có nghĩa là mãi mãi nằm trong bóng râm và vùng từ trường của nó. Trên thực tế, văn học ở những địa bàn khác nhau của đất nước, từ cuối những năm 50 thế kỷ trước đến nay, đã có những bứt phá và đột phá mà có lẽ lúc đương thời những Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Xuân Diệu... dù đầy tài năng, cũng chưa thể hình dung được.

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần*,
ngày 7-9-2012

Những nhà xuất bản đoản mệnh

Một lần tôi viết bài báo có ghi chú thích nguồn tài liệu từ một cuốn sách do Nhà xuất bản Trẻ ấn hành ở Sài Gòn năm 1974, người biên tập cẩn thận yêu cầu kiểm tra lại vì cho rằng nhà xuất bản này chỉ mới thành lập năm 1986. Thật ra, tuy trùng tên nhưng đó là hai nhà xuất bản khác nhau. Nhà xuất bản Trẻ trước 1975 do nhà nghiên cứu, dịch giả Lê Thanh Hoàng Dân sáng lập, chỉ hoạt động trong một thời gian ngắn nhưng cũng kịp in một số sách giá trị về giáo dục và văn học thế giới.

Ở miền Nam trước đây, hầu hết các nhà xuất bản không phải của cơ quan, đoàn thể mà chủ yếu của tư nhân, nên được đặt tên rất "thoải mái". Có những tên chịu ảnh hưởng Tây phương như Thời Mới, Đêm Trắng, Ngưỡng Cửa...; đồng thời

có nhiều tên mang tính chất Đông phương như Lá Bối, An Tiêm, Lửa Thiêng, Ca Dao, Hoa Tiên, Nam Sơn, Phù Sa, Đồng Dao, Mặc Lâm, Kẻ Sĩ, Cảo Thơm, Tao Đàn, Nam Chi Tùng Thư... Lại có nhà xuất bản mang tên của chính chủ nhân: Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Đình Vượng, Phạm Văn Tươi. Mỗi thương hiệu xuất bản thường tạo uy tín bằng những đầu sách về khảo cứu, sáng tác hay dịch thuật.

Quy mô hoạt động của mỗi nhà xuất bản lúc đó thường chỉ là một "xí nghiệp vừa và nhỏ", bộ máy rất tinh gọn. Nhà in - hầu hết là in typo, rất hiếm in offset - thường đặt gần nhà xuất bản, giám đốc có khi kiêm luôn biên tập viên và "thầy cò" sửa bài; thậm chí Nguyễn Hiến Lê còn phụ trách cả việc phát hành, hàng tháng đi thu tiền bán sách từ các đại lý...

Thời sinh viên tôi có dịp may đến "tham quan" hai nhà xuất bản Trình Bầy và Trí Đăng. Nhà xuất bản Trình Bầy ở 291 Lý Thái Tổ quy tụ nhiều nhà văn, học giả nổi tiếng, trong đó có những trí thức công giáo khuynh tả; đây cũng từng là tòa soạn các tạp chí *Đất Nước, Trình Bầy* và nhật báo *Làm Dân,* đều do nhà văn Thế Nguyên điều hành, vợ là Tăng Hoàng Xinh làm quản lý. Nhà xuất bản Trình Bầy đã thành lập những tủ sách hay: Nghiên cứu triết học, Nghiên cứu và phê bình văn học, Khoa học nhân văn, Tìm hiểu những vấn đề của

thời đại... Năm 1969, nhân dịp kỷ niệm cuốn sách thứ 50 là tập truyện *Con voi* của Slawomir Mrozek do Diễm Châu dịch, Nhà xuất bản Trình Bầy đã tổ chức một cuộc tiếp tân ở nhà hàng Continental, mời cả học giả Mai Thọ Truyền, Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, đến để trao đổi về chủ đề văn hóa tự do và hòa giải.

Nhà xuất bản Trí Đăng thành lập muộn hơn, chỉ hoạt động được khoảng năm năm, cơ sở đặt ở 19 - 21 Nguyễn Thiện Thuật, cũng là nơi ấn hành tạp chí *Bách Khoa*. Giám đốc Nguyễn Liên vốn là một nhà giáo nên chủ trương ấn hành một số sách giáo khoa, nhưng công lao chính của ông là đã cho ra đời những cuốn sách đáng quý như *Văn học sử thời kháng Pháp* của Lê Văn Siêu, *Lịch sử báo chí Việt Nam* của Huỳnh Văn Tòng, *Văn học sử Trung Quốc* của Dịch Quân Tả (Huỳnh Minh Đức dịch và chú thích), *Sơn lâm êm đềm* của Lev Tolstoi (Nguyễn Trọng Đạt dịch), *Thời thơ ấu* (Vũ Minh Thiều dịch) và *Mưu sinh* (Trương Đình Cử dịch) của Maxime Gorki, *Khúc ca mùa thu* của Lâm Ngữ Đường (Vi Huyền Đắc dịch), *Chiếc cầu trên sông Drina* của Ivo Andritch (Nguyễn Hiến Lê dịch)...

Mặc dù Sở Kiểm duyệt - sau này lấy tên là Sở Phối hợp nghệ thuật - làm việc rất mẫn cán, nhưng vẫn có nhiều ấn phẩm mang nội dung phản kháng xã hội được lọt lưới, đồng thời với những

tác phẩm ra mắt bất hợp pháp, những tờ báo được in ấn bí mật, nhân danh quyền tự do xuất bản và tự do báo chí được ghi tại điều 12 Hiến pháp 1967. Hiện tượng xuất bản "ngoài luồng" đã có từ thời đó, sách in dưới hình thức ronéo chỉ một vài trăm bản, nhưng vẫn có tiếng vang, như một số ấn phẩm của Nhà xuất bản Đại Nam Văn Hiến do Thế Phong chủ trương. Một hiện tượng thú vị nữa là sách không để tên nhà xuất bản mà ghi là "Tác giả xuất bản", thường không có giấy phép vì không qua khâu kiểm duyệt. Trịnh Công Sơn đã từng tự chép tay rồi in các tập ca khúc của mình dưới hình thức "Tác giả ấn hành"; sau này ông còn lấy tên Nhà xuất bản Nhân Bản in trên bìa các tập nhạc *Kinh Việt Nam, Ta phải thấy mặt trời, Phụ khúc da vàng, Tự tình khúc, Như cánh vạc bay, Cỏ xót xa đưa, Khói trời mênh mông*... Vào giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh, xuất hiện những ấn phẩm tự cấp phép cho mình bằng cách nhân danh điều 11 Hiệp định Paris ký ngày 27-01-1973, là điều khoản quy định "bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân: tự do cá nhân, tự do ngôn luận, tự do báo chí...", chẳng hạn một số tác phẩm do Đối Diện ấn hành.

Trong hoàn cảnh khắc nghiệt và khó khăn lúc đó, những người cầm bút và làm xuất bản ở miền Nam vẫn giữ tinh thần liên đới giữa những người

đồng nghiệp. Bằng nhiều cách khác nhau, họ biểu thị sự phản đối trước việc chính quyền xâm phạm quyền tự do diễn đạt ý kiến và phổ biến tác phẩm của nhà văn. Nguyễn Ngọc Lan viết bài bênh vực những tác phẩm bị cản trở xuất bản của Ngô Kha, Nguyễn Quốc Thái, Trần Hữu Lục, Tôn Thất Lập. Thế Nguyên lên tiếng bào chữa cho những cây bút trẻ trong bút nhóm Hướng Dương, đồng tác giả của hai tập sách *Những cánh chim bay* và *Những trái tim hồng*, khi họ bị đưa ra xét xử ở tòa án quân sự mặt trận quân khu 3 trong vụ án văn nghệ "Quán Mù U". Dù không cùng quan điểm chính trị và khuynh hướng nghệ thuật, ngay từ tháng 3 năm 1969, 100 nhà văn (gồm giới sáng tác, dịch thuật, biên khảo, phê bình...) đã ký tên dưới kiến nghị "yêu cầu nhà cầm quyền cấp bách bãi bỏ chế độ kiểm duyệt đối với ngành xuất bản", bởi vì theo họ "sự cấm đoán, bưng bít không bao giờ giải quyết được một vấn đề mà chỉ làm cho vấn đề ấy trầm trọng thêm tới một mức độ tai hại nhất; hơn thế, trong một chế độ không có tự do ngôn luận, trước con mắt nghi kỵ của nhân dân và của công luận thế giới, những điều Nhà nước chính thức công bố lúc đó lại chỉ còn xuất hiện như là những lời lẽ tuyên truyền, bịa đặt mà thôi"[1].

---

(1) *Thời sự văn nghệ: Nhà văn và chế độ kiểm duyệt*, Tạp chí *Bách Khoa* số 293, ngày 15-3-1969, tr. 77.

Điều đáng chú ý là những người ký tên dưới kiến nghị này không chỉ là những nhà văn, nhà báo thuộc khuynh hướng đối lập mà còn có cả những người làm khoa học hay văn nghệ thuần túy và đặc biệt là những người vốn thân chính quyền. Khi Võ Phiến, một trong những người ký tên vào bản kiến nghị trên, bị Bộ Thông tin khiển trách và cách chức, thì 110 nhà hoạt động văn học nghệ thuật lại ra kháng thư ngày 5-8-1969 "yêu cầu nhà cầm quyền: 1) chấm dứt ngay mọi hành động trả thù, khủng bố đối với 100 nhà văn đã ký tên trong bản kiến nghị ngày 5-3-1969 đòi bãi bỏ chế độ kiểm duyệt đối với ngành xuất bản; 2) tức khắc bãi bỏ chế độ kiểm duyệt bất hợp hiến hiện nay"[1]. Cùng lúc đó, Trung tâm Văn bút Việt Nam cũng ra kháng nghị ngày 6-8-1969 "cực lực phản đối Bộ Thông tin" và "khẩn thiết yêu cầu Bộ Thông tin cũng như tất cả các cơ quan công quyền tự hậu không dùng những biện pháp hành chính để đe dọa sự tự do tư tưởng và sáng tạo của những người cầm bút"[2].

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần*,
ngày 29-6-2012

---

(1) *Thời sự văn nghệ: Tai nạn nghề nghiệp của nhà văn Võ Phiến*, Tạp chí *Bách Khoa* số 303, ngày 15-8-1969, tr. 75.

(2) Tạp chí *Bách Khoa* số 303, ngày 15-8-1969, tr. 76.

sách ở miền Nam trước 1975 được tái bản

Theo một ghi nhận chưa đầy đủ, từ 1975 đến nay đã có khoảng 160 nhà văn, nhà nghiên cứu phê bình, dịch giả hoạt động ở các đô thị miền Nam, chủ yếu là Sài Gòn, có sách được tái bản trong nước. Trong số đó có những người còn sống, những người đã mất và một số ít hiện định cư ở nước ngoài.

Như vậy là, mặc dù hoàn cảnh ra đời rất phức tạp, lại phải chịu nhiều nghi kỵ và ngộ nhận, một phần di sản văn hóa giai đoạn đó vẫn tiếp tục tham gia và đóng góp vào đời sống tinh thần hiện nay của đất nước.

Dịch thuật là lĩnh vực mà những cây bút ở miền Nam trước đây có thành tựu rõ nhất. Nhiều

kiệt tác văn học thế giới ở phương Đông và phương Tây của các tác gia lớn như L. Tolstoi, F. Dostoievski, N. Kazantzakis, J.-P. Sartre, A. Camus, Saint-Exupéry, A. Malraux, A. Maurois, E. Hemingway, W. Faulkner, J. Baldwin, E. M. Remarque, F. Dürrenmatt, H. Hesse, S. Mrozek, Ch. Y. Agnon, I. Andritch. A. Paton, Ch. Achebe, M. West, J. Amado, R. Tagore, Y. Kawabata, Oe Kenzaburo, Lỗ Tấn, Lâm Ngữ Đường... đã được xuất bản khá sớm ở miền Nam và nay được tái bản. Điều thú vị là độc giả miền Nam đã từng biết đến cả tác phẩm của những nhà văn có tinh thần cách mạng như M. Gorki, M. Sholokhov, P. Abrahams... So với các lĩnh vực khác, việc tái bản sách dịch thuật thời gian qua tương đối dễ dàng hơn cả.

Kế tiếp là mảng sách nghiên cứu về văn hóa, văn học, triết học, lịch sử: nhiều công trình khảo cứu công phu và đồ sộ đã được tái bản không chỉ một lần. Đến các hiệu sách hiện nay, ta vẫn có thể thấy bày bán trang trọng sách khảo cứu của Nguyễn Hiến Lê, Giản Chi, Nguyễn Duy Cần, Nguyễn Đăng Thục, Nhất Hạnh - Nguyễn Lang, Toan Ánh, Vương Hồng Sển, Trần Thái Đỉnh, Lê Tôn Nghiêm, Trần Văn Toàn, Thanh Lãng, Nguyễn Văn Xuân, Quách Tấn, Nguyễn Thế Anh, Nguyễn Văn Hầu, Phạm Thế Ngũ, Bằng Giang,

Bùi Đức Tịnh, Nguyễn Khuê, Đặng Tiến, Huỳnh Văn Tòng...

Có lẽ phức tạp và tế nhị nhất là việc xin phép tái bản mảng sáng tác văn học, từ thơ đến văn xuôi. Nếu thời gian đầu chỉ có những tác giả được xếp vào "khuynh hướng văn học yêu nước và tiến bộ" (Á Nam Trần Tuấn Khải, Vũ Hạnh, Sơn Nam, Võ Hồng, Bình Nguyên Lộc, Vũ Bằng, Nguyễn Văn Xuân, Lý Chánh Trung...) được ưu tiên tái bản, thì cho đến nay ngày càng có nhiều nhà văn, nhà thơ được tái ngộ với bạn đọc: Đinh Hùng, Nguyên Sa, Nhất Hạnh, Bùi Giáng, Trụ Vũ, Phạm Công Thiện, Nguyễn Vỹ, Thế Phong, Phạm Thiên Thư, Hoài Khanh, Viên Linh, Tuệ Sỹ, Hoàng Trúc Ly, Du Tử Lê, Mường Mán, Hoàng Ngọc Tuấn, Nguyễn Thanh Trịnh...

Có thể nói, hơn ba mươi lăm năm qua, nhiều nhà nghiên cứu và người làm xuất bản có tâm huyết đã cố gắng ghi nhận, sưu tầm, giới thiệu những đóng góp đáng quý đó cho kho tàng văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, việc làm đó chưa thật hệ thống và đầy đủ.

Trong thời điểm hiện nay, xúc tiến việc tập hợp, tuyển chọn những tác phẩm, công trình có giá trị là việc làm đúng lúc và cần thiết, không chỉ để cung cấp tài liệu cho các nhà nghiên cứu mà

còn góp phần làm phong phú và đa dạng đời sống tinh thần của đất nước.

Với một khoảng cách hơn một phần ba thế kỷ, người đọc đã có đủ độ bình tâm và khách quan để nhìn nhận và đánh giá những mặt tích cực và những mặt hạn chế của các hiện tượng văn hóa, văn học giai đoạn ấy. Những tác phẩm được công bố như đã nói trên đây và những cuộc thảo luận sâu rộng về những hiện tượng ấy cho phép chúng ta khẳng định rằng không ít tác phẩm mang phẩm cách dân tộc, tinh thần nhân đạo và giá trị nghệ thuật theo hướng cách tân và hiện đại đã xuất hiện trong giai đoạn ấy.

Văn hóa dân tộc thời kỳ nào cũng có những giá trị, nhiều khi ẩn khuất dưới bề mặt của những hiện tượng xô bồ, phức tạp. Với tinh thần khách quan, công bằng, người làm xuất bản cần phải "gạn đục khơi trong", tìm cách làm sống lại những thành tựu đặc sắc và đưa vào bối cảnh mới của đời sống văn hóa. Việc tái bản này đòi hỏi một cách làm chuyên nghiệp, thận trọng, coi trọng "văn hóa xuất bản" thì mới giữ uy tín và có sức thuyết phục. Trong quá khứ đã từng có hiện tượng đề cao quá đáng những cuốn sách tầm thường; cũng có trường hợp in sót hay in sai tên tác giả, dịch giả và không thực hiện chế độ tác quyền.

Hiện nay, dân tộc ta đang đứng trước nhiều thử thách trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Nhìn nhận văn học quá khứ một cách công bằng và khách quan sẽ góp phần hòa giải và hòa hợp dân tộc, phát huy các nguồn lực vật chất và tinh thần để đương đầu với những mối hiểm họa từ bên ngoài.

Giới trí thức sáng tạo ở thời kỳ nào cũng có những đại biểu cho tinh thần dân tộc, cho tinh hoa văn hóa và ngôn ngữ dân tộc. Trước những hoàn cảnh nghiệt ngã của lịch sử, có thể có những hiện tượng chao đảo, ngả nghiêng, cũng là dễ hiểu. Nhưng cội rễ của văn hóa dân tộc luôn ăn sâu vào mọi tâm hồn Việt Nam. Chính nhờ thế mà dân tộc ta mới trường tồn và thống nhất như ngày hôm nay. Tình yêu đất nước, tình yêu con người, tình yêu đối với văn hóa dân tộc, đối với tiếng Việt là một thước đo để thẩm định những giá trị tinh thần trong quá khứ.

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần*,
ngày 20-4-2012

Tác phẩm văn chương như chiếc vé trở về

Nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ có hai người anh là nhà văn nổi tiếng. Anh cả Phạm Văn Ký viết văn, làm báo trước khi sang Paris du học, trở thành một tác gia của văn học Pháp ngữ, được giải thưởng của Viện Hàn lâm Pháp. Những tác phẩm đa dạng về thể loại của ông như *Perdre le demeure* (*Mất nơi cư trú*), *Celui qui régnera* (*Người sẽ ngự trị*), *Mémoires d'un eunuque* (*Hồi ức một hoạn quan*), *Fleurs du Jade* (*Hoa Ngọc*)... được giới nghiên cứu xem như một bộ phận của văn học Việt Nam ở hải ngoại. Năm 1970 Phạm Văn Ký về thăm Hà Nội trong những ngày Mỹ ném bom miền Bắc. Sau lần về nước đó, ông không có dịp trở lại quê hương Bình Định khi đất nước thanh bình. Sống cô đơn cho đến ngày từ trần vì bệnh tim, ông vẫn kết nối với

đất nước qua con đường văn học: đề tựa tập thơ *Quê hương* của Giang Nam (bảy mươi sáu năm trước cũng chính ông đề tựa tập thơ *Gái quê* của Hàn Mặc Tử), cho xuất bản tập thơ *Đường về nước* ở Nhà xuất bản Hội Nhà văn.

Trong thời gian đó, hai người em tài hoa của Phạm Văn Ký sống trong nước, nhưng chia nhau hai miền cách trở. Phạm Hổ đi tập kết ra miền Bắc, hoạt động văn chương, trở thành nhà thơ, có đóng góp đặc biệt trong văn học viết cho thiếu nhi. Còn Phạm Thế Mỹ ở lại miền Nam, viết nhạc, làm thơ, là một khuôn mặt được yêu mến trong phong trào văn nghệ phản chiến, đòi hòa bình, thống nhất đất nước. Công chúng Sài Gòn những năm tháng đó còn nhớ những ca khúc rất phổ biến của Phạm Thế Mỹ như *Áo lụa vàng*, *Tóc mây*, *Thuyền hoa*, *Bông hồng cài áo*, *Bóng mát*, *Đưa em về quê hương*, *Hoa vẫn nở trên đường quê hương*, *Nắng lên xóm nghèo*, *Tàu về quê ngoại*, *Người về thành phố*...; cùng tập nhạc *Trái tim Việt Nam* và hai trường ca *Lửa thiêng*, *Con đường trước mặt*. Khi Phạm Hổ in tập thơ *Những ngày xưa thân ái* ở miền Bắc, thì ở miền Nam Phạm Thế Mỹ cũng sáng tác một bài hát cùng tên với ca từ rất đẹp: "Tôi về qua xóm nhỏ. Con đò nay đã già. Nghe tin anh gục ngã. Dừng chân quán năm xưa. Uống nước dừa hay nước mắt quê hương". Phạm Thế

Mỹ đem thơ Phạm Hổ đăng cạnh thơ mình trên báo *Đối Diện*, còn thơ của chính ông thì có lần bị tịch thu và bị đưa ra tòa. Sau ngày đất nước thống nhất, Sài Gòn chứng kiến cuộc tái ngộ của anh em Phạm Hổ - Phạm Thế Mỹ.

Câu chuyện anh em nhà họ Phạm gợi nhớ đến một câu chuyện chia cách khác của anh em nhà văn họ Bùi: Bùi Nhật Tiến và Bùi Nhật Tuấn. Năm 1954, niềm vui chiến thắng Điện Biên Phủ đi liền với nỗi đau chia cắt đất nước. Cùng lúc khoảng mười bốn vạn người miền Nam đi tập kết ra miền Bắc, thì cũng có một triệu người miền Bắc di cư vào Nam, trong đó có nhiều nhà văn, nhà thơ. Nhật Tiến là một. Ở miền Nam, ông được xem như một nhà văn có tấm lòng nhân ái, tác phẩm thường viết về số phận những người bất hạnh. Ra đi, ông xa lìa gia đình ở Hà Nội, nơi đó có người em kế sau này là nhà văn, kỹ sư, lính trinh sát công binh đoàn 559: Nhật Tuấn. Ở miền Bắc, Nhật Tuấn nghe tin anh mình là nhà văn nổi tiếng, khi vào Trường Sơn mới tìm đọc tác phẩm của Nhật Tiến. Ngày hòa bình, hai anh em gặp lại nhau trên đất Sài Gòn, cùng về Hà Nội thăm cha, nhưng rồi lại chia tay thêm lần nữa: năm 1979 Nhật Tiến cùng gia đình riêng sang Mỹ. Hơn ba mươi năm qua họ vẫn thường có dịp đoàn tụ, lúc ở Mỹ, lúc ở Việt Nam. Nhật Tiến về nước nhiều lần, nhờ em mua một mảnh vườn ở Tân Uyên, Bình Dương, dự

định về an trú những năm cuối đời. Dự định ấy không thành, ông chỉ kịp gửi về những tác phẩm viết nơi xa xứ để hai anh em cùng in chung một tập truyện ngắn có nhan đề *Quê nhà, quê người*. Sau tiểu thuyết *Thềm hoang*, đó là cuốn sách thứ hai của ông được in lại trong nước.

Cuộc chia xa của anh em nhà họ Phan ở Điện Bàn, Quảng Nam lại trong một tình cảnh khác. Sau 1954, bị chính quyền Ngô Đình Diệm bố ráp dữ dội quá, anh em Phan Tân Nhựt (Chinh Ba) và Phan Tân Minh (Chinh Văn) phải lần lượt thoát vào Sài Gòn. Vào đây, họ vừa viết văn, làm báo, vừa tham gia hoạt động chống chính quyền. Chinh Ba viết tùy bút, truyện ngắn trên các báo khuynh tả. Chinh Văn làm thơ, tự xuất bản tác phẩm *Lời chim bão tố* trên giấy in kinh, với "giấy phép" là điều 12 Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa năm 1967. Rồi cả hai lần lượt bị bắt vào tù. Chinh Ba bị giam ba năm ở khám Chí Hòa, ra tù tìm đường trốn sang Campuchia rồi qua Pháp; cuộc mưu sinh trên xứ người khiến ông gần như dứt hẳn con đường văn chương. Chinh Văn thì ở tù đến năm năm, bị đày ra tận Côn Đảo. Sau ngày hòa bình, họ gặp nhau ở Việt Nam rồi ở Pháp. Mấy năm nay, nghỉ hưu, Chinh Ba thường về quê, hai anh em đi tìm mộ tổ tiên, xây dựng từ đường. Mãi năm ngoái đây, được bạn bè và gia đình động viên, anh em nhà họ

Phan mới sưu tầm các truyện ngắn của Chinh Ba in thành tập *Bài thơ trên xương cụt*. Cuốn sách ra đời, gây tiếng vang, phát hành chưa đầy một năm đã được tái bản.

Ba cuộc chia xa của các anh em nhà họ Phạm, họ Bùi và họ Phan như vậy cũng là kết thúc có hậu. Oái oăm và để lại vết thương lâu nhất là cuộc chia ly của anh em nhà họ Đoàn: Đoàn Thế Nhơn (Võ Phiến) và Đoàn Thế Hối (Lê Vĩnh Hòa). Họ cũng cùng quê Bình Định như anh em nhà họ Phạm. Thuở nhỏ, Lê Vĩnh Hòa cùng cha mẹ vào Rạch Giá lập nghiệp, theo kháng chiến, làm văn nghệ; Võ Phiến ở lại miền Trung, đi kháng chiến một thời gian rồi trở về hợp tác với chính quyền Việt Nam Cộng hòa, trở thành một nhà văn hàng đầu thời đó. Sau 1954, Lê Vĩnh Hòa sáng tác nhiều truyện ngắn đặc sắc như *Chiếc áo thiên thanh*, *Lúc chiều xuống*, *Trăng lu*, *Người tị nạn*... cùng khuynh hướng với những nhà văn trên tuần báo *Nhân Loại* như Thiếu Sơn, Lý Văn Sâm, Viễn Phương, Sơn Nam, Ngọc Linh, Văn Phụng Mỹ (Trang Thế Hy)... Từng bị bắt giam và kết án năm năm tù, được trả tự do, Lê Vĩnh Hòa vẫn kiên trì chọn lựa của mình và năm 1967 đã ngã xuống như một người tuẫn đạo.

Ở bên kia chiến tuyến, Võ Phiến cũng đi trọn con đường của mình, mặc dù đôi lúc phản ứng với chế độ khiến có lần bị giáng chức. Ông cùng

gia đình sang Mỹ ngay trước ngày 30-4-1975 và cho đến nay chưa một lần trở lại quê hương. Trên đất Mỹ, ông viết và in nhiều tác phẩm, đặc biệt là bộ *Văn học miền Nam*, trong đó ghi chú rõ "Lê Vĩnh Hòa là em ruột Võ Phiến". Năm ngoái, lần đầu tiên, một nhà xuất bản trong nước in lại một tập tùy bút của ông, lấy nhan đề *Quê hương tôi*, gợi nhớ đến cuốn *Đất nước quê hương* của ông in ở Sài Gòn năm 1973, ký bút hiệu Tràng Thiên mà ông thường dùng trên một số sách biên khảo, sách dịch và tạp chí *Bách Khoa* ngày trước.

Khi rời đất nước ra đi, nhiều nhà văn Sài Gòn chỉ cầm trên tay chiếc vé một chiều. Không phải vé khứ hồi. Nhưng tự trong thâm tâm, người Việt đi xa nào không mong có một chiếc vé trở về, về với nơi chôn nhau cắt rốn, với anh em ruột thịt, với bà con, đồng bào. Nhiều người "sống nhờ đất khách, thác chôn quê người" đã không còn cơ hội thực hiện giấc mơ hồi hương như nhạc sĩ Phạm Duy. Nhưng tác phẩm văn chương mang nặng tình tự dân tộc của họ thực sự là những chiếc vé trở về, là nhịp cầu nối lại những chia xa, là thuốc chữa những vết thương còn rỉ máu. Chính những chiếc vé đó đã ghi rõ địa chỉ của ga cuối: *Quê nhà*, *Ngó lên Hòn Kẽm Đá Dừng*, *Đường về nước*, *Quê hương tôi*...

Tập san *Quán Văn*,
Nxb. Thanh Niên, Hà Nội, số 14, tháng 4-2013

Hiện tượng "sách nhũn"

Lúc sinh thời, trong một bài báo, nhà văn Sơn Nam có sáng chế ra hai chữ "sách nhũn". Ông dùng hai chữ này để chỉ hiện tượng những cuốn tiểu thuyết diễm tình lâm li bi đát, được sáng tác vội vàng đã một thời chiếm lĩnh thị trường nhằm phục vụ cho một công chúng tiêu thụ văn chương như dùng thức ăn nhanh. Nhưng rồi sau một thời gian ngắn làm mưa làm gió, cuối cùng thì nó "nhũn", giống như bong bóng xì hơi, nghĩa là không còn sức lôi cuốn nữa.

Các nhà doanh nghiệp trên lĩnh vực xuất bản dần dần nhận ra rằng loại tiểu thuyết "mì ăn liền" đó một khi đã được cung cấp đầy đủ cho các hiệu cho thuê sách thì hầu như không còn cơ hội được tái bản, thậm chí phải xuống đường nằm trên

các chiếu sách đại hạ giá. Trong khi đó, những cuốn sách chất lượng cao, tuy số lượng in lần đầu không nhiều, nhưng sức lan tỏa ngày càng lớn, vì giá trị đích thực của nó sẽ bảo chứng cho những lần tái bản sau. Như vậy là thị trường cũng có cơ chế tự điều chỉnh và cách sàng lọc của nó đối với những sản phẩm tinh thần.

Trong thị trường sách lâu lâu vẫn rộ lên những đợt "thu hoạch" ngắn ngày, với đề tài này, với thể loại kia. Ở miền Nam trước 1975 có một dạo người ta đua nhau dịch tiểu thuyết kiếm hiệp, dịch sách bàn về tính dục. Sau chiến tranh cũng có những lúc tác giả này lên ngôi, đề tài kia trở thành thời thượng. Vấn đề không phải là kỳ thị một loại sách nào mà là tâm lý đổ xô nhau đề cao những cuốn sách chưa được thử thách. Đó là chưa kể lòng tham tiền khiến người ta viết và dịch những cuốn sách mà họ thừa biết là có ảnh hưởng tiêu cực đến phong hóa và thị hiếu của bạn đọc.

Gần đây dư luận bàn nhiều về những dịch phẩm kém chất lượng gây phiền hà không ít cho những bạn đọc yêu sách. Khó có thể nêu lý do về thời gian cấp bách hay mức nhuận bút thấp để biện minh cho sự tắc trách của người làm sách. Một cuốn sách bị chê là sản phẩm thứ cấp có thể kéo theo sự ngán ngại của bạn đọc đối với những cuốn sách khác cùng xuất ra từ một xưởng, vốn là

thương hiệu nổi tiếng từng có mức tín nhiệm cao. Có khi chỉ vì vài cuốn sách tào lao mà một thương hiệu nổi tiếng bỗng giảm sút mức tín nhiệm, phải cố gắng lắm mới vực dậy được uy tín.

Hiện tượng "sách nhũn" không chỉ diễn ra trên lĩnh vực sáng tác hay dịch thuật mà đang lấn sang cả mảng sách biên khảo. Báo chí nói đến sách tham khảo dùng trong nhà trường như những sản phẩm được tái chế nhiều lần. Điều đáng buồn là do nhu cầu ôn thi của người học, loại sách đó đến nay vẫn chưa chịu "nhũn", thậm chí còn được ấn hành tràn lan và tiếp tục hút khách.

Về lâu dài, trong tình hình kinh tế có dấu hiệu chững lại như hiện nay, thị trường sẽ khó có cửa cho những doanh nghiệp làm ăn cẩu thả, tắc trách. Chỉ có sự cạnh tranh lành mạnh bằng việc cho ra đời những sản phẩm chính cấp mới bảo đảm con đường dài cho nhà doanh nghiệp. Những người làm sách chân chính không thể nào trước bạ thương hiệu của mình bằng cách dồn tâm sức cho những hiện tượng nhất thời.

Tất nhiên, số phận của "sách nhũn" không dễ gì bị định đoạt một sớm một chiều. Trách nhiệm về mặt này chia đều cho cả tác giả, nhà làm sách và bạn đọc. Thời buổi thắt lưng buộc bụng, mỗi khi móc ví trả tiền cho một cuốn sách, có lẽ bạn

đọc cũng nên cân nhắc xem giá trị của nó có xứng đáng đồng tiền bát gạo hay không. Đó cũng là cách vừa "bỏ phiếu" cho văn hóa đọc, vừa nhắc nhở người làm sách đừng phung phí giấy và mực in cho những tác phẩm sinh non, thiếu tháng.

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần*,
ngày 4-5-2012

sách ơi, nhiều lỗi quá!

Khoảng năm 1994, nhà văn Võ Hồng được một nhà xuất bản lớn ở Hà Nội in tập sách *Truyện ngắn chọn lọc* của ông. Ông sung sướng báo tin cho những người quen biết, rồi viết thêm: "Sách dày 300 trang, bìa rất mỹ thuật, nhưng in quá nhiều lỗi. Mắt tôi kém, sức khỏe kém, mấy hôm rồi đọc dò lại một mình, vậy mà đã phát hiện hơn 130 lỗi. Tôi có lập bản đính chính xin nhà xuất bản in và dán vào sách. Chỉ vì tôi nghe nói sách sẽ phân phối về các thư viện, tôi vui vì bà con miền Bắc đọc và biết sinh hoạt của bà con miền Nam. Nay in sai kiểu này thì nội dung trúc trắc khó hiểu, bạn đọc nổi xung bỏ sách xuống chớ đâu còn nhẫn nại đọc tiếp". Niềm vui của nhà văn chắc đã vơi đi một nửa!

Hai mươi năm trước nhiều nhà văn chưa dùng máy vi tính, bản thảo đánh máy hay viết tay nên việc in ấn không thuận lợi như bây giờ - khi bản thảo chỉ cần gửi qua email. Vậy mà bây giờ sách in chưa phải đã hết lỗi kỹ thuật, thậm chí còn nhiều hơn thời in typo.

Mới đây cô giáo Nguyễn Ngọc Hà than phiền: "Văn bản tôi chuẩn bị rất kỹ, sửa đi sửa lại, vậy mà khi sách ra thấy trang nào cũng có lỗi, tôi là tác giả mà còn không dám đọc lại sách của mình". Cuốn sách này là sản phẩm của một cơ quan làm sách chuyên nghiệp có nhiều năm kinh nghiệm.

Một nhà nghiên cứu vốn là người cẩn trọng vừa có cuốn sách mới thuộc loại được "Nhà nước đặt hàng" cho một nhà xuất bản ở trung ương, tuyển chọn những bài tiểu luận văn học đặc sắc nhất được viết trong khoảng ba mươi năm nay của ông. Cầm cuốn sách bìa thật trang nhã, giở vào bên trong, tác giả bỗng giật mình vì sách không những nhiều lỗi in sai tên người, sai chú thích mà việc dàn trang cũng lộn xộn, tùy tiện.

Có lần tôi kể với nhà văn Vương Trí Nhàn là nhà chật quá, tôi phải ngồi lựa những bản truyện dịch in giấy đen thời bao cấp để thanh lý bớt, chỉ giữ lại những cuốn sách tái bản gần đây in giấy trắng. Ông Nhàn, vốn là người nghiên cứu văn

hóa và làm xuất bản lâu năm, vội can ngay: "Ấy chớ, ông nên biết rằng những bản sách giấy đen in chữ chì hồi đó lại được chăm sóc rất cẩn thận, còn bây giờ nhiều cuốn in đẹp nhưng cẩu thả không chịu nổi".

Vậy người đọc biết làm sao! Tình trạng lỗi kỹ thuật tràn lan trên các ấn bản khiến những người giữ mục "Dọn vườn" trên báo bây giờ cũng không hơi sức đâu mà góp ý. "Quán Mắc cỡ" của báo *Tuổi Trẻ Cười* mỗi kỳ cũng chỉ chọn được năm ba trường hợp nổi cộm đáng mắc cỡ nhất mà thường là những lỗi "cố ý", chứ những lỗi sơ ý thì cũng cho qua. Không hiếm trường hợp sách in sai ngay từ trang bìa: sai tên tác giả, sai thể loại... Bên trong thì đầy lỗi chính tả và ngữ pháp, câu sai quy chiếu, viết hoa và phiên âm không nhất quán... Chỉ cần một trong các nguyên nhân sau đây là có thể dẫn đến sự cố nghiêm trọng, chẳng hạn như việc sách in hình cổng trường treo cờ Trung Quốc: thiếu kiến thức, chủ quan, tắc trách vì lười biếng hay vì ham tiền... Trách nhiệm này chia đều cho tác giả/dịch giả, biên tập viên và người sửa bản in. Của đáng tội, nhiều khi chính tác giả sửa bông 1, bông 2 rất kỹ, nhưng đến bản nhũ không đọc lại thì khi sách in ra vẫn có lỗi như thường.

Lâu nay người ta hay so sánh những lỗi như vậy như những hạt sạn trong bữa cơm làm ê răng.

Đừng nghĩ là ăn vậy hoài riết rồi cũng quen. Người làm ra món ăn tinh thần không nên xem thường: vào quán nào vài lần mà gặp cơm sạn, cơm khê, cơm sống, ắt lần sau người ta sẽ tránh đi chỗ khác thôi.

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần,*
ngày 26-4-2013

Hướng tới một thị trường xuất bản lành mạnh

Nói về những quyển sách và nghề làm sách, mới đây, hai nhà văn Jean-Claude Carrière và Umberto Eco có nhắc mọi người "đừng mơ từ bỏ sách giấy". Sách in đang bị thu hẹp thị phần, bị internet và các phương tiện truyền thông đại chúng cạnh tranh khốc liệt, nhưng nó sẽ không chết và không đánh mất ưu thế của mình. Nếu chúng ta chứng kiến sách in đang tìm cách chuyển hóa thành sách điện tử và phát hành trên mạng để tiếp cận được đông đảo độc giả, thì đồng thời cũng diễn ra một quá trình ngược lại: nhiều tác phẩm đã công bố trên mạng, nay được tập hợp, chọn lọc, biên tập để "tái xuất giang hồ" trong

hình thức của sách in, dưới một khuôn mặt mới và mang một giá trị mới. Trong dáng vẻ cố định của nội dung và hình thức, sách in đòi hỏi người làm sách phải xác tín về những gì hiện ra trên dòng chữ, trang giấy, hình vẽ sẽ được lưu truyền qua nhiều thế hệ, điều mà các văn bản điện tử có thể điều chỉnh, sửa chữa, bổ sung phần nào dễ dàng hơn.

Chính vì vậy, những người làm xuất bản đã chọn một nghề nghiệp có tính đòi hỏi cao. Sách, dù là sáng tác, khảo cứu, dịch thuật hay sách công cụ, sách giáo khoa, sách hướng dẫn nấu ăn... đều cần phải được tiêu thụ và sống đời sống của nó trong thị trường. Nhưng sách bước ra thị trường không giống như những sản phẩm hàng hóa khác: một mặt hàng công nghệ thứ phẩm, một mặt hàng quần áo kém chất lượng... khi bị công chúng chê bai, chối bỏ, thậm chí tẩy chay, có thể điều chỉnh ngay về công thức sản xuất, chế tạo và thời gian sẽ dần dần xóa dấu của nó trong đời sống. Trong khi đó, một đầu sách đã ấn hành, dù chỉ năm trăm hay một ngàn bản, thì cái vết tích của nó để lại trên đời này sẽ rất lâu dài, thậm chí là vĩnh viễn. Thời buổi này, chúng ta đâu có thể tiêu hủy sách như tiêu hủy thuốc phiện hay thuốc lá nhập lậu. Và những người làm sách, không chỉ tác

giả, dịch giả mà cả giám đốc, tổng biên tập, người liên kết xuất bản, người biên tập, họa sĩ, người sửa bản in... còn để lại tên mình trên sách, cùng cộng đồng trách nhiệm về sự ra đời của cuốn sách. Ở miền Nam trước năm 1975, trong điều kiện xuất bản tư nhân được thừa nhận, có những người dám lấy tên mình làm tên nhà xuất bản, nghĩa là dám nhận trách nhiệm về mình và sẵn sàng chịu sự phán xét của công chúng cũng như sự chế tài của pháp luật về sản phẩm văn hóa của mình.

Thời trước cũng như thời nay, ở xứ ta cũng như ở xứ người, sách hay, sách tốt lẫn lộn và cạnh tranh với sách dở, sách xấu là một thực trạng không dễ khắc phục. Nhưng điều đáng lo chính là sự phân định ranh giới giữa hay và dở, tốt và xấu không thật rõ ràng như hiện nay. Một số hiệu sách ở nước ngoài có quy định là những cuốn sách có nguy cơ gây hại cho thiếu nhi thì phải trưng bày trên kệ cao nhất để độc giả nhỏ tuổi không với tới được. Ở nước ta, những cuốn sách như vậy được kiểm soát và ngăn chặn ngay từ khâu cấp giấy phép, vậy mà vẫn có những ấn phẩm lọt lưới và xuất bản, thậm chí tái bản nhiều lần. Tình hình này diễn ra ở nhiều thể loại: sáng tác, dịch thuật, truyện tranh, sách khảo cứu, từ điển, sách tham khảo trong nhà trường.

Những cuốn sách âm thầm nằm đó trong cửa hiệu, thư viện, tủ sách gia đình, ngấm ngầm "điều chỉnh" nhận thức, tình cảm và hành vi của độc giả trẻ theo hướng tiêu cực, và đến khi dư luận phát hiện thì đã muộn. Trong số đông bạn đọc tiếp nhận những sách đó, chắc chắn có con em của chính những người đã góp phần tạo ra sách. Gần đây, một nhà nghiên cứu có nói với chúng tôi rằng ông rất lo âu khi đọc một số tiểu thuyết ngôn tình của Trung Quốc được dịch, in đẹp và thu hút lượng người đọc khá lớn hiện nay: trong đó các tác giả không chỉ miêu tả những chuyện tình éo le, gay cấn có phần giả tạo mà còn lồng vào đó những yếu tố tính dục thô thiển và tư tưởng của chủ nghĩa Đại Hán một cách tinh vi.

Để lý giải những nguyên nhân của tình hình xuất bản đáng lo ngại hiện nay, thiết nghĩ cần đặt nó trong một bối cảnh rộng hơn là đời sống xã hội và văn hóa của nước ta từ khi Đổi mới đến nay. Đã qua cái thời sách xuất bản in theo kế hoạch mà không cần tính đến nhu cầu và sức mua của độc giả, có thể in ra hàng vạn cuốn phân phối về các thư viện để rồi nằm im trên các giá sách. Từ chế độ bao cấp về xuất bản chuyển sang hạch toán về tài chính, các nhà xuất bản với cách làm ăn cũ rõ ràng là lúng túng trong việc ứng xử với những

quy định mới về xuất bản, trước những nhu cầu to lớn và đa dạng của độc giả. Chúng tôi chia sẻ ý kiến cho rằng không nên quy lỗi tình trạng này cho sự liên kết và tham gia của tư nhân vào ngành xuất bản, cũng như không nên đổ trách nhiệm cho kinh tế thị trường. Một cách công bằng, phải khẳng định, nếu không có chủ trương liên kết xuất bản để phát huy tiềm lực của xã hội, thì không dễ có được thị trường sách năng động gần hai mươi năm qua. Thị trường ấy đã thỏa mãn nhiều loại công chúng khác nhau với những sản phẩm đa dạng: từ văn học đại chúng, tiêu khiển đến văn học tinh hoa, cách tân.

Thời gian qua, sự nhạy bén của những doanh nhân văn hóa đã làm cho các cơ sở xuất bản và nhà sách ở Thành phố Hồ Chí Minh nhộn nhịp hơn và số lượng doanh thu của các đơn vị phát hành cũng tăng nhanh. Một đóng góp cần ghi nhận là hiện nay một số nhà làm sách uy tín bỏ vốn đầu tư vào loại sách công cụ, sách tra cứu, những bộ tuyển tập hay kiệt tác của những tác gia trong nước và thế giới. Điều đó không chỉ cần vốn lớn mà cần cả tầm nhìn xa về mặt văn hóa.

Nhân đây, xin nêu lên một so sánh: theo ghi nhận trên báo chí năm 1974, ở miền Nam trong một năm, trung bình cứ ba người đọc chung một

bản sách, không kể sách giáo khoa. Hơn bốn mươi năm sau, theo báo cáo tổng kết của Cục Xuất bản, In và Phát hành thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, năm 2015 Việt Nam đã xuất bản được hơn 24.000 đầu sách với hơn 270 triệu bản. Như vậy là trên cả nước cứ một người đọc được ba bản sách, bao gồm cả sách giáo khoa, giáo trình. Dù sao cũng có thể khẳng định một bước tiến của ngành xuất bản trong nỗ lực phục vụ nhu cầu tinh thần của công chúng. Nhưng những mâu thuẫn cũng nảy sinh từ đây. Đó là mâu thuẫn giữa số lượng nhà xuất bản tăng theo cấp số cộng với số lượng tư nhân tham gia làm sách tăng theo cấp số nhân. Đó là mâu thuẫn giữa năng lực chuyên môn nhất định của từng nhà xuất bản với việc biên tập và quản lý danh mục sách liên kết ngày càng nhiều. Đó còn là mâu thuẫn giữa khả năng tài chính có hạn của từng nhà xuất bản với nhiệm vụ đào tạo và tái đào tạo đội ngũ làm xuất bản chuyên nghiệp và việc trả lương cho đội ngũ đó. Một thông tin mới đây cho biết trong tổng số 63 nhà xuất bản hiện nay, có 23 nhà xuất bản đứng trước nguy cơ ngừng hoạt động vì không đủ nguồn kinh phí tối thiểu là 5 tỉ đồng để duy trì hoạt động và không đạt chỉ tiêu xuất bản 30 đầu sách trong một năm với số ấn bản 1.000 cuốn/một đầu sách.

Về mặt chủ quan, tuy chức năng, nhiệm vụ của các nhà xuất bản đã được xác định rõ ràng, nhưng trong thực tế, quan niệm về nghề làm sách đã thay đổi rất nhiều. Đối với một số ít người, làm sách là cách kiếm tiền, làm giàu được càng tốt, trước khi nói đến chuyện xa vời là sứ mạng văn hóa. Vả chăng sự suy thoái trong đạo đức xuất bản đâu thể tách rời với tình trạng đạo đức xã hội và đạo đức kinh doanh. Hiện tượng chụp giật trong lĩnh vực xuất bản hiện nay nói lên điều gì nếu không phải là phản ánh tình trạng "ăn xổi ở thì", hám danh hám lợi của một lối sống. Sự thiên lệch và phiến diện trong văn hóa đọc hiện nay nói lên điều gì nếu không phải là phản ánh phương diện thiếu lành mạnh trong bầu khí văn hóa - xã hội nói chung. Và cũng như trong những lĩnh vực hoạt động văn hóa khác, lỗi trong xuất bản vừa gây ra những hệ lụy trước mắt, vừa để lại những ảnh hưởng lâu dài, làm tổn thương cho văn hóa dân tộc, để lại tiếng xấu cho chính những người làm sách. Tất nhiên, cũng cần phải nói ngược lại: chính vì tình hình đó mà xã hội lại càng mong mỏi những nhà làm sách tác động tích cực vào việc thay đổi môi trường văn hóa. Bây giờ hơn bao giờ hết, chúng ta cần có những doanh nhân văn hóa sống chết với nghề, đem tài năng và tâm huyết để cung cấp cho người đọc những cuốn

sách có giá trị, xứng đáng là sản phẩm tinh thần được mong đợi.

Một cách dè dặt, chúng tôi xin nêu cảm nhận là ứng với thị trường sách khá năng động và phức tạp hiện nay, chúng ta lại chưa tìm được một mô hình xuất bản tiên tiến, phù hợp với thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những quy định hiện hành về xuất bản hình như là cái áo quá chật so với đòi hỏi của một cơ thể văn hóa đang nẩy nở. Về cung cách tổ chức, sự thiếu minh bạch trong mối liên kết giữa những người làm sách tư nhân và những nhà quản lý xuất bản đang gây ra hệ lụy không đáng có liên quan đến việc quy trách nhiệm trước xã hội. Rồi mối quan hệ giữa xuất bản và phát hành cũng có điều bất hợp lý, gây thiệt thòi cho người sản xuất. Để thu hồi vốn và quay vòng đồng vốn nhanh, một số đơn vị phát hành không muốn đưa sách về các thị xã, thị trấn, nói gì đến việc phục vụ cho bạn đọc ở vùng sâu, vùng xa. Cuộc tranh luận gần đây về việc giảm giá sách mới cho thấy những thủ thuật trong cạnh tranh đã không tính đến sự cân bằng lợi ích của nhà xuất bản, nhà phát hành, nhà văn và bạn đọc, chưa nói đến lợi ích toàn cục của cả nền văn hóa. Thì ra vẫn còn khoảng cách chưa hợp lý giữa giá thành và giá bìa của một cuốn sách mà phần thiệt hại chủ yếu thuộc về tác giả và bạn đọc. Từ đó dẫn

đến tình trạng những cuốn sách kém chất lượng ra đời ngày càng nhiều, nhất là sách dịch. Tệ nạn "luộc sách", vi phạm tác quyền, nạn in lậu, sao chụp trái phép đã trở thành những căn bệnh khó chữa. Mấy năm trước, một số nhà văn hóa thiện chí có sáng kiến thành lập Hội Bảo vệ Quyền Tác giả, nhưng hình như hoạt động chưa có mấy hiệu quả. Xã hội cần tạo điều kiện thuận lợi cho sự hình thành một chu trình linh hoạt kết nối giữa sản xuất, trao đổi, phân phối, truyền bá và tiêu thụ sách để những khâu đó tác động và kích thích lẫn nhau. Điều đáng nói là chính hệ thống pháp luật về xuất bản hiện có cũng chưa được thực thi và kiểm tra nghiêm túc để ngăn ngừa và hạn chế những vi phạm. Riêng năm 2014 có đến 399 trường hợp vi phạm luật xuất bản. Chúng tôi tán thành đề nghị về việc các cơ quan xuất bản nên soạn thảo quy chế hoạt động và áp dụng chặt chẽ trong việc liên kết với đối tác, biên tập và cấp giấy phép. Tuy nhiên, quy chế của nhà xuất bản phải phù hợp với pháp luật về xuất bản, chứ không thể mỗi nhà mỗi kiểu. Vậy phải chăng Hội Xuất bản và các cơ quan quản lý cùng góp phần soạn thảo khung quy chế này, cùng với những quy tắc về đạo đức nghề nghiệp trong xuất bản?

Chúng ta đang nói về thực trạng xuất bản như một nỗi lo về văn hóa. Nhiều điều chúng ta đã nói

từ lâu, đã lường trước, nhưng rồi vẫn phải nói lại và chưa chắc sẽ không còn cần nói nữa. Bởi chẳng lẽ lại im lặng. Chính những người thiện chí trong giới xuất bản không im lặng và thật lòng muốn thay đổi tình trạng đáng lo hiện nay. Một thay đổi tích cực, dù nhỏ, cũng là cần thiết, có thể gây cảm hứng cho những thay đổi tiếp theo tốt đẹp hơn.

Báo *Người Lao Động*,
ngày 5-7-2015

sách
và người



Nguyễn An Ninh qua hồi ức của những người thân[1]

Kỷ niệm sinh nhật Nguyễn An Ninh (15-9-1900 – 14-8-1943) năm nay, ngoài phần tác phẩm của ông được sưu tầm, tập hợp và dịch thuật đầy đủ nhất từ trước đến nay, bạn đọc còn có thể tiếp xúc với hồi ức của vợ và con gái một nhà yêu nước có tầm vóc lịch sử ở nửa đầu thế kỷ 20.

Cùng anh đi suốt cuộc đời là nhan đề phần hồi ức của bà Nguyễn An Ninh, nhũ danh Trương Thị Sáu, lúc trẻ thường được gọi là "Cô Sáu Cầu Ông Lãnh". Bà là người phụ nữ đảm đang, bản lĩnh, có chí tự lập để thoát khỏi cảnh nghèo,

(1) Nxb. Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Hà Nội, 2009.

làm chủ một tiệm may nổi tiếng ở Sài Gòn thời ấy. Trước khi gặp bà, Nguyễn An Ninh đã một lần kết hôn, nhưng cuộc hôn nhân chỉ kéo dài được ba tháng thì đổ vỡ vì hai người không cùng chung quan niệm sống. Từ chối lời cầu hôn của những người quyền thế và giàu có để lấy người mà mình ngưỡng mộ, bà Sáu chấp nhận bỏ dở con đường kinh doanh làm giàu để về vùng quê Trung Chánh, xã Mỹ Hòa, Hóc Môn sinh sống với gia đình Nguyễn An Ninh.

Từ đó, bà cùng chồng dấn thân vào con đường hiểm nguy của những người hoạt động yêu nước vì lý tưởng độc lập, tự do và dân chủ. Không những tự nguyện bán một phần tài sản để giúp chồng có điều kiện hoạt động, bà còn phải lăn lộn với nhiều nghề khác nhau để vừa nuôi năm người con ăn học vừa đóng góp cho phong trào: trồng cây, may áo, buôn vải, làm đại lý thuốc đông y, nấu dầu cù là, lập gánh hát... Nhà bà là nơi đón tiếp và chăm sóc Phan Châu Trinh, Nguyễn Thế Truyền vừa từ Pháp trở về; cũng là chỗ hội họp, tá túc, nghỉ chân trên bước đường hoạt động của Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Hà Huy Tập, Châu Văn Liêm, Võ Văn Tần, Lý Tự Trọng...

Thử hình dung một người phụ nữ xuất thân từ nông thôn ở đầu thế kỷ 20 như bà, chỉ cần làm một đôi công việc xã hội như trên đã là đáng

khâm phục. Đằng này là vợ của một con người phi thường, bà phải chấp nhận cuộc đời gian khổ của chồng làm cuộc sống thường nhật của mình. Đọc hồi ức của bà, ta biết rằng Nguyễn An Ninh đã năm lần sang Pháp và cũng năm lần bị giam cầm trong nhà tù của Pháp. Đó là một con người có cao vọng, nồng nhiệt, quyền biến, nhưng luôn giữ nguyên tắc trung thành với lý tưởng của mình.

Bà soi thấy mình trong tấm gương kiên nghị của chồng. Bà cũng được tôi luyện trong ngọn lửa đấu tranh của ông và những người đồng chí. Từng chứng kiến cảnh chồng bị bắt giải lên xe cây, cảnh ông tuyệt thực đến thập tử nhất sinh, bà còn phải đối phó với những thủ đoạn mua chuộc hèn hạ của kẻ thù. Lá thư Nguyễn An Ninh gửi từ nhà tù cho vợ đăng trên báo *Thần Chung*; lá đơn của bà viết minh oan cho chồng, đấu tranh với nhà cầm quyền đòi trả tự do cho chồng, là những chứng từ vô giá về gương hy sinh và ý chí sắt thép của một thế hệ vàng của cách mạng. Thật cảm động khi ta đọc đến đoạn, sau hơn ba mươi năm đi kháng chiến rồi làm công tác giáo dục trên miền Bắc, bà Nguyễn An Ninh trở về mảnh vườn xưa ở Hóc Môn với những hàng điều, gốc xoài, gốc mít giờ đã tan hoang; rồi bà ra thăm Côn Đảo, nơi ông gửi nắm xương tàn...

In cùng hồi ức của bà Nguyễn An Ninh trong tập sách này là hồi ức của bà Nguyễn Thị Minh, người con thứ tư trong gia đình, với câu nói của người cha được lấy làm tiêu đề: "Tôi chỉ làm cơn gió thổi...". Tuy là hồi ức, nhưng tác giả Nguyễn Thị Minh rất ít nói về mình, có lẽ vì bà cho rằng mình chỉ là người kể lại cuộc đời của cha, chứ không phải là người chứng kiến trọn vẹn. Dày gần 300 trang, phần này tự nó có một giá trị độc lập, có thể đứng riêng thành một cuốn sách viết về gương danh nhân Nguyễn An Ninh. Cũng có thể nói, cho đến hiện nay, Nguyễn Thị Minh là người viết tiểu sử Nguyễn An Ninh một cách chi tiết và đáng tin cậy nhất.

Những người nghiên cứu lịch sử, văn hóa, báo chí và văn học cận đại có thể tìm thấy trong cuốn hồi ức này nhiều chứng liệu quan trọng, nhiều gợi ý bổ ích cho công việc của mình. Với bạn đọc rộng rãi, cuốn sách này nói lên bài học làm người trong một hoàn cảnh đen tối của đất nước và cái giá mà những người yêu nước phải trả để mình còn được gọi là người Việt Nam.

Báo *Phụ Nữ*,
ngày 15-9-2009

Từ một bài báo xuân của Đoàn Giỏi

Lúc sinh thời, trong một hồi ức viết năm 1988, nhà văn Đoàn Giỏi có kể lại cuộc gặp lần đầu với nhà văn Hồ Biểu Chánh diễn ra 46 năm trước đó. Đó là vào cuối năm 1942, Đoàn Giỏi mới mười bảy tuổi, đang học dự thính ở trường Mỹ thuật Gia Định, có viết truyện ngắn nhan đề *Nhớ cố hương* gửi cho *Nam Kỳ Tuần Báo*. Nội dung truyện ngắn đó, theo lời kể của Đoàn Giỏi, như sau:

"Có một thằng bé con nhà nghèo, theo cha đi làm mướn phương xa. Cha nó lâm bệnh, chết đột ngột. Nó phải ở đợ cho một bà chủ ác để trừ món nợ mấy đồng cha nó còn thiếu. Ở hơn một năm rồi, quần quật vất vả suốt ngày, chịu không biết bao roi đòn, mắng chửi. Hết việc xách nước, bửa củi trong nhà tới ra chăn vịt ngoài đồng. Gần

Tết, nó càng nhớ nhà, nhớ mẹ, nhớ em, nhớ chịu không nổi, đang đêm liều trốn đi. Hai ngày nhịn đói, lội bộ đường xa dưới trời chang chang nắng lửa, chịu đói chịu khát mà không hề dám ngửa tay xin gì của ai. Nó bị cảm nặng, nằm sốt mê man bên gốc cây ven đường. Trong cơn mê, nó thấy có bà tiên cắp tay nó bay vùn vụt về đến quê hương. Kìa là mẹ, kìa là em và mấy đứa bạn nhỏ chăn trâu. Nó sung sướng kêu lên: 'Cố hương! Cố hương!' và giật mình tỉnh dậy. Nó nóng lắm, miệng khô, lưỡi cứng đờ ra. Tuy thế, nó vẫn cố nằm lì, mắt mờ lệ, nức nở: 'Lạy trời cho tôi lại thấy cố hương lần nữa!'. Và nó nhắm mắt lại, cố níu lấy giấc mộng vừa tan [...]. Cầu được, ước thấy! Quả thằng bé lại gặp quê hương lần nữa. Nó mừng rỡ lăng xăng chào hỏi người này người kia, mà sao cả mẹ nó, cả em nó... mọi người đều dửng dưng như không thấy có nó... Nó đau lòng quá gào lên, khóc sướt mướt cũng chẳng ai thèm nghe, chẳng ai động tâm.

"Một hơi gió thoảng đưa hồn nó vào ngôi miếu hoang, giữa đồng"(1).

Nhận được truyện ngắn *Nhớ cố hương*, Hồ Biểu Chánh, lúc đó là chủ nhiệm *Nam Kỳ Tuần Báo,* cho người em đến tận trường mời tác giả

(1) Đoàn Giỏi: *Bốn mươi sáu năm trước, lần đầu gặp nhà văn Hồ Biểu Chánh*, Tạp chí *Văn*, Thành phố Hồ Chí Minh, số 2, năm 1988, tr. 122.

qua gặp tại nhà riêng bên Vĩnh Hội. Sau khi hỏi thăm gia cảnh, chuyện học hành, việc đọc sách của Đoàn Giỏi, nhà văn bậc thầy mới nhận xét về truyện ngắn trong sự hồi hộp chờ đợi của cây bút trẻ: "Truyện cũng đọc được. Nhưng Tết là ngày đoàn tụ gia đình, thằng nhỏ lưu lạc khốn cùng, nhớ quê hương tìm về với mẹ với em... mà để nó chết thảm dọc đường thì tội quá. Tôi định sửa lại như vầy, không biết ý trò có chịu không?". Và Hồ Biểu Chánh trao cho Đoàn Giỏi trang bản thảo với đoạn văn vừa sửa của ông:

"Một lúc sau, một chiếc xe hơi lộng lẫy chạy ngang, có một phụ nữ y phục đoan trang, nhan sắc xinh tươi, ngồi một mình ở phía sau. Cô thấy đứa nhỏ nằm ngoẻo ở bên đường, liền biểu sốp-phơ ngừng xe lại.

Cô bước xuống rờ đứa nhỏ, trán nóng hầm mà tay chân lạnh ngắt. Cô liền dạy sốp-phơ bồng đứa nhỏ lên và nói: "Tội nghiệp con nít đói rách đau ốm. Để chở nó về kiếm thuốc cho nó uống, rồi hỏi nó con nhà ai thì mình đưa nó về cho nó ăn Tết. Làm phước không mất đâu mà sợ"[1].

Và truyện ngắn *Nhớ cố hương* đã được đăng trên *Nam Kỳ Tuần Báo* Xuân Quý Mùi 1943 với

(1) Đoàn Giỏi, *Bđd*, tr. 122.

một khoản nhuận bút hậu hĩ[1]. Từ một kỷ niệm thuở mới cầm bút, Đoàn Giỏi luôn nhớ ơn Hồ Biểu Chánh và xem ông như "người thầy học đầu tiên" về sáng tác. Trong hồi ức nói trên, Đoàn Giỏi còn kể thêm: sau Cách mạng Tháng Tám, trong kháng chiến chống Pháp, năm 1948, ông đã viết lại truyện ngắn *Nhớ cố hương* thành truyện *Đường về gia hương* và sửa lại đoạn kết của truyện một lần nữa: đứa bé không chết dọc đường, cũng không được một bà mệnh phụ nào ra tay cứu vớt, mà trên đường về quê, nó chứng kiến không khí sôi sục chuẩn bị đánh Pháp đang trở lại xâm chiếm Nam bộ. "Nó trở về làng gặp mẹ, gặp em... được cùng các bạn nghèo đồng trang lứa mặc quần soọc kaki, đeo boa-nha, đội nón bàng, cầm tầm vông vạt nhọn đứng gác trước đình làng trụ sở, như một người lớn, như một thanh niên Tiền phong thực thụ"[2].

Như vậy, truyện ngắn của Đoàn Giỏi đã được xây dựng với ba đoạn kết khác nhau, phản ánh ba quan niệm về nhân sinh, ba quan niệm về đạo đức cũng là ba quan niệm về văn học. Đoạn kết thứ nhất cho thấy "kiếp phù trầm vất vả của nhân sinh", nói theo ngôn ngữ người kể chuyện,

---

(1) Truyện ngắn đó được 15 đồng nhuận bút; trong khi tiền trọ, tiền ăn tác giả chỉ tốn 4 đồng mỗi tháng, còn lương giáo viên mới ra trường lúc đó 16 đồng.

(2) Đoàn Giỏi, *Bđd*, tr. 123.

dẫn đến kết cục bi thảm không thể hóa giải được, làm tăng sức mạnh tố cáo của văn học hiện thực. Đoạn kết thứ hai thể hiện quan niệm đạo lý "ở hiền gặp lành", "làm phước không mất đâu mà sợ". Đoạn kết thứ ba nói lên niềm tin con người có thể thay đổi hoàn cảnh và đứng cao hơn thân phận của mình.

Bạn đọc ngày nay có thể đánh giá và ưa thích đoạn kết nào tùy theo quan niệm và thị hiếu của mình. Người ta có thể cho đoạn kết này là bế tắc, đoạn kết kia là ngây thơ, ấu trĩ... Nhưng mỗi đoạn kết đều đụng chạm đến cốt lõi của đạo đức nhân sinh, đạo đức thực tiễn mà dân tộc ta luôn coi trọng. Tác phẩm văn học trở thành một cách ứng xử với cuộc đời, và người viết văn cũng như người đọc văn đều qua đó mà học cách làm người giữa muôn người.

Mối quan hệ mật thiết giữa văn học và đạo đức có nguồn gốc từ đạo lý truyền thống của dân tộc, được tài bồi nhờ tác phẩm của nhiều nhà văn Việt Nam, trong đó có những nhà văn ở Nam bộ đầu thế kỷ 20 như Hồ Biểu Chánh, Phú Đức, Nguyễn Chánh Sắt, Nguyễn Bửu Mộc... Trên *Đông Pháp Thời Báo*, Bút Trà Nguyễn Đức Nhuận viết về tác dụng của tiểu thuyết đối với xã hội: "To tát thay công dụng của tiểu thuyết! Nếu muốn khuyến hóa nhân dân mà khéo dùng tiểu thuyết thì đắc

dụng biết ngần nào. Tiểu thuyết đã dễ cảm người ta như vậy, dễ lay động người ta như vậy, mà lại dễ thay đổi được lòng người như vậy, nên không ai là người không thích xem tiểu thuyết, mà tưởng cả hoàn cầu muôn nước cũng đều như vậy Tiểu thuyết đối với xã hội thật không khác nào như không khí, lúa gạo, ngày ngày ta cũng hô hấp, ta cũng ăn dùng đến, không tránh được, không từ được. Nếu trong không khí ấy mà có chất ô uế, lúa gạo ấy mà có chất độc địa thì người ăn vào thở vào sao cũng hình dung tiều tụy, đau yếu và chết một cách trông rất hiểm nghèo"[1]. Tuy có vẻ đề cao thái quá vai trò của tiểu thuyết, qua đó là vai trò của văn học, nhưng ý kiến này của một nhà báo kỳ cựu từng là chủ nhiệm báo *Sài Gòn Mới*, lại phát biểu ngay từ những năm 20 thế kỷ trước, không khỏi khiến chúng ta suy nghĩ. Ý kiến đó cũng gặp gỡ với quan niệm của một nhà tiểu thuyết là Tân Dân Tử: "Tiểu thuyết nào từ nghiêm lý chánh, thì được bổ ích cho xã hội nhơn quần; tiểu thuyết nào viết bạ nói xàm, chẳng kể luân lý cang thường, ắt gây một mối ác cảm trong lòng người mà phải đồi phong bại tục"[2].

---

(1) Nguyễn Đức Nhuận: *Tiểu thuyết quan hệ với toàn cuộc xã hội thế nào?*, *Đông Pháp Thời Báo*, số 141, ngày 7-5-1924.

(2) Tân Dân Tử: Lời tựa *Giọt máu chung tình*, Nxb. Nguyễn Văn Viết, Sài Gòn, 1925.

Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng quan niệm về đạo đức không bất biến mà vận động theo đà tiến hóa của xã hội, không thể lấy "luân lý cang thường" làm thước đo về chuẩn mực đạo đức trong xã hội ngày nay. Đạo đức là một thực thể luôn vận động và thay đổi theo sự tiến hóa của xã hội chứ không mang một khuôn khổ bất di bất dịch. Nói đúng hơn, trong đạo đức có phần căn cốt, bất biến; lại có phần biến đổi, thích nghi theo từng thời đại. Đồng thời, quan niệm văn học cũng không bất biến mà vận động theo sự phát triển của đời sống tinh thần.

Đạo đức là những quy luật tinh thần hướng con người vươn đến điều thiện. Đạo đức bao gồm những nguyên tắc ứng xử, những chuẩn mực và quy phạm trong đời sống xã hội. Nói đến quan hệ giữa văn học và đạo đức chính là nói đến quan hệ giữa *cái Đẹp* và *điều Thiện*. Mỹ học truyền thống phương Đông cũng như phương Tây luôn nhấn mạnh sự thống nhất của hai phạm trù này và khẳng định văn học góp phần củng cố bầu không khí đạo đức của xã hội, trong đó tình người, lương tâm, bổn phận, sự trung thực, lòng nhân ái, lẽ công bằng... được đề cao. Ngược lại, khi xã hội vững chãi về phong hóa, đạo đức, thì văn học sẽ tiếp nhận được nguồn động lực để nói lên sự thật về cuộc đời và về lòng người. Nói thật, đó cũng

chính là một phương diện của đạo đức. Nói dối sẽ dẫn đến "nói bạ, nói xàm", cũng như sự tô vẽ, bịa đặt sẽ dẫn đến "đồi phong bại tục".

Văn học là tiếng nói của bổn phận và lương tri ngay cả khi không có áp lực của xã hội và dư luận. Văn học khơi dậy sự ăn năn, cắn rứt của lương tâm con người về những tội lỗi mà có thể không một tòa án nào xử phạt được. Đó là sự sám hối, xưng tội của con người với chính bản thân: con người tự kết án, tự biện hộ, tự phán quyết và tự hòa giải với lương tâm mình. Có thể nói, ở nơi mà luật pháp, dư luận xã hội không can thiệp được, thì văn học có khả năng khơi dậy và thức tỉnh lương tri của con người.

Trong xã hội, tình trạng đạo đức suy đồi có thể dẫn đến một loại văn học suy đồi nào đó; nhưng văn học chân chính luôn có ý thức phản kháng lại sự suy đồi. Vì vậy, văn học là lương tri của xã hội ngay cả trong tình huống bất lợi nhất. Văn học kiên trì bảo vệ những giá trị đạo đức vĩnh cửu hay đấu tranh với những lề thói đạo đức cổ hủ không phải bằng những lời rao giảng thống thiết mà bằng sự trải nghiệm của nhà văn và nhân vật của mình. Tiếp xúc với sự trải nghiệm đó, bạn đọc sẽ tự rút ra cho mình những bài học về cách ứng xử đạo đức mà họ tin là phù hợp với phẩm giá con người. Nhà văn cần tin rằng con người tự

mang phẩm hạnh bên trong mình. Văn học không dạy dỗ, mà là nâng đỡ, "hộ sản" (maïeutique), như phương pháp của Socrates, cho những phẩm hạnh đó có điều kiện thuận lợi để xuất hiện.

Báo *Văn Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh,*
Xuân Ất Mùi 2015

Võ Hồng trong trí nhớ

Mặc dù có dịp liên lạc qua thư từ với Thầy Võ Hồng nhiều năm trước, mãi đến mùa hè năm 1994 tôi mới có cơ duyên gặp ông lần đầu tiên. Lần đó tôi hẹn đến thăm ông cùng với các anh chị học viên trong lớp cao học do trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. Lần đầu gặp ông mà tôi cảm thấy như mình đã quen từ lâu cái dáng người cao ráo mảnh mai, đôi mắt tinh anh giấu sau cặp kiếng lão, nụ cười hóm hỉnh và giọng nói Phú Yên thuần chất đó. Đúng như trong hình dung của tôi khi đọc văn ông và xem tấm ảnh ông đăng trên bìa tạp chí *Văn*, ông là một nhà giáo thuần thành và một nhà văn đôn hậu.

Hai năm sau, lớp học ấy hoàn thành luận văn và bảo vệ tốt nghiệp ngay tại Nha Trang. Các thầy

giáo từ Sài Gòn ra chấm thi đến thăm và mời ông dự lễ. Đó cũng là dịp Đài Truyền hình làm cuốn phim về nhà văn, nhà giáo Võ Hồng. Ông cười vui: Lâu lắm rồi *qua* mới ăn mặc trịnh trọng đi dự lễ như thế này. Sáng nay anh đạo diễn còn bắt *qua* đi dạo ngoài bờ biển để quay phim. Ui chao, từ năm 75 đến giờ *qua* mới lại ra biển!

Trước đó khá lâu, khoảng năm 1985 tôi chọn giúp cho Nhà xuất bản Cửu Long một tập sách gồm 15 truyện ngắn của các nhà văn miền Nam. Sau nhiều lần đắn đo, giữa hàng chục truyện ngắn của Võ Hồng, tôi quyết định chọn *Bên đập Đồng Cháy*. Nhưng văn bản mà tôi có từ một tờ báo cũ bị kiểm duyệt cắt mất mấy câu, thế là tôi mạo muội viết thư xin ông bản thảo gốc truyện ấy để đăng nguyên vẹn tác phẩm. Chỉ mươi ngày sau tôi nhận được thư trả lời: ông bảo *Nhẹ hơn cơn gió thoảng* mới là truyện ngắn ông thích hơn cả. Nhưng ông vẫn gửi kèm theo bản đánh máy rõ ràng toàn văn truyện *Bên đập Đồng Cháy* với nhan đề ghi bằng bút chì màu.

Những lần gặp gỡ ngắn ngủi, tôi luôn học được ở ông tính cẩn trọng và chu đáo của nghề viết. Có lần ông hỏi tôi: "Em hay viết báo, có bao giờ em giở ra đọc lại những bài báo của mình đăng mười năm trước không, có bao giờ đọc rồi thấy đỏ mặt không?". Tôi thú thật với ông là có.

Thi thoảng ông nhờ tôi chuyển bản thảo cho một tờ báo hay một nhà xuất bản nào đó. Ngoài những truyện ngắn về tuổi thơ, ông còn viết một loạt bài về chuyện học văn ở nhà trường mà ông bảo tôi đề nghị báo *Yêu Trẻ* đăng liên tục nhiều kỳ. Theo ý ông, tôi đưa bản thảo tập truyện đồng thoại *Chúng tôi có mặt* cho một nhà sách chuyên in sách Phật học mà ông tin cậy. Có một lần tôi ân hận mãi vì sơ suất của mình: tôi mang từ Nha Trang vào bản thảo truyện vừa viết về tấm gương một nữ sinh sợ môn văn đã tìm cách khắc phục nỗi sợ ấy như thế nào. Lúc đầu Võ Hồng đặt tên truyện là *Gập ghềnh sỏi đá*. Sau không ưng ý, ông gọi điện thoại vào đổi lại là *Vượt bao gập ghềnh.* Tôi chủ quan, chỉ gọi điện thoại báo lại cho người biên tập mà không đến tận nhà xuất bản chữa lại bản thảo, nên khi sách ra, tên sách trở thành *Bước qua gập ghềnh*! Tuổi già, không sử dụng máy vi tính, ở xa trung tâm xuất bản, lại không có một người học trò thân tín bên cạnh chăm sóc bản thảo, nhiều lần ông khổ tâm vì sách in nhiều lỗi, phải làm đính chính trước khi tặng người quen. Đó là chưa kể bệnh quên không tha bất cứ người cao tuổi nào: mấy năm trước tôi đã thấy ông để sẵn tờ giấy và cây bút gần đầu giường, hôm nào có ai đến thăm thì hỏi tên và ghi vào đó như một thứ "nhật ký tiếp khách".

Ở miền Nam trước đây, ít có nhà văn nào viết về cuộc kháng chiến chống Pháp vừa chân thực, vừa khẳng khái như Võ Hồng. Những kỷ niệm kháng chiến được lưu giữ và thăng hoa trong *Hoa bươm bướm*, *Như cánh chim bay*... Với Võ Hồng, cuộc kháng chiến đó là một vận hội của sự đoàn kết dân tộc lẽ ra không nên bỏ lỡ. Những nhà văn, nhà phê bình ở miền Nam thuộc nhiều khuynh hướng khác nhau khi nói về tác phẩm của Võ Hồng, đều tỏ ra trân trọng suy nghĩ đó của ông.

Có lẽ ít ai biết rằng nhà văn có những đóng góp quan trọng cho văn học hiện đại như Võ Hồng, nổi tiếng từ những năm 1960, mà sau ngày hòa bình đã được "kết nạp" lại vào Hội Nhà văn Việt Nam. Trong một phụ san của báo *Văn Nghệ* in danh sách các nhà văn hội viên, Võ Hồng cùng với Sơn Nam nằm trong số những "hội viên dự bị". Được xếp vào khuynh hướng văn học "yêu nước và tiến bộ" mà sau ngày thống nhất hơn mười năm, ông mới chính thức "tái xuất giang hồ" với tiểu thuyết *Thiên đường ở trên cao*.

Võ Phiến có lần trách móc một cách tế nhị: "Võ Hồng quả được an thân. Chế độ này qua chế độ kia, thế cuộc bao phen đổi thay, ông vẫn an, vẫn nhàn, vẫn khỏe. Vẫn viết lách để răn đời. Răn toàn điều lành...". Thật ra thì Võ Hồng đâu có bao giờ phủ nhận rằng ông làm văn học cũng là làm

giáo dục và ông đâu có đối lập nghệ thuật với đạo lý. Đến lúc xã hội suy đồi đầy ung nhọt, người ta mới thấy văn chương của ông có ý nghĩa như thế nào. Từ năm 1973, trong truyện ngắn *Mong manh một thoáng* ông đã tả một người phụ nữ đoan chính quyết từ bỏ mối tình sâu đậm với một viên chức chỉ vì chứng kiến anh ta lạnh lùng nhận lấy những đồng tiền xương máu của một bà cụ nghèo khó lo lót xin tha cho người con bị bắt oan. Câu chuyện có vẻ lý tưởng hóa, nhưng ngày nay đọc lại bỗng giật mình: xã hội bây giờ hình như đã quen sống với những viên chức như vậy và liệu còn bao nhiêu những người phụ nữ nhạy cảm như cô Bạch Huệ?

Trước Tết Quý Tỵ, tôi đến chơi với một người bạn thân ở Trạm Hành, Cầu Đất, cách Đà Lạt 25 cây số trên quốc lộ 20 dẫn về Phan Rang. Đứng trên triền dốc nhìn xuống bạt ngàn đồi chè và cà-phê xanh mượt, tôi nhớ đến tiểu thuyết *Hoa bươm bướm* của Võ Hồng. Câu chuyện về một người thanh niên đi tản cư đến Trạm Hành, mong có cơ hội làm việc gì có ích cho kháng chiến và khi cơ hội ấy đến thì lại quyến luyến trước khi xa lìa cảnh vật và con người nơi đây. Không biết trong ấy có bao nhiêu yếu tố tự truyện, nhưng chắc chắn Võ Hồng đã thông thuộc miền đất này mới miêu tả được như vậy. Nhưng từ ấy đến nay,

người không thiết gì ra đến biển dù chỉ cách mấy con phố, chắc cũng không có dịp nào trở về núi đồi chốn cũ.

Nghe tin Võ Hồng tạ thế, Đặng Tiến bảo rằng cần phải có thời gian để giải mã văn chương Võ Hồng. Có lẽ cũng cần phải có thời gian để hiểu con người Võ Hồng, xem đằng sau cuộc đời lặng lẽ, trầm mặc đó có thật là sự an thân, an nhàn hay không; hiểu được tại sao ông chấp nhận dừng chân một chỗ, trụ lại trong tín ngưỡng nghệ thuật của mình, giam mình trong thế giới đó để "hoài cố nhân". Ông đã dành cho những người con của mình đi xa thay cho cha. Và dành cho những đứa con tinh thần của ông đi xa thay cho người khai sinh ra nó.

Báo *Người Lao Động*,
thứ Tư, ngày 3-4-2013

Trang Thế Hy giã biệt quán đời

Năm 1992, trước khi rời Sài Gòn về sống hẳn ở Bến Tre, nhà văn Trang Thế Hy đã viết một bài báo có tên *Đề cương cho một bài giã từ*, hoài nhớ về những năm tháng gắn bó với Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh. Theo lời kể của ông, tính từ lần đầu tiên, năm mười ba tuổi, theo cha lên thăm hai người bà con ở xóm nghèo gần chợ Nancy và vùng Ngã ba Cây Quéo cho đến ngày "đi chỗ khác chơi", ông đã có bốn lần hội ngộ với thành phố này. Bỏ học dở dang ở Mỹ Tho, ông lên Sài Gòn làm nhân viên kiểm vé xe điện trên tuyến đường Sài Gòn - Chợ Lớn, rồi tìm đến vùng đất đỏ miền Đông làm kế toán cho đồn điền cao su ở Bến Củi (Tây Ninh), trải qua những ngày "ăn ớt hiểm và uống ký ninh để chống đỡ với sốt rét", trước khi trở về quê tham

gia kháng chiến chống Pháp. Cuối năm 1956, bị truy lùng gắt gao, ông lại lên sống ở Sài Gòn sáu năm, trong đó có hai năm bị bắt giam trong khám. Tiếp theo là mười hai năm gian khổ ở bưng biền chờ ngày tái ngộ với Sài Gòn sau 1975.

Trang Thế Hy nhẩm tính, vậy là cuộc đời ông có một phần tư thế kỷ gắn bó với thành phố này. Thật ra, nếu tính gộp vào đó những năm tháng ông trải qua trên đất thép Củ Chi, thì hơn một phần ba cuộc đời ông đã hiến dâng cho mảnh đất nơi đây. Và điều quan trọng hơn nữa, hầu hết những tác phẩm đặc sắc nhất của Trang Thế Hy, từ những truyện ngắn đầu tiên trên báo *Nhân Loại*, sau được tập hợp trong *Nắng đẹp miền quê ngoại*, cho đến những tác phẩm được Nhà xuất bản Trẻ in lại gần đây đều đã được thai nghén và hình thành ở Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhưng Trang Thế Hy đâu phải là nhà văn của một vùng đất. Trang văn của ông đã chạm đến những gì sâu kín nhất của cõi người và tìm được sự đồng cảm nơi những độc giả khác nhau về khuynh hướng tư tưởng và thị hiếu nghệ thuật. Một nhà phê bình kỹ tính ở miền Bắc như Vương Trí Nhàn, khi đưa ra những dẫn chứng về chất nghệ thuật và tính hiện đại trong văn xuôi, đã không ngần ngại trích dẫn Trang Thế Hy. Một giáo sư văn học hàn lâm như Phùng Văn Tửu,

trong công trình *Tiểu thuyết trên đường đổi mới nghệ thuật*, đã phân tích nghệ thuật kể chuyện độc đáo của Trang Thế Hy và in chân dung ông bên những nhà văn nổi tiếng khác.

Những người yêu văn Trang Thế Hy đôi lúc không khỏi tiếc rẻ: giá như sức khỏe và cuộc sống lận đận không cản trở để ông viết nhiều hơn nữa. Nhưng biết làm sao được, mỗi nhà văn giải bài toán số lượng và chất lượng theo cách của riêng mình. Với Trang Thế Hy, *"cái gì mình không yêu mến hay chưa kịp yêu mến thì đừng giả bộ yêu mến nó"*. Mặc dù có lúc băn khoăn về sứ mệnh "bào chế thuốc giảm đau" của văn chương, tác phẩm của ông vẫn là một nguồn an ủi tinh thần quý giá dành cho bạn đọc. Hơn hai mươi năm trước, gửi tặng tôi cuốn *Tiếng khóc và tiếng hát*, ông viết: "Cái tập truyện của tôi là một thứ ớt cay dầm trong bữa ăn, nhà phê bình đừng dầm cho nó cay thêm nữa". Tôi hiểu ông: đắng cay là vị của cuộc đời; nhưng người ta chỉ có một cuộc đời để sống, đâu có thể sống mãi với vị đắng cay. Tập thơ song ngữ của ông có nhan đề *Đắng và ngọt* là những chiêm nghiệm cuối đời của một nhà văn lịch lãm. Không có gì nghi ngờ rằng tác phẩm của Trang Thế Hy sẽ chịu được thử thách của thời gian và độc giả sẽ còn đọc lại những dòng văn giàu cảm xúc và suy tưởng của ông.

Những năm tháng cuối đời, trong căn nhà bên một con lộ nhỏ ở ngõ vào thành phố Bến Tre, đêm đêm Trang Thế Hy nghe tiếng thời gian qua những tàu lá dừa khô rụng ngoài vườn. Chắc có lúc ông nhớ đến tiếng rền u u đơn điệu gây buồn ngủ của nhà đèn Chợ Quán, tiếng chuông xe điện leng keng trên đại lộ Galliéni, tiếng cười nói ồn ào trước chung cư Nam Kỳ Khởi Nghĩa nơi cái thành phố đã mở cánh cửa văn chương cho ông nhìn ra thế giới. Nhưng thế giới của ông bây giờ thu lại trong những suy tưởng miên man về phận người và đời văn: *Đêm nay mực chảy thành thơ/ Giữa tiếng cười man dại/ Tôi ngồi một mình trong bóng tối/ Thách tất cả gông cùm trên thế giới/ Làm sao xiềng đôi cánh của tình thương.*

Đêm qua Trang Thế Hy ra đi trong tiếng lá dừa rơi...

Báo *Tuổi Trẻ*,
thứ Tư, ngày 9-12-2015

sự chọn lựa của người trí thức

Trong đời sống văn hóa, có những cuốn sách mà tác giả của chúng đã viết ra bằng sự chứng nghiệm và nếm trải của chính bản thân mình. Tiếp xúc với những cuốn sách ấy, người đọc không chỉ thu hoạch về kiến thức mà còn cảm nhận được cả hành trình tư tưởng, sự lựa chọn chính trị và thái độ sống của người viết.

Tìm về dân tộc[1] của giáo sư Lý Chánh Trung là một trong những cuốn sách như vậy.

Cuốn sách tập hợp mười bài viết trong khoảng mười năm (1966 - 1975) dưới nhiều thể loại: hồi ký, diễn thuyết, bình luận thời sự... nhưng tất cả

---

(1) Nxb. Trình Bầy, Sài Gòn, in lần thứ nhất năm 1967; Nxb. Lửa Thiêng, Sài Gòn, in lần thứ hai năm 1972; Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tái bản có bổ sung và sửa chữa năm 1990.

đều xoay quanh chủ đề dân tộc, đất nước, chiến tranh và hòa bình. Đây là những vấn đề gay cấn đụng chạm đến trái tim của tất cả những người Việt Nam yêu nước lúc đó. Đằng sau giọng văn nồng nhiệt và thống thiết của tác giả thấy hiện lại cả một thời kỳ lịch sử với những sự kiện nổi bật: cuộc đổ quân của Mỹ vào miền Nam, chiến tranh mở rộng và tàn phá, phong trào yêu nước lên cao ở các đô thị với các cuộc vận động đòi hòa bình, bảo vệ văn hóa dân tộc... Đó là thời kỳ của những đổ vỡ, xáo trộn và tha hóa; đồng thời cũng là thời kỳ mà lương tri và ý thức dân tộc bùng dậy mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Bằng hoạt động xã hội và văn hóa của mình, giáo sư Lý Chánh Trung là một trong những người trí thức ở miền Nam đã góp phần xứng đáng vào cuộc phục hưng đó của tinh thần dân tộc.

Trong thời khắc ấy của đất nước, khi mà vấn đề tồn vong của cộng đồng luôn luôn được đặt ra một cách khẩn thiết, thì việc các đại biểu ưu tú của nhân dân tập trung suy nghĩ về số phận dân tộc là điều dễ hiểu. Nét độc đáo trong cuốn sách của Lý Chánh Trung là những suy tưởng có tính chất lý thuyết về dân tộc lại gắn liền với những kinh nghiệm cụ thể, những nỗi đau và niềm vui của một người con luôn nung nấu khát vọng trở về

với cội nguồn dân tộc và cùng dân tộc lên đường trong một vận hội mới của lịch sử.

Được rèn luyện trong môi trường Thiên Chúa giáo vốn đề cao Nước Trời, Lý Chánh Trung là người thiết tha vận động cho sự hòa giải giữa tôn giáo và dân tộc. Được đào tạo trong nền văn minh phương Tây vốn đề cao cá nhân, Lý Chánh Trung lại là người nhiệt thành kêu gọi cá nhân phải hiệp nhất với cộng đồng. Bởi vì, như tác giả viết: "Tôi có thể từ bỏ dân tộc, cũng như tôi có thể từ bỏ gia đình tôi. Nhưng từ bỏ dân tộc là đánh mất cái thế đứng của tôi trong vũ trụ, giữa xã hội loài người. Khi nào tôi còn muốn có mặt trong thế gian này như một con người, thì con người đó chỉ có thể là con người Việt Nam" (tr. 39).

Những suy tưởng thành khẩn như vậy càng có sức thuyết phục và làm xúc động lòng người khi chúng được phát biểu trong một hoàn cảnh cực đoan của lịch sử, hoàn cảnh mà mỗi sự thật được nói ra đều có thể phải trả giá. Thực vậy, ở xã hội miền Nam thời chiến, đối với những người trí thức chân chính, mỗi lời nói cũng là một hành động. Vì vậy, phải đặt vào bối cảnh lịch sử lúc đó, chúng ta mới thấy hết dũng khí của một ngòi bút dám so sánh đất nước ta thời Mỹ chiếm đóng với nước Đức bị Pháp xâm lược vào đầu thế kỷ 19, so sánh cụ Hồ Chí Minh với Moise, "người đã

giải phóng dân Do Thái khỏi ách nô lệ và dẫn dắt họ trong cuộc hành trình gian khổ vượt qua sa mạc..." (tr. 98).

Là một nhà giáo, nhưng thay vì bó mình trong bốn bức tường giảng đường trước những bộ giáo trình đạo đức học lý thuyết, Lý Chánh Trung đã bước ra nắng gió cuộc đời để làm một đạo đức học thực tiễn. Và chính tình tự dân tộc cũng như lương tri trí thức đã khiến ông kiên quyết đứng về phía những lực lượng tiến bộ, cầm bút viết những bài báo mà ông xem như những bọt biển phù du nhưng lại có ý nghĩa dự báo cho những lượn sóng ngầm sẽ dâng lên từ lòng biển cả rộng lớn của đồng bào ông. Cũng chính cuộc sống lớn đó đã đem lại câu trả lời cho học trò ông, những người thanh niên hôm nào còn ngơ ngác đặt câu hỏi với thầy mình: "Thưa Thầy, dân tộc ở đâu?", rồi một ngày kia đã có thể cất tiếng reo vui khi tìm ra chân lý: "Dân tộc đây rồi!". Và sự xác tín của họ đã tìm thấy sự cộng hưởng trong niềm xác tín của ông: "Dấn thân chính đáng là dấn thân về phía dân tộc. Mà nơi nào còn thấy được nguyên vẹn hình ảnh kiêu hùng của Quang Trung thì dân tộc ở đó. Mỗi người chúng ta, nhứt là các bạn trẻ, có thể lên đường hôm nay để tìm thấy Quang Trung hầu nhìn ra gương mặt đích thật của dân tộc,

gương mặt đích thật của chính mình. Tất cả vấn đề là gặp được Quang Trung...” (tr. 135).

Hẳn đó cũng là kinh nghiệm xương máu của tác giả: tìm về dân tộc để tìm thấy gương mặt đích thật của chính mình. Và thật ra trong cuộc hành trình gian khổ của những người trí thức yêu nước ở miền Nam trước đây, nói theo Lữ Phương, họ không chỉ tìm về mà còn đi xa, đi khá xa so với khởi điểm của họ. Sự dấn thân đó là một chọn lựa chính trị, đồng thời là một thái độ đạo đức trước những thách đố khắc nghiệt của lịch sử.

Đọc lại những gì Lý Chánh Trung viết ra cách đây đã ngót một phần tư thế kỷ, mặc dù những giới hạn lịch sử mà chúng bị quy định, độc giả vẫn có thể tìm thấy nhiều ý kiến và nhận định còn giữ nguyên giá trị. Chẳng hạn, tác giả quan niệm: “Văn hóa là linh hồn của dân tộc, không còn văn hóa thì cũng không còn dân tộc, chỉ còn lại một đám đông lúc nhúc hỗn loạn, trong đó mỗi cá nhân sẽ là một đơn tử cô đơn, không quá khứ tương lai, không tương giao thông cảm [...]. Một nước bắt đầu chết khi nền văn hóa bắt đầu suy vi, đồi truỵ. Đây quả là cái chết đau đớn nhất, vì nó lớn dần ngay giữa sự sống như một thứ ung thư [...]. Nền văn hóa của một dân tộc bắt đầu suy mạt khi những thành phần gọi là ưu tú ly cách với nó, không còn đóng góp gì vào sự phát triển của nó

mà chỉ biết bắt chước một cách ngu đần mọi thứ trò nhảm nhí ngoại lai mang tên là văn hóa, khi những thành phần này trở nên xa lạ ngay trên quê hương mình" (tr. 79 - 80).

Ở một thời điểm mà đất nước đứng trước yêu cầu cấp bách phải vừa tự đổi mới để hòa nhập vào thế giới hiện đại, vừa phải giữ gìn bản sắc của chính mình, thì việc suy nghĩ về truyền thống dân tộc, về môi trường văn hóa mà nhân dân đang hít thở, về những bài học kinh nghiệm của lịch sử và những nhiệm vụ của ngày hôm nay, đó hẳn là một công việc mà những người trí thức phải gánh trên vai mình và không bao giờ có thể xem như đã hoàn tất.

Báo *Phụ Nữ,*
ngày 14-10-1992

Khi triết học đi vào cuộc đời

Trò chuyện triết học[1] của Bùi Văn Nam Sơn không hẳn là một cuốn sách nhập môn triết học, cũng không hẳn là lịch sử triết học, nhưng lại có đủ yếu tố của hai loại sách đó. Trước đây, không kể các sách bằng ngoại ngữ, riêng sách tiếng Việt, bạn đọc trong nước có thể tiếp cận với *Triết học nhập môn* của Karl Jaspers (Lê Tôn Nghiêm dịch), *Câu chuyện triết học* của Will Durant (Thích Nữ Trí Hải dịch), *Đưa vào triết học* của Nguyễn Văn Trung, *Đường vào triết học* của Lê Thành Trị, *Hành trình đi vào triết học* của Trần Văn Toàn... Nhưng những cuốn sách đó chủ yếu hướng đến độc giả trong nhà trường, có phần chọn lọc. Với

---

(1) Nxb. Tri Thức - Công ty Sách Thời Đại - Báo *Sài Gòn Tiếp Thị* liên kết xuất bản, năm 2012.

Trò chuyện triết học, Bùi Văn Nam Sơn muốn truyền thông đến đông đảo bạn đọc hơn, như một triết học "đi vào cuộc đời".

Muốn làm được điều đó, trước hết phải có một cách viết thu hút, gợi mở, khéo léo lôi cuốn người đọc vào thế giới sâu xa và uyên áo của triết học. Có khi tác giả mở đầu hay đưa đẩy bài viết bằng cách trích dẫn những câu thơ Kiều. Có khi ông dựng lên một cuộc "giao lưu trực tuyến" giả tưởng với các triết gia cổ điển. Ông thường liên hệ triết học với những chuyện đời thường nhật mà ai cũng quan tâm: chuyện bán phở và quán phở, chuyện người thợ hớt tóc và máy gặt đập liên hợp, chuyện gai nhọn và hoa hồng... Ngay những tiêu đề gây ấn tượng cũng cho thấy triết học gần gũi với thơ ca: *Cổ thụ ngàn năm hay chậu kiểng một mùa?*, *Sáng như tơ mà chiều đã như sương*, *Sáng mai xõa tóc thả thuyền ta chơi*, *Như ong ăn mật*, *Từ tiếng hát nhân ngư*, *Quà tặng của thánh thần*...

Cách tiếp cận thì nhẹ nhàng, nhưng những vấn đề đặt ra của cuốn sách thì đầy sức nặng. Tinh hoa triết học hai mươi lăm thế kỷ được tác giả huy động để bàn luận và lý giải những chủ đề vừa có giá trị vĩnh cửu, vừa có ý nghĩa thời sự, quan thiết đến xã hội và con người: khoa học và giáo dục, con người tự nhiên và văn hóa, kỹ thuật và công

nghệ. Chẳng hạn tuyển bài về triết lý khoa học trong mối liên quan với triết lý văn hóa có thể gợi nhiều suy nghĩ cho con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước hiện nay, để tránh sự trả giá quá đắt vì việc khai thác thiên nhiên vô độ và những hành xử phi nhân đối với con người.

Đọc Bùi Văn Nam Sơn, người đọc cũng có thể tìm câu trả lời cho câu hỏi về sự tiến bộ trong đời sống vật chất và tinh thần. Dù ông không đề cập điều này một cách trực diện và cũng không lý giải một chiều, nhưng cuốn sách có thể củng cố niềm tin rằng sự tiến bộ là điều có thật, rằng dù lịch sử có phải trải qua nhiều ghềnh thác, nhiều khúc quanh, thậm chí những bước thụt lùi, thì xu hướng chung của nó vẫn là vận động và phát triển. Nếu không, lịch sử, kể cả lịch sử triết học, chỉ là điều vô nghĩa.

Một lần trao đổi với bạn đọc, Bùi Văn Nam Sơn có viết: "Một kết luận rốt ráo và rõ nghĩa là lý do tồn tại của triết học. Nhưng nó cũng là một chân trời, càng đến gần, càng lùi xa". Là nhà triết học thuần thành và khiêm cung, Bùi Văn Nam Sơn bao giờ cũng xem cuộc trò chuyện của mình là cuộc đối thoại theo tinh thần Socrates và không bao giờ xem những kiến giải ở đây như những chân lý sau cùng. Vả chăng, cuốn sách này mới

dừng lại ở việc giới thiệu tri thức triết học phương Tây thế kỷ 19. Điều quan trọng là những cuộc đối thoại dọc theo hành trình lịch sử triết học đã được trình bày qua lăng kính của một người trí thức Việt Nam ở đầu thế kỷ 21 luôn thao thức trước số phận của đất nước, văn hóa và con người.

Báo *Người Lao Động*,
thứ Bảy, ngày 30-6-2012

Những nhà lý luận ở "giữa hai làn đạn"

Trong đời sống lý luận - phê bình văn học ở nước ta hiện nay, Phương Lựu là một trong rất ít người có sự quan tâm rộng rãi đến những vấn đề lý thuyết. Ông viết về lý luận văn học cổ điển lẫn hiện đại, Việt Nam lẫn nước ngoài, phương Đông lẫn phương Tây. Riêng về mảng lý luận phương Tây, trong khoảng hơn mười năm nay, ông đã cho ra đời ba công trình khá dày dặn. Dù vậy, là một nhà nghiên cứu chuyên tâm và cần mẫn, Phương Lựu vẫn cảm thấy còn những khoảng trống cần phải lấp đầy. Cuốn sách mới nhất của ông - *Tư tưởng văn hóa văn nghệ của chủ nghĩa Marx phương Tây*[1] - là một bổ sung quý giá vào nỗ lực không chỉ của riêng ông mà của chung giới

(1) Chuyên khảo của Phương Lựu, Nxb. Thế Giới, Hà Nội, 2007.

nghiên cứu mỹ học và văn học ở nước ta trong ý hướng nhận thức toàn diện và khách quan về bức tranh lý thuyết trong thế giới hiện đại.

Sau chương mở đầu trình bày *Lịch sử và cấu trúc chủ nghĩa Marx phương Tây*, tác giả đã dành mười ba chương để giới thiệu những lý thuyết có thể xem như là những chi lưu hay những biến thái của chủ nghĩa Marx, xuất hiện chủ yếu trong lòng xã hội tư bản phương Tây. Chúng tôi gọi đây là những nhà lý luận ở "giữa hai làn đạn" vì cái khoảng cách định mệnh mà họ duy trì với chủ nghĩa Marx "chính thống" một bên và các trường phái mỹ học duy tâm, ở một bên khác.

Để nhận diện chủ nghĩa Marx phương Tây, Phương Lựu đã chỉ ra một cách sáng rõ những đặc điểm của nó. Đó là một "chủ nghĩa Marx kiểu Hégel", một chủ nghĩa Marx nhân đạo, cởi mở, hiện đại, cấp tiến và mang tính chất sinh thái học. Đó là một chủ nghĩa Marx chủ ý khai thác tinh thần phê phán và những yếu tố nhân bản trong các trước tác của Marx thời kỳ đầu; đồng thời hòa trộn với tư tưởng khoa học của phương Tây hiện đại. Chính từ đây nảy sinh khoảng cách với những người mác-xít ở các nước xã hội chủ nghĩa, khiến cho nhiều lý thuyết từng bị định danh là "Marx-học" (Marxologie), hiểu ngầm như một sự bóp méo và làm biến dạng chủ nghĩa Marx đích thực.

Trong lòng xã hội phương Tây, môi trường xã hội và trí thức không phải lúc nào cũng bao dung những lý thuyết ấy. Nói như Jean-Paul Sartre, "người ta không thể là trí thức mà không tả". Nhưng tinh thần khuynh tả của họ có khi được nhìn nhận như một sự đứng giữa, "bắt cá hai tay", "trái tim ở bên trái, còn dạ dày ở bên phải". Vì vậy mà không chỉ phái hữu lên án họ, ngay cả những đồng chí từng cùng đi một đường cũng sẵn sàng từ bỏ họ. Không hiếm dẫn chứng cho điều đó: Georg Lukacs, Roger Garaudy, Ernst Fischer... vốn là đảng viên cộng sản rồi lại bị khai trừ ra khỏi Đảng một cách oan ức.

Cố gắng giữ tinh thần khoa học và khách quan, trong cuốn sách này, Phương Lựu trình bày một cách mạch lạc, với một cấu trúc khá nhất quán giữa các chương, xuất phát từ quan điểm triết học, đi đến những quan niệm mỹ học và lý luận văn học, rồi sự vận dụng vào thực tiễn phê bình và sáng tác của một lý thuyết. Trên phương diện triết học, tác giả chú ý phân tích quan niệm về thiên nhiên, về lịch sử-xã hội và về nhận thức luận. Trên phương diện mỹ học và văn học, ông đi sâu làm rõ mối quan hệ giữa văn nghệ và các hình thái ý thức xã hội khác, tác dụng xã hội của văn học, thái độ đối với các khuynh hướng và trào lưu văn học thế giới.

Từ khi cuốn sách *Chủ nghĩa xét lại hiện đại trong văn học nghệ thuật ở một số nước* (Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, 1974) của Hoàng Xuân Nhị ra đời đến nay, hơn ba thập niên đã trôi qua. Nhờ tiếp cận với những nguồn thông tin đầy đủ, cái nhìn của giới khoa học nước ta về một số nhà lý luận "có vấn đề" như Georg Lukacs, Roger Garaudy, Ernst Fischer, Henri Lefèbvre... đã có nhiều thay đổi. Có thể nhận thấy điều này qua những công trình của Phùng Văn Tửu, Trương Đăng Dung, Nguyễn Văn Dân... Cuốn sách này của Phương Lựu cũng mang một tinh thần ôn hòa, từ tốn trong tranh luận và đánh giá những hiện tượng văn hóa phức tạp, vốn không dễ gì có lời kết luận sau cùng.

Chẳng hạn, mặc dù có nhiều điểm không đồng tình với Garaudy, ông cũng khách quan mà ghi nhận "tính chất viễn kiến" trong một số luận điểm của lý thuyết gia "chủ nghĩa hiện thực vô bờ bến". Với phái thực tiễn trong lý luận mác-xít Nam Tư, ông cho rằng "việc họ muốn xây dựng một nền mỹ học nhân đạo siêu giai cấp, phủ nhận hoàn toàn lý luận cũng như thực tiễn văn hóa xô-viết thì rõ ràng là cực đoan" (tr. 256). Nhưng ngay trước đó, ông thừa nhận rằng "dùng tư tưởng và mỹ học nhân đạo để lên án chế độ và văn hóa xô-viết là có một căn cứ nhất định" (tr. 252), "phê

phán quan điểm giai cấp cực đoan và chính sách văn hóa cực quyền trong mô hình xô-viết là có phần chân lý" (tr. 256). Qua cách nói lịch sự của mình, ông cố ý làm giảm đi tính chất gay gắt của sự phê phán: "Điều này hiển nhiên là không sai, nhưng rất không đầy đủ...". Nếu ông còn nhiều dè dặt với chủ nghĩa hậu hiện đại, thì thái độ đối với chủ nghĩa hiện đại của ông đã bớt đi rất nhiều thiên kiến, so với những công trình trước đây của chính ông, khi thừa nhận "những yếu tố khả thủ" của nó.

Là người đọc Phương Lựu khá kỹ từ nhiều năm nay, thú thực chúng tôi cũng cảm thấy ngạc nhiên khi bắt gặp ở đây những đoạn ông liên hệ lý luận với thực tế để rồi hé lộ một phần tâm trạng lo âu, đau buồn của người trí thức trước những hiện tượng "tha hóa", "phi lý", "buồn nôn" trong xã hội. Trong quá trình nghiên cứu của mình, trước sau Phương Lựu vẫn trung thành với những phương châm mà ông tin theo từ thời trẻ tuổi: "học xưa để hiểu nay", "lấy ngoài phục vụ trong" và "tiếp thu có chọn lọc".

Gói ghém mười ba lý thuyết phức tạp trong một cuốn sách gần 350 trang, dù tác giả cân nhắc đến mức nào, chắc chắn, như ông viết, đây cũng là công việc ở bước khởi đầu và dành nhiều khoảng trống cho bạn đọc tiếp tục suy nghĩ. Chẳng hạn,

phải chăng là cần có sự luận chứng để phân biệt rõ hơn lý thuyết nào thực sự là tư tưởng văn hóa văn nghệ *của* chủ nghĩa Marx phương Tây và lý thuyết nào chẳng qua chỉ có "yếu tố mác-xít" do chịu ảnh hưởng - ở mức độ đậm nhạt khác nhau tùy theo hoàn cảnh lịch sử - của chủ nghĩa Marx mà thôi. Thiết nghĩ, đó chính là sự khác nhau chủ yếu giữa Georg Lukacs và Jean-Paul Sartre. Vả chăng, ngay trong thế kỷ 20, không hẳn học thuyết nào mang tính chất duy vật cũng sẵn lòng trở thành mác-xít. Viết về những trường phái lý luận phương Tây, nhưng nguồn tài liệu chủ yếu mà tác giả sử dụng là của Trung Quốc, với một số trích dẫn không được chú thích đầy đủ, cũng có thể khiến cho những bạn đọc trong giới chuyên môn băn khoăn.

Đánh giá một trào lưu tư tưởng không thể là việc làm ngắn hạn mà có khi phải cần đến cả hàng thế kỷ. Tuy nhiên, trên hết tất cả mọi sự, điều quan trọng mà cuốn sách của Phương Lựu gợi ra là thái độ cần có hiện nay đối với những xu hướng mác-xít hay thân mác-xít ở phương Tây. Có thể có một thái độ độc quyền, cho rằng chỉ những người chính thống mới lý giải và vận dụng đúng đắn chủ nghĩa Marx, còn ra thì nếu không xuyên tạc, cũng là lệch lạc. Đồng thời, cũng có thể có một thái độ khác, linh hoạt và mềm mỏng hơn, tin

rằng chủ nghĩa Marx cần được hiệu đính, bổ sung để có thể đổi mới mà thích hợp với cả phương Tây lẫn phương Đông đang chuyển biến. Chính sự phát triển trong đa dạng đó mới cho thấy chủ nghĩa Marx được nối dài trong lịch sử và sức sống của nó được nhân lên.

Không phải ở đâu khác mà chính là trong hệ thống tư tưởng mác-xít phương Tây này đã nảy sinh sớm hơn hết lời cảnh báo về những vết rạn nứt trong cơ chế vật chất và tinh thần của chủ nghĩa xã hội có thể dẫn đến khủng hoảng. Rất tiếc lời cảnh báo của họ đã không được lắng nghe sớm hơn để tìm phương thuốc cứu chữa.

Ngày hôm nay, khi mà những thất vọng về một xã hội lý tưởng đang trở nên xa vời đã đẩy người ta đổ xô đến một chủ nghĩa tự do cực đoan có nguy cơ lật ngược những giá trị thuộc về lẽ sống, thì những người mác-xít càng cần phải suy nghĩ về những bài học mà chủ nghĩa Marx trong lòng xã hội tư bản đã trải qua. Điều đó có lợi không những cho chủ nghĩa Marx, mà cho chính nhân loại bao giờ cũng khát khao được sống trong một "hoàn cảnh có tính người" như Karl Marx đã viết.

Tạp chí *Nhà văn* (Hội Nhà văn Việt Nam),
số 11-2008

Tuyển tập Hoàng Như Mai

Một số nhà nghiên cứu văn học ở ta thường giấu mình đi, và giấu rất khéo, đằng sau những trang sách. Đó một phần là do yêu cầu khoa học, phần khác là do hoàn cảnh.

Nhưng cũng có những người, vì phẩm chất nghệ sĩ, đã không ngần ngại bộc lộ cái nhìn, tâm trạng của mình trên cả trang văn chính luận. Đọc một cuốn sách, trong trường hợp đó, là đọc một tâm hồn, đọc một nhân cách, đọc cả hành trình tư tưởng của người trí thức.

Đối với tôi, *Tuyển tập Hoàng Như Mai*[1] là một cuốn sách như thế.

---

(1) Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 2005.

Quê gốc ở Thanh Trì (Hà Nội), sinh ra ở Phủ Lạng Thương (Bắc Giang), Hoàng Như Mai lại là người nặng tình với miền Nam. Từ tuổi đôi mươi, ông đã lên đường Nam tiến cùng Đoàn kịch Độc Lập với Sỹ Tiến, Đào Mộng Long... lưu diễn từ Huế vào đến Tuy Hòa thì kháng chiến toàn quốc bùng nổ, phải trở về miền Bắc.

Những năm chống Mỹ, thính giả chương trình *Phát thanh vào Nam* - sau này là chương trình *Các thành thị miền Nam* - vẫn chờ đợi được nghe giọng bình thơ hào sảng, trầm ấm của ông trên làn sóng của Đài Tiếng nói Việt Nam.

Sau ngày đất nước thống nhất, Hoàng Như Mai là một trong những giáo sư thỉnh giảng của Đại học Văn khoa Sài Gòn đã chinh phục lớp sinh viên còn xa lạ với nền văn học mới. Chúng tôi, lớp sinh viên ngày ấy, đọc lại phần trích giáo trình văn học Việt Nam hiện đại trong tuyển tập này mà như gặp lại tuổi trẻ hồn nhiên của mình ba mươi năm trước. Như một hẹn hò với thời cuộc, hành trình ba mươi năm qua của Hoàng Như Mai đã gắn bó với mảnh đất phương Nam: dạy học, diễn thuyết, mở trường, lập hội...

Hoàng Như Mai là người có cơ duyên với giáo dục. Ông từng kể rằng bước đầu vào nghề giáo ở Hải Dương chỉ là do nể lời mời của một người bạn.

Vậy mà rồi ông đi một mạch sáu mươi năm cùng với những thăng trầm của nền giáo dục.

Từng làm hiệu trưởng một trường cao đẳng sư phạm, sáng lập một trường đại học dân lập, rồi nay đứng đầu một trong hai trường trung học tư thục lớn nhất thành phố, Hoàng Như Mai là hiện thân tinh thần: "hối nhân bất quyện" (dạy người không mệt mỏi). Năm ngoái, nhân kỷ niệm Hội Nghiên cứu và Giảng dạy văn học Thành phố Hồ Chí Minh tròn mười bảy tuổi và sinh nhật lần thứ tám mươi lăm, ông viết hai câu thơ:

Đêm thanh mới biết hương nhài,
Ngựa hay thử sức đường dài mới hay.

Hoàng Như Mai cũng là người có duyên với văn nghệ. Đúng ra, văn nghệ là một phần máu thịt của ông. Nhiều người biết ông là nhà thơ, nhà bình luận văn học; nhưng nếu không đọc tuyển tập này, có lẽ ít ai nghĩ ông từng là diễn viên, tác giả kịch bản, phụ trách Đoàn kịch Văn hóa hoạt động ở Hưng Yên trong kháng chiến chống Pháp.

Cả ba vở kịch của ông được in lại trong cuốn sách này xuyên suốt một cảm hứng lịch sử, trong đó *Tiếng trống Hà Hồi* từng được trình diễn trên giảng đường đại học ở Sài Gòn năm Mỹ đổ quân ồ ạt vào miền Nam. Tấm lòng với miền Nam và với văn nghệ của Hoàng Như Mai hội tụ ở những

công trình viết về sân khấu cải lương, cho thấy ông là một trong rất ít nhà nghiên cứu am hiểu sâu sắc và tôn vinh loại hình nghệ thuật độc đáo này.

Nhà hoạt động xã hội, nhà giáo và người nghệ sĩ, cả ba phương diện đó quyện chặt và nhuần nhuyễn trong công việc của Hoàng Như Mai. Vẻ đẹp của phương diện này làm tôn lên vẻ đẹp của phương diện kia. Có lẽ Hoàng Như Mai vượt thắng mọi trở ngại và đi trọn hành trình đã chọn vì ông biết hút lấy tinh chất và sức mạnh từ cả ba phương diện đó.

Đọc tuyển tập này, bạn đọc sẽ gặp tâm hồn nghệ sĩ biểu hiện trong những bài viết về *Quan Âm Thị Kính*, *Cung oán ngâm khúc*, thơ Quang Dũng, Văn Cao, Trần Huyền Trân...; cùng lúc, sẽ nghe lương tri nhà giáo lên tiếng qua các truyện viết cho thiếu nhi, các vở kịch về sông Gianh và về cuộc đời cụ Đồ Chiểu...

Mười hai năm trước, người viết bài này đã góp sức công bố lần đầu tập thơ của Hoàng Như Mai. Tập thơ có tên *Trao cho nhau cuộc đời*. Thật ra đó chỉ là một phần nhỏ của một cuộc đời phong phú và đa dạng. Với tuyển tập này, nhà nghiên cứu Trần Hữu Tá giúp người đọc bước vào tìm hiểu hành trạng và sự nghiệp của một người trí thức mang tinh thần nhập thế sâu sắc.

Là người đọc có nhu cầu hiểu biết về thời đại mình, chúng tôi ước mong Giáo sư Hoàng Như Mai - với tư cách chứng nhân đồng thời là tác nhân của đời sống văn hóa trong một giai đoạn lịch sử đặc biệt của đất nước - sẽ viết tiếp về các nhà trí thức và hoạt động xã hội tiêu biểu, bổ sung vào những trang hồi ức mà chúng tôi cảm thấy rất thú vị khi đọc tuyển tập này.

Báo *Tuổi Trẻ Chủ Nhật*,
số 46, ngày 20-11-2005

Ba cuốn sách, một tấm lòng

Giáo sư, Nhà giáo nhân dân Hà Minh Đức là nhà nghiên cứu văn học hàng đầu của nước ta. Phạm vi quan tâm của ông rất rộng, từ những vấn đề lý luận đến những hiện tượng văn học sử, bao gồm nhiều thể loại đa dạng: tiểu thuyết, truyện ngắn, ký, thơ... Trong đó, lĩnh vực mà ông đi sâu hơn cả là lý thuyết văn học và những đặc điểm, thành tựu của thơ Việt Nam hiện đại. Ông không chỉ là nhà lý luận - phê bình mà còn là một nhà văn viết truyện ngắn, bút ký và một nhà thơ với năm tập thơ đã xuất bản.

Ở tuổi bảy mươi sáu, Hà Minh Đức vẫn làm việc cần mẫn. Dù đã công bố hàng chục công trình nghiên cứu về các tác gia văn học Việt Nam thế kỷ 20, ông vẫn tiếp tục hệ thống hóa tư liệu,

phân tích và đào sâu suy nghĩ về những phong cách nghệ thuật nổi bật. Chỉ trong hai năm vừa qua, ông đã cho xuất bản thêm năm cuốn sách dày dặn về chủ đề này, đặc biệt là bộ ba công trình về những tác gia tiêu biểu của thơ lãng mạn và thơ cách mạng: *Xuân Diệu - vây giữa tình yêu* (Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2009), *Huy Cận - ngọn lửa thiêng không tắt* (Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2010), *Chế Lan Viên - người trồng hoa trên đá* (Nhà xuất bản Văn học, 2010).

Cả ba cuốn sách đều có cấu trúc giống nhau: phần đầu là tiểu luận nghiên cứu về nhà thơ; phần tiếp theo là trò chuyện, ghi chép về những cuộc gặp gỡ; phần cuối cùng là phụ lục gồm một số bài viết của những tác giả khác góp phần soi sáng sự nghiệp và phong cách của nhà thơ.

Mở đầu cuốn sách về Huy Cận là một chuyên luận chặt chẽ gồm sáu chương, bao quát toàn bộ đời thơ của tác giả *Lửa thiêng*. Trong hai cuốn sách về Xuân Diệu và Chế Lan Viên, phần nghiên cứu tập hợp những bài tiểu luận về hai tác gia này, tuy được viết trong những thời gian khác nhau, nhưng bổ sung cho nhau và đem đến cho người đọc một cái nhìn toàn diện về mỗi tác gia.

Cũng như trong các công trình trước đây của Hà Minh Đức, văn phong nghiên cứu trong ba

cuốn sách này luôn giữ sự mực thước, điềm tĩnh. Hà Minh Đức là nhà nghiên cứu có thiên hướng xã hội, nhưng ông kết hợp việc tìm hiểu nội dung thể hiện với chức năng biểu cảm và chức năng thi ca của văn bản. Trong sự phân tích của mình, ông luôn nhìn nhận văn học như một chỉnh thể thống nhất giữa tư tưởng và nghệ thuật. Càng về sau, ông càng chú ý hơn đến việc vận dụng thi pháp học vào việc phân tích tác phẩm thơ ca, tuy luôn giữ một khoảng cách với quan niệm hình thức chủ nghĩa.

Nếu ở phần một, bạn đọc không mấy bất ngờ với những đóng góp về mặt nghiên cứu của một cây bút đã ổn định về phương pháp và phong cách, thì ở phần hai, chắc chắn bạn đọc sẽ ngạc nhiên về những thông tin thú vị mà Hà Minh Đức tích lũy được qua một quá trình lâu dài tiếp xúc với các nhà thơ. Muốn hiểu thơ, cần phải hiểu người thơ, cả trong cuộc đời thường nhật. Qua những trang ghi chép của Hà Minh Đức, có thể thấy ông là người được các nhà thơ tin cậy và trọng thị. Đó thực sự là một thái độ ứng xử có văn hóa giữa người sáng tác và người nghiên cứu, phê bình.

Những năm 60 - 70 thế kỷ trước, Hà Minh Đức hãy còn là một nhà phê bình trẻ. Nhưng nhờ năng lực nghiên cứu, cùng với thái độ hòa nhã,

điềm đạm trong giao tiếp, ông có nhiều dịp làm việc chung với các nhà thơ lớn. Tiếp cận với tác phẩm qua bản thảo nguyên gốc của nó, ông nắm được đặc trưng của lao động sáng tạo và ngôn từ nghệ thuật của nhà thơ. Với cuốn sổ tay bên mình, ông cẩn trọng ghi lại những ý kiến thẳng thắn, sắc sảo mà họ bày tỏ trong việc đánh giá đồng nghiệp cũng như tự đánh giá bản thân mình. Một số ý kiến như vậy trước đây chỉ được phát biểu trong phạm vi hẹp, nay có thể công bố để các nhà nghiên cứu tham khảo, chẳng hạn những nhận xét không kém phần gai góc của Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Huy Cận, Tế Hanh... trong cuộc họp xét tặng giải thưởng văn học 1956 - 1972 mà Hà Minh Đức có tham dự.

Trong phần ghi chép này, người đọc còn có thể bắt gặp những câu nói hay, những hình ảnh đẹp. Khi tâm sự với các nhà nghiên cứu ở Viện Văn học, Xuân Diệu nói: "Thơ Xuân Diệu không phải là cái đền để mọi người đi qua cúi đầu mà ngưỡng mộ, kính cẩn. Thơ tôi là căn nhà cho mọi người đến trò chuyện. Tôi muốn họ yêu đương nhau, cãi cọ nhau trong thơ tôi". Hà Minh Đức cũng là người viết bút ký có chất liệu và có duyên. Những đoạn văn ông miêu tả Xuân Diệu, Chế Lan Viên đến thăm căn hộ của ông ở phố Hàng Ngang, "phải đi qua một mê lộ", cùng gia đình ông ăn một

bữa cơm thường thời bao cấp, là những đoạn văn thấm đẫm tình thương mến.

Trong sự nghiệp nghiên cứu của mình, nói riêng trong những cuốn sách được xuất bản gần đây, thành công của Hà Minh Đức có thể quy về ba yếu tố: có một lý thuyết và phương pháp nhất quán, có năng lực cảm thụ văn chương tinh tế và có tư liệu phong phú tích lũy được nhờ sự lao động bền bỉ, kiên trì. Đằng sau những điều đó là một tấm lòng sâu nặng, một tình yêu không suy suyển với văn học. Cho đến nay, Hà Minh Đức vẫn là một nhà nghiên cứu chưa làm quen với máy tính và internet. Nhìn hàng ngàn trang bản thảo viết tay chưa công bố của ông, ta càng hiểu được lòng yêu nghề đã thành lẽ sống và nguồn sống của một nhà khoa học như thế nào.

Báo *Văn Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh*,
số 149, ngày 10-3-2011

Những nhà giáo "Từ bục giảng đến văn đàn"[1]

Đời sống văn học thời cận đại và hiện đại cho thấy mối quan hệ giữa sáng tác và tiếp nhận văn học ngày càng gắn kết nhờ vai trò quảng bá, giảng dạy trong nhà trường. Nhà trường trở thành nhân tố tác động đến việc phổ biến văn học, góp phần hình thành một lớp nhà văn mới, đồng thời với một lớp độc giả mới. Trong chu trình đó của văn học, người thầy giáo dạy văn đóng ba vai trò cùng một lúc: vừa là độc giả được chuẩn bị tâm thế để tiếp nhận tác phẩm văn học; vừa là người "trung chuyển" truyền tải tư tưởng và nghệ thuật ngôn

(1) *Từ bục giảng đến văn đàn*, tiểu luận văn hóa của Trần Hữu Tá, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2015.

từ đến với các thế hệ hậu sinh; lại vừa là người đồng sáng tạo trong những giờ giảng văn hoặc chính là người sáng tác, trước tác những tác phẩm văn học hay công trình nghiên cứu.

Văn học Việt Nam từ cuối thế kỷ 19 đến nay chứng minh đặc điểm phổ quát đó. Văn học ngày càng gần gũi với đông đảo độc giả vì chữ quốc ngữ trở thành công cụ giao tiếp của xã hội; báo chí và xuất bản phát triển với công nghệ ấn loát được cải tiến; giáo dục trở thành phúc lợi chung của người dân; nạn mù chữ được thanh toán qua các cuộc vận động xã hội. Những điều kiện đó giúp công chúng rộng rãi có cơ hội tiếp cận và thụ hưởng những kiệt tác văn chương của dân tộc, cổ điển cũng như hiện đại. Trong thành tựu của văn hóa, vai trò của nhà giáo thật không ai sánh nổi.

Ở Việt Nam, hơn một thế kỷ qua, hình ảnh và quan niệm về người thầy cũng thay đổi rất nhiều. Những biến động và biến đổi xã hội làm cho vị trí người thầy không yên ổn giữa bốn bức tường lớp học mà được thử thách trong nắng gió và bão táp của thời cuộc. Bao lần thay đổi chế độ, bao cuộc chiến tranh, bao chương trình cải cách xã hội... đã kéo nhà giáo ra khỏi khuôn viên trường học, đối mặt với những chọn lựa lắm khi sinh tử và buộc phải trả lời những câu hỏi gay cấn của đời

sống. Đặc biệt, những nhà giáo dạy văn, những nhà giáo cầm bút rất khó giữ một thái độ thuần túy văn chương, học thuật, mà luôn đụng chạm đến cái thời sự dễ quy chiếu nhân cách và thân phận mình vào với lịch sử.

Là giáo sư văn học lâu năm, có uy tín và nhiều kinh nghiệm trong nghề giáo lẫn nghề văn, chắc hẳn Trần Hữu Tá hiểu rõ tình thế đó của những người đồng nghiệp tiền bối và cùng thời. Sau khi tốt nghiệp Đại học Sư phạm - Văn khoa ở Hà Nội năm 1959, lúc mới hai mươi hai tuổi ông trở thành giảng viên Trường Sư phạm Trung cấp liên tỉnh Hà Tĩnh - Quảng Bình - Vĩnh Linh, vùng giới tuyến của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lúc đó. Hành trang mang theo của ông là những bài giảng và tấm gương sư phạm của những bậc thầy nổi tiếng: Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường, Đào Duy Anh, Cao Xuân Huy, Trần Văn Giàu, Đặng Thai Mai, Trương Tửu, Nguyễn Lương Ngọc... Hai năm sau, ông được cử làm hiệu phó, rồi hiệu trưởng Trường Sư phạm Trung cấp Sơn Tây trước khi trở về mái nhà xưa là Khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Hà Nội vào năm 1965. Ông dạy văn học Việt Nam hiện đại ở đó hơn hai mươi năm rồi tiếp tục công việc này ở Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cho đến ngày nay.

Trọn đời là nhà giáo dạy văn, là nhà văn, nhà nghiên cứu và phê bình văn học, Trần Hữu Tá nhiều lần chia sẻ với học trò, đồng nghiệp và bạn đọc những ấn tượng, cảm xúc và suy nghĩ của bản thân mình về những người thầy giáo "từ bục giảng bước ra văn đàn", những người trên tư chất nhà giáo mà khẳng định bản lĩnh của mình trong đời sống văn học, và với tư chất nhà văn mà nâng cao phẩm cách của mình trên cương vị nhà giáo. Gần mười năm nay, không còn bị chi phối vì công tác quản lý giáo dục, ông dành nhiều thời gian để hoàn chỉnh hai mươi lăm bài viết về những người thầy mà ông trân trọng và cuốn sách *Từ bục giảng đến văn đàn* là kết quả của mối quan tâm bền bỉ ấy.

Nét chung nhất của những bài viết trong tập sách này là sự kết hợp văn phong khoa học và nghệ thuật khắc họa chân dung. Là ngòi bút cẩn trọng khi viết chuyên khảo và sách giáo khoa, Trần Hữu Tá không bao giờ nói về tác gia, tác phẩm mà tách khỏi tiểu sử cá nhân và bối cảnh lịch sử. Những chi tiết đời tư và sự kiện xã hội ánh xạ với nhau được tác giả chọn lọc và cân nhắc khi đưa vào văn bản để làm rõ nhân cách và tính cách của đối tượng. Hầu hết những nhà giáo - văn nhân ở đây đều từng sống qua hai chế độ đối nghịch, cách ứng xử của họ là một bài học, hơn nữa là một

nghệ thuật để lại cho đời sau. Mỗi người đều có một "cuốn sổ bình sinh", dày hay mỏng, cho hậu thế soi mình. Cắt nghĩa thái độ và con đường lập nghiệp của họ đòi hỏi một cái nhìn vừa điềm tĩnh khách quan, vừa thấu đáo nhân tình.

Không chỉ Trương Vĩnh Ký, Đào Duy Anh, Nghiêm Toản... mà cả Trần Văn Giàu, Vũ Đình Hòe, Nguyễn Đình Đầu... đều có những bước ngoặt khó khăn trong cuộc đời hoạt động không thể lý giải một chiều. Điều quan trọng là họ đã gặp nhau trong chí hướng phụng sự dân tộc, trước hết và trên hết về văn hóa và giáo dục, với tinh thần độc lập của người trí thức. Hoàn cảnh xã hội và đời riêng của họ cách xa nhau biết bao, nhưng tất cả đều để lại cho đời những tấm gương sáng về ý chí tự học, vượt gian khổ, vượt cả những rào cản và định kiến để nói lên tiếng nói trung thực của người trí thức trên bục giảng và trên văn đàn. Có thể nói chất lý tưởng trong nghề giáo và chất thẩm mỹ trong nghề văn đã cộng hưởng với nhau, tạo nên gương mặt tinh thần của họ, mặc dù đã là người mấy ai không có tì vết.

Qua sự phân tích của Trần Hữu Tá, ta cảm nhận được tình nghĩa của Vũ Đình Hòe, Nguyễn Lương Ngọc dành cho Đoàn Phú Tứ, Nghiêm Toản - những người bạn một thời cách xa về danh

phận và cách trở về giao tiếp. Và ta cũng hiểu những con người xa cách đó đã sống và viết như thế nào để giữ được mối thâm tình và sự tôn trọng nhường kia. Ba mươi năm sống ở miền Nam giúp cho những trang viết của Trần Hữu Tá về Giản Chi, Nguyễn Văn Xuân, Võ Hồng, Nguyễn Đình Đầu, Phạm Thế Ngũ, Thẩm Thệ Hà... có sự ấm áp, gần gũi của người đồng cảm.

Có lẽ chính những bài viết về các đồng nghiệp bao năm chia ngọt sẻ bùi càng cho thấy rõ một phương diện của ngòi bút Trần Hữu Tá: qua khắc họa chân dung người thầy mà làm toát lên thần thái của một văn nhân. Đó là Huỳnh Lý với cái bếp dầu hôi làm bằng ống bơ quây quần bè bạn, là Nguyễn Đăng Mạnh với chiếc mũ lá cũ kỹ và gói trà Thái Nguyên bị khám xét dọc đường, là Văn Tâm với những bức tranh và đồ gốm cổ đổi bằng tem phiếu thực phẩm gia đình... Rồi sẽ có những lớp thầy giáo - nhà văn khác đến thay thế những người đã qua. Phong thái trong đời và trong văn của thế hệ trước không nên được lặp lại và cũng không thể lặp lại. Thông thuộc tính nết của những người thầy, người bạn từng sinh hoạt ở cùng một khoa, một tổ bộ môn, trong lòng thủ đô hay giữa làng quê nghèo khi sơ tán, Trần Hữu Tá lưu giữ cho chúng ta hình ảnh và kỷ niệm về những nhà giáo

thanh bạch đã một thời làm chứng rằng phẩm giá con người có thể đứng cao hơn hoàn cảnh.

Đọc tiểu thuyết *Số phận một quả chuông*, một tác phẩm cuối đời của nhà giáo - nhà văn Nguyễn Lương Ngọc, Trần Hữu Tá nhận ra thông điệp kín đáo của tác giả. Quả chuông làng Lai Xá trong truyện là biểu tượng cho số phận người trí thức, không lệ thuộc vào môi trường đào luyện, dù "trải bao phen truân chuyên chìm nổi", thậm chí từng chịu oan khuất, vẫn không bao giờ quên sứ mạng của mình là ngân vang tiếng gọi hồn làng, hồn nước. Nguyễn Lương Ngọc qua hình tượng nghệ thuật mà mở lòng ra với đời: tiếng chuông sẽ thanh lọc và "chiêu tuyết" cho lịch sử, vốn không thiếu những góc khuất và những trớ trêu.

Cũng là người "từ bục giảng đến văn đàn", Trần Hữu Tá gửi gắm lòng mình qua những trang viết về đồng nghiệp là điều dễ hiểu. Khi viết về những nhà giáo cao niên, ông thường bày tỏ niềm tin hơi lạc quan về tuổi thọ con người có thể kéo dài đến chín mươi năm, thậm chí một trăm năm. Thật ra, có ai mà cưỡng được quy luật của thời gian! Nhưng viết về người khác, có lẽ tác giả cũng qua đó bày tỏ một nỗi ám ảnh và băn khoăn không chỉ của riêng mình. Nhà giáo, nhà văn sẽ làm gì đây khi quỹ thời gian đang dần cạn? Ta sẽ

còn tặng cho đời những món quà gì nữa đây sau ngần ấy thời gian nhọc nhằn trên bục giảng và trên trang giấy?

Trong ý nghĩa đó, *Từ bục giảng đến văn đàn* là món quà tinh thần mà nhà giáo - nhà văn Trần Hữu Tá gửi đến chúng ta nhân ngày 20-11 năm nay.

Lời bạt sách *Từ bục giảng đến văn đàn*
của Trần Hữu Tá, Nxb. Trẻ,
Thành phố Hồ Chí Minh, 2015,
Trích đăng Báo *Thanh Niên*, ngày 17-11-2015

Nhân đọc *Ấn tượng văn chương phương Nam*[1]

Văn học Việt Nam là một nền văn học thống nhất, thống nhất về địa lý, về lịch sử và cả về tình tự dân tộc. Nhưng thế kỷ 20 trên đất nước này là một thế kỷ đầy biến động: chiến tranh, chia cắt, loạn lạc, thiên tai liên tiếp xảy ra. Số phận đất nước, số phận từng gia đình cũng như số phận mỗi con người cũng biến thiên theo những thăng trầm của thời cuộc. Lịch sử văn học, do đó, không thể không chịu ảnh hưởng và tác động của hoàn cảnh.

Ở nước người, khi thế kỷ 20 kết thúc, các chuyên gia đã chuẩn bị gần như đầy đủ điều

---

(1) Nxb. Thanh Niên, Hà Nội, 2011. Tác giả Nguyễn Mẫn là con trai của nhà văn Tô Nguyệt Đình tức Nguyễn Bảo Hóa.

kiện để tổng kết một thế kỷ văn học sôi động và phong phú của họ. Còn ở ta, thế kỷ 20 đã trôi qua được hơn một thập niên rồi mà mọi cái vẫn còn là dang dở. Tư liệu về tác gia, tác phẩm văn học; tư liệu về sáng tác cũng như phê bình; tư liệu đã in thành sách cũng như còn trên mặt báo... thất lạc và tản mát khắp nơi. Có khi để tìm một truyện ngắn Việt Nam in vào nửa đầu thế kỷ thôi, người ta phải đi đến thư viện hay kho lưu trữ cách đây nửa vòng trái đất. Mà nói chi xa, ngay như những tư liệu còn ẩn mình trong các thư viện hay kho lưu trữ ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, vì nhiều lý do, mấy chục năm qua, vẫn như những người đẹp say ngủ mỏi mòn chờ các nhà sưu tầm, nghiên cứu ghé mắt đến. Thành ra đời sống văn học mới chứng kiến cảnh một vài nhà văn lớn đã được in và công bố *Toàn tập* rồi, mấy năm sau lại được phát hiện thêm nhiều tác phẩm trên báo chưa đưa vào sách, nên lại phải làm *Toàn tập* mới. Ngô Tất Tố và Vũ Trọng Phụng là hai trường hợp tiêu biểu nhất.

Trong hoàn cảnh như vậy, một số nhà văn phải chịu thiệt thòi trong sự đánh giá của lịch sử văn học. Những người làm văn học ở mảnh đất phương Nam này, từ lâu, do cách trở về địa lý, đã chịu nỗi thiệt thòi đó, không phải tính từ thế kỷ 20 này, mà có thể còn xa hơn. Chẳng hạn, người

ta có thể suy nghĩ, không lẽ trước hay sau *Truyện Song Tinh* của Nguyễn Hữu Hào, văn chương phía Nam chỉ là khoảng trống và *Thầy Lazarô Phiền* chỉ là nỗ lực đơn độc của Nguyễn Trọng Quản trong suốt mấy thập niên bản lề giữa hai thế kỷ?

Đó là những hạn chế khách quan của lịch sử mà giờ đây việc khắc phục gần như là bất khả. Nhưng còn có những hạn chế chưa được khắc phục là do con người chưa hết lòng cố gắng. Có thể chỉ ra ở đây nhiều công trình nghiên cứu về tác gia, tác phẩm, trào lưu, thể loại văn học Việt Nam được thực hiện khi nước nhà đã thống nhất mà trong đó lại bỏ sót nhiều hiện tượng là chân tài đã nẩy mầm và bám rễ từ phù sa văn học phương Nam. Thực tế đáng buồn này nay ai cũng thấy, có lẽ không cần chứng minh dài lời nữa.

May thay, thực tế đó ngày càng đánh động đến lương tri nghề nghiệp của các nhà nghiên cứu trên cả nước. Làm sao không sốt ruột khi mà ngành Việt Nam học ngày nay đang được quan tâm và phát triển trên thế giới. Làm sao không sốt ruột khi mà các nhân chứng văn học như lá mùa thu ngày càng rơi rụng. Và làm sao không sốt ruột khi mà bản đồ văn học sử để lại nhiều khoảng trống từ mấy thập niên qua vẫn chưa thể nào lấp đầy. Bằng vào những nỗ lực âm thầm mà kiên trì, bền bỉ, mấy chục năm qua, nhiều nhà sưu tầm,

nghiên cứu đã góp từng "mảnh vụn" để tái tạo và hoàn chỉnh bản đồ văn học sử nước Việt. Có thể kể ở đây Bằng Giang, Bùi Đức Tịnh, Nguyễn Khuê, Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Văn Sâm, Hoài Anh, Nguyễn Q. Thắng, Đoàn Lê Giang... như những học giả mà tên tuổi đã trở thành quen biết với bạn đọc.

Hôm nay, chúng ta cầm trên tay cuốn sách của Nguyễn Mẫn, người đã tự nguyện bước theo con đường của những nhà nghiên cứu đi trước đó. Cuốn sách tập hợp những bài viết về các nhà văn đã gắn bó cuộc đời và sự nghiệp với mảnh đất phương Nam, đã góp phần xứng đáng làm nên diện mạo của một vùng văn học có bản sắc riêng trong sự thống nhất của văn học dân tộc. Đó là Lý Văn Sâm, Phi Vân, Thẩm Thệ Hà, Bình Nguyên Lộc, Lê Vĩnh Hòa, Nguyễn Bảo Hóa tức Tô Nguyệt Đình, Trang Thế Hy, Ngọc Linh, Minh Hương trong văn xuôi; là Huỳnh Văn Nghệ, Ái Lan trong thơ; là Kiều Thanh Quế, Bằng Giang trong nghiên cứu, phê bình... Dù xuất phát điểm và hoàn cảnh khác nhau, tất cả những nhà văn đó đều gặp gỡ ở tấm lòng đối với đất nước quê hương, đều nặng tình nặng nghĩa đối với mảnh đất và con người Nam Bộ.

Cuộc đời và sự nghiệp của các nhà văn ấy đã được đồng cảm bởi tấm lòng yêu văn học của nhà

nghiên cứu Nguyễn Mẫn. Cuốn sách có nhan đề là *Ấn tượng văn chương phương Nam,* nhưng tác giả không phải là nhà phê bình trực cảm, và cái phần ấn tượng không giữ vai trò chủ đạo trong các bài viết này. Điều quan tâm và cũng là đóng góp hàng đầu của tác giả là cung cấp những chứng liệu xác thực để lý giải và khẳng định vị trí của những hiện tượng văn chương nói trên.

Trong công việc sưu tầm và khảo cứu công phu và khó nhọc của mình, tác giả bao giờ cũng tôn trọng quan điểm lịch sử: luôn luôn nhìn nhận, đánh giá và cắt nghĩa các hiện tượng văn học trong bối cảnh phát sinh của nó, trong hành trạng và tiểu sử của nhà văn, trong mối quan hệ với tiến trình vận động và phát triển của lịch sử văn học ở một thời kỳ nhất định. Có thể nói phương pháp lịch sử ở đây đã được kết hợp với phương pháp tiểu sử để soi sáng đặc điểm sáng tác của các nhà văn. "Nói có sách, mách có chứng", các bài viết của Nguyễn Mẫn không chỉ cung cấp những kết luận chính ông rút ra được trong quá trình nghiên cứu, mà còn gợi ý cho những ai quan tâm tiếp tục đào sâu vấn đề và đi tới những nhận định khái quát hơn.

Đọc *Ấn tượng văn chương phương Nam,* chúng ta trân trọng tinh thần lao động có trách nhiệm của Nguyễn Mẫn, càng trân trọng tấm lòng sâu

nặng của ông đối với văn học ở mảnh đất phương Nam. Vẫn biết công việc khôi phục diện mạo văn học của một vùng đất đòi hỏi nỗ lực của nhiều người, nhiều thế hệ; nhưng những đóng góp như cuốn sách này trong thời điểm hiện nay là rất đáng quý. Tôi tin rằng những sinh viên ngành văn học, những người giảng dạy và nghiên cứu văn học sử sẽ tìm thấy những chỉ dẫn bổ ích từ cuốn sách này.

Tiếc thay, Nguyễn Mẫn (1948 - 2006) đã ra đi đột ngột cách đây hơn năm năm, không được nhìn thấy đứa con tinh thần của ông ra mắt bạn đọc.

Báo *Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần*,
ngày 24-2-2012

Hoàng Thiệu Khang cảm nhận và suy tưởng

Một lần nào đó, khi nói về hương vị của tình yêu, Xuân Diệu đã gián tiếp để cập đến sự cảm thụ nghệ thuật ở con người:

Ai đem phân chất một mùi hương
Hay bản cầm ca! Tôi chỉ thương
Chỉ lặng chuồi theo dòng cảm xúc
Như thuyền ngư phủ lạc trong sương.

Thật ra tác phẩm nghệ thuật là một toàn thể mà con người nhiều khi không bằng lòng chỉ cảm nhận vẻ đẹp hiển nhiên của nó, lại còn mong muốn tra vấn cho được những khía cạnh tiềm ẩn bên trong. Cái thế giới bí ẩn đầy cảm tính đó

của nghệ thuật vẫn không thôi cám dỗ người ta suy niệm về nó bằng ngôn ngữ của lý tính. Và điều này đã tạo cơ hội cho sự xuất hiện của thái độ phân tích nghệ thuật khách quan như nhà giải phẫu nghiêm nghị với con dao mổ lạnh lùng trong tay.

Đọc *Cảm nhận và suy tưởng* của nhà nghiên cứu mỹ học Hoàng Thiệu Khang, chúng ta sẽ thấy thái độ đó hoàn toàn xa lạ với tác giả. Hoàng Thiệu Khang chưa viết và chắc sẽ không bao giờ viết về những gì không hề gọi lên trong ông sự rung động, bồi hồi hay xao xuyến. Bởi Hoàng Thiệu Khang trước hết là một nhà nghiên cứu có phẩm chất nghệ sĩ; hay nói đúng hơn, đó là một nghệ sĩ náu mình trong mảnh đất của nghiên cứu và phê bình nghệ thuật.

Cho nên, mặc dù viết về nhiều đề tài rất khác nhau, tập sách này vẫn chứa đựng một dòng cảm xúc nội tại nhất quán: cảm xúc về cái đẹp vừa thật hiếm hoi trong nghệ thuật cũng như trong cõi đời này, đồng thời cũng vừa đủ để nuôi nấng tâm hồn chúng ta nếu ta biết cách múc cạn ý nghĩa nhân văn của nó. Trôi trên dòng sông cảm xúc đó, con thuyền mỹ học của Hoàng Thiệu Khang đã ghé qua nhiều bến bờ - hội hoạ, kiến trúc, âm nhạc, thơ ca... - để hái đầy khoang thuyền những bông hoa xuất hiện trong những thoáng chốc của lịch

sử nghệ thuật, nhưng lại được vĩnh cửu hóa qua cái nhìn mỹ học của con người.

Dưới ngòi bút của Hoàng Thiệu Khang, thơ Thiền thời Lý - Trần hay *Chinh phụ ngâm*, Thơ Mới trước 1945 hay thơ tình thời chiến, Nguyễn Đình Chiểu gần gũi hay Dostoievski xa xôi, tất cả cũng đều được khai thác với tư cách là những *sự-vật-cho-ta*, chứ không phải là những *sự-vật-tự-nó.* Cảm thức mỹ học về không gian và thời gian - vừa như là những hình thức hiện hữu của con người, vừa như là những ký hiệu nghệ thuật thuộc về thế giới sáng tạo của nghệ sĩ - đã giúp tác giả phát hiện ra những nét độc đáo trong những bài kệ của Vạn Hạnh và Không Lộ thiền sư, trong những bức tranh phong cảnh - tâm cảnh của Dương Cẩm Chương. Và tôi ngờ rằng khi nói đến cái "chí khí tứ phương" gợi lên từ tác phẩm của người họa sĩ xa xứ này, Hoàng Thiệu Khang đã gửi gắm vào đó cả giấc mộng lãng du xanh thẳm của lòng mình.

Cảm nhận và suy tưởng là cuốn sách thứ tư của Hoàng Thiệu Khang sau một phần ba thế kỷ giảng dạy và nghiên cứu. Trong ba cuốn trước, ông tập trung bàn về những phương diện lý thuyết của mỹ học. Cuốn sách này là mỹ học đang vận động, mỹ học đi vào cuộc đời. Nhưng chính những tiền đề lý thuyết mà ông nghiền ngẫm đã giúp cho con thuyền mỹ học của ông, tuy có lúc cũng chồng

chềnh trên biển cả bao la của văn chương và nghệ thuật, đã không lạc mất giữa mù sương của những ý tưởng và ngôn từ.

Những ai từng quen biết ông, khi đọc đến tập này, cũng phải nhận ra rằng, dù là viết lý luận hay phê bình, cái hơi say vẫn cứ đeo đuổi những trang văn của Hoàng Thiệu Khang. Có điều, cái hơi say đó lấy men từ vẻ đẹp của nghệ thuật hay vẻ đẹp của chính trần gian, thì chỉ ông mới trả lời chính xác được mà thôi.

Lời bạt sách *Cảm nhận và suy tưởng*
của Hoàng Thiệu Khang, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1994

cái đẹp của âm thanh

Mở đầu sách *Cảm nhận mỹ học âm nhạc*[1], nhạc sĩ Thế Bảo viết: "Trong thiên nhiên có nhiều âm thanh rất hay, như tiếng chim hót, tiếng gió rì rào xào xạc rừng cây, tiếng sóng vỗ, tiếng côn trùng rỉ rả đêm khuya làm xúc động lòng người. Tuy nhiên mỹ học âm nhạc không nhằm đến các loại âm thanh ấy mà chỉ chú trọng đến âm thanh do con người tạo ra" (tr. 9). Cái đẹp của âm thanh do con người tạo ra và trở về với sự cảm thụ của con người qua tai, óc và toàn bộ tâm linh, đó là mạch nối câu chuyện của Thế Bảo, vừa như một nhà nghiên cứu âm nhạc, vừa như một nhạc sĩ sáng tác.

1 Chuyên khảo của Thế Bảo, Nxb. Thanh Niên, Hà Nội, 2013.

Từ thời Cổ đại, Démocrite đã đề xuất thuyết "bắt chước", được Aristote kế thừa và phát triển qua khái niệm *Mimèsis*. Theo Aristote, nghệ thuật dựa trên một thiên hướng của con người là thiên hướng về sự mô phỏng. Trong *Nghệ thuật thơ ca*, ông viết: "Thứ nhất, sự mô phỏng vốn sẵn có ở con người từ thuở nhỏ, và con người khác giống vật chính là ở chỗ họ có tài mô phỏng, nhờ có sự mô phỏng đó mà họ thu nhận được những kiến thức đầu tiên; còn điểm thứ hai là những sản phẩm của sự mô phỏng mang lại thích thú cho con người". Sở dĩ như vậy, theo Aristote, là vì sự mô phỏng này được thực hiện nhờ ngôn từ, nhịp điệu và hòa âm, được thể hiện cả trong thơ ca và âm nhạc.

Như vậy khởi nguồn của cái đẹp trong nghệ thuật là cái đẹp của tự nhiên, như về sau Denis Diderot khẳng định: "Chỉ những cái đẹp nào dựa trên sự liên hệ với những tạo vật của thiên nhiên thì mới sống lâu". Tuy nhiên, "bắt chước" và mô phỏng trong nghệ thuật bao giờ cũng đi liền với sáng tạo và tái tạo. Thế Bảo viết tiếp: "Chim họa mi là danh ca bậc nhất của loài chim [...] nhưng hàng bao ngàn năm qua chúng vẫn chỉ hát như thế. Chỉ có những bài hát, bản nhạc về chim họa mi mới làm bận tâm những nhà mỹ học âm nhạc" (tr. 9). Cũng vậy, bản valse *Dòng Danube*

xanh của Johann Strauss II, *Trường ca Sông Lô* của Văn Cao đều tái hiện tiếng sóng của dòng sông, "nhưng hơn hết là tiếng sóng vỗ trong trái tim con người..." (tr. 10). Chính điều đó làm nên cái ma lực nghệ thuật, nói theo Diderot, vì "mặt trời của nghệ thuật không phải cùng mặt trời của tự nhiên, ánh sáng của nghệ sĩ không phải cùng ánh sáng của trời...". Tương tự như vậy, âm thanh trong âm nhạc không đồng nhất với mà là sự tôn lên âm thanh của tự nhiên.

Bằng giai điệu, tiết tấu, hòa âm, phối khí... người nghệ sĩ tạo ra cái đẹp của âm thanh bắt nguồn từ vẻ đẹp cuộc đời bình dị. "Chúng ta đôi lúc lòng thấy thư thái nhẹ nhõm khi nghe tiếng sáo mục đồng của em bé chăn trâu chiều về trên đường quê hoặc một nỗi buồn man mác xâm chiếm tâm hồn trong đêm đông văng vẳng tiếng ru hời của người mẹ trẻ nơi xóm vắng, hay triền miên theo tiếng hò dọc sông dài" (tr. 40). Những nhạc sĩ tài danh, với cảm hứng và lao động nghệ thuật, đã sáng tạo nên những tác phẩm làm vinh danh "nét đẹp nhạc Việt" hay tạo nên "hương sắc âm nhạc" phương Tây và phương Đông. Những tác phẩm âm nhạc dài hơi, đa tầng mang tính chất phức điệu gợi nhắc đến tính chất phức điệu của những bộ tiểu thuyết lớn đa nghĩa, đa thanh.

Điều đó càng cho thấy mối quan hệ gắn bó giữa âm nhạc với các loại hình nghệ thuật khác, trong đó có văn học. Văn học và âm nhạc cùng là nghệ thuật thời gian. Tác phẩm văn học và âm nhạc đều tồn tại trong thời gian, được tiếp nhận theo trình tự tuyến tính. Người ta đọc một bài thơ hay nghe một bản nhạc từ dòng đầu đến dòng cuối. Thời cổ xưa, thơ ca và âm nhạc cùng hòa trộn trong những khúc ca có tính chất nghi thức mừng lễ hội săn bắn, hái lượm. Vết tích đó còn lưu lại trong những bài dân ca kết hợp yếu tố văn chương và yếu tố âm nhạc.

Nếu văn học gần với hội họa chủ yếu ở phương diện miêu tả và tạo hình, thì nó lại gần với âm nhạc chủ yếu ở phương diện biểu hiện và gợi cảm. Tất nhiên nói như vậy là xét đặc trưng cơ bản của loại hình chứ không có nghĩa rằng hội họa thì không biểu hiện và âm nhạc thì không miêu tả. Sự kết hợp giữa miêu tả và biểu hiện, xét về liều lượng và mức độ, còn tùy thuộc vào từng trào lưu nghệ thuật và phong cách nghệ sĩ.

Với tư cách là yếu tố thứ nhất của văn học, ngôn ngữ bao gồm hai mặt: ý nghĩa và âm thanh. Đặc biệt, với thơ, âm thanh vô cùng quan trọng. Những thủ pháp song song, trùng điệp, láy từ, vần... và nhất là nhịp điệu tạo nên nhạc tính

của thơ. Trong văn xuôi nghệ thuật, nhịp điệu là nhân tố bổ sung, phụ thuộc vào ngữ nghĩa, chứ không phải nhân tố chủ đạo như trong thơ; nhưng nhiều đoạn văn trong tùy bút, bút ký, truyện ngắn, tiểu thuyết... cũng âm vang nhạc tính. Mối quan hệ giữa văn học và âm nhạc là quan hệ hai chiều. Chính chất nhạc trong những tác phẩm thơ đã góp phần vào sự thành công của những ca khúc phổ thơ. Trong khi đó, ca từ của nhiều bài hát cũng tràn đầy chất thơ và có thể đứng riêng ra như một bài thơ hoàn chỉnh. Rõ ràng là thơ ca và âm nhạc đã hòa quyện, gắn kết và tôn vinh lẫn nhau.

Từ những trải nghiệm trong cuộc đời, những kinh nghiệm sáng tác cũng như trình diễn và những kiến thức hàn lâm về âm nhạc, nhạc sĩ Thế Bảo đã gửi đến công chúng một công trình phong phú, đa dạng: có lý thuyết về sáng tạo và các thể loại âm nhạc, có giới thiệu về các nhạc sĩ Việt Nam và nước ngoài, có trình bày đặc điểm các nhạc cụ dân tộc và thế giới, có cả những câu chuyện đời riêng của các danh nhân. Ông đề cao nhạc luật cổ truyền của dân tộc, đồng thời trân trọng tài sản âm nhạc cổ điển và hiện đại thế giới. Ông ghi nhận đóng góp của các nhạc sĩ thuộc nhiều thế hệ, khuynh hướng nghệ thuật đã làm nên bề

dày và chiều sâu của âm nhạc Việt Nam. Có thể chia sẻ suy nghĩ của tác giả: "Bản thân nhà soạn nhạc dù có muốn chui vào tháp ngà cũng không được, họ phải sống với dân tộc, với thời đại mình đang sống và những vấn đề của nhân quần xã hội, những sở thích, những khuynh hướng mà nhà sáng tác khó có thể bỏ qua. Đôi khi vì cách tân và sáng tạo, người nghệ sĩ tiến lên một bước và tác động một bước, tác động lại xã hội, tác động đến nghệ thuật và các trào lưu sau đó" (tr. 28).

Điều rất đáng quý trong cuốn sách này là tác giả luôn nghĩ đến công chúng, coi trọng nhu cầu thưởng thức âm nhạc, đồng thời đề cao giáo dục thẩm mỹ góp phần làm cho thị hiếu thẩm mỹ của họ ngày càng phong phú, sâu sắc. Và ông luôn ghi nhớ những điều người xưa đã dặn. Ở phương Tây thời Cổ đại, Pythagore từng khuyên con người dùng âm nhạc để chữa bệnh. Y học hiện đại chứng minh sự đúng đắn trong khuyến cáo của Pythagore: âm nhạc không những có tác dụng tích cực trong sự phát triển của não và làm giảm *stress* mà còn giúp con người cảm thấy đỡ mệt mỏi khi vận động chân tay, như kết quả một nghiên cứu thực nghiệm của các nhà khoa học thuộc Trường Mỹ học Yamano ở Tokyo. Còn ở phương Đông thế kỷ 15, Nguyễn Trãi từng dâng

sở tâu lên vua Lê Thái Tông: "Hòa bình là gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc [...]. Xin bệ hạ yêu, nuôi muôn dân, để chốn xóm thôn không còn tiếng oán hận buồn than, như thế mới không mất cái gốc của âm nhạc" (tr. 206).

Tuần báo *Văn Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh,*
Xuân Giáp Ngọ 2014

Một cuốn sách phê bình đa dạng

So với ba tập tiểu luận phê bình trước đây của cùng tác giả (*Văn học và phê bình*, *Sống với văn học cùng thời, Đọc lại người trước, đọc lại người xưa*), thì cuốn sách *Mênh mông chật chội...* vừa được xuất bản của Lại Nguyên Ân dầy dặn, đa dạng và cũng... khó đọc hơn nhiều. 450 trang chữ nhỏ với ba mươi bốn bài viết dài ngắn không đều, chủ đề khác nhau, cách viết cũng không thuần nhất. Có lẽ để khích lệ người đọc chuẩn bị tinh thần đi cho hết cuốn sách, tác giả "giáo đầu" bằng bốn bài viết giàu chất thơ, gần như những bút ký văn học. Thơ, nhưng vẫn rõ ra chất giọng của nhà nghiên cứu, như khi tác giả truy tìm gốc tích và con đường đi của các loài hoa mộc lan, mai anh đào. Tôi có cảm giác như tác giả viết những bài

này ở khoảng lặng giữa thời gian miệt mài trầm mình trong dòng chảy văn học. Lại Nguyên Ân không phải là người viết văn cho những lễ lạt, nhưng mấy bài bút ký về đất, cây và người Hà Nội in vào dịp chuẩn bị kỷ niệm Nghìn năm Thăng Long, cũng có ý nghĩa.

Nếu những bài bút ký nói trên tạo nên một nét lạ của ngòi bút tác giả lần này, thì sáu bài viết tranh biện về những vấn đề giáo dục, xuất bản, phê bình văn học, hoạt động của các hội nghề nghiệp... là sự tiếp nối ý thức xã hội và tính chất luận chiến đã thành một nét quen thuộc của phong cách phê bình Lại Nguyên Ân. Có thể đồng ý hay không đồng ý với những ý kiến của tác giả, có thể phản bác ông hay thảo luận cùng ông để tìm một giải pháp "khả thi" chữa những căn bệnh trầm kha của văn học, nhưng thiết nghĩ, không thể không chia sẻ sự sốt ruột và tinh thần trách nhiệm của một người đã nhập cuộc hết mình với đời sống văn học để có thể hiểu biết cặn kẽ về nó.

Đọc ba bài viết về tác phẩm của Tô Hoài, Võ Thị Hảo, Đồng Đức Bốn, ta như gặp lại giọng điệu phê bình từ tốn của Lại Nguyên Ân trong những cuốn sách trước. Mặc dù ở đây, những phát hiện về nghệ thuật đã được nâng lên cả ở quan niệm văn học lẫn ở tầm nhìn thi pháp, nhưng vẫn có cảm tưởng rằng, trong mục tiêu nghề nghiệp của

mình, Lại Nguyên Ân không còn dành sự quan tâm cho những hiện tượng mới trong sáng tác như thuở mới vào nghề.

Khi nói đến bề dày và sự khó đọc của cuốn sách, tôi chủ yếu muốn nói đến hai mươi mốt tiểu luận mà tác giả xếp ở phần sau. Có thể nói ngay rằng cái phần khó đọc này chính là phần đóng góp lớn nhất của Lại Nguyên Ân cho khoa nghiên cứu, phê bình văn học hiện nay. Bạn đọc sẽ không ngạc nhiên về điều này nếu theo dõi quá trình làm việc cẩn trọng và kiên trì của tác giả mấy chục năm nay: từ việc biên soạn, dịch thuật những từ điển văn học, cả về lý thuyết lẫn lịch sử, đến việc sưu tầm, khảo sát và bình chú tỉ mỉ những văn bản và tư liệu gốc thuộc vào loại quý hiếm.

Những gì tác giả thu hoạch sau nỗ lực tìm tòi, kiểm chứng và thẩm định về những cuộc tranh luận chung quanh thơ Nguyễn Đình Thi và tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu, về tuần báo *Bắc Hà* và tuần báo *Trăm Hoa*, về *Tinh huyết* của Bích Khê hay *Tây phương mỹ nhân* của Huỳnh Thị Bảo Hoà... thực sự không chỉ là những cứ liệu để đính chính và bổ sung cho những khoảng trống trong văn học sử, một văn học sử sống động chứ không phải chết dí trong những khuôn khổ đã đông cứng, mà còn có khả năng mở ra những viễn tượng mới cho sự nhìn nhận con đường phát triển của văn học

Việt Nam thế kỷ 20. Riêng những ai quan tâm và yêu mến hai nhà văn có số phận đặc biệt của thế kỷ này là Phan Khôi và Vũ Trọng Phụng, còn phải chịu ơn Lại Nguyên Ân, người không tin rằng di sản của hai ông đã được khai thác và định hình đầy đủ, đã góp phần không nhỏ cho việc xây dựng bộ tổng tập tác phẩm hoàn chỉnh của hai nhà văn ấy trong tương lai.

Ở nước Nga vào nửa đầu thế kỷ trước, những nhà nghiên cứu thuộc trường phái Hình thức như B. Eikhenbaum, B. Tomashevski, Yu. Tynianov, khi không có điều kiện tiếp tục bàn về lý thuyết, đã tận hiến thời gian còn lại của đời mình cho công tác văn bản học. Nhờ tầm nhìn sâu rộng và lao động nghiêm túc của họ mà toàn tập các tác gia cổ điển mới được ra đời. Nhưng đó là một con đường gian nan, đòi hỏi nhiều hy sinh. Xem cung cách mà Lại Nguyên Ân thao tác trên văn bản tiểu thuyết *Giông tố* của Vũ Trọng Phụng, tác phẩm báo chí của Phan Khôi, tác phẩm của phong trào Thơ Mới..., ta vừa thấy khâm phục tài năng và sự mẫn cảm của nhà nghiên cứu, vừa thấy buồn phiền khi nhận ra ngày nay, trong học giới, những người say mê và hết lòng với văn học dân tộc như thế dường như ngày càng trở nên hiếm hoi.

Mênh mông chật chội..., cái nhan đề của tập sách được tác giả lấy ra từ một bài viết về không

gian nông thôn và đô thị đã trở thành hoàn cảnh có tính chất định mệnh của những người trí thức và văn nghệ sĩ một thời. Nhưng có thể mượn hình ảnh ấy để nói về không gian của chính văn học. Nơi này, lúc này mênh mông; nơi khác, lúc khác chật chội: đó là một cách nghĩ. Tuy nhiên, cái tình thế mênh mông hay chật chội cũng có phần là do tâm thế của ta, ta muốn mênh mông thì nó ra mênh mông, bằng không thì ngược lại. Nếu ta còn sẵn lòng yêu thì vẫn còn nhiều đất để dụng võ, một đời cày xới mãi cũng chưa biết bao giờ sẽ xong...

Báo *Thanh Niên,* thứ Bảy,
ngày 30-5-2009 với nhan đề
Lại Nguyên Ân sống với văn học nhiều thời

Trần Tiêu
Nhà văn của nông thôn

Mỗi nhà nghiên cứu có một thế mạnh riêng của ngòi bút. Có người giỏi về khái quát lý luận. Có người chuyên sưu tầm và tổng quan tài liệu. Lại có người thiên về năng lực cảm thụ nghệ thuật, phân tích bút pháp của người sáng tác. Vu Gia là nhà văn, từng viết truyện ngắn, tiểu thuyết, làm thơ, ông thừa sức đi vào chuyện hình thức, chữ nghĩa, bếp núc của văn chương. Nhưng theo đuổi việc thực hiện bộ sách về Tự Lực văn đoàn suốt mười lăm năm nay, Vu Gia chủ yếu muốn soi sáng sự nghiệp của các nhà văn này từ cảm quan lịch sử về bối cảnh hoạt động của họ, trên cơ sở đó mà khám phá, đính chính và góp phần giải quyết những tồn nghi trong văn học sử.

Trần Tiêu - nhà văn độc đáo của Tự Lực văn đoàn (Nhà xuất bản Thanh Niên, 2006) là cuốn sách biên khảo thứ bảy vừa ra mắt bạn đọc của Vu Gia và là công trình thứ năm của ông về Tự Lực văn đoàn.

Trong bản thảo lần đầu, cuốn sách này có tên là *Trần Tiêu - nhà văn của nông thôn*. Nhà văn đích thực của nông thôn thì văn học thời kỳ 1930 - 1945 không thiếu; nhưng nhà văn "tham dự vào những vui buồn của người nông dân ở quê nhà" (tr. 33) và biết cách diễn đạt những nỗi niềm của họ theo tôn chỉ của một văn phái lâu nay vẫn được xem là thuộc khuynh hướng lãng mạn, như Trần Tiêu, thì quả là đặc biệt.

Chỉ nhan đề những tác phẩm như *Con trâu, Sau lũy tre, Truyện quê*... cũng đủ nói lên thiên hướng sáng tác của Trần Tiêu. Hình như Nhất Linh, Khái Hưng và cả Thạch Lam không bao giờ đặt tên tác phẩm như thế. Cũng như Vu Gia, chúng tôi chia sẻ ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu xem Trần Tiêu là nhà văn hiện thực và có thể xếp tác phẩm của ông vào loại hình "chủ nghĩa hiện thực phong hóa".

Trong ý nghĩa đó, về quan niệm văn học, Trần Tiêu gần với Ngô Tất Tố, Bùi Hiển, Mạnh Phú Tư, Nguyễn Đình Lạp... hơn là với người

anh Khái Hưng tài hoa của mình. Tác giả cuốn sách này đã khẳng định một cách thuyết phục những đóng góp riêng của Trần Tiêu, với tư cách một nhà văn xuôi, trên các thể loại truyện ngắn, truyện vừa, truyện dài, truyện loài vật mà cốt cách ngòi bút bộc lộ rõ nhất qua việc miêu tả phong tục ở thôn quê.

Đọc *Trần Tiêu - nhà văn độc đáo của Tự Lực văn đoàn,* ta có thêm cứ liệu để suy nghĩ về ý hướng xây dựng văn học của Tự Lực văn đoàn. Dù không bằng lòng với họ trong thái độ thiên kiến với một vài nhà văn đương thời như Vũ Trọng Phụng chẳng hạn, vẫn phải ghi nhận rằng, qua giải thưởng văn học và hoạt động của các báo *Phong Hóa, Ngày Nay* cũng như Nhà xuất bản Đời Nay, họ đã làm được nhiều việc để ủng hộ và cổ vũ những tài năng văn học không rập khuôn mà Trần Tiêu là trường hợp tiêu biểu.

Kinh nghiệm thực hiện sáu cuốn sách trước được Vu Gia rút tỉa và áp dụng thành thạo trong cuốn sách này. Để có 418 trang viết về Trần Tiêu, Vu Gia đã dành gần hai năm lục lọi trong các thư viện Bắc - Nam, đi điền dã đến tận những nơi có liên quan với tác giả và tác phẩm để tìm hiểu, xác minh tư liệu. Cũng như những công trình biên khảo trước đây của Vu Gia, cuốn sách này cho thấy tác giả bao giờ cũng lập luận dựa trên những

tư liệu văn học đã sưu tầm và chọn lọc với nhiều dụng công. Bên trong nhà nghiên cứu Vu Gia luôn hiện diện một nhà phê bình và một nhà báo bức xúc với những vấn đề xã hội. Đã thành phong cách của ông là giọng tường thuật và tranh biện nồng nhiệt trong văn nghị luận. Bạn đọc có thể đôi lúc cảm thấy nặng nề với những trang tư liệu ngồn ngộn của cuốn sách. Thỉnh thoảng, nhiệt tình của nhà nghiên cứu dẫn đến giọng văn tranh luận của một nhà phê bình có thể làm khó chịu những bạn đọc ưa thích sự điềm tĩnh. Nhưng, suy cho cùng, điều đó cũng xuất phát từ khát vọng đi tìm chân lý và hình như nó đã trở thành nét riêng trong ngòi bút một người đồng hương của Phan Khôi - mà sự nghiệp đã là đối tượng khảo sát cho một công trình nghiên cứu dày dặn khác của chính Vu Gia.

Sau những công trình về Khái Hưng, Thạch Lam, Nhất Linh, Hoàng Đạo, cuốn sách về Trần Tiêu này hoàn thành chặng đường mười lăm năm lao động miệt mài mà tác giả dành cho bộ sách về năm tác gia văn xuôi của Tự Lực văn đoàn. Có thể nói, cho đến nay, Vu Gia là nhà nghiên cứu viết nhiều nhất và kỹ nhất về văn đoàn này. Tôi tin rằng tài liệu thư tịch và tư liệu điền dã mà ông thu thập được, cùng với quá trình suy ngẫm về Tự Lực văn đoàn là điều kiện thuận lợi để ông

tiếp tục nghiên cứu về các nhà thơ - thành viên còn lại: Thế Lữ, Tú Mỡ, Xuân Diệu. Và tôi nghĩ, thời gian cũng đã chín muồi cho một công trình tổng kết về toàn bộ văn đoàn này, qua đó Vu Gia có thể khái quát những đóng góp và rút ra những bài học có tính quy luật mà Tự Lực văn đoàn để lại cho lịch sử văn học dân tộc.

Báo *Sài Gòn Giải Phóng Thứ Bảy*,
ngày 25-11-2006

Từ điển văn học bộ mới

Từ bộ *Từ điển văn học* đầu tiên (Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội: tập I, 1983; tập II, 1984) đến *Từ điển văn học (bộ mới)* lần này (Nhà xuất bản Thế Giới, Hà Nội, 2004) là một khoảng cách vừa tròn hai mươi năm.

Trong một hoàn cảnh bình thường, hai mươi năm là thời gian vừa đủ cho một thế hệ những nhà nghiên cứu mới xuất hiện, cũng vừa đủ cho những quan niệm văn học mới và những phát kiến mới trong khoa học về văn học được ấp ủ và chín muồi.

Huống chi hai mươi năm qua, đời sống văn học Việt Nam đã chứng kiến một cuộc vận động đổi mới rất sôi nổi, hào hứng nhưng cũng đầy gian lao, trắc trở. Cho nên cuốn *Từ điển văn học*

(bộ mới) có thể xem là sản phẩm mang dấu vết của thời kỳ đổi mới trong sáng tác và nghiên cứu, phê bình văn học ở nước ta.

Cũng như mọi hiện tượng văn hóa khác, không một thành quả văn học nào của thời đổi mới lại không kế thừa những thành tựu của quá khứ. *Từ điển văn học (bộ mới)* cũng không nằm ngoài qui luật đó: nó đã chịu ơn hàng trăm công trình nghiên cứu lớn nhỏ trong nước và trên thế giới, đặc biệt là những bộ sách công cụ trên lĩnh vực này mà các soạn giả tiếp cận được.

Có một sự tiếp nối tự nhiên mà hợp lý giữa hai bộ sách: những người chủ biên bộ mới này (Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá) cũng là những người có kinh nghiệm trong việc tổ chức biên soạn bộ từ điển cũ và cái kết cấu tối ưu gồm bốn bộ phận (tác gia, tác phẩm, thuật ngữ văn học, tổ chức và hoạt động văn học) vẫn là chỗ gặp gỡ giữa hai bộ sách.

Tuy nhiên, dung lượng và chất lượng của *Từ điển văn học (bộ mới)* thể hiện một bước tiến nhất định trong tư duy khoa học của các soạn giả. Trước hết đó là tư duy trong những vấn đề lý thuyết văn học: nhiều khái niệm lý thuyết chưa hề được giới thiệu hay giới thiệu một cách sơ sài trong bộ sách cũ, nay đã được trình bày cập nhật

và cặn kẽ hơn; một số trường phái và trào lưu văn học trước đây còn bị định kiến, nay đã được đề cập một cách khách quan, thỏa đáng. Có thể nói, qua những thuật ngữ có liên quan đến mỹ học, thi pháp học, tiếp nhận văn học, văn học so sánh..., trong một chừng mực nào đó bộ sách này không xa lạ với sự phát triển của ngành khoa học về văn học trên thế giới hiện nay.

Làm từ điển văn học dĩ nhiên không phải là viết lịch sử văn học. Nhưng qua bộ từ điển này, người đọc có thể nhận ra những chuyển biến trong cách nhìn về lịch sử văn học. Bức tranh toàn cảnh của văn học Việt Nam và thế giới rõ ràng là phong phú và đa dạng hơn; một số tác gia và tác phẩm mang bản sắc dân tộc, giá trị nhân đạo và phẩm chất thẩm mỹ cao trước đây bị bỏ sót, nay được bổ khuyết.

Tinh thần bao dung văn hóa cũng thể hiện rõ trong việc thừa nhận những đóng góp về nội dung hay về hình thức cho quá trình hiện đại hóa văn học của một số nhà văn ở bên ngoài dòng văn chương hiện thực và cách mạng.

Bạn đọc có quan tâm hẳn sẽ hài lòng khi tìm thấy ở đây những thông tin về hoạt động văn học của một số tên tuổi lâu nay ít được nhắc đến; đồng thời cũng mong mỏi trong một điều kiện

thuận lợi hơn về tư liệu, một số tác gia bị lãng quên khác có thể được những người làm sách bổ sung trong tương lai.

Đây là công trình của một tập thể hơn trăm người có xu hướng học thuật và phong cách khoa học khác nhau, nên tình trạng có những mục từ chênh nhau về dung lượng và cách viết là điều khó tránh khỏi.

Dẫu sao cuốn sách này cũng đặt ra một số vấn đề khá thú vị về phương pháp nghiên cứu văn học, trong đó có vấn đề khai thác và đánh giá sử liệu văn học. Mặc dù các tác giả "xác định nhiệm vụ chủ yếu là thông tin chứ không phải định giá đối tượng" (Lời nói đầu), trong khoa học nhân văn, nhất là khoa học về văn học, thật khó mà nói đến một sự thông tin thuần túy: ngay khi thông tin người này, điều này mà không thông tin người khác, điều khác đã là bao hàm sự đánh giá rồi. Mà đã nói đến đánh giá thì không tránh được cự ly giữa những người đánh giá và đó là chuyện muôn đời của văn chương. Người ta không thể vin vào đó để trốn tránh sự định giá, miễn là đừng xem sự định giá của mình là tiếng nói chân lý sau cùng.

Mọi hiện tượng văn học rồi sẽ được lịch sử sắp xếp vào đúng vị trí của nó. Và khi phán quyết, lịch sử cũng không thể không tham khảo tiếng

nói khó tránh phần chủ quan của từng sử gia. Bởi chính đó là điều làm nên bề dày của văn hóa.

Trên tinh thần đó, cuốn *Từ điển văn học* (*bộ mới*) dày 2.370 trang này là một đóng góp đáng trân trọng của một tập thể 125 người đã làm việc miệt mài và nhẫn nại suốt mười năm ròng.

Trong điều kiện hiện nay, đây là một công trình có giá trị khoa học và thực tiễn; mặc dù có thể hai mươi năm sau, chính những tác giả của nó lại cảm thấy cần phải biên soạn một bộ từ điển khác, để đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu văn học trong một thế giới không ngừng đổi mới.

Báo *Tuổi Trẻ Chủ Nhật*,
số 7, ngày 20-2-2005

Từ phòng văn một người Hà Nội

Đó là căn hộ trên tầng ba một chung cư mới xây ở khu Thái Hà, quận Ba Đình. Đường Láng Hạ là một trục giao thông chính của Hà Nội, lúc nào cũng ầm ào xe cộ, nhưng đi vào con hẻm bên cạnh Viện Triết học là một không gian tĩnh lặng, thoáng đãng.

Từ khi cô Lê Hồng Sâm chuyển về nơi này, đây là lần đầu tiên tôi đến thăm cô. Nhiều năm đã lâu, khi cô còn ở khu tập thể Nguyễn Công Trứ, một dạng chung cư đơn điệu thời bao cấp, mỗi lần đến thăm cô, chúng tôi luôn ấn tượng về một căn hộ bài trí lịch thiệp bởi bàn tay một người phụ nữ Hà Nội nền nếp. Kiến trúc hiện đại của căn nhà mới hôm nay càng hài hòa với nội thất trang nhã

biểu hiện tâm hồn thanh cao của một nữ sĩ thời hiện đại giữa Hà thành đang thay đổi.

Đã hơn một phần ba thế kỷ từ ngày chúng tôi học những bài giảng về văn học Pháp với cô Lê Hồng Sâm. Hồi đó chương trình đào tạo sinh viên Sài Gòn ngay sau năm 1975 dành phần lớn thời gian cho văn chương cách mạng. Cô Lê Hồng Sâm là một trong ít giảng viên giới thiệu tinh hoa văn học thế giới, đã tâm phục chúng tôi ngay từ giờ giảng đầu tiên, không những bằng nội dung khoa học mà còn bằng giọng nói và phong thái sư phạm. Ngày đó, để không bị định kiến, những nàng thơ Văn khoa của chúng tôi cất kỹ những chiếc áo dài trong ngăn tủ, đến lớp với chiếc áo bà ba giản dị. Nhưng cô giáo đầu tiên đến từ Hà Nội lại xuất hiện ở giảng đường với chiếc áo dài cổ cao nền nã. Nhiều năm sau này, nhớ đến những ngày ấy, tôi vẫn thầm biết ơn cô Lê Hồng Sâm.

Một năm sau, khi ra học tiếp ở trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, chúng tôi gặp lại cô Lê Hồng Sâm ở Khoa Văn với chiếc áo sơ mi trắng bình dị như nhiều phụ nữ trí thức miền Bắc thời đó. Chỉ có giọng nói dịu dàng và ấm áp của cô thì không lẫn vào đâu được. Hai năm ở Hà Nội, đối với chúng tôi, cô là nguồn động viên tinh thần lớn lao, giúp chúng tôi giữ được niềm say mê với văn học giữa những biến đổi của thời thế.

Hồi đó chúng tôi không ngờ cô là một học sinh trường nữ học Đồng Khánh, Hà Nội, đã đi kháng chiến và trong gian khổ của cuộc kháng chiến, vẫn tìm cho mình thời gian để tìm hiểu tinh hoa văn học Pháp qua những tác phẩm của Victor Hugo, Honoré de Balzac, Stendhal... Nếu văn chương là bản mệnh đeo đuổi một đời người, thì nó sẽ gõ cửa số phận không chỉ một lần, bởi nó tin rằng người được gọi sẽ góp phần làm nên công tích. Lê Hồng Sâm là một người được gọi trên con đường văn học cần đến những người tài năng và kiên trì. Tiếp xúc với những tư liệu được cập nhật, so với nhiều công trình về khoa học nhân văn, những cuốn sách của cô không hề lỗi nhịp. Ba mươi năm trước, từ khi cô bước chân đến Paris, đặt những mối giao hảo sâu rộng với trí thức đại học Pháp, những đóng góp của cô cho giao lưu văn hóa Việt - Pháp ngày càng đi vào chiều sâu. Cô cùng giáo sư Nicole Mozet đồng chủ trì việc hợp tác dịch thuật bộ tiểu thuyết *Tấn trò đời,* cùng giáo sư Đỗ Đức Hiểu đồng chủ biên bộ *Lịch sử văn học Pháp.* Không chỉ là nhà Balzac học, thành viên Hiệp hội quốc tế nghiên cứu Balzac, cô còn là dịch giả uy tín của nhiều tác phẩm cổ điển lẫn hiện đại của những tác gia nổi tiếng: J.-J. Rousseau, Stendhal, Gustave Flaubert, Guy de Maupassant, Marguerite Duras, Georges

Bernanos, Michel Bataille, Pierre Bourdieu, Marc Lévy, Pierre Combescot, Antoine Compagnon, Đới Tư Kiệt, Sơn Táp... Đồng nghiệp và học trò của cô đều cảm thấy chung niềm hạnh phúc khi cô nhận Huân chương Cành cọ Hàn lâm của chính phủ Pháp và Giải thưởng Phan Châu Trinh.

Trong buổi sáng đẹp trời Hà Nội, ngồi nghe cô Lê Hồng Sâm nhắc lại những kỷ niệm thời dạy học cùng những dự định nghiên cứu và dịch thuật những năm sắp tới, tôi cảm nhận là từ lâu cô đã tạo được cho mình một thế giới cần thiết cho người làm văn. Sống bên cạnh gia đình người con gái duy nhất, nhưng cô có một không gian riêng ở căn hộ tầng trên. Ở tuổi cô, xa lánh những việc vô bổ để không phí sức không có nghĩa là khước từ sự kết nối với thế giới bên ngoài. Có lần cô bảo: "Để giữ sự cân bằng, thanh thản, để tự bảo vệ trước thực tại có lúc khắc nghiệt, mỗi người cần vun trồng cho mình một 'ốc đảo' tươi xanh gồm những người mình yêu thương trong gia đình, bè bạn, những người có cùng bậc thang giá trị như mình. Bên cạnh đó rất cần một khoảng hẹp, một hứng thú riêng, với người này có thể là chăm cây cảnh, người kia là sưu tầm, còn với người làm khoa học là lĩnh vực chuyên môn".

Qua tuổi tám mươi, cô Lê Hồng Sâm có thể nghỉ ngơi trong "tháp ngà" của mình, như chữ

cô dùng của Gustave Flaubert. Nhưng "tháp ngà" của cô lại chính là thế giới văn học, mà nói theo Flaubert, "dù có ở tháp ngà thì theo quy luật trọng lượng, những chiếc đanh ủng của người nghệ sĩ vẫn kéo anh ta về phía mặt đất". Huống chi thế giới văn học của cô luôn có những sợi dây thần kinh trần tiếp xúc với cuộc đời mà không ai lẩn tránh được.

Bên trong Nhà giáo nhân dân Lê Hồng Sâm có một nhà sư phạm mẫu mực kết hợp với một nhà nghiên cứu mang phong cách nghệ sĩ. Không phải ngẫu nhiên mà cô tâm đắc với triết lý giáo dục của J.-J. Rousseau trong *Émile hay là về giáo dục,* xem đứa trẻ là chủ thể của xã hội mà gia đình cần phải tôn trọng thay vì nuông chiều và sứ mạng của giáo dục là đào tạo nên những con người nhân hậu trước khi nên những con người giỏi giang. Nhà khoa học đề cao nữ quyền đó cũng là người đầy nữ tính trong cuộc sống thường nhật và trong văn phong.

Trước khi chia tay, cô Lê Hồng Sâm đưa tôi lên thăm vườn hoa nhỏ của cô trên sân thượng, từ đây có thể nhìn thấy Hà Nội nhộn nhịp bên dưới nhưng tiếng lao xao của nó thì chỉ văng vẳng bên tai. Bên những bông hoa dịu dàng trong nắng trưa, bỗng dưng cô hỏi thăm về một người học trò cũ và mối tình thời sinh viên của chị ấy với

một người đàn ông Hà Nội. Tôi kể là sau khi tốt nghiệp, chị ấy đã về miền Nam lấy chồng, vừa rồi làm đám cưới cho con gái và mới nhận quyết định nghỉ hưu. Cô mở tròn mắt, ngạc nhiên: Thời gian đi nhanh thế hả em, mới ngày nào... Vâng, thời gian đi nhanh thật, thưa Cô. Nhưng con người cũng có cách khắc phục thời gian bằng niềm say mê trong lao động sáng tạo; như Cô vẫn đang miệt mài trên từng trang viết.

Báo Doanh Nhân Sài Gòn Cuối Tuần,
Xuân Tân Mão 2011

Trả nợ cho tuổi trẻ băn khoăn

Nhan đề *Những năm tháng nhọc nhằn*[1] hình như chưa bao quát hết ý tứ trong cuốn tiểu thuyết 200 trang của Lê Văn Thảo, không chừng còn làm giảm sức hấp dẫn của nó. Đành rằng cuốn tiểu thuyết nói về tuổi đôi mươi nhọc nhằn trong đời thực, nhọc nhằn cả trong những giấc mơ, nhưng đó cũng là tuổi đôi mươi băn khoăn tìm kiếm hướng đi trước "vực thẳm và hy vọng".

Một nhóm bạn bốn người từ dưới tỉnh lên Sài Gòn học bốn trường khác nhau nhưng cùng ở

(1) Tiểu thuyết của Lê Văn Thảo, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2012.

trọ chung một nhà, lập thành “tứ trụ triều đình”. “Triều đình” này dựng lên giữa một thời buổi nhiễu nhương, “nhà tù nhiều vô số kể”, “xác tù vượt ngục bị bắn chết có tới hàng trăm”. Tuổi đôi mươi của họ không chỉ trải nghiệm giảng đường, quán cà-phê, rạp chiếu phim... mà còn chứng kiến cảnh bắt bớ, giam cầm, thủ tiêu, trại lính, nghĩa trang, nhà thương thí...

Cuối những năm 50 thế kỷ trước, Sài Gòn như bị đè nặng dưới áp suất của những đám mây tích điện, chuẩn bị cho một cơn dông. Những mâu thuẫn xã hội âm ỉ đang chờ bộc phát. Nhìn Sài Gòn bề mặt: những gã lính Mỹ trước “vung vẩy lon Coca *hello* với người đi đường”, nay “mặt mày cau có, đăm chiêu” trên những chiếc xe Jeep xuất hiện ngày càng nhiều trên đường phố. Dân Việt thì lo âu, sợ sệt lẫn nghi ngờ; người giàu cố tìm đường ra nước ngoài; người bất hạnh “chết âm thầm tức tưởi, muốn đầu thai cũng không được”. Nhìn Sài Gòn bề sâu: người thầy giáo thuần thành gặp tai vạ chỉ vì những bài giảng về lịch sử; người đàn ông chải nón nỉ ăn bận bảnh bao mà làm việc lớn có thể nguy hiểm đến tính mạng; ông già kéo xe hào hiệp cứu người; cô gái con nhà giàu đi chiếc xe Vélo Solex đen, “máy đặt phía trước như quày dừa nước”, tấm lòng từ ái mở ra như một đóa sen...

Mỗi người một số phận, nhóm bạn đó đi qua cái thời của mình với những đắng cay ngỡ ngàng và những tấn thảm kịch. Tân được nuôi dưỡng trong tình yêu vừa nhen nhóm với Quyên và Thắm, hai người con gái làm anh phân vân về ứng xử nhưng không phân vân về lẽ sống. Nghĩa rớt tú tài hai, tìm đến núi Cấm nương nhờ nơi cửa Phật để bảo trọng thân mình. Quân, con người thực tiễn, ít nói nhưng chăm chỉ, tháo vát, luôn giúp đỡ bạn bè. Khiêm rơi vào khủng hoảng từ một bước đi sai lầm, trở nên ngây dại khi người yêu bị hãm hại, đã tự giải thoát cho mình bằng cái chết thảm khốc.

Dõi theo số phận của các nhân vật, nhà văn dẫn người đọc đi qua nhiều bối cảnh: 18 thôn vườn trầu Hóc Môn, vùng xôi đậu Củ Chi, những con đường đèo dốc Đà Lạt, khu nghĩa địa âm u gần Lăng Ông, nhà tù đầy ám khí ở Chí Hòa, Côn Đảo... Cuốn tiểu thuyết vừa xâu chuỗi những biến cố mà các nhân vật trải qua, vừa đóng khung những câu chuyện nhỏ về cuộc đời và số phận những người tù vượt ngục, về ông Tây chết trong tư thế tọa thiền giữa ngôi nhà ma, về cuộc chạy trốn trên núi của Khiêm với cái sơ đồ được ghi dấu và cuộc săn người rùng rợn dẫn đến ngày tận số của anh... Đó là truyện ở trong truyện.

Lê Văn Thảo có ý thức kết hợp cốt truyện phiêu lưu với mô-típ thám tử điều tra để lôi cuốn bạn đọc. Vì vậy cuốn tiểu thuyết có thể đọc một mạch không dừng. Tác giả không sa vào phân tích tâm lý dài dòng, những chỗ dùng chữ số đánh dấu các sự kiện có dụng ý đẩy nhanh tốc độ câu chuyện. Những đoạn chuyển cảnh với nhịp độ nhanh, gây cảm giác giống xem một cuốn phim hành động, như chương tả khu nghĩa địa và trận đòn tàn bạo mà Tân hứng chịu. Tuy vậy, cũng có chỗ tác giả lạm dụng yếu tố ngẫu nhiên, làm lộ rõ sự sắp đặt, ví như việc bố trí cho những đồng ngũ của Khiêm hăng hái đi tìm tung tích những người tù vượt ngục.

Viết chuyện thời thế xã hội, Lê Văn Thảo không nhằm câu khách nhưng tác phẩm vô hình trung có đủ cả chuyện "tình, tu, tù, tự tử". Dưới thời nào đó cũng là những chuyện đáng nói. Có điều đáng tiếc là nhà văn kể chuyện tình yêu hiền quá. Từ hồi nào tới giờ, kể cả khi viết *Chuyện nhỏ tình yêu*, hầu như ông không tính rằng tình yêu tất yếu đi liền với tính dục. Suốt cả cuốn tiểu thuyết này, quan hệ của Tân với Quyên và Thắm, của Khiêm với An là những tình yêu thuần khiết, họ không hề bày tỏ một chút khát khao, không hề trao cho nhau một nụ hôn ngay khi có cơ hội bên

nhau, riêng nhau, may lắm là cái đụng nhẹ vô đôi vai rất mềm của một cô gái. Đó là ưu điểm hay là nhược điểm của nhà văn?

Lê Văn Thảo hay tả những ngày mưa mà ông gọi là "mưa già", thường vào tháng Mười ở Nam Bộ, mưa như trái cây cuối mùa. Tuổi trẻ của Tân và bạn bè đi qua những cơn mưa già như thế: "Trời hửng nắng một chút lại tối sầm, mây đen vần vũ, những cơn gió thổi tới tốc lá khô rào rào trên mặt đường. Cơn mưa tiếp theo không rõ từ hướng nào, dữ dội, gió giật uốn vặn những ngọn cây sao kêu răng rắc. Rồi cũng đột ngột không báo trước, cơn mưa dứt ngang, chỉ còn bụi mưa lất phất...". Cuốn sách này là cách trả nợ cho những năm tháng tuổi trẻ, trả nợ cho những cơn mưa già. Phân tích sâu những năm tháng đó có thể lý giải sự chọn lựa có ý nghĩa bước ngoặt, mở đầu cho một hành trình mới. Hơn nửa thế kỷ nhìn lại một cuộc chọn lựa với những chuyến ra đi, thực chất đó là gì? Cuộc đời riêng và cuộc đời chung được gì, mất gì từ sự chọn lựa đó? Phải chăng thực sự "không có chỗ cho con đường thứ ba"? Tiểu thuyết, như một cuốn sách mở ngỏ về đời sống, gợi ý những lý giải mới dưới ánh sáng của ngày hôm nay.

Năm ngoái Lê Văn Thảo in *Lên núi thả mây*, tập truyện có nhiều dư vị. Năm nay, *Những năm*

tháng nhọc nhằn ra mắt, cùng lúc *Mảnh sót lại của chiến tranh*, một thiên truyện vừa về thời hậu chiến, được công bố trên Tạp chí *Nhà Văn*. Trong thế hệ nhà văn cầm bút ở độ tuổi trên bảy mươi, hiện không mấy người có được sức viết như ông.

Báo *Tuổi Trẻ*,
thứ Sáu, ngày 15-6-2012

Giải pháp chữ Tâm và những giả định lạc quan

Hai tuần trước khi có "đề xuất luật về kiểm soát tài sản, thu nhập" (*Tuổi Trẻ* ngày 7-4-2013), báo *Tuổi Trẻ Cuối Tuần* (số 10, 24-3-2013) đăng một truyện ngắn có liên quan, với nhan đề *Lương tâm cắn rứt*. Đã lâu trên mặt báo mới có một truyện ngắn "sát sườn" với đời sống xã hội như vậy. Có lẽ cũng vì đã lâu người đọc tỏ ra mệt mỏi với loại hình văn học "nóng bỏng tính thời sự" và trở nên giảm lòng tin vào những "giải pháp" nhiều lúc ngây thơ và dễ dãi của nhà văn.

Nhưng đây không phải là truyện ngắn của một nhà văn non tay nào mà là của Trần Kim Trắc lịch lãm và lão thực, với cách kể chuyện lôi cuốn, khiến

người ta có thể đọc một mạch câu chuyện nửa bi nửa hài đó. Ông Thìn, chủ tịch ủy ban nhân dân quận G, bị "choáng" trước chủ trương kê khai tài sản của cấp trên, hình dung viễn cảnh sẽ bị trừng phạt vì tội "bốc lủm" nhiều năm để trở thành giàu sụ. Đầu óc ông càng như muốn vỡ tung ra khi nghe tin Công ty xây dựng Đại Hưng mà ông trực tiếp ký "chỉ định thầu" khai thác khu quy hoạch của quận, nhờ đó ông nghiễm nhiên trở thành cổ đông góp vốn 10%, cũng sắp bị thanh tra. Để thoát ra tình cảnh nguy hiểm ấy, ông "đạo diễn" cho bà vợ đến thẳng công đường tố giác chồng có quan hệ ngoài luồng. Và thế là, ngay ngày hôm sau, lấy lý do bị vợ hạ uy tín và làm sụp đổ danh dự, ông Thìn dễ dàng và nhanh chóng tuyên bố "từ chức chủ tịch ủy ban quận, xin rút chân khỏi mọi vị trí ở cơ quan đoàn thể... để trở về là thường dân".

Như vậy là ông Thìn đã tìm được cách "hạ cánh an toàn", tuy có bị dư luận đàm tiếu về đạo đức sinh hoạt, nhưng lại được tán thưởng ở sự tự phê bình nghiêm khắc và lòng can đảm "tự phong" một hình thức kỷ luật nặng nề, thà mất chức (hy sinh đời bố) mà giữ được tài sản (để củng cố đời con). Nghe những câu ông Thìn nói trước thuộc cấp khi tuyên bố từ chức, người đọc không còn biết nên cười hay nên khóc: "Để bảo vệ sự trong sáng của cách mạng như bảo vệ chính con

ngươi của mắt mình, cần loại trừ ra những con sâu làm rầu nồi canh". Ngòi bút của nhà văn còn đặt vào miệng Thìn những phát ngôn "triết lý": "Đời người ai chẳng như đồng xu, có mặt ngửa có mặt sấp, như là hai người..."; "Lỗi lầm của tôi có sám hối đến tàn trăm bó nhang cũng không thoát khỏi hỏa ngục". Và cứ theo lô-gích đó, chỉ mấy ngày sau, Thìn đã tìm một cách "sám hối" đắc địa: dùng tất cả số tiền cổ tức của Công ty Đại Hưng hàng tháng xây một căn nhà tình nghĩa trị giá năm sáu chục triệu đồng, mỗi năm 12 căn nhà như vậy, để bà vợ "đứng tên hiến tặng, và lên tivi" (!), cho đến cuối đời.

Từ góc độ xã hội học, có thể nói truyện ngắn *Lương tâm cắn rứt*, vô hình trung, đặt cơ sở trên ba điều giả định sau đây:

Một, cuộc đấu tranh chống tham nhũng với giải pháp kê khai tài sản đã có tác động lớn trong giới quan trường, làm chùn tay và truyền sự khiếp sợ đến những kẻ làm giàu bất chính, trước viễn cảnh bị "bỏ phiếu tín nhiệm bãi miễn để cách ly con virút tham nhũng miễn dịch cho đoàn thể".

Hai, "văn hóa từ chức" đã ăn sâu và thấm nhuần vào đội ngũ quan chức và được "ứng dụng" nhuần nhuyễn đến nổi ông Thìn "tự kỷ luật bằng bản án từ chức" xong là giới thiệu luôn người

phó thay thế, hôm sau không đến cơ quan nữa. Cấp dưới và cấp trên của ông đều xem việc đó là đương nhiên, không cần họp hành bàn bạc công tội gì nữa, cũng không thể tất gì đến quá trình phấn đấu và cống hiến của ông.

Ba, "giải pháp chữ Tâm" hóa ra còn ảnh hưởng lớn và nhanh đến những người "bị ô nhiễm tư tưởng" như Thìn, chỉ trong mấy ngày đã chuyển hóa được ông, từ một con sâu "quen tính bốc lủm", đã nghĩ đến ngày ăn đạn, rồi liên tưởng đến hỏa ngục, bèn làm từ thiện để lương tâm đỡ cắn rứt.

Cái kết thúc có vẻ có hậu đó thật ra không hoàn toàn là dấu hiệu của một kiểu công thức dễ dãi và nhạt nhẽo trong văn học một thời xa vắng. Trần Kim Trắc cố tránh điều đó bằng cách kể chuyện nửa nghiêm túc nửa cười cợt của ông. Lúc ta có cảm tưởng nhà văn mỉa mai, xài xể Thìn; lúc lại như ông che chở, khoan dung đối với anh ta. Nhân vật người kể chuyện xưng tôi, một mặt, nói rằng "nhà văn có truyền giáo cho ai đâu mà gọi là thầy", mặt khác vẫn tin rằng "nghề viết văn là nghề chọc ngứa tâm hồn bạn đọc để tâm trí họ hiểu hiện thực đời sống, khêu gợi tiềm lực bản thân để tự họ giải quyết những vấn đề riêng của bản thân mà thôi!".

Văn học cảnh báo để gieo một chút hạt giống lành, dù không chắc sẽ nẩy mầm thành cây trái,

cũng là quý. Giữa lúc những ông Thìn đã trở thành "một bộ phận không nhỏ", biết đâu giải pháp chữ Tâm thật thà và cả tin của Trần Kim Trắc cũng có phần hợp lý?

Báo *Tuổi Trẻ Cuối Tuần,*
số 16, ngày 5-5-2013 với nhan đề
Văn học cảnh báo để gieo hạt giống lành

Nguyễn Mạnh Tuấn kể tiếp chuyện đời

Trước khi nổi tiếng với ba cuốn tiểu thuyết *Những khoảng cách còn lại, Đứng trước biển, Cù lao Tràm* vào đầu những năm 1980, Nguyễn Mạnh Tuấn đã khẳng định chỗ đứng của mình trong nghề văn bằng những tập truyện ngắn. Từ ấy đến nay ông là một trong ít người kể chuyện dài hơi và bền bỉ nhất trong văn học ta. Ông có cả một kho chuyện thu hút mọi người: chuyện năm hòa bình đầu tiên, chuyện thời quan liêu trăn trở phá rào, chuyện làm ăn đầy cạm bẫy thời kinh tế thị trường, chuyện gia đình ly hợp, chuyện tuổi trẻ hoang mang vào đời... Ông kể chuyện bằng ngôn ngữ văn xuôi rồi bằng ngôn ngữ kịch bản điện ảnh; trước đây công chúng gặp ông trên sách báo, về sau còn gặp thường xuyên hơn trên màn ảnh nhỏ.

Lần này Nguyễn Mạnh Tuấn trở lại với văn xuôi, không phải truyện ngắn về những khoảnh khắc đời người, cũng không phải tiểu thuyết bốn, năm trăm trang; mà là truyện vừa, mỗi truyện độ năm, bảy chục trang in, dài lắm cũng không tới trăm trang. Mỗi truyện là một điểm nhìn, một tấn thảm kịch đạo đức, diễn ra trong một quá khứ tưởng người trong cuộc đã lãng quên nhưng lại hiện về khuấy động nhân tâm. Quá khứ xa xôi, dưới ngòi bút nhà văn, trở thành gần gũi và chua xót, đôi khi đay nghiến.

Mỗi truyện vừa trong *Nỗi sợ hãi mầu nhiệm*[1] là một tác phẩm độc lập; mỗi tác phẩm là một số phận trải qua bao thăng trầm, may rủi, chưa đến lúc tổng kết cuộc đời, nhưng kết cục của mỗi người nay đều đã hình dung được. Sự thay đổi của người thầy giáo mẫu mực, từng chỉ biết sống theo khuôn mẫu, trọng nghĩa khinh tài, đâu phải là điều khó lý giải, nhưng lòng nhân hậu của những người học trò vẫn muốn giữ lại một cái gì tốt đẹp từ quá khứ để không làm suy suyển hình ảnh thần tượng được tôn thờ (*Đường đi của hoa*). Kẻ ăn cắp hai cái bánh rán ngày xưa nhờ được người thầy bao dung và liên tài che chở đã trả món nợ ân nghĩa với đời (*Sự dối trá vĩ đại*). Vẫn là ngòi bút

(1) Tập truyện của Nguyễn Mạnh Tuấn, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2014.

sắc sảo hơn ba mươi năm trước của Nguyễn Mạnh Tuấn khi bóc trần các thứ mặt nạ, nhưng bây giờ cái xấu của con người được phán xét điềm tĩnh hơn, khoan hòa hơn và nhân bản hơn.

Thiên truyện dài nhất và có sức nặng nhất trong cuốn sách mang tên của chính nhân vật: *Thằng Đấu*. Đấu là một mẫu nhân vật của thời đại bão táp, vừa là anh hùng, vừa là nạn nhân của thời đại đó, hiện thân của một ý thức đấu tranh, tìm lẽ sống trong sự truy quét những gì không phù hợp với niềm tin bất di bất dịch của mình, thấy hạnh phúc trong việc tìm ra kẻ địch ngay nơi những người mà mình hàm ơn. So với những nhân vật phản diện trước đây của cùng tác giả, Đấu là một chất lượng mới của loại nhân vật mà tính cách mang mầm mống của sự hủy diệt nhân danh những điều cao cả. Xã hội đã đẻ ra Đấu và từng cần đến những thằng Đấu để tồn tại, chính xã hội sẽ còn khổ lâu dài vì những thằng Đấu ấy. Thiên truyện là một cách tường giải cho tư tưởng về mối quan hệ giữa "vô đạo", "vô luân" và "vô phúc" mà Nguyễn Mạnh Tuấn chọn làm lời đề từ.

Năm truyện độc lập khi đặt cạnh nhau trong một tập sách trở nên một bộ tranh liên hoàn, nối kết và bổ sung cho nhau. Một bối cảnh chung: quan hệ thầy trò ở trường Chu Văn An đầu những năm 1960 và lứa thanh niên Hà Nội xung phong

đi xây dựng kinh tế ngay trước khi diễn ra chiến tranh phá hoại của Mỹ. Một nhân vật xưng "tôi", đồng thời là người chứng kiến và trần thuật từ đầu câu chuyện: Tuấn - Nguyễn Mạnh Tuấn. Dù nhà văn có khẳng định đây là tự truyện hay không, thì nhân vật đó hẳn nhiên cũng không đồng nhất với tác giả. Người mang tên Tuấn đó thật ra đóng ba vai cùng một lúc: một đang sống trong câu chuyện với thế giới của mình, một đang kể lại câu chuyện với những gì còn hằn sâu trong ký ức, và một trong đời thực đang lưỡng lự, băn khoăn về câu chuyện có khả năng "gây tổn thương" đó.

Tài cấu trúc của nhà văn có thể cho phép lồng ghép năm truyện vừa thành một tiểu thuyết về "con đường đau khổ" của tuổi trẻ một thời. Nhưng điều này đâu phải cần thiết, thậm chí có thể làm giảm đi sức nặng của từng thiên truyện. Qua *Nỗi sợ hãi mầu nhiệm* và *Hà Nội mến yêu*, hiện lên hình ảnh một người trẻ bị lừa dối, vỡ mộng, có ý thức kháng cự mạnh mẽ lại hoàn cảnh mà không buông xuôi cho số phận. Người thanh niên đã biến mười hai năm ba tháng tuổi trẻ oan uổng của mình thành một tài sản tinh thần vô giá, có lúc kêu lên "dù trong sâu thẳm cõi lòng, vẫn là đang cố đánh bóng một thân phận hẩm hiu", nhưng với hai bàn tay trắng, bị ném ra chảo lửa cuộc đời, anh đã tạo dựng nên chính mình trong một hoàn cảnh bất lợi.

Đã thành phong cách Nguyễn Mạnh Tuấn, văn xuôi của ông không nhiều trang miêu tả và phân tích. Chất bình luận thời tiểu thuyết luận đề cũng đã phai. Sức hấp dẫn của các thiên truyện là ở lời kể và giọng kể, kể bình thản, để sự việc tự nó lên tiếng, không tô vẽ, uốn lượn, không ngậm ngùi thương xót, như món ăn không cần gia vị, vì đã thấm đủ đắng cay. Nhịp điệu kể từ tốn mà không rề rà, tình tiết đưa đẩy đủ để cuốn người đọc vào câu chuyện trước khi kết thúc mà không buông rời cuốn sách. Hẳn nhiên tính chân thực nghệ thuật của tác phẩm sẽ cao hơn nữa nếu tác giả kiềm chế những chi tiết hơi phô diễn, ví như cái rừng hoa học trò cũ tặng thầy Hào nhân ngày tái ngộ hay những bữa ăn chiêu đãi học sinh nghèo của Thạo.

Trong lúc xuất hiện ngày càng nhiều những tác phẩm phi hư cấu góp vào dòng văn học "vết thương" nhìn lại và phán xét thời quá vãng, Nguyễn Mạnh Tuấn hẳn đã cân nhắc khi chọn hình thức thể hiện là sự kết hợp giữa chất liệu tự truyện và văn xuôi hư cấu. Sự kết hợp này vừa tăng sức thuyết phục của sự thật, vừa thêm tính hấp dẫn của cách kể chuyện khi người trong cuộc cũng là người chứng kiến và trần thuật, không phải từ chỗ đứng của kẻ ở bên lề đời sống, mà là từ thân phận của một người rất đỗi bình thường

đang loay hoay tìm chỗ cho mình trong một tình huống mà lòng sợ hãi đã thành phương thuốc để tự cứu chữa.

Hồi *Đứng trước biển* mới xuất hiện, Nguyễn Khắc Viện có viết rằng về sau nếu ai muốn hiểu lại cái thời đã qua, hãy tìm đọc tác giả tuổi đời chưa đến bốn mươi này. Nay sắp bước sang tuổi bảy mươi, ngòi bút nhạy bén của Nguyễn Mạnh Tuấn chưa hề có dấu hiệu xuống sức, chắc sẽ còn tiếp tục kể những câu chuyện về tấn trò đời đang biến hóa thiên hình vạn trạng thời nay.

Báo *Tuổi Trẻ,*
thứ Năm, ngày 23-10-2014

Những câu chuyện thời hậu chiến

Hầu hết 20 truyện ngắn trong tập *Chân dung vô hình*[1] của Nguyễn Hồ đều có nhan đề giản dị, thậm chí đơn giản nữa (*Cậu Ba, Chị tôi, Chú Năm tôi, Tài Em Sún, Bạn già, Hẻm sâu...*), nhưng câu chuyện và tình ý thì không hề đơn giản.

Nếu lấy ngày 30-4-1975 làm mốc, phần lớn chất liệu của các câu chuyện diễn ra ở thời hậu chiến, nhưng vẫn giữ đường dây liên lạc và được soi sáng, cắt nghĩa qua những tấm gương hy sinh trong thời chiến. *Bông hồng nhung* là sự đền bù cho mất mát của một gia đình, tuy muộn màng nhưng kỳ diệu như trong một giấc mơ. *Mùa mắm còng, Chú Năm tôi, Giai điệu nhớ* kết nối các thế

(1) Tập truyện ngắn của Nguyễn Hồ, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, 2011.

hệ, kết nối quá khứ và tương lai bằng tình yêu và sự cảm thông. *Chân dung vô hình,* truyện ngắn được chọn làm nhan đề chung cho cả tập, thấm đẫm chất lý tưởng mà trong sáng, chân thật như những khung hình Nguyễn Chiến để lại. Người phóng viên nhiếp ảnh chiến tranh đó "đi chụp hình khắp người ta mà rốt cuộc, một cái hình riêng cho mình thì không có". Bởi lẽ, "lúc cầm máy ảnh, ống kính của chúng tôi chỉ hướng về phía trước. Phía trước có sức hút kỳ diệu đến nỗi chẳng ai nghĩ đến việc quay ngược ống kính về phía chân dung mình." (tr. 269). Bức chân dung tinh thần mà người nghệ sĩ đó để lại chỉ có thể nhận ra ở giữa những người thân yêu và đồng đội bằng một trực cảm gần như linh giác của cô con gái.

Viết về đời sống hòa bình, Nguyễn Hồ không hướng ngòi bút đến những sự kiện ở "mặt tiền" hay những con người chói chang, rực rỡ. Nhà văn dành những tình cảm thương yêu, trân trọng nhất cho những con người ở dưới đáy xã hội. Kế tục truyền thống nhân đạo, với *Chim phóng sinh, Hẻm sâu, Con muỗi, Nàng Đea Chang Kim...*, ngòi bút Nguyễn Hồ luôn giữ lòng tin vào con người, dù phải quẫy đạp trên những dòng kinh nước đen hay rơi vào cạm bẫy, vẫn giữ được lương tri và phẩm giá.

Thật ra, viết về chủ đề này mà thuyết phục được bạn đọc thời nay không phải dễ. Nguyễn Hồ không rơi vào bánh xe đổ của những tác phẩm minh họa và dạy đời vì ông không tô vẽ cho sự thật và thi vị hóa cuộc sống. Nhà văn đau đớn với cô Út Mười Một đã bán tuổi trẻ lấy chiếc nhẫn và những đồng tiền nhàu nát từ trong áo ngực để chuộc lại hai công đất cho mẹ (*Chị tôi*). Nhà văn rộng lượng với khát vọng đổi đời của cô công nhân thu dọn rác muốn cởi bỏ chiếc áo bà ba cũ nát để trở thành người mẫu thời trang (*Quán Nai Vàng*). Bao cảnh đời đau thương trong xã hội hiện nay, mà nhiều nhà văn dường như lảng tránh, bạn đọc sẽ gặp qua những số phận đa dạng trong cuốn sách này.

Tuy nhiên, có lẽ những truyện ngắn hay nhất của Nguyễn Hồ gắn liền với chủ đề thế sự và những nhân vật thuộc "mẫu người xưa mà không cũ". Đó là Thời và Luân, hai người bạn học do hoàn cảnh đẩy xa nhau, người vào bưng biền tham gia kháng chiến, người ở lại nội thành làm nhà nghiên cứu. Đất nước hòa bình, họ gặp lại nhau trong một cuộc đối chứng giữa cách mạng và khoa học, giữa nhiệt tình và sự hiểu biết, giữa ý chí và quy luật (*Bạn già*). Đó là ông Tư, một thủ trưởng lịch lãm, bất ngờ với "bài học phá khung" mà một giảng viên trẻ gợi ra cho những "*dân chi*

phụ mẫu thời nay" (*Tám chữ o tròn*). Đó là ông Năm hăng hái cải tạo thế giới bằng những biện pháp bạo liệt, không hiểu tại sao lòng tốt của mình đã không được người nghèo đón nhận (*Ông Năm cải tạo*). Đó là ông Ba bất bình trước thế sự, lòng ngao ngán, "hết ý kiến", nên đành cấm khẩu cho đến ngày nhắm mắt (*Cậu Ba*). Đó là lão Thậm tứ cố vô thân, ước mơ làm "người chủ tập thể", đã nhắm mắt xuôi tay không kịp hưởng bảy lượng vàng đền bù cho những tháng năm tận tuỵ giữ gìn chung cư *(Chung cư)*.

Những con người đó nhìn thời hậu chiến này với những tâm trạng khác nhau: hồ hởi có, thanh thản có, dằn vặt có, nặng nề có, ảo tưởng cũng có. Có lẽ đó là những nhân vật sở trường của Nguyễn Hồ. Nhà văn miêu tả họ với sự thấu hiểu, đôi khi pha vị cay đắng lẫn chút *humour* thâm trầm, mà không nhằm phê phán ai, phê phán điều gì. Tất cả chỉ để nói lên rằng cuộc đời vốn phức tạp như thế, sống là chấp nhận nghịch cảnh, thay đổi được gì cũng là điều không dễ trong một sớm một chiều.

Báo *Văn Nghệ* (Hội Nhà văn Việt Nam),
Xuân Nhâm Thìn 2012, số 2-3-4, ngày 14-1-2012

Trong thế giới nhân vật của Phan Triều Hải

Đọc Phan Triều Hải[1], tôi bắt gặp những nhân vật đang bước vào đời, chịu sự thử thách giữa cuộc sống ồn ã của đô thị mà tâm hồn lúc thì hờ hững vô tâm, lúc lại lo âu đến độ hoang mang.

Khác với những nhân vật của các nhà văn trẻ ở đô thị thời chiến tranh, thoạt nhìn, những nhân vật của Phan Triều Hải dường như không bị áp lực trực tiếp bởi cái thời sự, họ được buông thả thanh thản và tùy hứng hơn trong cách sống. Nhưng nhìn kỹ, thì các nhân vật của Phan Triều Hải bây giờ lại chịu một áp lực khác, họ luôn vấp

(1) *Vào đời,* Nxb. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1994) và *Những linh hồn lạc*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1995.

phải những viên sỏi ngầm của thế sự trên những ngõ ngách của cái thường ngày. Và nỗi băn khoăn trước những điều bất tường của đời sống, dù chỉ mới manh nha, đã đè nặng lên tâm hồn họ như một dự cảm không lành.

Đây là lớp người lớn lên cùng với nhịp phát triển của nền văn minh đô thị. Tưởng như họ sinh ra để thụ hưởng những thành quả của nó. Vậy mà chính nền văn minh đó luôn gây trong họ một nỗi bất an và một cảm giác hờn tủi. Trong họ luôn nẩy sinh một cái gì gần như là sự kháng cự đối với nhịp sống đầy hiểm họa và bất trắc của đô thị bây giờ.

Phải chăng những nhân vật của Phan Triều Hải đang làm khánh kiệt lòng mình bằng những giằng xé và lo âu vô cớ? Hay đây chỉ là phản ứng cần thiết của một trạng thái tâm lý bị ức chế thường xuyên bởi những điều chấp nhặt nhỏ nhoi của cuộc sống thường ngày? Không biết. Chỉ biết rõ một điều là, với Phan Triều Hải, những nhân vật mệt mỏi của thời bình đã đến để thay thế cho những nhân vật mệt mỏi trong cuộc chiến tranh dai dẳng trước đây. Và giọng văn uể oải mà không nặng nề tỏ ra thích hợp để bày tỏ cái phản ứng nửa điềm tĩnh nửa chua cay của các nhân vật trước cuộc đời.

“Liên tưởng đời như là một con đường thẳng tắp, dài bất tận, ở đó gã trông thấy hình ảnh của mình, một lữ hành lom khom đi, giữa nắng và bụi, quần áo xác xơ, trên vai là hành trang chẳng có gì nhưng nặng trĩu, đang lê lết từng bước cho hết con đường mà không rõ liệu ở cuối đường có gì hay không?” (*Những linh hồn lạc*).

Hình tượng con đường đời đầy bất trắc và lầm lẫn đi xuyên qua các trang sách của Phan Triều Hải. Trên con đường đó, các nhân vật tìm kiếm bản ngã của mình dưới những cơn nắng gắt và những trận mưa dầm. Nắng thì chói chang, hừng hực gây nên cảm giác oi nồng, ngột ngạt. Còn mưa thì dầm dề, tầm tã như trút hết những ưu phiền lên số phận. Trên con đường đó, những nhân vật nhiều khi không biết bấu víu vào đâu, nhưng cũng chính vì vậy mà họ không hề đổ trách nhiệm cho ai về những lầm lỗi của mình.

Một nét độc đáo của Phan Triều Hải là anh không miêu tả sự cô đơn của con người khi nó ngồi một mình, mà chính là ngay khi nó ở giữa đám đông: trong một lớp học, một bàn tiệc hay một chuyến xe đầy ắp người. Thật là điên rồ nếu có ai đó khuyên Phan Triều Hải hãy phá vỡ cái thế giới nhân vật “tôi” đầy giằng xé đó để tìm lại sự bình yên của tâm hồn. Bởi vì như vậy chẳng khác nào phá vỡ chính ưu thế của ngòi bút Phan

Triều Hải. Trong văn xuôi, Phan Triều Hải không phải là người sở trường xây dựng cốt truyện hay miêu tả hành động, cũng chủ yếu không phải là người dùng ngôn ngữ để miêu tả ngôn ngữ. Anh là người sử dụng ngôn ngữ để biểu hiện tâm trạng. Và khi đưa ngòi bút đuổi theo những ý nghĩ miên man của người cùng thế hệ, Phan Triều Hải xem đó như một cách giải tỏa khỏi những va đập và dồn nén của đời sống hiện đại. Đó cũng chính là cách đi tìm sự bình yên trong văn Phan Triều Hải.

Như một người nghệ sĩ mang giá vẽ đi lang thang trên những nẻo đường, Phan Triều Hải đã gửi vào trong những phác thảo tâm hồn của thế hệ những đường nét của chính mình. Khác với nhiều người viết trẻ cùng lứa, Phan Triều Hải cầm bút không chỉ thuần vì đam mê kỷ niệm hoặc vì bị cuốn hút bởi cái sôi động của ngày hôm nay. Đối với anh, điều quan trọng không phải là tiếc nhớ một quá khứ đã mất mà là tiếc nhớ chính cái đang sống, một thực tại đang được tiên cảm sẽ bị tiêu hủy bởi một thực tại khác.

Nói một cách giản dị, thì Phan Triều Hải nhìn thấy những hình ảnh quá khứ ngay khi chúng còn là hiện tại và anh lo lắng về sự mất mát cả khi nó chưa xảy ra. Những nhân vật của anh đã tiêu phí thời gian trong những đam mê thừa thãi, những cuộc tình mỏi mòn, những cuộc rong chơi

vô ích... Anh cho họ một không gian yên tĩnh để lấy lại sự cân bằng. Trong không gian ấy, anh bảo họ hãy tận hưởng tiếng rơi của một ngọn lá tre khô, vẻ đẹp của một bông hoa cườm thảo, mùi mục ruỗng của đất nâu, mùi thoang thoảng của trái mơ chín, mùi ẩm ướt của mái tóc thiếu nữ...

"Đôi khi người ta chỉ mong có cảm giác lạnh tê tái đó, để quên" (*Chủ Nhật*).

"Đôi khi sự vô tư cũng được việc của nó" (*Chủ Nhật*).

"Đôi khi người ta làm chỉ vì nhu cầu cần phải làm bất kỳ một cái gì đó..." (*Một buổi sáng trôi qua*).

"Đôi khi tôi hành động đơn thuần chỉ như thói quen" (*Con dơi*).

Đôi khi, tại sao? Bởi vì thật ra, xét cho cùng, đó chỉ là lối thoát tạm thời, cái lối thoát mà nhân vật không hoàn toàn xác tín. Một lối thoát tìm được trong cái thế chông chênh của vận sống con người. Tìm cách gỡ ra khỏi sự vây bủa của một đời sống nhàm chán và vô vị mà họ vướng vào, đó là nỗi ám ảnh không rời đối với các nhân vật của Phan Triều Hải. Nhưng nếu đời sống là một chuỗi những cơn nắng gắt và những trận mưa dầm, thì con người làm sao trốn chạy được nó, cũng như làm sao trốn chạy được chính bản thân mình?

Một lúc nào đó các nhân vật có nguy cơ trượt xuống "một con dốc mờ mịt" hay thất lạc trong những mê cung vô vọng, thì Phan Triều Hải lại đưa bàn tay ra nhẹ nhàng nắm lấy họ và chỉ ra lối về ở "một con đường lờ mờ ánh sáng". Chỉ bấy nhiêu thôi, nỗi bi quan đã có thể mang chiếc áo của hy vọng. Chỉ bấy nhiêu thôi, sự kháng cự có tính chất tự vệ trước cái nhịp sống quay cuồng và nghiệt ngã của ngày hôm nay đã có thể mang ý nghĩa tích cực của một lối ứng xử văn hóa.

Báo *Tuổi Trẻ Chủ Nhật*,
số 21, ngày 28-5-1995

Những khoảnh khắc vô tận

Hầu hết những truyện ngắn của Elena Pucillo Trương trong tập *Một phút tự do*[1] đều thể hiện một đặc điểm quen thuộc của thể loại: nắm bắt cái khoảnh khắc của đời sống để làm hiện lên chân dung tinh thần và yếu tính tự do của con người.

Đó là phút mặc khải khi người mẹ chồng bấy lâu nuôi định kiến với người con dâu, bỗng một ngày nhận ra sợi dây mật thiết gắn bó hai người qua một mầm sống mới tượng hình, nhờ đó trút bỏ vẻ lãnh đạm và ích kỷ thường ngày để tìm lại sự dịu dàng và bao dung vốn có của mình.

---

(1) Tập truyện ngắn của Elena Pucillo Trương, bản dịch của Trương Văn Dân, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2014.

Đó là những giờ phút hai anh em ruột thịt gặp lại nhau sau mười năm xa cách, trong căn nhà thời thơ ấu, nơi diễn ra đám tang của người cha thô bạo đã để vết hằn trên hai trái tim thơ dại. Trong cái khoảnh khắc từ giã, khi người anh tặng lại em chiếc đầu máy xe lửa chạy bằng pin mà người cha mua tặng một mùa giáng sinh xa lắc, dòng nước mắt bỗng rửa trôi tất cả những uất ức, căm hận.

Đó là một phút tự do khi người đàn bà quyền lực khô khốc, khó tính và cáu bẳn vì ngập đầu trong công việc, bỗng một buổi sáng kia muốn vượt thoát ra khỏi cái guồng máy quay đều làm ngạt thở để tìm lại bản tính thật của mình.

Đó là thời khắc của ngày cuối năm, sau bao ngày chờ đợi, người ni sư già gặp lại người đệ tử đã bỏ chùa ra đi không tăm tích, nay trở về với đứa con bé bỏng trong tay.

Đó là thoáng chốc hai người trẻ tuổi chưa quen biết trao cho nhau ánh mắt dịu dàng và nụ cười thân mật trên chuyến tàu về quê ăn Tết.

Đó là thời điểm định mệnh, ngẫu nhiên hay có chọn lựa, mà cặp vợ chồng già hay đôi tình nhân trẻ cùng nhau đi đến cái chết để giữ trọn một tình yêu đẹp...

Trừ truyện ngắn *Trước khi màn hạ*, ngòi bút nhân hậu của Elena Pucillo Trương dường như

chỉ viết về tình liên đới, lòng trắc ẩn, sự bao dung và tha thứ của con người. Trên tất cả, đó cũng chính là những khoảnh khắc của yêu thương, như tác giả viết qua ý nghĩ của một nhân vật: "Tình yêu đã bùng nổ trong một lát nhưng đã theo tôi đến suốt đời người".

Elena không chỉ nắm bắt mà còn biết cách miêu tả những khoảnh khắc, làm cho nó kéo dài ra, thu hút sự chú ý của người đọc, chẳng hạn khi chị tái hiện hình ảnh bà Viên Trân chiết trà ướp sen mời khách: "Tôi có cảm giác là thời gian đã ngưng lại trong khoảnh khắc đó: chẳng quan trọng là mình đang ở đâu, đang làm gì, ở đây không có chỗ cho quá khứ với những muộn phiền mà cũng chẳng còn chỗ cho tương lai với bao ẩn số". Và tác giả gọi đó là "khoảnh khắc vô tận": ngắn ngủi về thời gian vật lý, nhưng vô tận về hiệu ứng tâm linh.

Với chủ đề *Carpe diem/ Nắm bắt khoảnh khắc*, Elena đã từ một *nouvelliste* trở thành một *essayiste* khi chị bình luận về những vần thơ của Tôn Nữ Hỷ Khương: "Và trong hầu hết các bài thơ của nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương đều có phản chiếu tư tưởng này, bà trải lòng với người đọc rằng cuộc đời này là duy nhất, nhắc chúng ta biết đó là một quà tặng duy nhất và tuyệt vời của tạo hóa mà chúng ta đang có và vì thế cần phải biết trân trọng và hãy sống với niềm vui. Thế giới bao

quanh chúng ta thật tuyệt vời và sự sống chính là điều quan trọng. Bất cứ một biến cố nhỏ hay lớn nào trong cuộc đời chúng ta, từ nụ cười của em bé đến sự leo lên đỉnh một ngọn núi cao cũng đều phải cho chúng ta ý thức về tính siêu phàm của cuộc sống".

Thế giới này vô thủy vô chung, nhưng được tạo dựng từ những khoảnh khắc được chiếu sáng từ trái tim nhân ái của con người.

Đó là những đốm sáng lóe lên trên đường đời dằng dặc, giúp mình gắng đi cho trọn dù chỉ một chặng ngắn ngủi của thời gian.

Lời bạt sách *Một phút tự do,*
tập truyện ngắn của Elena Pucillo Trương,
bản dịch của Trương Văn Dân, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ,
Thành phố Hồ Chí Minh, 2014

Điều thiện và cái đẹp trong hai tác phẩm dành cho thiếu niên

Từ góc nhìn về mối quan hệ giữa văn học và đạo đức, chúng ta càng thấy tầm quan trọng của việc hướng văn học đến với thế hệ trẻ, nhất là với lứa tuổi thiếu niên mà tâm hồn chưa qua nhiều trải nghiệm, nên chưa bị vướng nhiễm bụi bặm của đời sống xô bồ, hỗn tạp chung quanh. Không phải ngẫu nhiên mà nhà văn, nhà giáo Cao Huy Thuần dành cuốn sách mới nhất của mình để viết những "chuyện kể cho tuổi mười lăm và phụ huynh" với nhan đề *Nhật ký Sen Trắng*[1]. Qua mười bảy câu chuyện ngụ ngôn minh họa cho mười ba chủ đề, tác giả chủ ý truyền cho bạn đọc

(1) Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2014.

thiếu niên những tình cảm đạo đức tự nhiên như tình thương yêu, sự khiêm tốn, lòng biết ơn, đức hy sinh... và thái độ đúng đắn đối với bệnh vô cảm, thói ích kỷ, đố kỵ...

Nhật ký Sen Trắng kết hợp ngôn ngữ chính luận pha chất giọng tình cảm với ngôn ngữ nghệ thuật, hình tượng với triết lý để tìm sự đồng cảm của lứa tuổi trăng tròn đang còn bỡ ngỡ trước cuộc đời. Tinh hoa văn hóa Phật giáo được tác giả vận dụng nhuần nhị để soi chiếu vào thực trạng đời sống và tìm lời giải đáp cho những vấn đề bức xúc của xã hội như sự xúc xiểm, thói bội bạc, ước muốn trả thù...; từ đó khuyến khích lời nói hòa ái, lòng khoan dung, sự bền chí... Cấu trúc cuốn sách độc đáo, đa dạng nhờ kết hợp việc phân tích những văn bản có nội dung đạo lý với cuộc thảo luận của một nhóm trẻ tuổi mười lăm về những chủ đề thiết thực, gần gũi với lứa tuổi, được sự hướng dẫn của một người chị có kinh nghiệm, trong tinh thần cởi mở, thân thiện, nhẹ nhàng, không áp đặt, nên dễ có sức thuyết phục. Hình thức tự sự của cuốn sách đan kết với những câu chuyện tiền thân của Đức Phật, với những trang nhật ký, những lá thư, những đoạn văn đối thoại kéo người đọc về với thực tại.

Thiết nghĩ, những người biên soạn sách giáo khoa đạo đức, văn học và giáo dục công dân cho

học sinh tiểu học và trung học có thể tham khảo *Nhật ký Sen Trắng* về cách viết và cách dạy phù hợp với tâm lý tuổi thiếu niên, từng bước khắc phục lối truyền đạt khô khan, công thức và xơ cứng lâu nay.

Cùng xuất hiện trong năm 2014, nếu cuốn sách của Cao Huy Thuần không giấu giếm mục đích giáo dục đạo đức của mình, thì cuốn sách của Lê Văn Nghĩa lại ẩn chứa những bài học luân lý đằng sau câu chuyện sinh động về một nhóm trẻ thơ ở Sài Gòn thời chiến tranh. Với nhan đề khá dài: *Chú chiếu bóng, nhà ảo thuật, tay đánh bài, và tụi con nít xóm nhỏ Sài Gòn năm ấy*[1], cuốn sách kể chuyện học, chuyện chơi, những sinh hoạt gia đình, học đường, hè phố, qua đó bày tỏ những tình cảm bình dị mà thấm sâu vào lòng người. Hai năm trước, cũng trong khuynh hướng đó, nhà văn Lê Văn Nghĩa cho xuất bản *Mùa hè năm Pétrus*, một cuốn sách viết về sinh hoạt nhà trường ở miền Nam.

Thật ra, thế giới học đường và cuộc sống trẻ em đô thị thời chiến đã từng được đề cập đây đó trong văn học sau 1975, nhưng phải thừa nhận Lê Văn Nghĩa là người đầu tiên tái hiện một cách đậm đặc và đầy chi tiết sống thực trong văn xuôi,

---

(1) Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2014.

với tư cách người trong cuộc. Điều thú vị là tác giả không hề có chủ ý giáo huấn ai, nhưng cả hai cuốn truyện của ông khiến người đọc phải suy nghĩ về cách sống ở đời, cách ứng xử trong tình bạn, tình thầy trò, tình người phố thị. Tác giả không nhằm đưa "chú chiếu bóng" và "nhà ảo thuật" ra để ngợi ca, cũng không nhằm đưa "tay đánh bài" ra để đả kích, mà chỉ muốn làm hiện lại những mẫu người có thật một thời ở Sài Gòn. "Tụi con nít" xóm Ba-ra-dô quận 6 giao tiếp với cuộc đời qua những việc làm, lời nói của người khác và tìm thấy những bài học luân lý về cách làm người từ những tấm gương sáng và những tấm gương mờ ấy. Như "chú chiếu bóng" không nói gì cao sâu với thằng Minh hơn điều giản dị: "Dầu hèn cũng thể chứ mậy!", hiểu như "giấy rách phải giữ lấy lề". Ông thầy ảo thuật cũng không lên lớp thằng Ti điều gì nặng nề hơn câu nói: "Mầy với ổng cũng như là đồng nghiệp rồi, tại sao mầy lại phá nghề của ổng. Làm như vậy là đâu có nghĩa khí nghề nghiệp gì. Đời người sống phải có cái tình chứ mậy". Còn thằng Chim lỡ sa ngã vào trò đỏ đen vì tay đánh bài rủ rê, tìm thấy điểm tựa mà đứng dậy từ tình cảm vô tư của nhóm bạn tuổi mười hai. Cuộc đời đầy cạm bẫy mà vẫn có người tốt, xã hội bon chen nhưng vẫn nhiều nét đẹp. Tuổi thơ ngỗ nghịch nhưng tâm hồn trong

vắt tình nghĩa con người. Lê Văn Nghĩa viết văn rất hoạt, đối thoại như đưa thẳng từ đời sống vào trang sách, hình ảnh con người và tình người đọng lại trong văn.

Kết nối hài hòa điều thiện với vẻ đẹp của tâm hồn, vẻ đẹp của ngôn ngữ, hai cuốn sách mới xuất bản trong năm 2014 của Cao Huy Thuần và Lê Văn Nghĩa là hai cách trả lời về bài học làm người giữa muôn người. Hướng ngòi bút đến những độc giả nhỏ tuổi sẽ là chủ nhân của đất nước trong thế kỷ 21, hai nhà văn cùng mời gọi sự chia sẻ của người lớn, với hy vọng lấp dần hố sâu ngăn cách trong kỷ niệm văn học giữa các thế hệ. Đề nghị ban giám khảo các giải thưởng văn học thiếu nhi, giải thưởng sách hay xem xét trao giải cho hai tác phẩm này. Mong có nhiều em thiếu nhi, các bậc phụ huynh, quý thầy cô giáo đọc hai tác phẩm mới này và trao đổi về cách thể hiện của các nhà văn trong ý hướng đưa văn học đến với độc giả trẻ, không phải như những bài giảng đạo đức thuần lý, mà như tiếng nói nghệ thuật tự nhiên cất lên từ cuộc sống.

Báo *Sài Gòn Giải Phóng*,
ngày 29-11-2014

sài Gòn tiếp thị
tản văn

Đọc các trang báo *Sài Gòn Tiếp Thị,* ta như được xem những bức tranh thu nhỏ của đời sống thị trường đang thay đổi hằng ngày. Có thị trường bề nổi và thị trường bề sâu. Có những nơi chốn và thời điểm kinh doanh sôi động; lại có những nơi chốn và thời điểm gây cho ta cảm giác thương trường lặng lẽ. Có những nghề bây giờ mua bán tấp nập, giá cả biến động không ngừng; đồng thời có những nghề từ bao đời nay vẫn tồn tại âm thầm nơi góc phố.

Cũng như vậy khi ta bước vào một ngôi chợ trong giờ cao điểm. Quầy thực phẩm tươi sống, chẳng hạn, luôn luôn đông đúc kẻ bán người mua. Phải để ý lắm ở tận cuối chợ ta mới nhận ra quầy bán trầu cau của một bà cụ vẫn ngồi đó năm này

qua năm khác. Bây giờ ở thành phố hẳn không còn mấy người ăn trầu. Người ta mua trầu cau chủ yếu là để làm lễ vật cưới xin hay cúng giỗ. Nhưng một ngôi chợ mà thiếu gian hàng trầu cau thì có lẽ chưa phải là chợ "chuẩn".

Báo chí cũng vậy, mặt hàng ăn khách phải chưng ra "mặt tiền" là tin nóng thời sự, là phóng sự điều tra, ký sự pháp đình; cần văn nghệ văn gừng cho cuối tuần tươi mát thì dành thêm đất cho truyện ngắn. Tản văn, tạp bút chẳng qua là những "thể loại nhỏ" chẳng dễ gì tranh giành ngôi thứ với những bậc đàn anh đàn chị kia. Nhưng chợ không thể thiếu quầy bán trầu cau, thì báo cũng không thể thiếu mục tản văn, tạp bút.

Tản văn và tạp bút, như vậy, xem ra cũng cần thiết, tuy chưa thể gọi là "nhu yếu phẩm". Không phải vô lý khi ai đó nói rằng viết thể loại này là đi vào thế giới văn chương bằng cửa hẹp. Cũng như thời này có ai làm giàu bằng nghề kinh doanh trầu cau! Biết vậy nhưng nhiều khi đọc xong tờ báo, người ta không nhớ cái tin *vedette* hay bài tường thuật dài dằng dặc kia mà lại nhớ mẩu tạp văn ngắn ngắn nọ, thậm chí còn tỉ mẩn cắt ra để dành đọc lại hay photocopy cho bạn bè cùng đọc. Kể cũng lạ, cái thể loại nửa văn nửa báo dường như ở bên lề thị trường chữ nghĩa vậy mà không thôi cám dỗ người cầm bút.

Trong khi mặt báo phản ánh những biến thiên to lớn của đời sống, thì mục tản văn thường thủ thỉ về những xao xác thường ngày và những động thái tế vi của tâm tình con người. Đỗ Trung Quân có thể ngồi lặng lẽ hằng giờ ngắm nghía những tấm bưu thiếp trong ngăn kéo để chiêm nghiệm về tình bạn. Phan Triều Hải lan man đuổi theo những ý nghĩ vẩn vơ trong một chuyến bay đêm hàng không giá rẻ. Nguyễn Vĩnh Nguyên trách móc sự lạc quan nông nổi của người bạn qua những thông tin vớ vẩn, bỗng nhận ra rằng chính điều đó giúp anh ta can đảm trụ được ở quê nhà. Nguyễn Ngọc Tư quyến luyến với tiếng nói ấm áp của những "người dưng" tử tế nơi một nhà khách cũ kỹ. Trương Gia Hòa đi dự ngày khai trường của con mà nhớ ông Trương Vĩnh Ký đã được đào tạo thành nhân tài từ hai con gà và mấy chục quả măng cụt. Nguyễn Thị Như Khanh để lại một phần tâm hồn nơi gốc cổ thụ ở ngã ba trước cổng trường mỹ thuật dù bước chân có thể đã phiêu lưu khắp các nẻo đường xa ngái...

Mượn một hình ảnh của Ngô Khắc Tài, cái tình trong những trang tản văn này là "tình gạo muối". Cái tình đó khiến ta rưng rưng nước mắt khi nghe tiếng khóc người câm trong đêm giao thừa ở làng quê Phan Trung Nghĩa, khi mường tượng hình ảnh người đàn bà ẩn nhẫn ngồi đan

cói ở một góc chợ chiều qua ngòi bút Hoàng Việt Hằng, hay cảm nhận khúc đàn violon vẳng lên ngoài hè phố trong một ngày Sài Gòn oi bức mà Khương Hà miêu tả. Đời bây giờ cũng như chợ, đầy lừa đảo, giả dối, mưu toan và tính toán thiệt hơn; những bài tản văn này biểu lộ những tình thân, những yêu thương không toan tính...

Nhưng tản văn cũng không đành cam phận làm một thứ "hương xưa" để cân bằng với cái ồn ã xô bồ của thị trường. Tản văn cũng biết tức giận, cũng có thể nổi sóng ngôn từ, khi bức xúc trước những số phận bị đang tâm xô xuống vực thẳm (*Kẻo tro bay mất*, Việt Linh) hay khi cảm thấy chất nghĩa hiệp ngày càng trở nên khan hiếm (*Tin sáng và những Vân Tiên đã mất...*, Nguyễn Ngọc Tư). Đâu có định mệnh nào bắt tản văn chỉ dịu dàng trong những hoài niệm? Dù vậy, hình như tản văn trong cuốn sách này vẫn chưa sẵn lòng chịu trở mình theo những cuồng nộ thế sự.

Thời sinh viên ở Sài Gòn, tôi rất thích những bài tản văn giàu yếu tố chính luận và thời sự của Nguyễn Ngọc Lan, Lý Chánh Trung, Thế Nguyên... Sau khi đăng báo, các tác giả này đã tập hợp thành những cuốn sách có nhan đề rất thơ: *Cho cây rừng còn xanh lá*, *Nước ta còn đó*, *Bọt biển và sóng ngầm*, *Cho một ngày mai mơ ước*... Nghĩ về những bài viết của mình, Lý Chánh Trung từng

gọi đó là "những bọt biển phù du". Nhưng ông tin rằng dưới lớp bọt biển ấy là những đợt sóng ngầm còn chìm khuất trong đại dương im lặng. Thời gian đã xác nhận sự tiên cảm của ông.

Một nhà văn trẻ có lần viết rằng bây giờ là "thời của tản văn, tạp bút". Liệu đã đủ dữ kiện để nói thêm rằng Sài Gòn cũng là đất của tản văn, tạp bút hay chăng? Sài Gòn với những sôi động ở bề mặt và lay chuyển ở bề sâu, có thể là nguồn chất liệu phong phú của tản văn hay chăng? Ít ra thì cùng với những tác phẩm đã ra mắt thời gian gần đây, cuốn sách này nói với ta rằng Sài Gòn đang tiếp thị tản văn.

Và đây là tản văn của *Sài Gòn Tiếp Thị*.

Lời tựa sách *Nỗi nhớ con người*,
tuyển tập tản văn báo *Sài Gòn Tiếp Thị*,
Nxb. Văn hóa Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, 2009

Tạp văn Nguyễn Nhật Ánh

Nguyễn Nhật Ánh - thơ

Nguyễn Nhật Ánh - văn xuôi về tuổi mới lớn

Nguyễn Nhật Ánh - truyện liên hoàn về sinh hoạt thiếu nhi và xứ sở phù thủy

Nguyễn Nhật Ánh - Anh Bồ Câu gỡ rối tơ lòng...

...Và bây giờ Nguyễn Nhật Ánh - tạp văn.

Mười lăm năm trước, cùng làm việc buổi chiều với Nguyễn Nhật Ánh ở tòa soạn một tờ nhật báo, tôi đã nghe anh ấp ủ những đề tài dự định cho một cuốn tạp văn. Không lạ gì, thể văn khiêm nhường này đã cuốn hút một số nhà văn từng thành đạt trong những thể loại lớn. Gần với

tùy bút, tạp văn cũng là một thứ *essay*, một thứ thử nghiệm, và vì là thử nghiệm, nên thường ít người thủy chung với nó.

Tôi những tưởng Nguyễn Nhật Ánh viết tạp văn cũng như anh chơi một ván bóng bàn xả hơi giữa hai chương tiểu thuyết. Vậy mà lúc khoan lúc nhặt, anh vẫn gắn bó với thể loại "thiên thần nhỏ" này suốt mười lăm năm để bây giờ có một tập sách trả ơn cho nó.

Đọc tạp văn Nguyễn Nhật Ánh, thấy anh vẫn phát huy chất *humour*, dí dỏm sở trường trong văn tự sự của mình. Khi anh bàn đến chuyện thu nhỏ các đồ vật nhân nói về sân khấu nhỏ, khi anh cắt nghĩa hiện tượng bắt chước thần tượng, hay khi anh luận bàn chuyện hàng giả, chuyện tấm lịch - để mượn ngôn ngữ quảng cáo trên truyền hình, người đọc bao giờ cũng muốn đặt cuối các đoạn văn của anh một chữ *Konica - mỉm cười.* Thơ và văn xuôi Nguyễn Nhật Ánh vốn không quen đụng chạm những vấn đề thời sự - xã hội trực tiếp. Thành ra thể loại tạp văn này hình như đã được chọn để gửi gắm con người xã hội của anh. Nhưng mà ngòi bút Nguyễn Nhật Ánh bản chất là ôn nhu, nên giọng văn anh lúc nào cũng từ tốn, thanh thỏa, không bao giờ lên giọng dạy đời, dù là nói những chuyện bức xúc, như nỗi khổ của người chị luống tuổi còn độc thân khi làm thủ

tục sang tên nhà hay nỗi khó của một làng quê đi quyên tiền để sửa chữa một đoạn đường lầy lội.

Trong tập sách này, giữa chợ và siêu thị, giữa sách in và *e-book*, giữa quạt ba tiêu và quạt Cophaco, giữa thư pháp chữ Hán và thư pháp chữ Việt, giữa cái phong linh ngày trước và cái phong linh bây giờ, Nguyễn Nhật Ánh không giấu giếm sự thiên vị của mình đối với cái thứ nhất. Cũng dễ hiểu thôi, cái lý trí phân tích ở đây được nâng đỡ bởi lý lẽ của hoài niệm. Nhưng hoài niệm không phải là hoài cổ; còn người dẫn dắt và bình luận sự kiện ở đây vẫn không hề đánh mất dáng dấp hiện đại của mình. Chất hiện đại của ngòi bút Nguyễn Nhật Ánh bộc lộ rõ qua những bài viết về bóng đá và những bài phê bình phim võ thuật, đặc biệt là bài phân tích chỗ được và chỗ chưa được của bộ phim *Ngọa hổ tàng long*. Tài năng của Nguyễn Nhật Ánh trong bình luận bóng đá thì đã được khẳng định qua loạt bài ký bút danh Chu Đình Ngạn trên báo *Sài Gòn Giải Phóng* nghe đâu sẽ được tập hợp và in thành sách nay mai.

Là tạp văn, tập sách này nói đủ thứ chuyện trên trời dưới bể, nhưng rồi không phải ngẫu nhiên mà tác giả lại chọn nhan đề là *Người Quảng đi ăn mì Quảng*. Bao nhiêu nhà văn đã thao bút qua việc bình phẩm các món ăn dọc đường đi của dân tộc mình từ Bắc vào Nam: Tản Đà, Nguyễn

Tuân, Thạch Lam, Vũ Bằng, Võ Phiến... Nguyễn Nhật Ánh là người Quảng, lại còn mở quán để quảng bá các đặc sản quê mình, làm sao mà anh không viết về cái món ăn đã đi vào ca dao:

Thương nhau múc bát chè xanh,
Làm tô mì Quảng cho anh xơi cùng.

Có điều Nguyễn Nhật Ánh bình phẩm món ăn thì ít mà bình phẩm về người ăn thì nhiều. Ai mà không đồng ý khi anh nói rằng người Quảng ở Sài Gòn đi ăn mì Quảng là để tìm một chút hương vị quê nhà, một chút thôi, chứ không bao giờ là trọn vẹn. "Người Quảng xa xứ đi ăn mì Quảng không giống như đi ăn những thứ khác như lẩu dê hay bò bảy món. Họ không chỉ ăn bằng miệng, bằng vị giác hay khứu giác, không phải đơn thuần chỉ để thưởng thức cái ngon. Người Quảng đi ăn mì Quảng là đi ăn bằng tâm trạng. Họ bước vào quán bán mì Quảng bằng bước chân hồi hộp, thắc thỏm, với tất cả nỗi háo hức phập phồng như đến điểm hẹn với người quen cũ. Gặp tô mì Quảng giữa Sài Gòn, với người Quảng đó là nỗi mừng rỡ "*tha hương ngộ cố tri*".

Không phải người Quảng Nam, ở Sài Gòn tôi cũng thường ăn mì Quảng ở những quán ăn "chính hiệu" với rau sống chở vào từ Hội An, vậy mà hình như chỉ một lần tôi cảm nhận hết cái

hương vị mì Quảng khi, trên đường từ Đà Nẵng về Bình Tú một buổi chiều cuối năm, dừng xe ăn tô mì Quảng nhưn tôm thịt ở thị trấn Nam Phước (là chỗ ở hiện nay của Gia Khanh - L. đó, phải không?). Thì ra ăn một món ăn còn là thụ hưởng cái không khí, cái tâm thế khi mình ngồi ăn.

Bây giờ ngồi viết bài này cho tập sách Nguyễn Nhật Ánh cũng vào một ngày giáp Tết, nhớ tô mì Quảng ngày nào ở Nam Phước, rồi lại nhớ câu thơ của bạn trên một tờ báo xuân (*Con dế giang hồ đang nhớ quê!),* chao ôi, tôi cũng lẩn thẩn mà bắt chước Nguyễn Nhật Ánh viết tạp văn mất rồi!

Lời tựa sách *Người Quảng đi ăn mì Quảng,*
tạp văn của Nguyễn Nhật Ánh,
Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2005

Nhớ và quên

Cuốn sách *Nhớ và quên*[1] của Phạm Hồng Sơn và Đặng Anh Đào gợi nhớ đến *Đường sáng trăng sao* của Nguyệt Tú mà tôi đọc cách đây mấy năm. Hồi ký của Nguyệt Tú ghi lại đường đời và hoạt động cách mạng của tác giả - nguyên giám đốc Nhà xuất bản Phụ Nữ - với người bạn đời là nguyên Chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo. Còn *Nhớ và quên* là hồi ký song đôi của một đôi bạn "văn võ song hành": trung tướng, giáo sư, nhà nghiên cứu lịch sử quân sự Phạm Hồng Sơn và nhà văn, giáo sư văn học Đặng Anh Đào. Họ thuộc vào một thế hệ vàng của cách mạng, đã chứng kiến một thời kỳ lịch sử đặc biệt của dân tộc và góp phần làm nên những kỳ tích không lặp lại của đất nước.

---

(1) *Nhớ và quên (Hồi ức và chân dung)* của Phạm Hồng Sơn và Đặng Anh Đào, Nxb. Phụ Nữ, Hà Nội, 2011.

Phần thứ nhất của cuốn sách có tiêu đề *Nửa đời chiến trận* là hồi ký của Phạm Hồng Sơn, tên lúc nhỏ là Phạm Thành Chính - người cháu ruột của liệt sĩ Phạm Hồng Thái, viết về đoạn đường chiến binh từ khi người sinh viên Luật khoa tham gia phong trào yêu nước trước Cách mạng Tháng Tám, rồi sau đó xếp bút nghiên đi kháng chiến cho đến khi kết thúc chiến dịch Điện Biên Phủ.

Phần thứ hai có tiêu đề *Vầng trăng khuyết* do Đặng Anh Đào viết, bổ sung và nối tiếp *Nửa đời chiến trận*, từ khi người chiến binh hứa hôn với người con gái thứ tư của giáo sư Đặng Thai Mai. Từ đây, những câu chuyện chiến trường thời chống Mỹ được kể lại dưới góc nhìn của người vợ ở hậu phương. Là nhà thi pháp học, nhà phê bình văn học và người viết văn xuôi nhuần nhị, Đặng Anh Đào như cố nén mình lại để cho các sự kiện và chứng liệu tự nó lên tiếng. Bà sắp xếp và khai thác những lá thư gửi về hậu phương, những trang sổ tay và nhật ký chiến trường của Phạm Hồng Sơn, rồi liên kết với những tư liệu lịch sử sưu tầm được trong sách báo, để tái hiện lại không khí ác liệt của cuộc kháng chiến và chân dung người anh hùng nơi tiền tuyến. Đồng thời, những trang viết của bà cũng cho chúng ta hình dung cuộc sống khó khăn và tâm tình của người hậu phương qua những lá thư gửi từ miền Bắc.

Những ghi chép từ chiến trường, do hoàn cảnh khắc nghiệt của nó, đôi khi sơ lược và chỉ thuần sự kiện, đã được bổ sung bằng sự phân tích của một nhà bình luận chuyên nghiệp. Có thể nói, Đặng Anh Đào đã thay chồng viết tiếp phần sau *Nửa đời chiến trận*, khi mà trí nhớ của Phạm Hồng Sơn không cho phép ông hoàn thành công việc của "người lính già đầu bạc, ngồi kể chuyện Nguyên Phong". Những điều ông ghi chép, dù vắn tắt bằng ngôn ngữ tường thuật "trung tính", nếu người đọc tinh ý, vẫn nhận ra giá trị của một chứng liệu trung thực. Chẳng hạn, những đoạn ông viết về Cách mạng văn hóa ở Trung Quốc, về cuộc tổng tiến công Tết Mậu Thân, mà bà trích dẫn.

Hồi ký *Đường sáng trăng sao* của Nguyệt Tú có giọng văn nồng nàn, đầy chất trữ tình, bộc lộ ngay từ nhan đề cuốn sách. *Vầng trăng khuyết* của Đặng Anh Đào cũng là một hình tượng lãng mạn qua ngòi bút của một nhà văn mà phong cách tinh tế, đầy chất thơ đã từng thể hiện trong tác phẩm *Tầm xuân*. Nhưng ở đây, giọng văn của bà đạm hơn là nồng, hình như bà muốn "chỉnh sửa" mình cho nghiêm nghị một chút khi đứng cạnh ông tướng chăng? Tuy nhiên, đôi lúc bà cũng không kiềm chế được, đã để cảm xúc tuôn trào theo dòng câu chuyện, nhất là ở phần "Vĩ thanh": "Giang sơn biến đổi. Số phận những người đồng đội, sau

hai cuộc chiến đấu trường kỳ, ở thế kỷ 21 ra sao, một khi đã tản mát về bốn phương trời? Trong khoảng bấy nhiêu năm, âm vang của họ giống như những viên sỏi ném xuống mặt nước, lúc đầu lan tỏa thành những vòng tròn đậm và dày, sau càng thưa, càng mờ" (tr. 264).

Gần tuổi chín mươi, Trung tướng Phạm Hồng Sơn vẫn khoẻ mạnh, duy trí nhớ thì suy giảm nhiều. Giáo sư Đặng Anh Đào cố gắng hoàn thành cuốn sách này để kịp ghi giữ lại những điều mà vì tuổi tác, cả ông và bà rồi sẽ không còn nhớ nữa. Quả thật, trong cuộc sống, nhiều điều rồi sẽ bị lãng quên. Nhưng cũng có những năm tháng, những chân dung và kỷ niệm mà ta không nên quên lãng và cũng không thể nào quên được.

Báo *Nhân Dân*,
ngày 16-3-2011

Ý Nhi viết chân dung văn học

Ở nước ta thể loại chân dung văn học chưa mấy thịnh hành. Ít nhà văn xem việc tái hiện chân dung tinh thần của đồng nghiệp như một niềm vui thú lớn lao đủ để người ta dồn cả công sức vào đó. Điều ấy một phần do khó khăn về tư liệu, hạn chế về hoàn cảnh, nhưng cái chính vẫn là do quan niệm: người ta ngại chạm vào chỗ riêng tây của cá nhân, ngại phơi bày những điều uẩn khúc trước mắt thiên hạ, ngại những mối quan hệ bình ổn bị sứt mẻ...

Nhà văn viết chân dung văn học đã ít, nhà văn nữ viết thể loại này lại càng hiếm hoi. Không phải là người nữ không nhìn sâu được vào thế giới bên trong của đồng nghiệp - trái lại là đằng khác, nhưng có lẽ vì người nữ vốn thận trọng hơn, ít có

thái độ suồng sã, buông tuồng nên vẫn giữ một khoảng cách nhất định trong những ứng xử nghề nghiệp. Ở nước ta, hình như trước Ý Nhi chưa có cây bút nữ nào viết một tập chân dung như *Những gương mặt - những câu thơ*[1]. Trong *Từ bến sông Thương* của Anh Thơ có hiện ra đời sống và tính cách của một số văn nghệ sĩ, nhưng đó là hồi ký, không phải chân dung văn học. Những tập phê bình văn học của nhiều cây bút nữ tài hoa thường điểm xuyết những nét chân dung của các tác gia đương đại, nhưng đó chủ yếu vẫn thuộc văn phong khoa học.

Ý Nhi viết về số phận và tâm tình của những nhà văn, họa sĩ đương đại trong quan hệ với cá tính sáng tạo của họ. Bà không chủ ý nói về cái thời của mình, nhưng những bài viết vẫn có thể quy chiếu về một bối cảnh. Bà cũng không nhằm biểu hiện cái tôi như khi làm thơ, nhưng với tư cách chứng nhân tham dự, bà không thể giấu được cảm xúc của một tâm hồn bè bạn. Đọc những trang miêu tả cảnh Nguyên Hồng lúc nào cũng vội vã, tất bật với cái làn cói buộc trên chiếc xe đạp cũ, cảnh Xuân Diệu lúi húi đếm tiền sau một buổi nói chuyện thơ, cảnh Xuân Quỳnh vừa trao đổi công việc văn chương vừa tranh thủ giặt áo quần ngay ở cái vòi nước của cơ quan, người ta

(1) Nxb. Văn Nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2008.

thấy dấu vết của một thời chưa xa lưu lại với biết bao tình thương yêu trong kỷ niệm.

Những ai am hiểu văn học Việt Nam đương đại đều biết Ý Nhi là một trong những nhà thơ hàng đầu với những tập thơ nổi tiếng: *Người đàn bà ngồi đan, Ngày thường, Mưa tuyết, Vườn*... Một số người còn biết Ý Nhi nhiều năm liền làm công tác biên tập ở một nhà xuất bản lớn, đã góp phần cho sự ra đời của nhiều tác phẩm giá trị. Nhưng có lẽ ít ai biết rằng bà đã từng có mấy năm làm một công việc có thể là rất nhàm chán đối với những người sáng tác, là nghiên cứu phê bình văn học. Nhưng chính nhờ trải qua những công việc có thể thành chỗ sa lầy của một tư chất nghệ sĩ đó mà bà vừa có sự thấu cảm với chuyện bếp núc trong nghề văn, vừa có cái tinh nhạy khi nắm bắt và khắc họa những chân dung văn học.

Viết về phong cách những người nghệ sĩ, Ý Nhi thường kết hợp những nét đối cực trong một thể thống nhất để làm nổi bật lên cá tính sáng tạo của họ. Bà thấy trong tranh Dương Bích Liên "một thế giới giản dị mà sang trọng, êm ả mà hừng sáng, dịu nhẹ mà huy hoàng. Ông đã lưu lại vẻ đẹp trong ngần từ một đời sống đầy cơ cực, dằn hắt, đau đớn" (tr. 47). Dưới mắt bà, Phan Thị Thanh Nhàn "vừa duyên dáng vừa vụng về, vừa sâu sắc vừa nông nổi, vừa chi chút vừa hào phóng. Tất

cả những đức tính tưởng như trái ngược ấy đều có nơi Nhàn, tạo nên sức hấp dẫn của Nhàn, một sức hấp dẫn đầy nữ tính" (tr. 90). Theo Ý Nhi, "thơ Trần Vũ Mai là sự va đập, dồn đẩy giữa niềm vui và nỗi khổ, giữa tin cậy và hồ nghi, giữa hân hoan và cay đắng, giữa hy vọng và tuyệt vọng" (tr. 136). Bà hình dung "một Phạm Thị Ngọc Liên vừa yếu đuối vừa mạnh mẽ, vừa cả tin vừa tự tín, vừa mê đắm vừa sáng suốt, vừa hồn nhiên vừa cay đắng" (tr. 148). Bà cắt nghĩa sự lặng lẽ của Tôn Nữ Thu Thủy là "sự lặng lẽ giấu kín trong nó những lo âu, đau đớn, những đam mê, khao khát" (tr. 152).

Những bài viết trong tập này hầu hết đều ngắn, nhưng bài nào cũng có những câu đọng lại trong tâm trí người đọc. Mà để có những câu như vậy người viết phải nhập cảm vào thế giới nghệ thuật của tác phẩm và phải "thuộc" tính cách của tác giả. Về điều này, Ý Nhi đặc biệt có cơ duyên không chỉ với những nhà thơ nữ cùng thế hệ mà còn với lớp nhà thơ nữ tài năng ở Sài Gòn sau 1975, từng hoạt động cùng với bà trong Câu lạc bộ Thơ nữ.

Hầu như Ý Nhi chỉ viết về những nhà thơ, thảng hoặc nói về một vài nhà văn hay họa sĩ thì bà cũng chủ yếu "lẩy" ra chất thơ từ tác phẩm và cái tình từ con người của họ. Bà nhặt giúp chúng ta nhiều câu thơ hay, đích đáng, nhưng cũng có

khi vì quá mê say, bà trích dẫn hơi dày. Họ đã đến với bà không chỉ như những đối tượng để miêu tả mà còn như những nguồn cảm hứng kích thích sự sáng tạo. Trước khi được tái hiện trong những bài chân dung này, những đời văn ấy đã từng đi vào thơ Ý Nhi như những niềm tương ngộ.

Tạp chí *Nhà Văn* (Hội Nhà văn Việt Nam),
số 8-2008

Quê hương trong từng bước chân, mỗi nhịp đập...

Thời nay, một nhà khoa học say mê văn chương không còn là hiện tượng hiếm thấy trong cuộc sống. Nhưng một nhà khoa học mà yêu văn chương đến mức mấy chục năm liền, cùng với thời gian dành cho những công trình nghiên cứu và những cuốn giáo trình, không lúc nào rời khỏi những trang văn và những trang thơ, và vẫn đều đặn có mặt trong đời sống văn học và báo chí, thì quả là một hiện tượng hiếm có.

Tác giả tập sách này là một người như vậy. Là một chuyên gia về ngành Quản trị hành chính công, chiến lược phát triển kinh tế và nguồn nhân

lực, sau nhiều năm sinh sống và làm việc ở Hà Lan, hơn mười năm qua, Trương Quang được mời sang giảng dạy tại các trường đại học ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Vientiane, Bangkok, Chiangmai, Thượng Hải... theo chương trình hợp tác đào tạo giảng viên của Thụy Sĩ và Viện Công nghệ châu Á (AIT). Thời gian đó ông thường xuyên cộng tác với một số tờ báo trong nước và đã cho xuất bản một tập thơ có nhan đề *Giọt sương lạc loài*. Riêng về thể tạp bút, Trương Quang là một cái tên quen thuộc với những đoản văn vừa tinh tế vừa giàu chất suy tưởng.

Từ khoảng một thập niên trở lại đây, trí thức người Việt cầm bút ở hải ngoại tham dự vào đời sống văn hóa trong nước cũng không còn là một hiện tượng lạ. Nhưng một trí thức Việt kiều, làm việc ở xa Tổ quốc, chỉ thi thoảng về thăm quê hương, mà hầu như lúc nào cũng canh cánh nỗi lòng về những vấn đề của đất nước mình, từ chuyện vỉa hè bới lên đào xuống, chuyện tiếp thị món ăn Việt và xe buýt mẫu cho đến chuyện tổ chức Sea Games và quá trình đô thị hóa, như Trương Quang, thì không phải nhiều lắm. Đây là một người trí thức ưu thời mẫn thế, không bàng quan đến từng thay đổi nhỏ nhất trong đời sống dân tộc mình.

Nhưng quan tâm cũng có nhiều cách. Và sự quan tâm nào thì cũng không thể tách với cái riêng của từng người. Là nhà khoa học, có điều kiện đi đến nhiều nơi, thường xuyên tiếp xúc với thế giới hiện đại, tất nhiên, trong những điều cuốn sách bàn luận, tác giả dành ưu tiên để quảng bá tính tiêu chuẩn và tính tổ chức của nền văn minh công nghiệp. Tác giả suy nghĩ về tính thực dụng của người Thái và xem có thể áp dụng nó vào cách quản lý và làm ăn của người Việt mình hay không. Ông trăn trở về việc nâng cao chất lượng phương tiện giao thông và văn hóa công cộng. Ông đưa ra những giải pháp khả thi để thúc đẩy sự cạnh tranh bằng văn hóa kinh doanh. Thậm chí ông còn gợi ý cả việc cải tiến những chuyến xe khách đường dài.

Dù vậy, tính chất hiện đại trong những bài tạp bút của Trương Quang không những không che khuất mà còn hòa quyện với chất thơ trong văn ông, thậm chí có thể nói đó là hai mặt của một tờ giấy. Ở đây, chất thơ của thiên nhiên và của hồn người đã tạo thành hồn cốt của những bài tạp bút. Tôi rất thích những đoạn văn Trương Quang viết về thiên nhiên. Hãy nghe ông tả những bông súng tím trong vườn trường AIT: "Từ một củ nhỏ giấu mình trong lớp bùn dày suốt mùa đông, một

hôm nào đó không hẹn trước, một sức sống bứt ra, hối hả đẩy cọng cây xanh qua lớp nước sâu, rồi thở phào dưới ánh mặt trời rạng rỡ. Hoa và lá cùng ngã sóng soài trên mặt nước chan hòa ánh sáng. Thoạt tiên chỉ là một chút màu tím nhạt, e ấp nhú khỏi một chiếc nụ xanh đầy đặn, như đôi môi ngọt của một thiếu nữ mới tập thoa son. Rồi bỗng dưng cái nền màu tím nhạt đó tăng nồng độ, mọng lên những đường cong đậm nét, dưới mặt trời rừng rực sức sống. Những cánh hoa tách ra, mở rộng, phơi bày hết tất cả những góc cạnh cần giấu giếm, trong một động tác dâng hiến hoàn toàn, giữa những tán lá tròn bao quanh như muốn bảo vệ, trông chừng". Viết về vẻ đẹp và sức quyến rũ của hoa mà như hòa điệu với vẻ đẹp và sức quyến rũ của con người.

Còn đây là những dấu chân chim én trong một mùa đông giá rét châu Âu: "Một tuần trước cuối năm, tuyết bắt đầu rơi. Những bông tuyết trắng phau, nhẹ nhàng đậu trên cây cỏ trong vườn như rải bột. Khắp nơi chỉ một màu trắng nhưng nhức. Lâu lắm mới thấy một 'Giáng sinh trắng'. Tôi nhìn ra vườn, trên tấm thảm tuyết bỗng hiện rõ những vết chân chim tách bạch ba chạc. Những con chim én đã dùng chiếc mỏ bé tí, khơi những mẩu bánh mì khô đã bị tuyết phủ kín từ đêm qua.

Chúng bước những bước chậm rãi, như quên đi cái lạnh giá mang theo từ những bông tuyết trắng đổ xuống trên đám lông đen tuyền. Những dấu chân chim để lại như chính vết chân tôi, lạc lõng vô cùng trên một vùng đất mông lung, không bến bờ". Thiên nhiên đã đi vào đời người và mang giữ hình bóng của con người như vậy đó.

Thiên nhiên thì gợi cảm, còn những phận người mới là niềm ám ảnh. Những khoảng lặng trong văn Trương Quang khiến người đọc phải dừng lại là khi ông kể về nỗi lòng cố tri giữa người khách tha phương với cụ già bán khoai nướng trong một góc sân Trường Đại học Nam Kinh; về "những người đàn bà gồng gánh, chân trần chạy qua những đồi cát cháy bỏng ở Quảng Trị, nơi mà những ngọn cỏ non chưa kịp ngậm sương buổi sớm đã bị mặt trời nung đến khô queo, đến nổi chỉ cần đụng tay vào là bay tơi tả như bụi tro"; về tiếng ru con u uẩn chứa đầy tâm sự của người thiếu phụ trong một buổi trưa hè xứ Huế...

Có một sợi dây liên lạc nào đó thật mảnh mai mà cũng thật bền chặt nối kết tâm hồn tác giả với những con người ấy. "Nói cho cùng, tôi chỉ cách quê hương hơn một giờ bay!". Nhưng một giờ bay hay hai mươi bốn giờ bay hẳn đâu phải là điều

quan trọng, khi mà "quê hương vẫn theo sát tôi trong từng bước chân, mỗi nhịp đập", như Trương Quang đã viết.

Lời tựa sách *Mùa đông phương Tây*
và nỗi lòng phương Đông,
tạp văn của Trương Quang, Nxb. Trẻ,
Thành phố Hồ Chí Minh, 2006

Việt Linh "đánh thức cái nhìn"

Căn cứ theo ngày tháng ghi ở cuối bài, thì bài cũ nhất trong *Chuyện mình, chuyện người*[1] của Việt Linh là *Tôi muốn nói lời cảm ơn* (1987) viết về Đài Truyền hình Cần Thơ, in ở đầu Phần II, và bài mới nhất là *Kẻo tro bay mất...* (2008) viết về cái chết đầy oan khuất của một cô dâu Việt trên xứ Hàn, in ở cuối Phần I. Vậy là suốt gần hai thập niên, bao nhiêu biến đổi nơi con người, cuộc sống và nghệ thuật điện ảnh đã được thu nhận và chắt lọc qua đôi mắt của một người viết văn, viết báo "nghiệp dư", như cách nói khiêm tốn của Việt Linh. Đôi mắt mở to ánh lên một nét cười trên bìa sách gợi nhớ đến tiêu đề của Liên hoan

---

(1) Tản văn của Việt Linh, Nxb. Trẻ và Phương Nam Book, Thành phố Hồ Chí Minh, 2008.

phim thiếu nhi quốc tế Aubervilliers mà tác giả mượn làm nhan đề cho một bài viết: *Đánh thức cái nhìn*. Đúng như H. Matisse đã nói, "đối với người nghệ sĩ thì cái nhìn là nơi bắt đầu của sự sáng tạo".

Là người lớn, đôi khi chúng ta mở mắt mà không nhìn thấy, hay nhìn mà không thấy. Cũng có khi ta ngủ hơi bị lâu, ngủ giữa ban ngày! Ngày xưa tôi rất thích một câu nói của Dom Fragoso: "Đưa ánh sáng vào mắt nhân dân". Nhưng khi mắt người trí thức cũng thiếu ánh sáng, thì lấy ánh sáng ở đâu mà trao truyền cho người khác? Việt Linh còn trở lại với ẩn dụ này khi chị gọi nghệ thuật của đạo diễn Cristi Puiu, người đoạt giải *Un certain regard* (*Một cái nhìn nào đó)* năm 2005, là "nghệ thuật trao cho khán giả đôi mắt" (tr. 415).

Mỗi bài viết của Việt Linh có thể là một phác thảo, một đặc tả hay một cú lia máy... nhưng liên kết lại tất cả sẽ toát lên một bức tranh toàn cảnh về nghệ thuật và thời cuộc. Ranh giới giữa chuyện đời và chuyện nghề ở đây chỉ là tương đối. Vì chính chuyện đời đã cung cấp nhiều ý tưởng cho chuyện nghề và ngược lại, từ chuyện nghề đã nẩy sinh bao điều nhức nhối về chuyện đời. Việt Linh thật tinh tế khi so sánh câu chuyện chị Thu Cúc ở

xa với câu chuyện anh Xuân Đại ở gần. Vợ chồng chị Cúc chưa được một lần xin lỗi; còn anh Đại thì đã được xin lỗi rồi, nhưng cũng vì làm việc nghĩa hiệp mà anh phải bỏ mảnh "đất lành" này trở về quê cũ. Và khi đọc lại hai bức thư trao đổi giữa Việt Linh và một ông chủ tịch tỉnh hay nghe chị thuật lại kết thúc có hậu của câu chuyện ở nông trường Lạc Hòa hai mươi năm trước, ta đâu thể nghĩ rằng mọi sự trên đời đều được thời gian giải quyết ổn thỏa.

Tôi hiểu chữ "vô ưu hóa" (tr. 263) của Việt Linh không phải theo nghĩa Phật học. Đó là thái độ "an tâm", "bình chân như vại", trái với nỗi thao thức thường thấy ở người cầm bút. Nó cũng trái với sứ mệnh của người trí thức là sớm nhận ra những điều bất tường của đời sống và cũng đồng thời luôn tự kiểm thảo về điều mình "mỗi lúc một hèn đi vì sự sinh tồn" (tr. 299).

Cả trong đời sống lẫn trong nghệ thuật, "chuyện người" vẫn thường dễ đánh thức nơi chúng ta những khám phá mới về "chuyện mình". Từ xưa, người trí thức đi ra khỏi khuôn khổ của các tín điều cũng khó khăn như người nông dân vươn ra khỏi miếng ruộng lãnh canh của mình. Chỉ có thông qua sự so sánh mà nhận ra cái người giống ta và cái ta khác người. Tuy thế, cũng cần

để phòng thái độ tự ti, choáng ngợp trước những điều mới lạ nơi bốn phương trời.

Việt Linh không như vậy. Đi Đông đi Tây, nhưng chị luôn hiểu rõ những giá trị mà đất nước và nền điện ảnh non trẻ của mình đã tạo dựng, không phải để khư khư giữ lấy như một thứ vốn cố định mà để ý thức mình đang ở đâu và phải làm gì. Xem phim của các nước đang phát triển, bao giờ Việt Linh cũng tìm thấy ở đó những nguồn cảm hứng khơi gợi và kích thích cho điện ảnh nước nhà. Thì ra điện ảnh nước mình sa sút không phải chỉ vì nghèo và điện ảnh xứ người phát triển không hẳn vì họ lắm tiền nhiều của. Những nhà điện ảnh cách tân như Abbas Kiarostami không cần phải nói rằng điện ảnh là một thứ công nghiệp giải trí. Không, điện ảnh với họ chính là đòn bẩy cho sự thay đổi xã hội theo hướng nhân đạo hóa con người và hoàn cảnh.

Không phải ngẫu nhiên mà Việt Linh tỏ ra nhiều thiện cảm với những bộ phim có xu hướng tân hiện thực. Đây là xu hướng nghệ thuật thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến những con người bình thường luôn khát khao sự tôn trọng phẩm giá và công bằng xã hội. Vào giữa thế kỷ 20, khuynh hướng này từng đạt nhiều thành tựu trong điện ảnh mà tiêu biểu là tác phẩm mang

phong cách bình dị, trầm tĩnh và tự nhiên của Roberto Rossellini. Thiết nghĩ, với những đổi mới hợp thời, xu hướng tân hiện thực vẫn có thể tìm được mảnh đất màu mỡ cho sáng tạo nghệ thuật bây giờ và ở đây, trên đất nước này.

Báo *Người Lao Động*,
ngày 13-7-2008

Những nắm lá thuốc Nam

Thuở nhỏ đọc văn, tôi hay nghĩ lẩn thẩn rằng đất quê mình khô cằn, người quê mình chân chất, liệu có sản sinh ra được những nhà văn, nhà thơ hay không. Tôi lục tìm trong sách báo, thấy có năm ba văn nhân thi sĩ gốc Quảng Ngãi, nhưng người đã mất, kẻ lưu lạc nơi xứ khác mới thành sự nghiệp. Rồi tôi tự hỏi vậy ai sẽ tả lại thành thơ mười cảnh đẹp quê mình và ai sẽ kể lại những nỗi đau khổ gần như bất tận của người dân ở đây.

Lần đầu tiên nói chuyện với Trần Nhã Thụy, lúc Thụy đã ra trường và bắt đầu khẳng định mình trong làng văn làng báo, tôi vừa cảm thấy bất ngờ vừa cảm thấy hạnh phúc. Bất ngờ khi biết nhà Thụy ở ngay bên con đường mà tuổi thơ tôi vẫn đi về giữa quê nội và quê ngoại và chúng tôi

từng học cùng một ngôi trường huyện lỵ. Hạnh phúc vì thấy một người cùng quê đến với nghiệp văn như một chọn lựa tự nguyện chứ không hề miễn cưỡng như tôi.

Nhiều bạn bè của tôi cũng như của Thụy, mười tám tuổi đã xa nhà vô Nam, lòng vẫn mang nặng ơn nghĩa xóm làng nhưng ít người nghĩ mình sẽ quay trở lại sống cuộc đời bình dị ở quê nhà. Điều khác với chúng tôi là Thụy ra đi khi chiến tranh đã thôi gầm thét, đất nước yên hàn. Dù sao, cái thị trấn Đồng Cát ngày càng nhiều quán xá mà ít dần hiệu sách cũng không còn hấp dẫn chúng tôi như thời thơ dại.

Và như vậy, chúng tôi luôn rơi vào một tâm trạng giằng xé khi viết một cái gì đó gắn với quê nhà. Đôi khi tôi thấy mình như "làm bộ" yêu thương để xóa đi một mặc cảm nào đó. Lại có lúc tôi thấy mình thích đứng ở xa ngoái lại hơn là về gần nơi chôn nhau cắt rún.

Tôi không biết tâm trạng Thụy thế nào, vì những gì mà chúng tôi cảm nhận về nơi chốn đó thật không giống nhau: khi Thụy sinh ra thì tôi đã đi xa rồi. Nhưng từ những truyện ngắn đầu tay cho đến hai tập tạp bút *Gối đầu trên mây* và *Cuộc đời vui thế, không buồn được...* của Thụy, tôi vẫn

thấy nồng đượm hơi thở của cánh đồng, nỗi rụt rè của dòng nước dưới cây cầu nhỏ hay cái xao xác của phiên chợ huyện một ngày cuối đông. Ta nghe ra điều đó dù khi Thụy nói về những câu chuyện khác, ở một nơi nào khác: những cọng rơm vàng lấm bùn đất và vương vết máu của những quả trứng gà ta bày bán trên hè phố, cây bao báp từ châu Phi xa xôi về đứng trên đất lành của Trường Đại học Sư phạm, những vạt hoa mười giờ tô điểm cho mùa hè Thủ Đức, bãi cỏ và ao sen Văn Thánh trong buổi chiều xuống chậm...

Nhưng người ta không thể sống mãi với ngày hôm qua. Phải thích nghi với hiện tại dù có khi phải chống chọi lại thế giới của những "người truyền hình" mà mình có nguy cơ nhập vào. Văn xuôi Trần Nhã Thụy rất nhạy cảm với những được và mất của tâm hồn tuổi trẻ trong guồng máy đô thị. Anh viết: "Có lẽ chưa bao giờ tính chất nước đôi của thời đại lại biểu hiện rõ nét trong đời sống đô thị như thế". Cái vết xước trở đi trở lại mà nhân vật nhà văn trẻ phải đối mặt trong cuốn tiểu thuyết có tiếng vang của Thụy hẳn nhiên không chỉ là một ẩn dụ thi vị. Đó là sự tổn thương mà nếu người ta xem thường, không chịu băng bó kịp thời, sẽ có nguy cơ lây lan và trở thành mãn tính.

Mới đây, Rebekah Linh Collins - một nhà nghiên cứu gốc Việt ở lứa tuổi 7x, đã lìa xa Việt Nam sang nước Mỹ khi còn nằm trong nôi - đang làm luận án ở Đại học California về văn học của thế hệ mình, có nhờ tôi kết nối để gặp Trần Nhã Thụy, người mà chị đọc tác phẩm khá kỹ. Linh nói rằng nỗi bơ vơ và trống trải mà chị từng trải nghiệm tuy không có cùng nguồn cơn với những nhân vật của Trần Nhã Thụy, nhưng đọc anh, chị cảm thấy được an ủi rất nhiều.

Tôi chia sẻ cảm nhận đó của Linh. Văn xuôi của Trần Nhã Thụy có thể không có cái dữ dội như trong tác phẩm của một số nhà văn khác, nhưng lại có một sức bền mà ngòi bút của anh muốn nuôi dưỡng để truyền trao đến người đọc, những người cũng mang những vết xước khác nhau và muốn được thuốc thang, chạy chữa kịp thời, không phải bằng những viên kháng sinh liều cao mà bằng những nắm lá thuốc nam hái trên đồng cỏ hay trong rừng vắng. Và đến một lúc nào đó, người ta có thể miễn nhiễm với những vết xước cũng như có đủ nội lực để đương đầu với những trớ trêu của cuộc đời.

Và tôi hình dung Trần Nhã Thụy viết tạp văn cũng như anh trồng những khóm rau, bụi ớt, giàn mướp trong khoảnh vườn nhỏ cạnh nhà. Anh

trồng cho anh mà cũng là cho chúng ta, những người đã có một thời xanh và vẫn muốn sống mãi một thời xanh, dù cho Làng Mai ngày nay bị lấn đất đang phải thu hẹp dần với bao luyến tiếc.

Lời tựa sách *Cuộc đời vui quá, không buồn được,*
tạp văn của Trần Nhã Thụy, Nxb. Phụ Nữ, 2009

Nghề không phụ người

Tập hợp những bài phóng sự đã đăng báo khoảng năm năm trở lại đây, cuốn *Ăn tết trong rừng chó sói*[1] của Huỳnh Dũng Nhân đã nhận được sự tán thưởng của dư luận. Nhiều ý kiến cho rằng có một nhà văn bên trong nhà báo Huỳnh Dũng Nhân và chất văn chính là thế mạnh của tập phóng sự này.

Quả thật, thể loại phóng sự đã cho phép Huỳnh Dũng Nhân khai thác năng lực văn chương mà anh đã từng bộc lộ qua một vài truyện ngắn trước đây. Văn anh linh hoạt, thoáng, câu văn nhẹ nhõm khiến cho người đọc, khi chạm phải những vấn đề nhức nhối, vẫn không cảm thấy nặng nề. Các bài

---

(1) Nxb. Lao Động, Hà Nội, 1994, tái bản có bổ sung, 1995.

viết trong tập này không thiếu những đoạn văn trữ tình khi nói đến thiên nhiên và con người, như *Tháng mười ở xứ Lạng, Cao Bằng mùa hạt dẻ, Hà Nội mùa thu*... Đây đó, văn phóng sự của anh còn điểm xuyết những nụ cười dí dỏm hay trào lộng khi phát hiện ra những mâu thuẫn ở đằng sau các hiện tượng.

Những khía cạnh làm nên *chất văn* đó của tập phóng sự là điều mà ai cũng dễ nhận ra. Tuy nhiên, theo ý tôi, thế mạnh của cuốn *Ăn Tết trong rừng chó sói* không phải ở *chất văn* mà chính là ở *chất báo chí* của nó.

Trước hết, đây là tập phóng sự đa dạng về mặt đề tài, và ở đề tài nào ngòi bút của tác giả cũng bám sát vào cái thời sự của đời sống. Nhà báo có tài ở ta không hiếm và xét về tài năng thì nhiều người còn vượt trên Huỳnh Dũng Nhân. Nhưng thông thường mỗi tài năng đó lại chỉ bộc lộ sở trường ở một lĩnh vực nhất định: người chuyên viết về các điển hình tiên tiến, người chuyên viết về những chuyện thương tâm, người chuyên viết về các hiện tượng tiêu cực... Huỳnh Dũng Nhân thì thử bút trên nhiều đề tài cùng một lúc, và ở đề tài nào anh cũng tỏ ra có thể đứng được. Đọc phóng sự của anh, ta thấy cả những điểm sáng và những góc tối, những hành động cao cả lẫn những âm mưu bẩn thỉu vô lương tâm. Anh phác vẽ chân dung người

giàu lẫn kẻ nghèo, người mạnh lẫn kẻ yếu, người anh hùng lẫn đám lưu manh, du thủ du thực... Nhà báo xông xáo này không ngại dấn bước đến những miền đất xa xôi trong và ngoài biên giới, hải đảo và đồng bằng, thành phố và nông thôn, trên giàn khoan và dưới lòng đất mỏ. Dù là bàn về lĩnh vực ngư nghiệp, chăn nuôi, y tế, xã hội, du lịch... anh đều biết "lẩy" ra những khía cạnh thời sự để trò chuyện, luận bàn với người đọc.

Nhà báo thời nào cũng là người thu thập và xử lý thông tin. Bạn đọc chờ đợi ở họ những sự thật của đời sống. Nhưng có khi sự thật được nói ra lại không có sức thuyết phục vì thiếu những sự kiện để chứng minh. Ngược lại, cũng lắm khi các sự kiện được bày ra ê hề đó mà vẫn không khái quát nên một sự thật đáng giá nào. Trong phóng sự của mình, Huỳnh Dũng Nhân có ý thức tránh hai thái cực đó. Để nói lên sự thật đời sống, anh đã cần mẫn thu thập tài liệu, ghi nhận và kiểm chứng, qua các chuyến đi, những chi tiết và số liệu chính xác, từ cách ấp trứng và nuôi cá sấu, kỹ thuật săn voi và dạy voi, cho đến khẩu phần của người lính Trường Sa và nét riêng về số phận của những người thương binh ở Long Hải hay những cô gái có con ngoài giá thú ở tận Sơn La...

Dõi theo bước chân của Huỳnh Dũng Nhân, ta thấy lao động phóng viên quả là một thứ lao động

nặng nhọc. Công phu lao động của anh bộc lộ rõ qua những bài *Voi ơi ta bảo voi này, Tôi đi bán tôi, Hành trình đến xứ sở Hansen*... Đọc anh, ta thấy hiện ra một bức tranh xã hội với những đường nét phô bày những biến đổi vừa làm ta vui mừng, vừa khiến ta lo âu. Và trong khi khảo sát những biến đổi xã hội, ngòi bút Huỳnh Dũng Nhân đã lay động niềm trắc ẩn của chúng ta trước cảnh khổ của con người: "Mưa rơi, cảnh vật càng âm u. Những bóng người co ro, run rẩy dìu nhau ra, nép vào nhau. Họ tự đứng thành hàng, cúi đầu như không đủ sức ngẩng lên. Tay họ cố giấu trong áo để che đi tật nguyền. Nhưng còn đôi chân không ngón thì cắm vào đất như những cái cọc." (tr. 83).

Coi trọng sự kiện khách quan, nhưng Huỳnh Dũng Nhân không phải là người khách quan chủ nghĩa. Anh còn là một nhà phân tích xã hội có tính khuynh hướng. Từ mớ bòng bong của những sự kiện, anh cố gắng tìm ra một cách lý giải thỏa đáng nhất, dù câu trả lời của anh có thể chưa làm vừa lòng tất cả mọi người. Chẳng hạn, trong bài *Hà Nội mùa thu*, anh viết: "Có một điều ai cũng nhận thấy và buồn, đó là nếp sinh hoạt ở Hà Nội có vẻ như ngày càng xuống cấp, thể hiện rõ nhất là ở ngôn phong trong giao tiếp. Nói bậy nhiều và nguy hiểm nhất là mọi người đã quen chịu đựng sự nói bậy đó" (tr. 288). Ghi nhận rồi, Huỳnh Dũng

Nhân lại tìm cách cắt nghĩa nguyên nhân của thực trạng đó: "Chúng tôi ngờ rằng vỉa hè, hàng quán có một thứ 'văn hóa' riêng. Nó không giống văn hóa chợ vì bà con ở chợ thường có quan hệ, quen biết, làm ăn lâu dài nên phải 'lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau'. Còn ở vỉa hè, buôn bán theo kiểu 'bèo dạt mây trôi', nói năng chẳng mấy kiêng cữ" (tr. 290). Hà Nội - "đất của đam mê" cũng đồng thời là đất của "cơ chế chụp giật" khi mà một bộ phận cư dân của nó bị cuốn theo một đam mê duy nhất là đam mê kiếm tiền. Tuy nhiên, khi Huỳnh Dũng Nhân viết "khoảng cách giữa người giàu và người nghèo ở Hà Nội thu ngắn lại khá rõ", thì tôi lại thấy ở anh một tinh thần lạc quan quá đáng.

Trong tập phóng sự này, Huỳnh Dũng Nhân thường dùng văn chương để đưa đẩy chúng ta vào trung tâm điểm của cuộc sống với những sự thật nhiều khi cay đắng. Rồi sau đó anh lại cũng dùng văn chương để trấn an chúng ta. Anh thường kết luận bằng cách đưa ra một giải pháp có tính chất gợi ý hay một điều ước mong làm lóe lên những tia hy vọng. Và chất lý tưởng nhiều khi ẩn hiện đằng sau các dòng chữ cũng đến lúc bộc lộ ra mà không cần kiềm chế: "Ngày mai chúng tôi sẽ rời Bangkok. Chúng tôi sẽ mang theo kỷ niệm về buổi diễn khổng lồ nhất hành tinh cũng như về một siêu sao ca nhạc luôn muốn thành siêu nhân, song

vẫn không thể quên những đứa trẻ nghèo trên toàn trái đất" (tr. 130).

Chất lượng các loạt bài phóng sự trong tập *Ăn Tết trong rừng chó sói* chưa phải đã thật đều, ở chỗ này chỗ khác sự miêu tả cũng còn sơ lược, sự phân tích chưa vươn tới những khái quát thật sâu sắc về xã hội và con người. Dù vậy, 300 trang sách của Huỳnh Dũng Nhân là một bản chứng từ trung thực về những thay đổi của đất nước ta trong những năm tháng sôi động này. Có thể khẳng định rằng tác giả là một trong những gương mặt đầy triển vọng của làng báo hiện nay. Với thể phóng sự, chắc chắn anh sẽ còn đi xa hơn nữa trong nghề nghiệp mà anh hết lòng gắn bó.

Báo *Thanh Niên*,
Chủ Nhật, ngày 4-6-1995

Tập bút ký của một nhà khoa học nữ

Đi... và tìm trong đất có thể được xem là tập bút ký của một nhà khoa học nữ. Ở đây có bút ký là kết quả của một chuyến đi điền dã khảo cổ học và có bút ký thực sự mang tính văn học, giàu chất văn.

Đối với một người ngoại đạo về khảo cổ học như tôi, đọc cuốn sách này chẳng khác nào tham dự một cuộc du khảo đến những vùng đất với những vẻ đẹp bí ẩn mà trước đây mình chỉ hiểu biết một cách mơ hồ.

Cũng như những *tour guide* có kinh nghiệm, Nguyễn Thị Hậu đã dẫn dắt du khách - bạn đọc vào những bảo tàng thiên nhiên và lịch sử đầy trữ lượng văn hóa bằng con đường văn học.

Trước khi đưa chúng ta đến với những bài viết giàu yếu tố sử liệu và những phát hiện khảo cổ học vốn là thế mạnh của ngòi bút Nguyễn Thị Hậu, tác giả đã "khuyến mãi" người đọc bằng những bút ký mang chất trữ tình. Nếu ví những bài *Đường đến Siem Riep - Angkor, Đất và người Bến Tre, Lưu vực Đồng Nai - một vùng văn hóa cổ, Đô thị Sài Gòn nhìn từ khảo cổ học, Văn hóa Óc Eo ở Nam Bộ*... như những gian bảo tàng tương đối hoành tráng cần phải khảo sát một cách kỹ lưỡng, thì những bài *Nơi tôi gửi lại tuổi thơ, Paris mùa thu tím, Đà Lạt mùa vắng dã quỳ*... như là những bức tranh phác thảo trong phòng triển lãm hội họa, tuy thoáng nhìn qua nhưng đã để lại nhiều dư vị.

Như những món khai vị bao giờ cũng được bày ra trước trong bữa tiệc, những bài viết in ở đầu tập sách này gieo trong chúng ta niềm ngạc nhiên khi bắt gặp không chỉ cảm hứng của tác giả mà còn những chi tiết văn học về thiên nhiên và con người ở những miền đất chị đã đi qua. Hãy nghe Nguyễn Thị Hậu tả cái giờ phút từ biệt Paris sau một chuyến công tác ngắn ngày: "Tiễn tôi ra phi trường là bầu trời xanh trong vắt của một sáng cuối thu, trên hàng cây cổ thụ dọc theo các đại lộ những tán lá đã ngả vàng rực rỡ... Nhưng níu giữ trái tim tôi ở lại Paris là làn sương tím những buổi

chiều nhạt nhòa, sắc tím nao nao của thảm violet bên cạnh Viện Bảo tàng...".

Nghề khảo cổ học đòi hỏi sự chính xác gần như khoa học tự nhiên. Niên đại của các cổ vật, chẳng hạn, phải được giám định một cách nghiêm nhặt. Nhưng cuôc đời và tâm hồn con người thì lại thường lung linh, mờ ảo. Ngòi bút của Nguyễn Thị Hậu đã kết hợp được hai điều đó: khi này thì chi tiết và cụ thể đến độ tỉ mỉ; và khi khác thì để cho cảm xúc tuôn trào qua các chứng liệu và sự kiện.

Bởi vì khảo cổ học đi tìm dấu tích của lịch sử mà cũng là dấu tích của con người. Người *đi... và tìm trong đất* không thể như một con robot hay một cái máy do thám lạnh lùng. Trần Quốc Vượng là tấm gương nổi bật về một nhà khoa học có trái tim nóng hổi nhịp đập. Trong nhiều bài viết về ông, tôi đặc biệt thích bài của Hoàng Phủ Ngọc Tường và bài của Nguyễn Thị Hậu. Với sự nhạy cảm của một người phụ nữ, ngòi bút của chị đã chạm đến phần sâu kín ẩn đằng sau một con người lúc nào cũng nói cười rôm rả, lúc nào cũng có bạn bè và đệ tử vây quanh, nhưng cho đến phút cuối cuộc đời, có lẽ vẫn là một người rất mực cô đơn: "Học Thầy đã lâu, lại ở xa Thầy, nhưng không hiểu sao cứ mỗi lần gặp Thầy, tôi luôn luôn cảm nhận nỗi cô đơn của Thầy ngày một đầy hơn. Dường như trên con đường khoa

học gập ghềnh vạn dặm, trên những nẻo đường đời quanh co đầy bất trắc, Thầy đã không có lấy một người bạn đồng hành, dù quanh thầy bao giờ cũng tấp nập những người, ồn ào và náo nhiệt...". Ở bên kia thế giới, đọc được những dòng này, có lẽ Trần Quốc Vượng mỉm cười vì có người tri kỷ.

Quá khứ của một dân tộc đôi khi cũng như tuổi thơ của một con người. Nguyễn Thị Hậu viết về lịch sử một vùng đất cũng cảm động như viết về tuổi thơ của chị. Mà tuổi thơ của một con người cũng có thể phản ánh một phần lịch sử, như giọt nước phản chiếu đại dương. Đọc những gì tác giả viết về kỷ niệm với cha mình là đạo diễn sân khấu - nghệ sĩ ưu tú Nguyễn Ngọc Bạch, ta hiểu được vẻ đẹp và nét u buồn của một thời đã xa: "Mấy tháng trời nhớ ba tôi không khóc, vậy mà chiều đó khi nhìn thấy ông còng lưng đạp xe đi, tấm khăn dù 'chiến lợi phẩm' bay phất phơ trong giá lạnh chiều đông, tôi đã khóc lặng lẽ bên cây gạo trên bờ đê, nơi mà tôi thường ra đứng ngóng chờ ba má".

Tác giả cuốn sách này không giấu niềm tự hào là người nữ duy nhất trong khóa sinh viên sử học đầu tiên ở miền Nam sau 1975 đã chọn ngành khảo cổ học. Theo chỗ tôi biết, những năm gần đây, số thí sinh thi vào khoa Sử ngày càng giảm, số sinh viên theo ngành khảo cổ lại càng hiếm

hoi, trong đó nữ sinh viên đã thành của quý. Vì đây là một ngành khó, nếu không muốn nói là một trong những ngành khó nhất của khối khoa học xã hội và nhân văn. Dấn thân vào đó là chấp nhận những công việc nặng nề, những chuyến đi gian khổ, những thao tác tỉ mỉ mà nếu không có một niềm say mê và một kiến văn cần thiết, người ta khó lòng theo đuổi đến cùng.

Nguyễn Thị Hậu làm nghề đã ngót ba mươi năm, chắc là chị không còn đường rút lui được nữa. Đọc những gì chị viết về trữ lượng khảo cổ ở Đồng Nai, Cần Giờ, rồi mở rộng ra cả vùng đồng bằng Nam Bộ, mới biết là không chỉ chính chị đã chọn khảo cổ học, mà hình như cả khảo cổ học cũng đã chọn chị. Đọc những trang viết mà tác giả diễn đạt những vấn đề khoa học hết sức giản dị, mạch lạc, tôi như một người làm nghề văn dự "giờ ngoại khóa" về khảo cổ học. Tuy nhiên, cái giờ ngoại khóa đó đã thổi vào trong tôi hơi ấm của lịch sử và gợi lên nhiều suy nghĩ về mối quan hệ gắn bó giữa văn học với không gian văn hóa của vùng đất nơi mình lập nghiệp.

Lời tựa sách *Đi... và tìm trong đất,*
bút ký và tạp văn của Nguyễn Thị Hậu,
Nxb. Thanh Niên, Hà Nội, 2007

Bật một que diêm để làm ra ánh sáng

Mặc dù không mang dấu ấn phong cách rõ nét như trong nghề văn, những người làm nghề báo cũng thường có thiên hướng cá nhân khác nhau và chính điều đó tạo nên sự phong phú của các trang báo. Có người sắc sảo ở những điều tra bóc trần mặt trái của xã hội; có người điềm tĩnh qua những phân tích cặn kẽ quy luật phát triển của cuộc sống; lại có người say mê phát hiện và khẳng định những nhân tố mới báo hiệu tương lai... Một nền báo chí trưởng thành với công chúng đa dạng của nó thực sự cần thiết và trân trọng tất cả những thiên hướng đó.

Đọc những bài báo chọn lọc từ gần ba mươi năm hành nghề của Lưu Đình Triều, chúng ta dễ nhận ra thiên hướng chủ yếu của anh: đó là niềm

say mê theo dõi hành trình của những ánh lửa chiếu sáng đời người. Ở đây có thể là sự kết hợp giữa nhu cầu công việc của một tờ báo dành cho tuổi trẻ với ý thức tự nguyện của người viết báo đã dẫn đến sự chọn lựa và quan tâm bền bỉ của một ngòi bút. Từ những bài báo đầu tay cho đến gần đây, quả là Lưu Đình Triều chủ yếu hướng về tuổi trẻ ước mơ và khát khao cống hiến. Đó là những thủ khoa trong các kỳ thi đại học, là những công nhân góp cho đời đôi bàn tay vàng, là những thương binh không cam chịu sống cuộc đời tầm gửi, là những nhà khoa học và doanh nhân trẻ luôn xem lòng tự trọng của sự nghiệp cao hơn danh tiếng...

Có thể lý giải điều đó một phần từ con đường nhập cuộc vào xã hội mới của chính tác giả những bài báo này. Hoàn cảnh gia đình cùng những vướng víu và nỗ lực cá nhân của Lưu Đình Triều cho thấy bản thân anh cũng là một "nhân vật" tiêu biểu của thế hệ đôi mươi khi đất nước chuyển sang một bước ngoặt lịch sử vào năm 1975. "Không ai chọn cửa mà sinh ra" là câu ông Võ Văn Kiệt hay nói những năm tháng đó. Với Lưu Đình Triều và những người cùng thế hệ với anh, có thể nói thêm: không ai chọn thời mà sinh ra. Đó là cái thời mà cha con, anh em, bạn bè... do run rủi của số phận, có thể đứng hai bên bờ chiến tuyến. Cái thời đó

đã khép lại và nỗ lực của những người thiện chí là mở ra một thời kỳ mới cho sự hòa giải và hòa hợp, bởi vì, vẫn nói như ông Võ Văn Kiệt: "Những định kiến rồi sẽ phải qua, nếu không thì cộng đồng dân tộc làm sao liền lạc, mạnh mẽ được" (*Tuổi Trẻ Cuối Tuần*, 31-5-2009, tr. 6).

Tôi hiểu những bài báo có tính chất biểu dương nhân tố mới của Lưu Đình Triều nằm trong một phối cảnh rộng hơn của hoạt động khẳng định chỗ đứng của thế hệ trẻ miền Nam sau chiến tranh, điều mà những tờ báo giàu lý tưởng như *Tuổi Trẻ, Thanh Niên* đã làm một cách xuất sắc. Thật không có gì lạ khi một người có hoàn cảnh "tréo ngoe" như Lưu Đình Triều đã được chọn để đi sâu phản ánh và thể hiện ý chí phấn đấu của một lớp trẻ đầy tâm tư giằng xé. Ở đây, điều quan trọng là sự thấu hiểu và đồng cảm của một ngòi bút tự đặt mình ở vào vị thế của người trong cuộc.

Khi tập hợp những bài báo này nhân dịp ngày 21-6, có lẽ Lưu Đình Triều chỉ muốn giữ lại như một kỷ niệm gửi đến bạn đọc. Rõ ràng đây chưa phải là một "bản sơ kết" hành trình làm báo của một cây bút còn sung sức. Đây cũng không phải là một "bản tổng kết" những tấm gương điển hình cho sự vượt khó và vươn lên. Đường đời dài lắm, nhiều khúc quanh, ghềnh thác; người đã từng tự tin băng qua lối đi hẹp để tìm đến chân trời

cũng có lúc chồn chân dừng lại giữa đường. Âu đó cũng là lẽ thường tình. Điều mà chúng ta có thể "tổng kết" được chính là sự chọn lựa và thái độ dứt khoát không chịu làm người bàng quan và vô tâm trước những đổi thay, dù chỉ là khiêm tốn "bật một que diêm" để làm ra ánh sáng.

Sẽ là không đầy đủ nếu cho rằng Lưu Đình Triều là ngòi bút thuần túy ngợi ca và biểu dương. Dù không phải là thế mạnh của anh, nhưng ngay từ rất sớm, trong những bài viết của mình, Lưu Đình Triều đã báo động về những cái xấu đang ẩn náu và chưa lộ diện rõ rệt. Một số hiện tượng tiêu cực mà tác giả đề cập, về quy mô cũng như về tác hại, thật ra chẳng thấm gì so với bây giờ. Nhưng, để mượn một hình ảnh trong vở kịch *Vụ án Erostrate,* đó là những quả bóng tuyết mà nếu người ta không chịu ngăn chặn sớm, một ngày nào đó nó có thể đè bẹp tất cả.

Một niềm hạnh phúc trên hành trình của những nhà báo như Lưu Đình Triều là bước chân được đặt tới những miền đất thiêng liêng của đất nước để gặp gỡ, sẻ chia với đồng bào mình. Là Tân Trào, nơi chứng kiến Quốc dân đại hội và lễ xuất quân trước ngày Tổng khởi nghĩa Tháng Tám. Là Điện Biên Phủ, mồ chôn chủ nghĩa thực dân. Là cầu Bắc Luân ở biên giới địa đầu Móng Cái. Là Côn Đảo máu xương hòa trong đất cát. Là Trường

Sa, nơi đầu sóng ngọn gió của biển trời Tổ quốc. Đó là nguồn sức mạnh trợ lực cho một ngòi bút. Không có sự gắn bó máu thịt đó với nhân dân mình thì ngòi bút sẽ cùn trơ, dù tên tuổi người viết vẫn xuất hiện đều đều trên những trang báo màu mè, kiểu cách. Không phải là "kinh viện", khi ta nhắc lại ở đây câu nói nổi tiếng của Karl Marx: "Báo chí sống trong nhân dân và trung thực chia sẻ với nhân dân niềm hy vọng và sự lo lắng của họ, tình yêu và lòng căm thù của họ, nỗi vui và nỗi buồn của họ". Không nhất thiết được đào tạo ở một học viện báo chí danh tiếng nào, người làm báo chân chính vẫn ghi nhớ bài học đó, bài học muôn thuở mà luôn luôn sống động trong những trang giáo trình của chính cuộc sống.

Lời tựa sách *Bật một que diêm...*
của Lưu Đình Triều, Nxb. Trẻ,
Thành phố Hồ Chí Minh, 2009

Hãy cầm lấy và đọc

HUỲNH NHƯ PHƯƠNG

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng Biên tập

ĐINH THỊ THANH THỦY

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập

NGUYỄN TƯ TƯỜNG MINH

Biên tập : **HỒ CÔNG HOÀI DŨNG**

Sửa bản in : **VỊNH NGHI**

Trình bày : **HOÀNG VÂN**

Bìa : **NGUYÊN UYÊN**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 38225340 - 38296764 - 38256713 - 38223637 - 38247225 - 38277326

Fax: 84.8.38 222 726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Sách online: **www.nxbhcm.com.vn** - Ebook: **www.sachweb.vn**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. HCM ◆ **ĐT: 38 256 804**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, TP. HCM ◆ **ĐT: 39 433 868**

In số lượng 2.000 cuốn. Khổ 13 x 20,5cm

Tại: Xí nghiệp in FAHASA

774 Trường Chinh, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

XNĐKXB: 386-2016/CXBIPH/12-27/THTPHCM cấp ngày 4/2/2016

QĐXB số: 244/QĐ-THTPHCM-2016 ngày 8/3/2016

ISBN: 978-604-58-4965-1

In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2016

Tôi đang viết dở dang một "truyện rất ngắn" và đang tìm một đoạn kết nào đứng đắn nhưng đừng đạo mạo quá để thích hợp với đoạn trên đầy bông đùa, thì được đọc bài của anh về đoạn kết của Đoàn Giỏi. Anh thấy không, bao nhiêu ông/ bà nhà văn đã kể về câu chuyện mình viết: câu (đoạn) cuối không phải là ý định của câu (đoạn) đầu khi bắt đầu viết. Trong khi viết, ý tưởng nhiều khi đưa mình lang thang chỗ khác. Ông Đoàn Giỏi không giống hẳn thế, nhưng cũng tựa tựa như thế: ông muốn cho nhân vật chết, nhưng nó cứ sống mà lại còn cầm vũ khí nữa.

Viết lan man như vậy chỉ cốt là để nói câu kết: Anh đã cho tôi một buổi sáng hạnh phúc với thư và bài viết của anh. Không phần thưởng nào làm cảm động hơn.

CAO HUY THUẦN
(14-11-2014)